Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập 300 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hoặc trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi tuần theo thứ tự họ hoặc tên qua mẫu tự *A, B, C…* Xin thành thực cám ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngộ Không Phí Ngọc Hùng.

***

Tác Giả và Tác Phẩm

Lê Quỳnh Mai (II)

Tiểu sử
Hiện định cư tại Montréal, Canada.

Tác phẩm
Cộng tác: damau.org, Văn Học, Hợp Lưu,
Đi Tới (Canada Tác Giả, Với Chúng Ta (2004)

Mục Lục

Phỏng vấn Thụy Khuê – 2
Phỏng vấn nhà văn Nguyễn Tường Thiết – 15
Phỏng vấn Cao Xuân Huy và Tháng Ba Gãy Súng – 30
Phỏng vấn nhà văn Trùng Dương – 35
Phỏng vấn Trương Vũ - 40

Phụ đính :

Mạn đàm cùng nhà văn Trịnh Y Thư
Phỏng vấn nhà thơ Hoàng Xuân Sơn
Phỏng vấn nhà văn Hồ Đình Nghiêm
Phỏng vấn Trương Vũ, con người sau nội chiến

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Phỏng vấn Thụy Khuê

Lê Quỳnh Mai *thực hiện*

Thuỵ Khuê 2-1010 / Ảnh LTL

Tiểu sử:

Tên thật: Vũ Thị Tuệ
Sinh: ngày 9/8/ năm Giáp Thân (25/9/1944).
Tại: làng Doanh Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.
Tiểu học: trường Ngô Sĩ Liên, Hà Nội và Bàn Cờ, Sài Gòn.
Vào Nam: tháng 10/1954.
Học trung học tại trường Văn Lang, Tao Đàn và Gia Long, Sàigòn.
Sang Pháp du học: tháng 9/1962. Học dự bị thi vào Grandes Ecoles.
1964, lập gia đình với Lê Tất Luyện, có ba con.
Tháng 8/1984, về Sài Gòn, Hà Nội. 1/1985, viết bài đầu tiên trên báo Tự Do (Bỉ), ký sự về chuyến đi này.
Đã cộng tác với các báo: Tự Do, Văn Học, Thông Luận, Người Việt, Thế Kỷ 21, Phụ Nữ Diễn Đàn, Diễn Đàn, Hợp Lưu...
Phụ trách chương trình Văn Học Nghệ Thuật của đài RFI (Radio France Internationale) từ tháng 12/1990 đến tháng 3/2009.

Tác phẩm đã in:

Cấu trúc thơ (Văn Nghệ, 1995)
Sóng Từ Trường (Văn Nghệ, 1998)
Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp (Văn Nghệ 2002)
Sóng Từ Trường II (Văn Nghệ, 2002)
Sóng Từ Trường III (Văn Mới, 2005)

***

Lê Quỳnh Mai : *Xin Chị cho biết nguyên nhân nào đã mang Thụy Khuê đến với đài phát thanh RFI, và trở thành nhà phê bình văn học nổi tiếng tại hải ngoại?*
Thuy, Khuê: Tôi viết tiểu luận từ năm 1986, trên báo Tự Do, phát hành ở Bỉ. Từ tháng 11/1987, bắt đầu gửi bài đăng trên Văn Học (Cali), những bài đầu viết về Thế Giang, Nguyễn Mộng Giác, Võ Đình... còn non nớt lắm. Tháng 4/1988, vẫn trên Văn Học, có bài đầu tiên về Nhân Văn Giai

Phẩm. Lúc ấy, chúng tôi giúp nhà xuất bản Văn Nghệ và báo Văn Học phát hành tại Pháp, vì vậy tôi quen với Bạch Thái Quốc, người trông nom hiệu sách *Nhà Việt Nam* (trực thuộc Hội Việt Kiều ở Paris).
Bạch Thái Quốc là người cung cấp toàn bộ tài liệu về *Văn học phản kháng* (văn học đổi mới) cho tôi, vì anh hay về nước mua sách: Những tác phẩm đầu tiên của Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài... ; những tư liệu về đại hội VI của đảng Cộng sản (tháng 12/1986); về cuộc Hội thảo giữa 100 văn nghệ sĩ và Nguyễn Văn Linh (6 và 7/10/1987); về Đại Hội Nhà Văn lần thứ IV (từ 23 đến 31/10/1989). Tóm lại, những bài vở và tài liệu báo chí, liên quan đến những sự kiện quan trọng này đều do Bạch Thái Quốc đem ra ngoài. Nếu không có anh thì chưa chắc hải ngoại đã biết những gì xẩy ra ở trong nước. Nhờ những tài liệu quý giá này, mà tháng 3/1990, tôi viết loạt bài đầu tiên về *Văn học phản kháng* in trên Văn Học các số 50, 51 và 52 tháng 4-5- 6/1990.
Giữa năm 1990, đài RFI mở Ban Việt Ngữ. Bạch Thái Quốc làm trưởng ban, nhờ tôi phụ trách 2 chương trình: *Trả lời thư thính giả* và *Văn học nghệ thuật*.
Chương trình *Trả lời thư thính giả* phù hợp với tâm cảm của thính giả trong nước lúc bấy giờ: Bức tường Bá Linh vừa sụp đổ, khát vọng tự do tràn đầy. Thính giả miền Bắc, nhiều người chưa tiếp xúc với dân chủ bao giờ, có những thắc mắc sâu sa và tế nhị về các vấn đề tự do dân chủ. Đó là khởi điểm. Về sau, tất cả mọi vấn đề khác về đất nước nói chung, đều được đề đạt. Lúc đó Email chưa thông dụng. Một bức thư ở trong nước gửi ra tiền tem rất đắt, nhưng khối lượng thính giả viết thư cho đài khá lớn, rất nhiều người ở các vùng quê hẻo lánh, và cả những người trong tù như các anh Như Phong Lê Văn Tiến, Đoàn Viết Hoạt, đều nghe và khi ra hải ngoại các anh cho tôi biết. Đây là chương trình đối thoại trực tiếp giữa thính giả mọi miền trong nước và một người ở ngoài nước. Có những câu hỏi khó, những vấn đề nan giải, nhưng qua đó, thính giả trong và ngoài nước có thể hiểu nhau, thông cảm nhau hơn, nhiều vấn đề nóng bỏng được nói và phân tích trên đài. Tiếc rằng, đến tháng 1/1999, vì muốn đi sâu vào địa hạt phê bình và nghiên cứu, tôi phải bỏ chương trình *Trả lời thư thính giả*, chỉ giữ lại chương trình *Văn học nghệ thuật*.
Nhờ chương trình *Văn học nghệ thuật* hàng tuần, mà tôi có mối liên hệ mật thiết với văn nghệ sĩ và trí thức trong nước. Phỏng vấn và Phê bình hỗ trợ cho nhau: Vì các bài phê bình mà văn nghệ sĩ tin ở mình, do đó, họ dễ dàng nhận đối thoại. Vì có đối thoại, nên sự tìm hiểu tình hình văn nghệ trong nước dễ dàng hơn, việc phê bình được hoàn chỉnh hơn. Nếu chính trị làm cho con người xa nhau, thì văn chương đẩy con người lại gần nhau.

LQM : *Thụy Khuê không chỉ viết những bài bình luận văn chương thật sắc bén, những tản mạn về một số địa danh nổi tiếng thế giới như Nice, thực hiện những phỏng vấn rất giá trị về mặt văn chương. Tuy nhiên lại không sáng tác truyện ngắn hoặc tiểu thuyết. Tại sao?*
TK: Phải lựa chọn, Quỳnh Mai ạ. Sáng tác và phê bình có những điểm chung và cũng có những điểm riêng.
Điểm chung: Óc sáng tạo. Trí tưởng tượng. Yêu ngôn ngữ. Yêu con người. Có văn.
Điểm riêng: Nhà văn đi từ cuộc đời để sáng tác. Nhà phê bình đi từ tác phẩm để sáng tác. Nhưng cách sáng tác của họ khác nhau: Nhà văn quan sát cuộc sống, tra vấn nội tâm của mình, của người để sáng tác. Nhà phê bình quan sát tác phẩm của nhà văn, phân chất mỗi chữ, mỗi lời, để tìm ra cái sườn tư tưởng và nghệ thuật của tác giả. Nếu nhà văn hoàn toàn tự do trong sự tưởng tượng của mình về cuộc đời, về con người, thì nhà phê bình phải giới hạn sự tưởng tượng trong chữ nghĩa của tác giả mà mình khảo sát, không thể tán, bịa, hoặc gán ghép những điều không có trong văn bản, tức là không thể nói trắng thành đen, cái dở ngụy biện thành cái hay. Nhưng nếu không có óc tưởng tượng, nhà phê bình cũng không đọc được những gì ẩn sau chữ nghĩa của tác giả. Nếu không có óc sáng tạo, người phê bình cũng chỉ chép lại những nhận định của người đi trước, mà không nghĩ ra được những ý mới. Chúng ta nên biết: chính tác giả nhiều khi cũng không «hiểu rõ» tác phẩm của mình bằng người phê bình. Những gì tác giả cảm nhận về tác phẩm của mình chỉ đúng với nghĩa của tác giả. Nhưng

một tác phẩm giá trị thường có nhiều tầng ý nghĩa. Ở những bài phê bình hay, tác giả có thể «học» thêm được những ý nghiã mới trong tác phẩm mà chỉ có người phê bình giỏi mới phát hiện ra. Khi người ta nói đến sự cộng tác giữa tác giả và người phê bình là trong cái nghiã đó. Và khi người ta nói "tác giả đã chết", có nghiã là tác giả không còn "thẩm quyền" nhận định về tác phẩm của mình, mà chính văn bản sẽ "nói " thay tác giả.
Vốn kiến thức của nhà văn và nhà phê bình cũng khác nhau: Nhà văn, cần phải lăn lộn trong đời sống, sống với con người và cái ngôn ngữ mà họ viết. Nhà văn phải được nghe, được nói thường xuyên cái ngôn ngữ mà họ đã chọn, hoặc ít ra là phải đọc những tác phẩm giá trị của các nhà văn khác, cùng hay khác thời, để học và hiểu cách họ viết như thế nào, rồi trên cái nền kiến thức ấy, mới sáng tạo ra cách viết của riêng mình. Sự đọc các tác phẩm ngoại ngữ, chỉ làm giầu cho phần kỹ thuật viết, nhưng không giúp ích gì cho ngôn ngữ nhà văn. Sự «bế tắc» của nhiều nhà văn hải ngoại, phần lớn nằm ở chỗ: không được tiếp xúc hàng ngày với đời sống và ngôn ngữ mà họ viết.
Về phần nhà phê bình, một khi đã tìm ra sườn tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm và tác giả, thì phải lý giải lập luận của mình, tức là phải vận dụng đến những kiến thức về triết học, ngôn ngữ học, và các lý thuyết văn học khác.
Vậy việc đọc của nhà văn và nhà phê bình cũng khác nhau. Do đó, nếu muốn có kết quả tốt, không nên làm hai việc một lúc. Có những nhà văn có khả năng phê bình, có thể viết những bài bình luận ngắn với những ý kiến độc đáo, nhưng thường vẫn chỉ là những bài phê bình tài tử chưa phải là chuyên nghiệp.

LQM : « *Sóng Từ Trường » của Thụy Khuê là một trong những tác phẩm giá trị trong văn học Việt Nam đương đại. Chị có thể giới thiệu lại cho độc giả được biết về đứa con tinh thần này không?*
TK: *Sóng Từ Trường* tập hợp và tuyển chọn những bài tiểu luận phê bình của tôi viết từ năm 1991.
Tức là từ những bài có thể in thành sách được. Hiện nay mới ra được ba tập. Rất mong trong thời gian sắp tới, tôi sẽ có thì giờ đọc lại những bài đã viết, còn khá nhiều (chỉ một phần được đánh máy và lưu trữ trên website: thuykhue.free.fr) để in tiếp các cuốn *Sóng Từ Trường* 4, 5, 6...

LQM : *« Gặp Mai Thảo một lần, có thể rất yêu hoặc rất ghét, nhưng nhớ mãi. Nhớ cái thực, cái authenticité Mai Thảo khó thấy ở một cá nhân nào » (HL 100: Mai Thảo (1927-1998). Chị đã nhận xét về tác giả Ta Thấy Hình Ta Giữa Miếu Đền như thế. Một vài kỉ niệm nào đó về Mai Thảo đã gây ấn tượng mạnh cho Chị phải không?*
TK:Đối với các nhà văn nổi tiếng lớp trước, tôi luôn luôn có thái độ dè dặt. Mai Thảo sinh thời được bao vây như một triều đình nhỏ, tôi lại càng ngại hơn. Tháng 4/1988, Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại họp ở Washington D.C. Anh Trần Thanh Hiệp, muốn nâng đỡ đàn em, rủ tôi sang «kinh đô ánh sáng» gọi là ra mắt «làng văn hải ngoại». Lần đầu tiên gặp Mai Thảo. Nhưng tôi không chào ông, mà lánh. Anh Hiệp và cả anh Nguyễn Ngọc Bích, đều khuyên: TK ra chào anh Mai Thảo một tý đi. Tôi dạ dạ, rồi vẫn lỉnh. Không chào.
Lần thứ nhì, Mai Thảo sang Paris (mỗi năm ông sang Paris một lần vào mùa thu, ở nhà Trần Thanh Hiệp). Anh Hiệp tổ chức một buổi họp mặt với Mai Thảo ở một quán ăn tại Paris 13. Lần này anh Hiệp nhất định «ép»: TK phải gặp Mai Thảo. Hầu hết văn nghệ sĩ ở Paris đều có mặt. Vì nể anh Hiệp, chúng tôi đến. Lúc tiệc đang vui, một nhà thơ trịnh trọng tặng Mai Thảo một bài thơ chúc mừng ông đến Paris. Mai Thảo cầm, đọc cho mọi người nghe vài câu rồi trả lại tác giả: *«Thế này thì thơ cái đếch gì!»* Nhà thơ tái mặt. Đó là ấn tượng đầu tiên Mai Thảo để lại trong tôi: Nói những điều mà không ai dám nói.
Sau đó, giữa ông và tôi không còn ngăn cách, tôi gặp ông luôn, đưa ông đi chơi mỗi lần ông sang Pháp, và mỗi lần sang Mỹ, việc trước tiên là chúng tôi đến thăm Mai Thảo.

Lần đầu đến nhà tôi, vừa mở cửa vào, ông mỉm cười hỏi: *Nghe nói cô chơi toàn với Việt cộng phải không?* Biết ông rất ghét «Việt cộng» vì bi kịch của chính ông và các bạn bị tù đầy, sau 75, tôi chưa biết trả lời thế nào, ông đáp luôn: *Chơi với ai thì chơi là tùy ở mình, đừng để ý đến điều tiếng bên ngoài*: Ông là người tự do và luôn luôn tôn trọng tự do của người khác.
Trong lúc chương trình Việt ngữ của RFI đang bị một làn sóng tẩy chay nổi lên rất dữ, nào là đài tay sai cho cộng sản, nào là đài cộng sản do Hà Nội chỉ đạo, bản thân tôi cũng bị bôi nhọ nặng nề. Một nhà văn (lớn) đã nhận lời phỏng vấn, nhưng sau ông từ chối. Gặp lúc Mai Thảo sang Paris, tôi mời ông và hỏi: «*Anh có ngại gì không?»* Ông trả lời: «*Tôi tin việc làm của Thụy Khuê là tốt, mặc dù tôi không đồng ý* (ông muốn nói đến việc tôi «giao lưu» với các nhà văn «Việt cộng»), *vậy ta cứ làm*»: Không đồng ý nhưng vẫn giúp, để những quan điểm đối lập với mình có thể hiện diện.
Mai Thảo là một nhà văn lớn. Một nhân cách lớn. Đó là ấn tượng của tôi về Mai Thảo.

LQM : *Cũng trong bài viết trên, Chị đã gói trọn văn nghiệp Mai Thảo qua từng chi tiết « ... Người ta ca tụng Mai Thảo nhưng dường như không mấy ai đọc Mai Thảo, may ra vài dòng Sổ Tay, dăm ba câu thơ Ta Thấy Hình Ta Giữa Miếu Đền, mặc dù ông là một người có địa bàn viết rộng nhất trong các nhà văn cùng thời, một bút pháp đa chiều, đầy mãnh lực...» Tuy nhiên Chị lại nhận xét rằng:*
« … Những văn hữu già sống với Mai Thảo bằng trung thành tình bạn đã trải. Những người viết trẻ bu lấy Mai Thảo như một niềm tin, một cột vịn. Ai cũng có thể thấy mình thân với Mai Thảo... » Vậy bằng hữu văn nghệ thân sơ đến với ông chỉ vì cái tên đình đám Mai Thảo, mà không là văn chương ông?
TK:Theo tôi, có lẽ họ đến với ông vì phong cách Mai Thảo: Rất thật, nói thẳng, thân mật và quyến rũ trong cách uống rượu và ngâm thơ, và ông nổi tiếng. Còn đọc ông thì không chắc lắm. Tôi có dịp gần gũi vài người bạn thân của Mai Thảo. Khi phải viết đôi dòng hay phát biểu về Mai Thảo, các cụ thường tới hỏi mượn cuốn này, cuốn kia của Mai Thảo, đôi khi hỏi cả ý kiến nữa. Phần Mai Thảo viết ở trong nước, dường như mọi người chỉ nhớ truyện ngắn *Đêm giã từ Hà Nội,* may ra thêm *Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời*. Phần ông viết ở hải ngoại, người ta cũng chỉ nhớ dăm ba câu thơ ngạo nghễ trong tập *Ta thấy hình ta những miếu đền*, và vài dòng *Sổ Tay* hàng tháng trên báo Văn, viết vội, kể về người này một tý, người kia một tý, nên ai cũng thích, nhất là những người được Mai Thảo nhắc đến tên. Thực ra, đó là lối viết *thù tạc*, ông viết để trả nợ những người đón tiếp ông. Nhưng văn thù tạc của Mai Thảo cũng vẫn có cái tài hoa của nó. Sau khi ông mất, có nhiều bài viết về ông, nhưng không mấy ai nhắc đến *Ngọn hải đăng mù* và các tập truyện ông viết ở hải ngoại, về cuộc vượt biên và đời di tản: Trong nền văn học hải ngoại, Mai Thảo vẫn còn ở địa vị hàng đầu.

LQM : *So sánh với một Mai Thảo của vũ trường của rượu của những đêm thâu suốt sáng, một nhà văn không có nhiều độc giả, là một Võ Phiến với nếp sống chừng mực nề nếp, và cũng là một nhà văn không ăn khách trong nước trước 1975 (Hợp Lưu 103). Nhưng cả hai đều được xem như đầu tàu văn chương của bộ lạc di cư tại hải ngoại. Chị có nghĩ đây là điểm nghịch lý không? Và Thụy Khuê là... fan của Mai Thảo hay Võ Phiến?*
TK: Câu hỏi này có 2 phần: Trước hết, Quỳnh Mai nói về nghịch lý trong nhận định của tôi về Võ Phiến và Mai Thảo; theo tôi, không có nghịch lý: Hai nhà văn đối lập nhau về văn phong và cách sống, vẫn có thể cùng đứng hàng đầu trong một nền văn học.
Mai Thảo có bút pháp lãng mạn thời thượng, được độc giả trẻ miền Nam yêu mến. Sách ông best-sellers trong nhiều năm. Đã thời thượng như thế, thì dễ lỗi thời, nhưng Mai Thảo không, và tôi đã phân tích lý do tại sao trong bài viết về Mai Thảo.
Võ Phiến ngược lại, trước 75, không có nhiều người đọc. Vũ Khắc Khoan thấy văn Võ Phiến «tù lù mù», có lẽ bởi tác phẩm của Võ Phiến mô tả những con người tầm thường, những tình huống tầm thường, chuyện không có chuyện, cho nên mới «tù lù mù» và không thể là best-sellers. Nhưng giá trị một tác phẩm không nằm trong sự bán chạy. Khi ra hải ngoại, sống trong

hoàn cảnh di tản, con người bị mất gốc rễ, mới tìm lại tác phẩm Võ Phiến. Đọc và khâm phục tài năng của ông.
Điểm thứ nhì: Nếu nói về chữ *fan,* theo đúng nghĩa của nó thì tôi không *fan* Mai Thảo và Võ Phiến. *Fan* ngụ ý mê say, tôn sùng gần như mê muội, do cảm tính, trong khi người phê bình phải sáng suốt khảo sát tác phẩm và nhất là phải giữ khoảng cách đối với tác giả.
Cần phải nhớ rằng: Văn bản phê bình chỉ dành cho độc giả, không dành cho tác giả mà mình phê bình. Cho nên, nếu viết cho vừa lòng tác giả, đôi lúc, chỉ sản xuất ra những văn bản nịnh bợ, sớm muộn gì cũng chết. Khi Mai Thảo còn sống, vì thân thiết và quý mến ông, tôi tránh không viết gì, vì nghĩ mình sẽ không khỏi thiên vị khi viết về ông.
Vì vậy, đối với Mai Thảo và Võ Phiến, tôi thích dùng chữ *cảm phục* hơn. Lấy lại ý của Georges Poulet khi nói về Mme de Staël (được coi là nhà phê bình ý thức đầu tiên của Pháp, cuối thế kỷ 17), Poulet cho rằng ý thức phê bình của bà de Staël bắt nguồn từ *ý thức cảm phục* (admiration). Sự cảm phục phát tự đáy lòng khi đọc một tác phẩm hay, sẽ dẫn đến văn bản phê bình. Nếu không có sự cảm phục này thì không có phê bình. Tôi *cảm phục* một số truyện ngắn, truyện dài, tuỳ bút của Võ Phiến và một số tiểu thuyết, truyện ngắn, tuỳ bút và thơ của Mai Thảo. Thơ Võ Phiến không hay. Tôi không thích Võ Phiến trong cách ông phê bình văn học và Mai Thảo trong những bài sổ tay viết vội, theo lối tạc thù.

LQM : *Nhà văn Trần Vũ nhắc đến Mai Thảo trong 1 phỏng vấn của Chị rằng « ... Lúc sinh tiền, Mai Thảo thường nhắc, em không dụng chữ cho mục đích phi văn chương, không chửi ai, văn chương không phải là chỗ cho em bựa. Em không được quyền... » Nhưng thực tế qua mấy thập niên tại hải ngoại nói riêng, không ít lần văn chương bị... hiếp dâm không thương tiếc cho mục đích... phi văn chương. Chị có cảm nghĩ gì về sự kiện đáng buồn trên?*
TK:Có lẽ Quỳnh Mai muốn nói đến hiện tượng dùng chữ tục, hay viết về sex để gây sốc phải không? Vậy tôi đề nghị chúng ta nên loại trừ hai chữ *hiếp dâm* ra, bởi đó cũng là kiểu dùng chữ của một số người thích gây sốc. Theo tôi, không có gì cấm kỵ cả: Chữ tục, nếu đặt đúng chỗ, có thể rất hay; nhưng nếu chỉ cốt gây sốc, nó sẽ phản tác dụng: cái viết trở thành tục tĩu. Viết sex, dễ trở thành dâm ô, phải có bản lĩnh cao cường lắm mới thành công. Tôi thấy Võ Đình và Nguyễn Bình Phương là những nhà văn viết về sex rất đạt. Cao Xuân Huy viết tục rất thành công.
Văn bản trước tiên là một *thực thể chữ nghiã*, hay đến độ nào đó thì nó trở thành*văn chương,* dở, hoặc tục tĩu, hoặc dâm ô, nó sẽ bị đào thải, và cũng không ai gọi đó là văn chương.
Mai Thảo chỉ muốn khuyên Trần Vũ nên thận trọng với chữ nghiã, đừng dùng chữ vào việc chửi bới (dù người ta có thể khoác cho nó cái tên đẹp là tranh luận). Chữ nghiã, đối với nhà văn, là để phục vụ văn chương, không thể dùng vào những việc hạ tiện.

LQM : *Hi vọng của nhà phê bình văn học Thụy Khuê cho văn chương hải ngoại? Chị có thích đọc tác phẩm trên Net, qua Apple iPad chẳng hạn?*
TK: *Văn chương hải ngoại* ngày trước, là một nền văn học do người Việt miền Nam, di tản ra hải ngoại, thành lập, ly khai với nền văn học chính thống ở trong nước, xuất hiện từ 1975 đến 1995 và kéo dài đến 2000, đỉnh cao là những năm từ 1987 đến 1990. Theo tôi, nền văn học này đã gần như kết thúc. Ngày nay, những gì in hoặc đưa lên mạng tại hải ngoại, nên gọi là *Văn học Việt Nam công bố ở nước ngoài*.
Những tác giả của nền *Văn học hải ngoại*, <u>phần lớn là những nhà văn miền Nam</u>, nay đã già yếu hoặc qua đời. Các cây bút bắt đầu viết và nổi tiếng tại hải ngoại, nay cũng đã nhiều tuổi, phần lớn đã gác bút, hoặc viết rất ít. Lý do thì nhiều lắm: vì hoàn cảnh sinh sống; vì không nói, không nghe thường xuyên tiếng Việt; vì không có nhiều người đọc; vì không có bạn văn để bàn bạc, tranh luận, thúc đẩy, tìm đề tài...

Nếu họ muốn tiếp tục, thì phải tìm cách đi sâu vào tiểu thuyết hướng nội, có tính cách triết học, khám phá vùng tiềm thức của con người. Hoặc phải nhập vào đời sống của người bản xứ, để viết về con người và xã hội nhập cư. Ở hải ngoại chỉ có Võ Đình là thành công nhất.
Còn thế hệ sinh ra hoặc lớn lên tại hải ngoại, không rành tiếng Việt, làm sao có thể đọc và viết tiếng Việt được?
Tóm lại, toàn bộ người di tản trên khắp năm châu cũng chỉ độ 2, 3 triệu, trong đó một nửa sinh sau 1975, một phần lớn đã già yếu; thành phần hiểu và viết được tiếng Việt, còn lại bao nhiêu? Trong nước hiện nay có đến hơn tám mươi triệu dân,vậy nhân tài trong nước, phải gấp sáu, bẩy mươi lần ở ngoài nước, tính theo bình quân đầu người.
Vì thế, những gì in trên sách báo hải ngoại và Internet hiện nay, có thể nói quá nửa, là do người trong nước viết ra; vì không in được ở trong nước, hoặc đã in ở trong nước rồi, muốn gửi ra ngoài để hải ngoại đọc; vì vậy nên tôi đề nghị gọi chung đó là nền *Văn Học Việt Nam công bố ở nước ngoài*.
Hiện nay trên Internet, các đài phát thanh quốc tế như BBC, RFI, VOA, RFA, giữ vai trò chính yếu, có những đóng góp hàng đầu trong việc dân chủ hoá đất nước với những thông tin mới nhất, những vấn đề nóng bỏng nhất. Đó là phương tiện nhanh nhất để biết về tình hình trong nước và thời sự quốc tế.
Nhưng Internet là một công cụ chuyển tải thông tin hơn là văn hoá.
Văn hóa dưới các hình thức như kịch, opéra, cinéma, ca nhạc, bảo tàng,... có phát triển mạnh hơn nhờ sự giới thiệu của Internet. Nhưng Internet không thay thế được nhà hát, rạp chiếu bóng, viện bảo tàng. Theo thống kê, ngày nay người Pháp vẫn mua và đọc sách nhiều như thời chưa có Internet.
Văn học được chuyển tải, nhờ Internet, qua các mạng báo điện tử. Ưu điểm: Bài viết được in ngay, không phải đợi chờ như các báo in. Nhược điểm: Một số mạng, vì cạnh tranh, muốn có nhiều bài lên trang mỗi ngày, cho nên không lựa chọn, bài đến là đăng ngay, thượng vàng hạ cám, làm độc giả chán, vì thế đôi khi người ta chỉ đọc dăm ba bút hiệu quen thuộc. Mất tín nhiệm, đó là nguyên do triệt hạ các ngòi bút mới, vì nhiều người không «mạo hiểm» đọc họ! Một số mạng trở thành diễn đàn của các cuộc «tranh luận». Khi có vụ đánh đấm nào, vì tò mò, người ta vào đọc, sau đó trở lại tình trạng bình thường, thì họ lại chỉ lướt qua cho biết «mặt hàng» mà thôi.
Ngày trước, người đọc mua các tờ Sáng Tạo, Bách Khoa, Văn, vì biết những bài đăng ở đấy đã được Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Lê Ngộ Châu, Trần Phong Giao... lựa chọn rồi. Ngày nay, thơ văn trên mạng, vì quá nhiều, nên bị lạm phát. Đó là hiện tượng: nhiều thông tin giết thông tin, nhiều văn học giết văn học.
Trở lại câu hỏi của Quỳnh Mai: Tôi ít khi đọc sáng tác trên Internet, trừ trường hợp các tác phẩm không in được ở trong nước hoặc các sách cũ đã tuyệt bản. Tôi cũng ít tìm tài liệu trên Internet. Umberto Eco có kinh nghiệm về vấn đề này, nói đại ý: Khi cần tra cứu điều gì, nếu ấn vào con chuột, là có ngay 5, 6 ngàn thông tin trước mắt, mình lập tức bị tẩu hoả nhập ma, không biết chọn cái nào, từ đó ông cạch hẳn. Eco nói đùa nhưng cũng rất thực: muốn dùng thông tin trên Internet, trước hết phải có khả năng lựa chọn cái đúng cái sai. Và khi phải lựa chọn như thế, nếu mình có trước mắt vài cuốn sách tin được đến 80 hoặc 90% thì khoẻ hơn nhiều. Còn nếu phải mò mẫm trong mấy trăm thông tin xem cái gì dùng được thì thật rối mù, rất mất thì giờ. Thêm nữa, những gì về văn sử học Việt Nam có rất ít trên Intrenet, những thông tin của Wikipédia rất đáng ngờ, vì không kiểm chứng; ngay cả những sách biên khảo của Đào Duy Anh, Nguyễn Hiến Lê... cũng còn nhiều chỗ rất sơ sài, đại cương, duy có sách Phan Huy Chú, Hoàng Xuân Hãn... là đáng tin cậy. Do đó, tôi chỉ dùng Internet trong những trường hợp đặc biệt mà thôi.

LQM : *Được biết Chị là một người rất mê sách. Tác phẩm và tác giả nào chị ngưỡng mộ nhất? Một của Việt Nam? Một của nước ngoài?*

TK: Quỳnh Mai chỉ cho phép hai, thì xin chọn Phan Khôi và Jean Paul Sartre. Tôi cho rằng đó là những nhà văn toàn diện. Họ có ảnh hưởng đến dân tộc họ trong một giai đoạn dài. Đối với Việt Nam, Phan Khôi tiên phong trong các ngành: phê bình văn học, thơ mới, tranh luận văn học, phê bình Khổng giáo, tranh đấu cho nữ quyền... Ông còn có những đóng góp trong các lãnh vực dịch thuật, thơ và truyện ngắn. Phan Khôi là học giả đầu tiên đưa tinh thần phản biện vào nghiên cứu, đưa tinh thần dân chủ vào đời sống Việt Nam. Là người lãnh đạo tinh thần Nhân Văn Giai Phẩm, những đòi hỏi về dân chủ và tự do tư tưởng của Phan Khôi và NVGP, đến ngày nay, hơn một nửa thế kỷ qua, dân tộc ta vẫn còn chưa đạt được.
Jean Paul Sartre làm thay đổi đời sống tinh thần của người Pháp trong thế kỷ XX: ông đem triết học hiện sinh vào phê bình và sáng tác. Truyện và kịch của Sartre làm khuynh đảo kịch trường, điện ảnh và đời sống tinh thần của người Pháp. Sartre đưa phê bình đến ngọn nguồn của chữ nghiã. Trước Sartre, người Pháp chưa có ý thức mạnh mẽ về bản thân. Sau Sartre, người ta có ý thức sâu sắc về bản thân: Con người là tổng kết của những gì mình đã làm được trong suốt cuộc đời. Nếu anh sinh ra, chỉ ăn để mà sống, rồi chết, thì anh cũng chả là cái gì. Từ đó phát sinh những suy nghĩ sâu lắng về thân xác, về tâm thân, về hành động và sự hiện hữu của con người.

LQM : *Chắc hẳn tủ sách gia đình của chị thật vô giá. Chị sẽ làm gì với những tác phẩm này, nếu ngày nào đó, ví dụ Chị không còn khả năng giữ được nữa?*
TK: Quỳnh Mai muốn biết trước khi «tịch» thì tôi giao sách cho ai, phải không? Thật ra thì cũng chưa biết phải làm thế nào. Quý nhất là những bộ từ điển hiếm như: Génibrel (1898), Khai Trí Tiến Đức (Việt Nam tự điển) (1931), Gustave Hue (1937), Eugène Gouin (1957)... Từ điển Pháp Việt của Đào Duy Anh và của Đào Đăng Vỹ, cũng rất tốt, trong nước hình như chưa in lại. Hán Việt, ngoài từ điển của Đào Duy Anh và Nguyễn Văn Khôn, còn có bộ của Thiều Chửu khá đầy đủ. Phan Khôi nhận xét rất đúng: quốc ngữ phát xuất từ tiếng Bắc vì do các cha cố đến đàng ngoài trước, sáng chế ra theo tiếng Bắc, nhưng chỉ dùng trong việc giảng đạo. Phải đến Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của, chúng ta mới có từ điển tiếng Việt thực thụ.Vậy từ điển quốc ngữ do người Nam làm ra. Đại Nam Quấc Âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của là gốc, đầy đủ và không có lỗi chính tả. Và cho đến bây giờ, bộ từ điển của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ (người Nam) cũng vẫn là bộ đầy đủ nhất. Các từ điển in sau này ở Bắc, thiếu và sai nhiều lắm. Vậy những ai chủ trương lấy tiếng Bắc làm chuẩn thì nên xét lại. Tôi theo Phan Khôi: nghiã là tiếng Việt phải là tiếng toàn diện của các miền trên đất nước, từ Nam ra Bắc, không nên có miền nào ưu tiên, được lấy làm chính ngữ, còn các miền khác là phương ngữ.
Trong nhiều năm tôi giúp những người dịch Nguyễn Huy Thiệp sang tiếng Pháp, ngôn ngữ của Thiệp nhiều chữ hiếm, chữ cổ, các câu hát cổ, các cách phát biểu theo lối xưa, đôi khi có hai ba nghiã, phải tra các từ điển cổ và đầy đủ như Génibrel, Gouin, Gustave Hue... để dịch sang tiếng Pháp, chọn lấy một chữ phù hợp với văn bản, sau đó phải kiểm chứng lại chữ này trong Larousse Universel hoặc Littré xem có đúng với nghiã mà người Pháp dùng không. Nhưng bây giờ người ta dịch nhanh lắm. Có người một năm dịch mấy cuốn sách dầy. Có người đi Pháp vài năm đã viết được sách tiếng Tây. Nhiều người cho rằng tiếng Việt ai cũng biết, khỏi phải tra từ điển. Và khi dịch sang tiếng Pháp, chữ nào đã biết nghĩa, cứ thế mà dịch, không cần tra lại từ điển nữa. Vì những cẩu thả đó mà chúng ta có rất ít dịch phẩm tin được.
Trở lại với vấn đề thư viện của tôi. Sau từ điển là đến các sách ngày nay đã tuyệt bản, và trong nước vẫn cấm. Rồi những văn bản quý như bản dịch Hoa Tiên sang tiếng Pháp viết tay của Nguyễn Tiến Lãng. Bản viết tay Nguyễn Văn Vĩnh dịch Kiều. Thư từ Mai Thứ viết cho Lê Thị Lựu. Thư Mai Thứ gửi Huỳnh Trung Đồng, lên án chính quyền cộng sản về việc thuyền nhân vượt biển, chất vấn tại sao nhiều lần ông xin về Việt Nam dạy hội họa mà nhà cầm quyền cộng sản lờ đi. (Hoàng Xuân Hãn muốn về nước nghiên cứu ngay từ sau 1975, cũng bị chính quyền từ chối). Thư của Nguyễn Gia Trí gửi Phạm Tăng về tình trạng tranh của ông dưới thời ông Diệm và sau ông Diệm. Bộ sưu tập tranh Lê Thị Lựu, dành trao cho viện bảo tàng, khi được bảo đảm không bị bán đi ngoại quốc, vv...

Còn sách Pháp dễ kiếm hơn, và các sách của Văn học tiền chiến, Tự lực văn đoàn, Văn học miền Nam, Văn học hải ngoại, nhiều nơi đã có và cũng được đưa lên Internet khá nhiều. Tóm lại, có những tư liệu và văn bản quý, có thể gửi về thư viện và viện bảo tàng. Nhưng muốn gửi về trong nước cũng khó, ai nhận? Nhất là những sách quý ấy lại bị cấm. Chính bản thân tôi cũng chưa về được, còn nói gì đến sách và tư liệu khác?

LQM : *Chị có cảm tưởng gì về việc tạp chí Văn lặng lẽ biến mất khi người chủ biên cuối cùng còn hiện diện, cũng như tạp chí Văn Học... chết trước người chủ biên cuối cùng cả năm như vậy?*
TK: Tạp chí Văn ngừng, theo tôi biết là vì anh Nguyễn Xuân Hoàng lúc đó bị bệnh, thêm ngân quỹ càng ngày càng eo hẹp, đời sống khó khăn không thể bỏ tiền túi ra in báo được nữa. Báo Văn Học thì vì Cao Xuân Huy bị ung thư mắt, phải mổ, không nhìn rõ thì làm sao layout được?

LQM : *Xin chị phát biểu cảm nghĩ về sự ra đi vừa qua của Chủ biên tạp chí Văn Học và tác giả « Tháng Ba Gãy Súng », nhà văn Cao Xuân Huy?*
TK: Tôi quen Cao Xuân Huy từ lần sang Cali, khoảng 1989. Lúc ấy, Huy đang làm thư ký toà soạn Văn Học, hình như Huy làm hết, từ đánh máy, layout đến đem in, anh Nguyễn Mộng Giác là chủ biên, trông coi bài vở. Anh Giác hồi đó đã than với tôi là Huy ba gai lắm, bài nào không thích Huy cho vào sọt rác ngay, dù tác giả là những người nổi tiếng. Tôi thích Huy ở cái tính ba gai đó. Năm 1991, tôi và Huy có chuyện không vui: trong một bài viết, Huy đả kích nặng nề cuốn *Tiểu thuyết vô đề*của Dương Thu Hương do thầy Từ Mẫn Võ Thắng Tiết (nxb Văn Nghệ) in và tôi viết tựa, vì trong đó có đoạn «xúc phạm» đến quân đội Việt Nam Cộng Hoà. Từ đó, giữa tôi và Huy như có gì ngăn cách, sang Mỹ tôi không muốn gặp Huy nữa. Nhưng anh Giác nói với tôi «Huy muốn gặp chị», thế là tụi này lại «huề». Tình bạn trở lại như xưa. Huy ít nói, thân thể vạm vỡ, râu ria rậm rạp, mỗi lần gặp, Huy «ôm hôn» kiểu rất Tây, và cũng biến mất rất nhanh. Ngồi ăn chung với các bạn trong báo Người Việt, Huy chỉ tủm tỉm cười. Khi Huy làm lại tờ Văn Học, trong Email giục bài, bao giờ cũng chỉ vắn tắt: «Chị ơi, bài đâu, sao lâu quá!». Sau này, trong Hợp Lưu đặc biệt về Mai Thảo (số 100, tháng 5 và 6/2008), đọc bài của Huy, tôi giật mình: Gặp Mai Thảo, Huy cũng... không chào! Giữa tôi và Huy như có cái gì tri kỷ. Điều tôi ân hận nhất là đã không viết về *Tháng Ba gẫy súng* khi Huy còn sống, đúng là «bụt nhà không thiêng». Nếu tôi cố ý không viết gì về Mai Thảo lúc ông còn sống, vì ông đã có quá nhiều tôn vinh phù phiếm, thì với Cao Xuân Huy, không viết là một lỗi nghề nghiệp: bỏ qua một tác phẩm hay của một người viết xứng đáng được giới thiệu như một nhà văn đích thực. Nhưng viết chậm cũng lại có cái may của nó, nhờ vậy mà bài *Cao Xuân Huy mùa thu gẫy cánh* có được cái nhìn thông suốt cả cuộc đời và tác phẩm của Huy, mà nếu viết từ trước thì không thể có được.

LQM : *Chuyện gì xẩy ra giữa chị và Dương Thu Hương «độ ấy»?*
TK: Chuyện qua 20 năm rồi, nếu Quỳnh Mai muốn biết, thì bây giờ cũng có thể kể lại sơ lược: Tháng 4/1991, nhà cầm quyền Hà Nội bắt Dương Thu Hương. Việc này làm rung động dư luận, không những Việt nam, mà cả thế giới, vì Dương Thu Hương lúc đó nổi tiếng là nhà văn can đảm hàng đầu dám trực diện với chính quyền cộng sản. Cùng lúc ấy thì văn bản *Tiểu thuyết vô đề* được gửi ra ngoại quốc. Một người bạn của Dương Thu Hương, nay chuyện đã cũ, tôi có thể nói rõ, người ấy là Bạch Thái Quốc, đưa văn bản cho tôi, nhờ viết tựa và gửi sang Mỹ in. Thầy Từ Mẫn nhận in, mặc dù lúc ấy việc in sách ở trong nước đang bị chống đối dữ dội, và thầy cũng muốn tôi viết tựa, vì trong sách có những đoạn «nhậy cảm» có thể gây sốc cho quân đội Việt Nam Cộng Hoà và cộng đồng di tản. Vì muốn tác phẩm, mà tác giả đang bị tù, sớm ra đời, cho nên tôi đã nhận lời viết tựa, mặc dù tác giả không nhờ. Khi Dương Thu Hương ra khỏi tù, năm 1992, chị viết bài *Tự bạch về Tiểu thuyết vô đề*, nói rõ lập trường của mình và phản bác một số lập luận của tôi (mà chị gọi là ông Thụy Khuê) trong bài tựa. Tôi viết bài trả lời, nói rõ lý do in ấn và giải thích từng điểm trong bài viết của tôi. Sau đó, Dương Thu Hương viết lá thư xin

lỗi và tôi cũng viết lời chân thành cảm ơn chị. Tất cả những văn bản này đều được đăng rộng rãi trên báo chí hải ngoại thời đó.

LQM : *Lần cuối cùng chị về Việt Nam là năm nào?*
TK: Tháng 9/1997.

LQM :*Vì cớ gì chị không trở lại? Chị có «nhớ nước» không?*
TK: Làm người ai chẳng nhớ nước. Tôi rời Hà Nội tháng 10/1954 lúc mới lên mười. Rời Sài Gòn tháng 9/1962, năm 18 tuổi, đi du học rồi ở lại Pháp. Từ đó đến nay, chỉ về nước có 4 lần: Hè 1974, về Sài Gòn. Tháng 8/1984, về Sài Gòn lần thứ nhì và ra Hà Nội. Tháng 9/1993, về Hà Nội rồi đi Huế, vào Sài Gòn. Tháng 8/1997, lần thứ tư, về nước gặp khó khăn, nhiều năm sau không muốn về nữa.
Mùa thu năm 2004, vì có nghị định số... gì đó về Việt kiều, đại ý nói mọi người đều về được. Chúng tôi ra hãng du lịch mua 2 vé, khai rõ ràng tên thật, cả bút hiệu, nghề nghiệp và nơi làm việc... và được họ «bảo đảm» là không bị khó khăn gì vì đã có nghị định mới. Hơn tháng sau, gần đến ngày khởi hành, mới được báo tin: *«Chúng tôi đã xin hết các cửa khẩu, Sài Gòn, Đà Nẵng và Hà Nội, chị bị cấm cả ba».* Hiểu tình thế, chúng tôi chỉ nhờ họ xin nhà chức trách ghi rõ lý do, để có thể đòi hãng máy bay hoàn lại tiền vé, nhưng nhà chức trách không trả lời. Từ ngày đó tôi không «xin về» nữa, bởi vì đi về nơi chôn rau cắt rốn là quyền tuyệt đối của con người. Mình chỉ có thể bị cấm khi làm chuyện phạm pháp. Tất cả mọi cấm đoán khác chứng tỏ sự *lạm pháp* của nhà cầm quyền. Những bậc tiền bối lẫy lừng như Hoàng Xuân Hãn, Mai Thứ... đều đã kinh qua. Tôi chẳng cần phải nói gì thêm nữa.

LQM : *Tuy vậy, với cương vị là nhà phê bình văn học, chắc chị vẫn theo dõi tình hình văn chương trong nước? Theo chị, có cởi mở hơn không? Chị nghĩ thế nào về việc in ấn phát hành tác phẩm của một số tác giả hải ngoại, khi họ trở về thăm Việt Nam?*
TK: Mới đây Nguyễn Thanh Sơn có tuyên bố đại khái rằng: Ở hải ngoại có tự do mà các nhà văn cũng chẳng viết được gì. Còn ở trong nước, người viết cũng rất tự do, cứ việc viết rồi đăng trên Internet thì có ai cấm đâu, vậy mà cũng chẳng có tác phẩm hay. Ý Nguyễn Thanh Sơn muốn nói là bây giờ đã tự do lắm, chỉ tại không có ai viết ra hồn đó thôi. Tóm lại, theo Sơn, tự do là tại mình, mình sợ, mình tự kiểm duyệt cũng lỗi tại mình.
Là người viết phê bình mà Nguyễn Thanh Sơn nói như vậy là chẳng hiểu gì về bản chất của hành động viết.
Việc ở hải ngoại có tự do mà nhà văn không viết được, tôi đã nói rõ các lý do ở trên, ở đây chỉ nói về nhà văn trong nước.
Viết là hành động *«vén màn»* (dévoiler, chữ của Sartre). *Vén màn* cho người đọc thấy những tình huống của cuộc sống. *Vén màn* cho thấy tình yêu, thấy xã hội, thấy lừa lọc, thấy khổ đau, thấy hạnh phúc, thấy chiến tranh, thấy hoà bình, thấy thủy chung, thấy phản bội, thấy tự do, thấy dân chủ, thấy nô lệ, thấy ngục tù, thấy sống, thấy chết... Con người tiến bộ là con người biết tự sửa mình. Xã hội tiên tiến là xã hội biết tự sửa mình. Sự sửa mình của xã hội luôn luôn dựa trên văn nghệ sĩ: nước Mỹ tự sửa sự kỳ thị chủng tộc, nhờ những nhà văn, những đạo diễn điện ảnh kỳ tài đã *vén màn* lên trên sự kỳ thị chủng tộc, để người Mỹ tự soi, thấy xấu hổ mà sửa đổi đi. Đầu thế kỷ XX, người Pháp còn vô cùng kỳ thị với vấn đề đồng tính, André Gide đã viết những tác phẩm tuyệt vời về đồng tính, khiến ai đọc qua cũng phải đoạn tuyệt với ý tưởng kỳ thị đồng tính. Thập niên 40 thế kỷ XX, vấn đề nữ quyền còn chưa được đặt ra một cách có hệ thống ở Âu châu, Simone de Beauvoir viết *Deuxième sexe* (Phái thứ nhì) làm chao đảo tinh thần những kẻ khinh đàn bà, khiến đọc xong, họ phải cúi đầu bái phục. Thập niên 90, sự kỳ thị bệnh Sida còn đang tung hoành trên thế giới, phim *Philadelphia* của Jonathan Demme với Tom Hanks (Oscar 1994), đã làm những người kỳ thị bệnh Sida phải thay đổi hoàn toàn thái độ của mình.

Khi con người bị bắt buộc phải chấp nhận chế độ mình đang sống là hoàn hảo, không có gì phải sửa, thì mọi khía cạnh tiêu cực sẽ trở thành tích cực. Khi không có phê bình, thì chỉ còn sự tự mãn và thoái hoá.
Ở nước ta ngày nay, có bao nhiêu vấn đề cần phải xem lại, cần phải khảo sát?
Và bao nhiêu vấn đề nhà văn được tự do nói đến mặt trái của nó?
- Chiến tranh ư? Chỉ có cuộc chiến thần thánh đánh Mỹ cứu nước, giải phóng dân tộc.
- Lãnh tụ ư? Chỉ có một bác Hồ vĩ đại miên viễn.
- Tham nhũng ư? Chỉ là trường hợp cá nhân, giới hạn trong hàng ngũ các con chiên ghẻ.
- Dân chủ và Nhân quyền ư? Là địa hạt «nhậy cảm», những người dám đòi hỏi công khai đã vào tù.
- Báo chí ư? Nhà cầm quyền kiểm soát.
- Muốn được in ư? Nhà văn có sẵn một quá khứ bưng bít và một hiện tại tốt đẹp dưới sự lãnh đạo sáng suốt của đảng, làm khung.
Đó là tự do chăng?
Người viết nào cũng muốn cho đồng bào mình đọc. Nhưng nay, tác phẩm viết xong, phải gửi trên Internet, ở những mạng có thể sẽ bị tường lửa chặn, hỏi rằng còn mấy ai đọc?
Một tác phẩm hay là xương máu của con người trong nhiều năm, viết rồi bị số phận như vậy, ai còn can đảm viết?
Cuốn tiểu thuyết mới nhất của Nguyễn Bình Phương, rất có giá trị, đưa 5 nhà xuất bản đều lắc đầu, biết là hay mà họ không dám in. Nếu tự do tại sao họ lại không dám in?
Viết, trước tiên là để cho đồng bào mình đọc. Đồng bào mình tự soi mà sửa đổi những sai lầm của chính mình và của dân tộc mình, để tiến tới. Sách bán ra để nuôi sống tác giả. Sống bằng tác quyền là vinh dự của nhà văn. Bây giờ, tác phẩm phải đưa lên Internet, và nếu cần đã có tường lửa chận. Thế thì viết để làm gì?
Hiện trạng văn học như tôi vừa nói, đã ít nhiều trả lời câu hỏi thứ nhì của Quỳnh Mai: *Chị nghĩ thế nào về việc in ấn phát hành tác phẩm của một số tác giả hải ngoại, khi họ trở về thăm Việt Nam?*
Người viết nào cũng mong sách của mình được đồng bào đọc, đó là lý tưởng.
Nhưng muốn được in ở trong nước, thì nhà văn hải ngoại phải trải qua cái cầu thanh lọc giống như các nhà văn trong nước, tức là phải tự tước quyền tự do tư tưởng của mình, tự cắt tay chân cho vừa cái khung «nhập gia tùy tục». Đó cũng là một lựa chọn. Và phải trả giá khá đắt.
Cách đây 55 năm, bao nhiêu trí thức văn nghệ sĩ trong phong trào NVGP đã đứng lên đòi hỏi quyền tự do sáng tác? Và họ đã phải trả giá cả cuộc đời còn lại.
Bây giờ, để được in sách, bao nhiêu văn nghệ sĩ, đã từng vượt biển tìm tự do, nay quy về, chịu sự kiểm soát tư tưởng của nhà cầm quyền? Đó cũng là một lựa chọn. Nhưng *ngược dòng*.

LQM : *Chị có tin giao lưu văn hóa đã thật sự được luân lưu giữa đàng trong và đàng ngoài? Chị ủng hộ hay không ủng hộ biện pháp này? Tại sao có và tại sao không?*
TK: Chắc Quỳnh Mai muốn nói *trong nước* và *ngoài nước* phải không? Vì *đàng trong*và *đàng ngoài* là tiếng dùng để chỉ Nam-Bắc thời Trịnh-Nguyễn. Nếu tôi đoán đúng ý Quỳnh Mai, thì xin trả lời như thế này:
Văn hoá, trong đó có văn chương, là một dòng chảy. Nếu là văn chương đích thực thì nó tự giao lưu, không cần ai cho phép. Chúng ta vẫn đọc tác phẩm ngoại quốc mà có cần ai cho phép giao lưu đâu. Nhưng nước mình, vì hoàn cảnh chiến tranh 20 năm, có sự căm thù do chính trị đưa ra; tuy vậy văn chương đích thực của hai miền Nam Bắc chưa bao giờ đứt đoạn. Tôi có bạn văn ở Bắc ngay từ những ngày đầu chương trình Văn Học Nghệ Thuật mới phát về Việt Nam, và chương trình này không thể tồn tại được 19 năm, nếu không có sự giúp đỡ và cộng tác nhiệt thành của các văn nghệ sĩ và trí thức trong và ngoài nước.
Một điểm nữa: nhà văn có thể trở thành tri kỷ qua các tác phẩm. Không cần gặp mặt. Không cần cùng thời. Đó là hiện tượng *giao lưu* kỳ lạ nhất của văn học nghệ thuật.

LQM : *Xin chị phát biểu ý kiến về vụ Nhân Văn Giai Phẩm trong nước năm xưa?*
TK: Câu hỏi rộng quá, chỉ xin trả lời Quỳnh Mai, giới hạn trong một số việc làm của tôi mà ít người biết:
Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm ám ảnh tôi từ khi còn đi học. Trong Nam, tài liệu duy nhất đáng tin cậy là cuốn *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc* của Hoàng Văn Chí (1959). Năm 1984 về nước, tôi cố tìm lại dấu vết, nhưng thấy đã bị chôn vùi hẳn: hỏi người thân, không ai biết có NVGP. Cho nên khi bắt đầu viết phê bình, tôi đặt mục đích là sẽ tìm hiểu hiện tượng văn học này. Từ đó gặp bất cứ mảnh báo, mảnh tin gì liên hệ tới NVGP tôi đều thu thập. Tình cờ có người bạn cho mượn cuốn *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm Trước Toà Án Dư Luận*, đây là tập tài liệu in ở Bắc, năm 1959, chép những đoạn chính các bài báo đánh NVGP của các văn nghệ sĩ. Nhờ cuốn tư liệu quý giá này, tôi viết bài đầu tiên về NVGP đăng trên báo Văn Học, tháng 4/1988. Bài ấy được độc giả thích và ông Georges Boudarel, người có nhiều tài liệu nhất về NVGP, cũng liên lạc với tôi, ngỏ ý rất thích. Riêng ông, tháng 1/1988, ông cũng đã viết bài nghiên cứu về NVGP in trên tạp chí chuyên đề và năm 1991, ông mở rộng thành cuốn *«Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam»* (Trăm hoa đua nở trong đêm Việt Nam).
Nhờ địa bàn rộng lớn của RFI, tôi đưa vấn đề NVGP về nước trên sóng cùng với những vấn đề tự do dân chủ, và được sự ủng hộ của văn nghệ sĩ và trí thức, đặc biệt Trung Tướng Trần Độ. Năm 1993, khi về nước, ngoài các văn nghệ sĩ khác, tôi gặp Trung Tướng Trần Độ, nhạc sĩ Văn Cao và nhà thơ Hoàng Cầm. Nhạc sĩ Văn Cao khuyên tôi nên phỏng vấn ông về NVGP, rồi đem cassette ra ngoài. Nhưng việc này không thực hiện được, vì khi đi Việt Nam tôi không đem theo máy thu thanh, đành phải điện thoại hỏi tùy viên văn hóa của sứ quan Pháp, để mượn máy ghi âm. Nào ngờ, vừa ngại nhà văn nhà báo (đệ tứ quyền), nhưng cũng lại ngại không muốn có «vấn đề» với nhà nước cộng sản, cho nên họ đề nghị một giải pháp «trung dung»: sẵn sàng đưa tôi đến thăm đài phát thanh Hà Nội, «chào các đồng nghiệp» trước, rồi nhờ họ «ghi âm dùm» là tốt nhất!

Sự nghiên cứu NVGP, sẽ ngừng lại ở đây, nếu không có duyên may tiền định. Từ 1993 đến 1997, tôi không về nước. Tôi có phỏng vấn vài lần nhà thơ Hoàng Cầm qua điện thoại viễn liên, nhưng dù can đảm, ông cũng không thể nói hết. Lúc đó, tôi chưa quen nhà thơ Lê Đạt. Đến năm 1994, Lê Đạt được in tập thơ đầu tiên *Bóng chữ*. Tôi cũng nghe nói đến *Bóng Chữ* và nhờ người xin Lê Đạt một tập. Đọc xong, tôi viết bài giới thiệu trên RFI tháng 4/1995. Lê Đạt nghe. Từ đó anh có mối thân tình với người mà anh cho là hiểu thơ anh hơn cả. Nhạc sĩ Văn Cao mất ngày 10/7/1995. Sự nghiên cứu của tôi về NVGP, chỉ thực thụ bắt đầu từ Lê Đạt. Nhờ anh, tôi quen với Nguyễn Hữu Đang, và khi về nước năm 1997, lần đầu tiên và cũng là lần cuối tôi gặp anh Đang. Từ đầu năm 2009 đến nay, tôi dành hết thì giờ để nghiên cứu NVGP, cũng vì mối duyên kỳ ngộ, món nợ tinh thần, mà các anh, nay không còn nữa, đã quý mến và tin cậy nơi tôi.

LQM : *Và xin Chị cho biết ý kiến về biến cố Hợp Lưu, và sự thay đổi Chủ biên của tạp chí văn chương này, một sự kiện đã gây chấn động cho văn học hải ngoại năm 2005.*
TK: Tôi ở xa không biết rõ lắm, nhưng theo tôi đó cũng chỉ là sự thay đổi trong nội bộ một tờ báo, nhiều khi thì âm thầm, nhiều khi nóng bỏng và «nổ to» như trường hợp Hợp Lưu, nhưng sóng gió đã qua lâu rồi. Đối với người viết và người đọc thì hiện nay, điểm quan trọng nhất là Hợp Lưu, nhờ cố gắng đơn thương độc mã của nhà thơ Đặng Hiền, vẫn còn đến được với độc giả, trong thời buổi khó khăn này.

LQM : *Sau bao năm hoạt động và có nhiều địa bàn khác nhau, có những bạn bè thân hữu gần như đều nổi tiếng thuộc giới nghệ sĩ đích thực. Chị có cảm thấy hạnh phúc thật sự không? Và hoài bão riêng của Chị có phải đã hoàn thành?*
TK: Sự nâng đỡ của các bậc thầy, bậc đàn anh, và sự gặp gỡ các bạn văn đều đáng quý, nó thúc đẩy mình làm việc, và an ủi mình những lúc khó khăn, đó là hạnh phúc và cũng là may mắn không phải ai cũng có. Nhưng càng đi sâu vào đời cầm bút, nhất là đã trải qua những

«trường văn trận bút», tôi dè dặt hơn, giới hạn sự giao thiệp của mình, chỉ giữ lại những gì cốt yếu. Viết là hành động cô độc, trước đây đối diện với tờ giấy trắng, bây giờ, đối diện với máy tính và *những người bạn làm thinh* là đống sách bên cạnh. Làm việc là lúc bình yên nhất. Khi bài đã xong, gửi đi, là nghĩ đến độc giả, đến *những người bạn khác cũng vẫn làm thinh*, ở một nơi nào đó, đang đọc, và đó là niềm hạnh phúc và may mắn thứ nhì. Tóm lại, làm văn học là đối thoại với im lặng. Hạnh phúc cũng trong im lặng. Còn các ồn ào khác, không quan trọng lắm.

LQM : *Thụy Khuê có nghĩ đến việc nghỉ ngơi hay vẫn đang tiếp tục ... trả nợ văn chương? Nếu đang, thì Chị... đang thực hiện việc gì? Có thể cho quí độc giả chia sẻ chung không?*
TK: Như vừa nói với Quỳnh Mai, tôi vẫn đang viết, và bây giờ, đang trả lời Quỳnh Mai, cũng là viết đây. Đã vào nghề văn thì khó thoát, vì bất cứ vấn đề gì trong cuộc sống cũng có thể gợi ý cho mình. Hiện tôi đang cố gắng hoàn tất cuốn sách về Nhân Văn Giai Phẩm, đã đăng dần trên mạng RFI, và gần đây trên Diễn Đàn Thế Kỷ có bổ sung, mà có lẽ Quỳnh Mai đã có dịp đọc qua một số bài.

LQM : *Vì thế muốn hỏi chị về tương quan giữa NVGP và Nguyễn Ái Quốc, tại sao từ địa hạt văn chương chị lại bước sang chính trị? Chị không sợ người ta cho rằng chị muốn lật đổ thần tượng à?*
TK:Mới nhìn qua thì văn học và chính trị là hai yếu tố khác nhau, nhưng nhìn sâu hơn, bất cứ vấn đề gì trong đời sống cũng liên quan đến chính trị. Bởi hàng ngày chúng ta sống với chính trị. Ví dụ, nếu Quỳnh Mai và tôi sống ở trong nước, thì chúng ta có thể viết như hiện nay chúng ta đang viết được không? Vì vậy, chính trị luôn luôn chi phối văn học.
NVGP là trường hợp điển hình nhất, nó xẩy ra dưới thời đại Hồ Chí Minh. Vậy ông là người có trách nhiệm tối cao. Việc nghiên cứu NVGP, thế nào cũng dẫn đến việc tìm hiểu Hồ Chí Minh, vì đó là mối tương quan nhân quả. Tình trạng văn học trong nước hiện nay, cũng vẫn có tương quan nhân quả với Hồ Chí Minh, mặc dù ông mất đã lâu rồi, nhưng chế độ chính trị do ông đem về xứ, đã khiến cho văn học Việt Nam tiếp tục bị sa lầy trong chế độ toàn trị.

Về việc tôi có «âm mưu thâm độc» muốn lật đổ «vị lãnh tụ tối cao», thì chắc Quỳnh Mai đã đọc đâu đó, tôi cũng biết qua. Để trả lời Quỳnh Mai, xin kể câu chuyện sau đây: Một hôm, nói chuyện với đứa cháu ngoại, đang học lớp 10, về lịch sử Pháp, tôi hỏi nó: Cháu nghĩ sao về Napoléon Bonaparte? Nó trả lời ngay: Ông ấy là người anh hùng của Pháp, nhưng cũng là một nhà độc tài khát máu (C'est un héros de la France, mais aussi un dictateur sanguinaire). Câu trả lời của cháu làm tôi giật mình, nhưng rồi tôi «ngộ» ra: người ta dậy cho trẻ cả hai mặt của người anh hùng, tức là người ta trình bày toàn diện các khía cạnh của người anh hùng để trẻ tự phán đoán và đưa ra ý kiến riêng, đó là dưới một xã hội tự do dân chủ có truyền thống từ 1789.
Tình trạng nước mình khác, trong nước, như ta đã biết, mọi người đều sống dưới chế độ toàn trị, dù muốn dù không, ai cũng phải suy tôn lãnh tụ. Nhưng đáng buồn hơn là có những người ở Pháp đã mấy chục năm, cũng vẫn chưa bước ra khỏi quỹ đạo Tống Nho, vẫn sùng bái lãnh tụ, không chấp nhận sự mổ xẻ «anh hùng» như một dữ kiện lịch sử cần phải khảo sát. Vậy sự thoái hoá đến từ bên ngoài.

LQM : *Xin chị nói rõ hơn về phương pháp nghiên cứu văn bản Nguyễn Ái Quốc của chị.*
TK: Nói ra thì dài dòng lắm, ở đây chỉ xin vắn tắt: Khi nghiên cứu về Phan Khôi, có những chi tiết dẫn đến Phan Châu Trinh, đến những ngày Phan Châu Trinh ở Pháp. Rồi từ đó, phải đọc những bài báo ký tên Nguyễn Ái Quốc, viết trong thời gian 1919-1927, tại Pháp. Đọc rồi mới thấy một sự thật hiển nhiên: Những bài báo này, phải do một người học trường Pháp từ nhỏ, thấm nhuần văn hóa Pháp rất sâu, mới có thể viết được. Vì chính bản thân tôi, học trường Việt, dù đã ở Pháp gần 50 năm, cũng không thể viết được như thế. Quỳnh Mai còn lạ gì, tiếng Pháp là một trong những tiếng khó trên thế giới, phải biết rõ giống đực, giống cái, biết cách chia động

từ, biết dùng đúng các thì (temps, modes), ấy là chưa kể đến các nuances (sắc thái) của mỗi từ, cách chơi chữ của người Pháp và lịch sử của mỗi chữ qua các thời đại. Phải biết rõ các ngõ ngách như vậy, thì mới viết được những bài báo chửi thực dân một cách chua cay, thâm thuý, đầy uy mua, như các bài ký tên Nguyễn Ái Quốc. Chưa kể đến số lượng tư liệu đồ sộ chứng minh tội ác của thực dân mà các bài báo này chuyển tải. Vì vậy tôi đặt vấn đề cần khảo sát văn bản Nguyễn Ái Quốc.

Hồi ký Trần Dân Tiên (tức Hồ Chí Minh) xác nhận ông không biết viết tiếng Pháp, khi đến Pháp phải nhờ Phan Văn Trường viết hộ. Khảo sát kỹ, thì thấy ông đến Pháp giữa tháng 6/1919, và ở Pháp đến khoảng tháng 6/1923, tức là 4 năm. Nghiên cứu văn bản Nguyễn Ái Quốc (tất cả khoảng hơn 700 trang), người ta không thể mường tượng được một người mới học tiếng Pháp, chỉ trong bốn năm ở Pháp, mà có thể viết được nhiều như thế, với chất lượng văn chương cao như thế, với những nhân chứng rõ ràng và ghê gớm đến thế về tội ác thực dân. Đào sâu hơn nữa, thì thấy Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh, mới chính là tác giả thực thụ các bài báo ký tên Nguyễn Ái Quốc. Đó là kết luận sau khi đã khảo sát lịch sử và phân tích văn bản Nguyễn Ái Quốc.

LQM : *Được biết Chị đã du lịch qua nhiều địa danh trên thế giới. Nơi nào đã để lại ấn tượng sâu sắc về tình người, về văn hóa, về nghệ thuật trong tâm hồn Thụy Khuê?*
TK: Mỗi nơi mỗi khác. Mùa thu Canada vô cùng quyến rũ. Mỹ với những vực sâu vĩ đại, những thành quách, sông hồ, kỳ quan của thiên nhiên. Angkor, là kỳ quan của con người. Leo lên Machu Picchu (Pérou) để tới thành quách lưng trời. Đến Melbourne (Úc) là tận cùng trái đất... Về tình người, người Mễ Tây Cơ gần mình hơn cả, họ xuề xoà dân dã như người miền Nam. Người Châu Phi (Algérie, Tunisie, Sénégal), mộc mạc, đôn hậu, trung thành, như người dân quê của mình. Về văn minh nhân loại, triết học Ấn Độ bao trùm triết học loài người. Về cách thụ hưởng đời sống: ăn uống, thưởng trà, thưởng trăng, âm nhạc, vũ điệu, phong cảnh, người Tàu tế vi trong toàn bộ nghệ thuật sống và hưởng thụ đời sống.

Nhưng nước Việt... đẹp hơn cả. Đó là một viên ngọc dài, cong, dát những làng mạc li ti. Mỗi làng có một lũy tre, một đống rơm, một rặng chuối, một cây cau, một con đường làng khác biệt... không nơi nào có cả. Mỗi làng là một đơn vị văn hoá và tình yêu, là một người mẹ, làm cho người đi xa thắt ruột vì thương nhớ. Theo tôi, đó mới thực là hồn dân tộc.

LQM : *Xin Chị phát biểu cảm tưởng của một người từng thực hiện những phỏng vấn rất sâu sắc và giá trị, phát thanh vào trong nước qua đài RFI, mà lại chiều một đàn em văn nghệ, nhận lời mời phỏng vấn đặc biệt này? Chị có nghĩ Lê Quỳnh Mai là... người... điếc không sợ súng?!!!*
TK: Xin kể Lê Quỳnh Mai nghe chuyện này: Khi Phan Khôi viết bài tranh luận với Huỳnh Thúc Kháng, thì có một người viết bài trách Phan Khôi là nhỏ mà hỗn, dám cãi lại bậc cha chú

(Huỳnh Thúc Kháng là bạn của Phan Trân, cha Phan Khôi).

Phan Khôi trả lời: đã tranh luận thì không có cha chú gì cả, phải có tinh thần dân chủ: ai đúng lý thì thắng. Chúc Quỳnh Mai mạnh tiến trong tinh thần dân chủ ấy. Luôn nhớ là trong văn chương, không có tuổi tác, không có lớn bé, không có nam nữ, chỉ có hay dở mà thôi.

LQM : *Lê Quỳnh Mai xin chân thành cảm ơn chị Thụy Khuê, đã vui lòng nhận lời mời phỏng vấn và gởi đến quí độc giả Hợp Lưu những ý kiến sâu sắc nhất.*

Montreal. 01.2011
(Đã in trên Hợp Lưu 113, số tháng 3&4-2011)

Nhân 45 năm ngày mất của Nhất Linh
Phỏng vấn nhà văn Nguyễn Tường Thiết

Lê Quỳnh Mai *thực hiện*

Lê Quỳnh Mai: *Ông cho biết về tiểu sử và hoạt động về văn học.*
Nguyễn Tường Thiết: Tôi sinh năm 1940 tại Hà Nội, là con út của nhà văn Nhất Linh. Trước năm 1975 ở Sài Gòn tôi dạy học rồi nhập ngũ khoá 2/68 quân trường sĩ quan Thủ Đức, ra trường và phục vụ tại Tổng cục Chiến tranh Chính trị. Năm 1973 tôi trông nom nhà xuất bản Phượng Giang. Năm 1975 định cư ở Mỹ, tôi làm việc tại nhà máy lọc nước thải của thành phố Seattle với tư cách một chuyên viên phòng thử nghiệm hoá chất cho đến ngày về hưu, tháng Tư năm 2006. Cộng tác với các tạp chí *Thế Kỷ 21*, *Văn Học*, *Hợp Lưu*, *Da Màu.org*. Đã có hai tác phẩm xuất bản, hồi ký *Nhất Linh, cha tôi* (Văn Mới, 2006) và tập truyện *Mùa hạ năm ấy* (Văn Mới, 2008).

Lê Quỳnh Mai: *Những năm đầu sống tại Hoa Kỳ ông không viết đều đặn mà thời gian gần đây mới thật sự đến với văn chương? Trước thời gian này ông có bị thôi thúc dấn thân vào nghiệp viết không?*
Nguyễn Tường Thiết: Chị nói thôi thúc? Không. Hoàn toàn không. Đã có một số người hỏi tôi vì sao tôi không viết đều đặn, chẳng hạn như nhà phê bình và nghiên cứu văn học Nguyễn Hưng Quốc. Anh Quốc sau khi đọc tập hồi ký *Nhất Linh, cha tôi* có ngay một nhận xét tiên khởi này: Bài thứ nhất "Niềm vui chết yểu" tôi viết năm 1964, bài thứ hai "Nhất Linh, cha tôi" viết năm 1985, bài thứ ba "Cây bàng lá đỏ" năm 2002. Anh hỏi tôi vì sao mà có những "lỗ hổng" lớn như thế, cách nhau những 20 năm? Tôi trả lời anh ấy là bởi vì tôi đã không chọn nghề văn ngay từ đầu. Cả ba bài viết ấy đều do sự thôi thúc của người khác muốn có bài của tôi để đăng trên báo của họ. Anh Phan Kim Thịnh với tờ *Văn Học*, anh Võ Phiến với tờ *Văn Học Nghệ Thuật*, anh Phạm Phú Minh với tờ *Thế Kỷ 21*. Chỉ sau này khi gần về hưu tôi mới viết do thôi thúc đến từ chính mình. Viết với tôi bây giờ giản dị là một thứ "hốp bi" của tuổi già. Từ ngày về hưu tôi có ba cái thú: chăm sóc đám cây cỏ xung quanh nhà, đi tập thể dục đều đặn, và bước vào trong quán café Starbucks với cái laptop trên tay để viết (như tôi đang "viết" những dòng này trong một quán Starbucks). Chúng tôi vẫn chưa có cháu nội ngoại nên tôi chưa có thêm cái thú thứ tư là thú "trông cháu" như tất cả các bè bạn ở lứa tuổi tôi đều đã có.

Lê Quỳnh Mai: *Một nhà văn trẻ Hoa Kỳ có tác phẩm thành công tại Âu châu, đã từ chối không dùng tên thật mà lấy bút hiệu để viết vì không muốn bị che lấp bởi cái bóng quá lớn của thân sinh. Là dòng dõi nhà văn Nhất Linh, ông có mang ý nghĩ sử dụng một bút hiệu để viết không?*
Nguyễn Tường Thiết: Như đã nói ở trên, tôi đã không chọn nghề văn ngay từ đầu. Nếu không

thì chắc chắn bây giờ đã có một bút hiệu rồi. Hồi nhỏ tuy không viết nhưng tôi luôn luôn mơ tưởng và tự tìm cho mình một cái bút hiệu thật hay, thật lý tưởng. Chả là hồi đó không hiểu sao tôi tin một cách chắc nịch rằng việc chọn bút hiệu nó quan trọng ghê gớm lắm, nó sẽ quyết định cả đời văn của mình, mình mà không khéo chọn một bút hiệu đọc lên nghe nó "quê quê" thì suốt đời văn chương mình cũng sẽ "quê quê" như thế. Khổ nỗi có bao nhiêu cái bút hiệu hay thì thiên hạ đã lấy hết sạch rồi. Tôi mê nhất bút hiệu Thạch Lam nhưng ông chú của tôi đã cuỗm mất từ mấy chục năm trước rồi. Tiếc ghê! May quá tôi không phải tìm bút hiệu cho mình nữa vì bài viết đầu tiên là hồi ký về ông cụ tôi, mà viết hồi ký thì dùng tên thật là chuyện rất hợp lý. Bây giờ tôi viết văn, viết truyện, cũng lấy tên thật, vì nghĩ mình già rồi, xây dựng tên tuổi trên một bút hiệu e rằng quá trễ, quá mệt mỏi.

Lê Quỳnh Mai: *Cụ thân sinh bút hiệu Nhất Linh, các chú lấy bút hiệu Hoàng Đạo, Thạch Lam... Theo ông việc này là tốt hay không tốt vì đa số những nhà văn quốc tế đều lấy tên thật để viết hơn là dùng bút hiệu?*
Nguyễn Tường Thiết: Chọn bút hiệu hay chọn tên thật là lựa chọn riêng của nhà văn. Hoàn toàn không có vấn đề tốt hay không tốt. Riêng trường hợp của ông cụ tôi chọn cho mình một bút hiệu là một điều hay. Ai cũng biết ông cụ tôi có hai con người. Một con người cách mạng chính trị Nguyễn Tường Tam và một con người nghệ sĩ Nhất Linh. Khi hoạt động chính trị ông cụ đứng dưới tên thật, khi hoạt động văn hoá thì ông dùng bút hiệu. Lần duy nhất (đầu tiên cũng là cuối cùng) ông cụ sử dụng cả tên thật lẫn bút hiệu để ký trên lá thư tuyệt mệnh "*Đời tôi để lịch sử xử*...". Phải chăng khi ký gộp Nhất Linh Nguyễn Tường Tam ông cụ tôi đã hàm ý nói với hậu thế rằng tuy cái chết của ông có mục tiêu chính trị nhưng phong cách ông lựa chọn cái chết đến từ tâm hồn của một nghệ sĩ?

Lê Quỳnh Mai: *Trong thời gian ngắn vừa qua, đột nhiên một làn sóng dấy lên những bài viết, hội luận từ trong cho đến ngoài nước nhắc về cái chết Nhất Linh và nhóm Tự lực Văn đoàn. Qua hiện tượng này ông có ý kiến gì?*
Nguyễn Tường Thiết: Sự kiện "có một làn sóng dấy lên" như chị nói, tôi nghĩ bắt đầu từ trong nước với bài báo của tác giả Quang Thiện nhan đề "Về thị trấn văn chương" đăng trên báo *Tuổi Trẻ*ngày 26 tháng 7. 2006. Bài báo cho biết có một đề nghị của giáo sư sử học Văn Tạo: *"Chúng ta nên đánh giá công minh giá trị lịch sử của Tự lực Văn đoàn; ghi công họ bằng một nhà lưu niệm trên nền 'nhà khách văn chương'; đặt tên phố Tự lực Văn đoàn ở Hải Dương và quận Tây Hồ (Hà Nội); có thể xây dựng khách sạn mang tên này để đón du khách văn chương trong nước và thế giới".* Sau đó thì vào ngày 8 tháng 2 năm 2007 Bộ Văn hóa Thông tin có gửi một công văn cho Sở Văn hóa Thông tin Hải Dương *"đề nghị thu thập tài liệu về Tự lực Văn đoàn để có căn cứ đánh giá rõ hơn nữa những cống hiến của nhóm văn chương này kiểm tra tình hình thực tế 'nhà khách văn chương' để đề xuất phương án giải quyết các kiến nghị trên".* Và gần đây nhất là cuộc Hội thảo về Tự lực Văn đoàn được tổ chức tại Cẩm Giàng, Việt Nam, vào ngày 9 tháng 5 năm 2008.

Là một đề tài cấm kỵ trong suốt hơn một nửa thế kỷ ở miền Bắc và hơn ba chục năm ở cả nước, Tự lực Văn đoàn nay lại được nhắc đến, được đánh giá lại một cách trang trọng bởi nhà cầm quyền Việt Nam. Tôi nghĩ đây là một khởi đầu tốt cho một công việc mà đáng lý là nhà nước họ phải làm từ lâu.

Tôi thiết nghĩ việc đánh giá và ghi công Tự lực Văn đoàn nên đi về bề sâu chứ không nên làm hời hợt, phô trương. Quan trọng hơn hết là để thế hệ trẻ bây giờ và thế hệ mai hậu biết tới những đóng góp lớn lao của Tự lực Văn đoàn vào nền văn học của nước nhà. Việc này theo tôi

chỉ thực hiện được nếu như trong tương lai nhà cầm quyền Việt Nam đưa Tự lực Văn đoàn vào giáo trình giảng dạy Văn ở bậc trung học, như đã được làm tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975.

Lê Quỳnh Mai: *Trong* "Chúc thư văn học của Nhất Linh: Một cái chết định sẵn" *(*Việt Weekly*, 20/3/08), Nguyễn Văn Lục kết luận nguyên nhân dẫn đến cái chết của Nhất Linh là bệnh tâm thần. Ông có cảm giác thế nào khi tên tuổi cụ thân sinh bị bôi nhọ vô cớ?*
Nguyễn Tường Thiết: Tôi đã trả lời với ông Nguyễn Văn Lục là tôi "KHÔNG đồng ý với nội dung bài viết" của ông ấy, nhưng ông ta vẫn đăng tải bài ấy, đó quyền tự do ngôn luận của ông ta. Là một người con dĩ nhiên là tôi buồn bực khi đọc bài này. Trong lúc những người cộng sản đang dấy lên phong trào dựng lại công nghiệp của Nhất Linh thì từ phía bên này chiến tuyến lại có một bài báo bôi nhọ tên tuổi Nhất Linh như thế, thật đáng tiếc.

Tôi đã định viết hẳn một bài phản đối ông Nguyễn Văn Lục nhưng tôi đổi ý không viết, vì một số những người trong họ khuyên tôi không nên dính vào cuộc tranh luận này và nhất là sau khi tôi được đọc một số bài phản bác của một số tác giả, những bài này đã nói lên hết những ý nghĩ của tôi về bài của ông Lục, đặc biệt là hai bài "Mưu tính đưa nhà văn Nhất Linh vào nhà thương điên" của tác giả Vũ Cầm và bài "Niềm tin và tâm thần" của tác giả Lý Nguyên Diệu, cả hai bài đã được đăng trên*Việt Weekly* và báo mạng *talawas*.

Lê Quỳnh Mai: *Khúc Hà Linh viết: "... Nhất Linh đã ra đi ở tuổi 58 để lại di chúc: "Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng... Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do. 7/7/63 Nhất Linh Nguyễn Tường Tam" (trích từ*"Xung quanh cái chết của nhà văn Nhất Linh - 45 năm năm trước", *(báo điện tử* Tiền Phong Online*ngày 4/6/08,* talawas *giới thiệu trên mục spectrum ngày 4/6/08). Ông có thể làm sáng tỏ vấn đề di chúc trên? Và có ý định công bố di chúc của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam không?*
Nguyễn Tường Thiết: Trong mục Ý kiến ngắn của talawas ngày 5-6-08 có đăng ý kiến của tôi về bài viết của ông Khúc Hà Linh như sau: "Ông Khúc Hà Linh đã bỏ sót một câu quan trọng trong tờ di chúc này, tờ di chúc mà tôi hiện giữ trong tay, viết*: "Sự bắt bớ và xử tội tất cả những phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản"*.

Tôi không biết là ông Khúc Hà Linh đã bỏ sót hay kiểm duyệt bôi bỏ câu đó. Cả câu ấy nếu được trích nguyên vẹn cho thấy là đối với Nhất Linh không có cái tội nào lớn hơn cái tội làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi nghĩ là ở trong nước họ "kỵ" câu này lắm!

Bản di chúc chính trị 71 chữ nói trên của nhà văn Nhất Linh đã được phổ biến rộng rãi và công khai trên khắp mọi báo chí của miền Nam sau khi chế độ của nền Đệ nhất Cộng hòa miền Nam sụp đổ, vì thế câu hỏi của chị về việc công bố chính thức bản di chúc này trên báo giới tôi nghĩ không cần thiết.

Lê Quỳnh Mai: *Tác giả Nguyễn Huệ Chi tuyên bố tại Hội thảo về Tự lực Văn đoàn, tổ chức tại Cẩm Giàng, Việt Nam, ngày 9 tháng 5 năm 2008 rằng: "... Chưa biết con đường nào đã hay hơn con đường nào, nhưng nếu nhà nước nuôi dưỡng trọn đời một lý tưởng trong sáng, không có mưu đồ đem giang sơn Tổ Quốc mà mình dành được ra chia chác, 'xã hội hoá', vô vàn đất đai béo bở thành của riêng của bè cánh mình, họ hàng mình, con cháu mình, thì trước sau hình bóng họ vẫn sẽ ghi đậm trong lòng dân chúng"... "và những cuộc tham luận sẽ được tổ chức ở*

*nhiều nơi khác..." (*talawas, *19/05/08). Ông nghĩ thế nào về phát biểu này?*
Nguyễn Tường Thiết: Tôi nghĩ ông Nguyễn Huệ Chi là người can đảm. Ông dám nói lên những sự thật mà nhiều người khác không dám nói, chẳng hạn như cái thực trạng xã hội đang diễn ra trên đất nước mình. Tôi đã đọc nguyên bài viết của ông trên talawas và rất khâm phục những nhận định của ông ta về Tự lực Văn đoàn. Bài viết không những phản ánh tính khách quan, sự trung thực mà còn chiếu rọi những cái nhìn mới về nhóm văn đoàn này, đặc biệt là đề cao tinh thần làm việc rất dân chủ của nhóm. Tôi cho rằng bài viết này là một trong những bài nghiên cứu về Tự lực Văn đoàn có giá trị nhất từ trước tới nay, kể cả những bài nghiên cứu của những học giả miền Nam trước năm 1975.

Lê Quỳnh Mai: Xóm Cầu Mới *xuất bản lần đầu 10 năm sau khi cụ thân sinh qua đời. Đây là tiểu thuyết mang nhiều cao vọng nhất nhưng là đứa con tinh thần mà Nhất Linh không biết mặt. Ông cho biết quá trình xuất bản và chi tiết về tác phẩm này.*
Nguyễn Tường Thiết: Quá trình hình thành và xuất bản cuốn tiểu thuyết *Xóm Cầu Mới* của ông cụ tôi là một quá trình lý thú, để tôi kể chị nghe. Ông cụ tôi cho ra đời trên 10 tác phẩm. Bà cụ tôi cũng đẻ hơn 10 đứa con. Cả ông lẫn bà đều "sáng tác" mạnh trong thập niên (19)30. Bà cụ tôi kể lại rằng trong mười năm ấy cứ mỗi lần cha tôi thai nghén và cho ra đời một cuốn sách thì y như rằng bà cũng mang bầu và đẻ được một đứa con. Anh Triệu tôi đi đôi với *Anh phải sống* (1932, tác phẩm viết chung với Khái Hưng, thảo nào mà ông Khái Hưng chọn anh Triệu tôi làm con nuôi), anh Thạch tôi song hành với *Đoạn tuyệt* (1935), chị Thoa tôi nhịp bước cùng *Bướm trắng* (1938). Qua năm 1940, mẹ tôi sinh đứa con út là tôi thì cha tôi cũng khởi viết *Xóm Cầu Mới.* Trong thập niên (19)40 cha tôi đi con đường chính trị bôn ba nước ngoài, ông ngưng viết, mẹ tôi ngưng đẻ. Chính trị đi đôi với chay tịnh! Cả ông lẫn bà đều ngừng sáng tác. Lý ra thì cuốn sách *Xóm Cầu Mới* này phải ra đời năm 1940, hoặc trễ là năm 1941. Nhưng vì đây là một tác phẩm mang hoài bão quá lớn lao của ông cụ, dự tính dầy gần 10 ngàn trang, cái thai to quá, nó cứ ngâm mãi trong bụng cha tôi không chịu chui ra. Phải mãi tận 33 năm sau, năm 1973, tức 10 năm sau ngày ông cụ mất, nó mới được xuất bản lần đầu. Chính tôi (lúc đó đã 33 tuổi) lại là người "đỡ đẻ" nó. Thế có lạ không?

Nhất Linh viết đi viết lại *Xóm Cầu Mới* cả thảy 5 lần. Lần đầu năm 1940 tại Hà Nội. Lần cuối bên dòng suối Đa Mê – Fim Nôm (Đà Lạt) năm 1957. Năm 1960 vì biết là mình không thể hoàn tất bộ trường thiên tiểu thuyết *Xóm Cầu Mới* như đã dự định nên Nhất Linh bỏ ý định xuất bản cuốn truyện này. Ông cho ra đời tập truyện *Thương chồng,* gồm 6 truyện ngắn mà 5 truyện là 5 chương trong *Xóm Cầu Mới* đã được đổi nhan truyện và tên nhân vật.

Tập bản thảo dầy nhất là tập viết lần thứ ba năm 1949 tại Hương Cảng, gồm 4 quyển, bị thất lạc từ năm 1963. Mười năm sau tôi tìm lại được 4 quyển bản thảo này. Mặc dù biết đây là tác phẩm chưa hoàn thành tôi cũng quyết định cho xuất bản. *Xóm Cầu Mới* được in lần đầu năm 1973 tại Sài Gòn. Nó là tác phẩm đầu tiên đánh dấu ngày hoạt động lại của nhà xuất bản Phượng Giang do tôi phụ trách.

Lê Quỳnh Mai: *Tác phẩm dịch thuật* Đỉnh Gió Hú *xuất bản trong thời gian qua nằm trong trường hợp trên, ông đã đóng góp chuyển dịch những chương cuối cùng với sự cố gắng theo đúng tinh thần dịch thuật của Nhất Linh. Ông cho biết thêm về tác phẩm này.*
Nguyễn Tường Thiết: Ngay sau khi xuất bản cuốn truyện *Xóm Cầu Mới*, tôi nghĩ ngay tới việc xuất bản cuốn tiểu thuyết *Đỉnh Gió Hú* của Emily Brontë mà ông cụ tôi dịch dang dở. Tôi nhờ nhà văn Bảo Sơn, một người bạn văn cũng là đồng chí của ông cụ dịch tiếp. *Đỉnh Gió Hú* do Nhất Linh - Bảo Sơn dịch, nhà Phượng Giang xuất bản, được phát hành tại Sài Gòn vào

khoảng đầu năm 1975. Lúc ấy chiến sự đang diễn ra hết sức khốc liệt. Quyển *Đỉnh Gió Hú*, như số phận của tác giả cuốn sách, vừa mới ra đời đã sớm yểu mệnh. Ba tháng sau nó tan tác chìm theo vận nước trong biến cố tháng Tư.

Ba mươi hai năm sau, năm 2007, vì chỉ có trong tay bản thảo dịch cuốn *Đỉnh Gió Hú* của Nhất Linh, tôi tiếp tục tự dịch lấy một số chương cuối để hoàn tất và xuất bản cuốn truyện này.

Trước khi khởi dịch tôi so đi so lại nhiều lần bản dịch của Nhất Linh với nguyên tác Anh ngữ và tôi khám phá ra rằng ông cụ tôi đã lược bỏ ở rải rác nhiều chỗ khác nhau một số những đoạn ngắn, ví dụ như những đoạn tác giả giảng giải về tôn giáo. Ông cụ tôi có lẽ đã nghĩ rằng không cần dịch những đoạn đó vì có bỏ sót cũng không ảnh hưởng gì đến nội dung truyện và những đoạn đó quá xa lạ đối với độc giả Việt Nam. Phải nhận rằng cách dịch như thế làm cho tác phẩm dịch trở nên thanh thoát hơn nguyên tác. Tiện đây tôi cũng xin nói là trong cuốn sách *Đỉnh Gió Hú* do Văn Mới phát hành năm 2007 tôi đã phạm một lỗi lầm là ở ngay bìa cuốn sách thay vì đề "Nhất Linh dịch" tôi lại đề "Nhất Linh chuyển ngữ". Tôi nghĩ dùng chữ "chuyển ngữ" là không đúng vì không thể nào chuyển ngữ một tác phẩm văn chương, đặc biệt là nó không phản ánh cách dịch của Nhất Linh trong tác phẩm này. Ngoài ra Nhất Linh còn có một biệt tài mà tôi không sao bắt chước được trong cố gắng theo sát tinh thần dịch thuật của ông, đó là ông cụ đã tạo trong tác phẩm dịch này một làn hơi văn có thoảng chút khôi hài nhẹ nhàng kín đáo. Vì thế người đọc tinh ý có thể nhận ra cái không khí thanh thoát của những chương dịch đầu chuyển dần sang không khí nặng nề hơn trong những chương dịch cuối.

Lê Quỳnh Mai: *Trở ngược thời gian, một trong những tác phẩm của Nhất Linh được nhắc đến nhiều và đưa vào chương trình giáo dục tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975 là* Đoạn tuyệt*. Là "đồng nghiệp thế hệ sau", ông cho ý kiến về tác phẩm này dưới mắt nhìn của một người cầm bút? Văn phong Nguyễn Tường Thiết lúc mới viết có ảnh hưởng Nhất Linh không? Ông có được cụ khuyến khích theo con đường mà đa số nhà văn vẫn than là "cái nghiệp"?*
Nguyễn Tường Thiết: Khi đánh giá về cuốn *Đoạn tuyệt* một số phê bình gia thường hay trích dẫn câu sau này trong cuốn biên khảo *Viết và đọc tiểu thuyết* của Nhất Linh: "*Sự hoan nghênh của những truyện (luận đề) đó, nhất là* Đoạn tuyệt*, những lời khen ngợi của các nhà phê bình, đã làm tôi sau này khó chịu một cách thành thực*". Câu trích này dễ đưa đến ngộ nhận là tác giả không ưng tác phẩm này chỉ vì nó là tác phẩm luận đề. Sự thực không phải thế. Trong cuốn biên khảo đó Nhất Linh nhấn mạnh cái sai lầm lớn nhất trong đời văn sĩ của ông là đã để cái ý định dùng tiểu thuyết làm một việc gì (viết sách luận đề chẳng hạn) lên trên cái ý định viết một cuốn tiểu thuyết hay. Chính cái sai lầm này - tác giả thú nhận - là đã làm cho Nhất Linh viết cuốn *Đoạn tuyệt* kém hay. Cuốn *Đoạn tuyệt*không hay bằng cuốn *Đôi bạn* mặc dù cuốn sau không được nhiều người đọc và ca ngợi nhiều như cuốn trước. Từ nhận định đó của Nhất Linh tôi rút được bài học nó làm kim chỉ nam cho những bài viết của tôi: "Viết cái gì cũng được, miễn là viết cho hay" (hay theo ý tôi, cố nhiên, còn thế nào là hay thì lại là chuyện khác, nó tốn nhiều giấy mực lắm).

Chị hỏi tôi lúc bắt đầu viết có chịu ảnh hưởng bởi văn của ông cụ không? Điều này để chị nhận xét nhé. Bài viết đầu tiên của tôi năm tôi 24 tuổi đăng trên báo *Văn Học ở* Sài Gòn là bài "Niềm vui chết yểu", sau này đăng lại trong tập hồi ký *Nhất Linh, cha tôi.* Chị thấy nó thế nào? Có hơi hướm Tự lực Văn đoàn không? Riêng tôi, tôi nghĩ rằng không. Hồi đó tôi ít đọc sách truyện của Tự lực Văn đoàn lắm mà đọc nhiều truyện của nhóm Bách khoa, Sáng tạo. Tôi mê đọc Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Dương Nhiễm Mậu... Tôi nghĩ nếu văn tôi có chịu ảnh hưởng ai thì ắt hẳn phải đến từ các vị này.

Ai cũng biết ông cụ tôi là người có biệt tài phát hiện những tài năng văn chương mới. Là người cha ông cụ hẳn nhìn thấy rõ tiềm năng văn nơi người con trai út của ông. Hồi tôi mới 17 tuổi tôi đã đưa ông xem dăm ba mẩu truyện ngắn tôi viết. Ông thích lắm nhưng tuyệt đối ông không khuyến khích tôi đi vào nghiệp văn của ông, cái "nghiệp" mà có lẽ trong thâm tâm ông không muốn các con của ông đi vào. Ngày mồng 2 tháng 7 năm 1963, năm ngày trước khi chết, Nhất Linh lẳng lặng đến nhà in Trường Sơn cho đánh máy tờ ủy quyền cho người con trai út được toàn quyền thay thế ông trong việc xuất bản những tác phẩm của Nhất Linh trong mọi trường hợp ông "*vắng mặt vì bất cứ một lý do gì*" (nguyên văn). Bản di chúc này chính là động cơ mọi nỗ lực của tôi trong việc xuất bản và tái bản những tác phẩm của ông cụ, trong đó kể cả việc tìm kiếm bản thảo và in ấn những tác phẩm chưa xuất bản của Nhất Linh, như trường hợp hai cuốn *Xóm Cầu Mới* và *Đỉnh Gió Hú*.

Bây giờ chúng tôi có hai đứa con đã trên 30 tuổi. Thực bụng chúng tôi chỉ mong ước một điều là thấy chúng nó có được một đời sống bình thường hạnh phúc, hoàn toàn không hề kỳ vọng ở chúng có được một sự nghiệp lớn lao nào. Bây giờ tôi mới hiểu vì sao ông cụ tôi 50 năm trước đã không khuyến khích tôi đi vào con đường của ông, con đường mà ông đã nhìn thấy trước là có rất nhiều hệ lụy. Hiểu được điều này tôi thấy thương cảm ông hơn và cũng biết ơn ông sâu xa hơn.

Lê Quỳnh Mai: *Nhà văn Trần Vũ dùng tài hoa thủ thuật hư cấu mang nhân vật Tuyết trong* Đời mưa gió *của Nhất Linh làm thành tác phẩm "Giáo sĩ". Truyện được phê bình tốt về mặt sáng tạo nhưng bị công kích về mặt tôn giáo. Ông có ý kiến thế nào về "Giáo sĩ"?*
Nguyễn Tường Thiết: Tôi là nhà văn lớp cũ thuộc loại ít đọc, ít theo dõi những sáng tác của các nhà văn lớp trẻ, vì vậy làm quen với Trần Vũ hơi muộn, chỉ mới vài năm đây thôi. Nhưng tác phẩm đầu tiên tôi đọc của Trần Vũ đăng trên tạp chí *Văn* số Xuân Quý Mùi 2003, bút ký "Hiệp hội tương tế Bắc Việt nghĩa trang" của nhà văn trẻ này đã làm tôi chú ý ngay. Tôi vốn thích lối viết văn nhiều*flaskback*, nặng kỹ thuật điện ảnh, nhưng anh chàng Trần Vũ trong tác phẩm này xem ra có vẻ "cực đoan" hơi tôi nhiều: anh đem không gian thời gian Sài Gòn Hà Nội Bãi Cháy quá khứ tương lai hiện tại đổ chung vào một cái máy xay sinh tố rồi anh nhấn nút, khi mọi thứ đã nhuyễn anh đổ lên trên trang giấy mời độc giả thưởng lãm. Đọc cứ rối cả lên nhưng thích thú!

Sau này đọc thêm những truyện khác của anh, nhất là những truyện lịch sử, tôi tuy công nhận anh là nhà văn có tài, phục anh có trí tưởng tượng phong phú, nhiều ý thức sáng tạo, nhưng tôi không còn cảm thấy thích thú đọc nữa. Tôi thuộc loại nhà văn lớp già, quan niệm thẩm mỹ đã vào khuôn cứng, lại thích lối viết văn nhiều cảm tính nên rất khó tiêu thụ được lối văn "hậu hiện đại", vô cảm và nhiều ẩn dụ của anh và của nhiều nhà văn trẻ bây giờ. Cách viết của họ không làm (con tim) tôi rung động mà làm (trí óc) tôi mệt mỏi, tim tôi không cảm nhưng óc tôi phục họ.

Riêng tác phẩm "Giáo sĩ" của Trần Vũ tôi không có ý kiến vì chưa đọc. Tôi chỉ đọc một bài bình luận của tác giả Ban Mai về tác phẩm này đăng trên tạp chí *Văn Học* số tháng 1-2/2008. Tôi hy vọng trong tương lai tôi sẽ đọc tác phẩm gây nhiều tranh cãi này để coi xem nhận định sau đây của tác giả Ban Mai có căn cứ hay không: *"Chỉ riêng 'Giáo sĩ", Trần Vũ xứng đáng có vị trí trang trọng trong lịch sử phát triển tiểu thuyết hiện đại Việt Nam".*

Là con của nhà văn Nhất Linh, tiện đây tôi cũng xin chị cho phép tôi nhân cơ hội này được chuyển đến nhà văn Trần Vũ lời cảm ơn. Trong quyển sách *Tác giả, với chúng ta* của Lê Quỳnh

Mai, khi được tác giả hỏi thế nào là một nhà văn, nhà văn Trần Vũ đã trả lời: "*Với tôi, một nhà văn, ngoài tác phẩm, trước nhất là một người trí thức có tư cách và cất tiếng nói trước bất công của xã hội, trước chính quyền không sợ hãi, với tất cả trách nhiệm. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam là một nhà văn. Ông xứng đáng là văn hào của nước Việt Nam".*

Lê Quỳnh Mai: *Có phải cuộc sống tinh thần của nhà văn Nguyễn Tường Thiết luôn bị ám ảnh bởi cái chết đau lòng của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam? Nếu đây không là câu hỏi đi vào đời sống cá nhân, ông cho biết cảm xúc về biến cố này và có bao giờ trong một phút thất vọng trước đời sống có ý định tự tử như Nhất Linh?*
Nguyễn Tường Thiết: Vâng, tôi bị ám ảnh bởi cái chết của ông cụ tôi và ám ảnh này rất nặng. Tôi không bao giờ ám ảnh bởi câu hỏi vì sao ông cụ tôi tự vẫn. Với tôi lý do đã quá hiển nhiên, qua lá thư tuyệt mệnh ông để lại. Tôi ám ảnh bởi sự kiện là đã tôi mất đi một người cha một cách vô cùng đột ngột. Hồi ấy tôi 23 tuổi. Từ nhỏ cho đến hết thời niên thiếu tôi luôn luôn xem ông cụ tôi như một người cha bình thường như mọi người cha khác. Cho đến năm ấy khi tôi bước vào cái tuổi biết suy nghĩ, bắt đầu tìm hiểu về cha tôi, khám phá rằng cha tôi đã có một cuộc đời ngoại hạng, ý thức mình đã vô cùng may mắn được là con của ông, tôi bắt đầu kính nể ông thì đúng vào lúc ấy ông đột ngột ra đi vĩnh viễn. Cái chết của ông cụ như nhát chém cắt đôi cuộc đời tôi, để lại một sự ân hận nuối tiếc khôn nguôi.

Cố nhiên là cái chết của cha tôi đã gây rất nhiều xúc cảm trong tôi. Tôi đã ghi lại những cảm xúc ấy trong bài "Niềm vui chết yểu" mô tả những giờ phút cuối cùng của ông cụ, bài này tôi viết 6 tháng sau ngày ông cụ tôi qua đời.

Cha tôi đã có lần khuyên tôi là viết văn cần nhất ở sự chân thành. *"Mình cần phải thành thực với chính mình"*. Ông đã nói với tôi như thế. Theo tinh thần đó tôi cũng xin trả lời thành thật câu hỏi của chị. Vâng, đã có rất nhiều lúc tôi có "ý nghĩ" tự tử. Còn "ý định" tự tử rất hiếm xẩy ra nhưng không phải không có. Tôi cho rằng ý nghĩ, ngay cả ý định tự tử, là chuyện bình thường, người ít người nhiều, ai chẳng có lúc thoáng qua trong đầu? Tôi tin rằng từ ý nghĩ sang ý định sang thực hiện là những khoảng cách vô cùng lớn. Ông cụ tôi là nhà văn, con người ông nhiều suy nghĩ trăn trở, cuộc đời ông ba chìm bẩy nổi, thành công cũng nhiều, thất vọng cũng lắm, đương nhiên ý nghĩ tự tử phải đến với ông nhiều gấp bội những người khác. Nhưng từ đó mà gán ghép ông cụ tôi có bệnh tâm thần, là nguyên nhân trực tiếp đưa đến cái chết của ông cụ tôi như trong bài viết của ông Nguyễn Văn Lục là một nhận định hết sức hàm hồ và hoàn toàn không đúng với sự thực.

Lê Quỳnh Mai: *Nói về văn nghiệp Nguyễn Tường Thiết, trong hồi ký* Nhất Linh, cha tôi *(Văn Mới, 2006), nhà văn Lê Minh Hà viết lời bạt: "Anh đã dựng lại con người lịch sử, con người tiểu thuyết Nhất Linh như con người bình thường của đời thường chứ không phải trong đời thường cụ vẫn hiện diện như con người của lịch sử hay tiểu thuyết...". Dấu ấn kỷ niệm nào sâu đậm nhất giữa ông và cụ thân sinh, trong khoảng thời gian cuối cùng – trong đời sống của một người bình thường - không phải nhà cách mạng cũng không phải nhà văn.*
Nguyễn Tường Thiết: Kỷ niệm sâu đậm ghi nhiều dấu ấn trong tôi nhất là những kỷ niệm xẩy ra nhiều năm trước khi cha tôi mất. Hồi ấy ở trên Đà Lạt cha tôi hay tổ chức cuối tuần những cuộc đi chơi picnic. Hôm ấy trên chiếc xe hơi của bác Lê Đình Gioãn chúng tôi hai gia đình đi chơi suối vàng cách Đà Lạt 17 cây số. Đến suối bọn trẻ chúng tôi túa vào rừng thông, lội suối, thám hiểm những vùng đất lạ. Tôi xách súng cao su theo các anh lớn vào rừng bắn chim. Bác Gioãn, chú Trương Bảo Sơn và cha tôi vào rừng kiếm hoa phong lan. Mẹ tôi chị tôi và các cô con gái bác Gioãn thì không đi đâu xa, chỉ ngồi tụ nhau bên suối chỗ đỉnh của thác nước để hàn huyên.

Mẹ tôi loay hoay sửa soạn bữa ăn ngoài trời cho cả bọn. Buổi trưa sau khi đã mệt và đói bụng chúng tôi lần theo tiếng kèn clarinet của cha tôi mà trở về suối. Anh Thạch và tôi khi về lại chỗ đầu thác nước thì thấy không có cách gì để qua bên kia suối được vì chỗ này là đỉnh thác, con suối dù rất hẹp chỉ rộng hai thước nhưng nước chẩy rất xiết. Anh Thạch và tôi bắt buộc phải qua bờ bên kia để nhập với tất cả mọi người ở bên ấy. Ở tít xa dưới kia nơi chân thác tôi thấy cha tôi đang cặm cụi ngồi vẽ, ông đang vẽ thác nước, thỉnh thoảng ông ngước mặt lên nhìn đỉnh thác nơi hai chỗ chúng tôi đứng. Sau cùng chúng tôi thấy ở gần miệng thác có một cái cây lớn đổ xuống, thân cây nằm vắt ngang suối. Thế là anh tôi bò trước tôi bò sau chúng tôi qua thân cây sang được bờ bên kia.

Một năm sau trong một lần đi chơi thác nước Datanla, cha tôi và tôi trong lúc đi dọc theo dòng suối chúng tôi khám phá ra một cái vực rất sâu và hẹp, vách đá dựng đứng, nhìn xuống trông rất ghê rợn. Trong lúc tôi nhỏm người gần bờ vực để nhìn cho rõ thì cha tôi đẩy tôi ngược về phía sau. Ông hét lên: "*Đừng dại thế. Nhỡ ngã xuống thì sao*!". Rồi cha tôi mắng tôi một thôi một hồi. Tôi chưa bao giờ thấy ông giận dữ như thế. Người ông run lên. Sau đó ông kể tôi chuyện xẩy ra từ một năm trước trong lần chúng tôi đi picnic ở suối vàng. Lần ấy trong lúc ngồi vẽ cái thác nước cha tôi ngửng lên và kinh hoàng nhìn thấy ở trên tít cao tôi đang bò trên một khúc cây nằm vắt qua thác! Cha tôi bảo tôi: "*Lúc ấy cậu chỉ sợ cái khúc cây ấy nó lăn!".* Kể xong mặt ông buồn rầu thấy rõ và cuộc đi chơi thác Datanla sau đó mất hết cả hứng thú cho cả hai bố con.

Sau này nhớ lại kỷ niệm hai lần đi chơi ấy tôi thường tự hỏi vì sao ông đã không mắng tôi từ một năm trước ngay trong lần đi chơi thứ nhất ở suối vàng? Ông đã giấu kín câu chuyện ấy trong lòng suốt một năm. Và nếu không có chuyến đi chơi Datanla thì mãi mãi tôi không biết được là cái hành động vô cùng dại dột đó của tôi ông đã chứng kiến và làm ông hoảng sợ.

Lê Quỳnh Mai: *Tùy bút "Mùa hạ năm ấy" (Văn Mới, 2008) tả hành động của nhân vật nữ... "Rồi chị lấy một đầu ngón tay rà xung quanh cái đầu nâu hồng của núm vú chị... hơi thở dồn của chị Dự phà lướt bên tai tôi..." (tr. 26-27). Đoạn văn erotic chứng minh Nguyễn Tường Thiết không là độc giả có cái nhìn quá khắt khe về chủ đề tình dục. Ông có ý kiến sao?*

Nguyễn Tường Thiết: Tại sao lại phải khắt khe nhỉ? Tình dục là một đề tài thú vị nếu viết hay, lại càng thú vị hơn cho người đọc phái nam nếu được viết từ một nhà văn nữ. Quan niệm của tôi như đã nói ở phần trên là viết cái gì cũng được miễn là viết hay, đặc biệt là với đề tài rất khó viết này. Nhà văn Võ Phiến rất tài tình khi ông viết về tình dục. Tôi nhớ đọc ở đâu đó một truyện của ông ta, truyện có một đoạn ông chỉ mô tả mỗi một ngón chân cái của một người đàn bà trong lúc làm tình, chỉ thế thôi mà lòng tôi cứ rực cả lên. Cái tài tình là ông ấy chỉ tả có 1% thôi, một mẩu tí tị thôi, nhưng cái mẩu ấy nó ác liệt lắm, nó cho người đọc hình dung đầy đủ 99% phần còn lại. Nhà văn Nhất Linh nhẹ nhàng hơn nhưng cũng làm xao xuyến người đọc không kém trong "Bác Hòa hàng cơm" của *Xóm Cầu Mới*. Bạo tợn hơn nữa trong mô tả đề tài tình dục mà vẫn có cái hay của nó tôi thấy có Bảo Ninh trong *Nỗi buồn chiến tranh*, hay trong một số truyện ngắn của Kiệt Tấn, Nguyễn Huy Thiệp.

Những năm gần đây có một hiện tượng là các nhà văn nữ trẻ đã viết về đề tài tình dục khá nhiều, có lẽ nhiều hơn bên nam giới. Như đã nói, tôi là nhà văn thuộc loại ít đọc. Có nhiều nhà văn nữ tôi chưa hề đọc một tác phẩm nào của họ và ngay cả một số nhà văn tôi đã đọc thì cũng không phải là đọc hết những bài họ viết, vì thế tôi không thể có một nhận xét chung, theo lối "vơ đũa cả nắm".

Tuy thế, giới hạn qua một số truyện tôi được đọc của một số nhà văn nữ viết về đề tài tình dục tôi thấy nói chung họ có lối viết lạ, mạnh, thẳng, bạo, nhưng thiếu cái... hay. Chính cái thiếu này làm tôi khựng lại không muốn tìm đọc thêm những tác phẩm khác của họ. Nhưng đôi lúc nghĩ lại tôi tự nói với mình: "Ơ hay cái ông già này! Ông cứ chăm chăm soi mói nhất định tìm cái hay, trong khi những vị đó đâu "ke" cái hay, họ viết tình dục là để nhắm cái khác, mục đích khác: tình dục viết theo lối huỵch toẹt để chống đạo đức giả, tình dục ẩn dụ để nói lên thân phận phụ nữ v.v... A! té ra mình thưởng ngoạn tình dục như một trái táo trong khi nó là trái cam theo quan niệm của họ, sai bét rồi! Nghĩ thế thì biết thế thôi chứ trong lòng vẫn hậm hực. Hậm hực thấy họ viết không hay. Giá họ viết hay sẽ thú vị cho người đọc biết là chừng nào mà rất có thể cái dụng ý mà họ muốn truyền đạt lại có tác dụng tốt hơn. Đến đây thì chúng ta lại quay lộn trở về cái sai lầm của ông Nhất Linh, cái sai lầm mà ông tự thú đã khiến ông viết cuốn tiểu thuyết luận đề *Đoạn tuyệt* kém hay.

Lê Quỳnh Mai: *Truyện* "Mùa xuân trên phố" *rất dí dỏm... "Tôi cứ nhắm cái mông cô gái Mỹ mà đi. Tại sao vậy? Hình như có một động lực nào thôi thúc tôi đi theo cô ta. Cái mông béo tròn trước mắt chỉ làm cho tôi liên tưởng đến cái thú ăn uống mà cô ta đã tận hưởng qua bát phở kia... (*Mùa hạ năm ấy*, tr. 42, Văn Mới, 2008). Rất tình tự quê hương khi nhắc về phở. Ông có định chuyển dịch tác phẩm sang Anh ngữ để giới thiệu món ăn Việt Nam quốc hồn quốc túy?*
Nguyễn Tường Thiết: Cũng lâu rồi, một bữa kia vợ chồng tôi đi ăn phở tại một tiệm nằm khá xa khu đông cư dân Việt, thực khách đa số là người ngoại quốc. Chúng tôi gặp một thực khách người Mỹ trong tiệm phở ấy. Cái cách ăn phở của cô ta làm chúng tôi chú ý. Không những cô ta bỏ tất cả những thứ gia vị có ở trên bàn lên trên tô phở trước khi ăn mà cái cách ăn của cô ta cũng rất đặc biệt, cô thưởng thức tô phở một cách nồng nhiệt hiếm thấy, đến độ cô ta bất chấp phép lịch sự tối thiểu của người ngoại quốc bưng bát phở húp hết nước cặn như kiểu húp của các bà già quê ở Việt Nam. Hình ảnh cô gái Mỹ ăn phở ấy cứ lấn cấn mãi trong óc tôi, cho đến khi tôi trải được nó ra trên trang giấy, trong truyện ngắn "Mùa xuân trên phố". Truyện này lần đầu đăng trên tạp chí *Thế Kỷ 21*dưới bút hiệu Thạch Long (cái bút hiệu nở muộn sớm tàn, chỉ xuất hiện đúng một lần).

Vâng, tôi có ý định nhờ chuyển dịch truyện ấy sang Anh ngữ để giới thiệu một món ăn quốc hồn quốc tuý của Việt Nam. Chị có thể giúp tôi việc này được không? Tôi dịch từ Anh sang Việt thì được mà dịch ngược lại thì tôi chịu thua.

Lê Quỳnh Mai: *Biến cố 1975 gây chấn động thế giới để lại một vết thương quá lớn cho dân tộc Việt Nam nói chung. Trong "Tuyến đường ga Ấm Thượng" (tr. 168-192), ông mượn lời chị dâu tả tâm tình cảm xúc của phụ nữ dắt con về thăm quê hương đúng nơi chồng mình đã bị tù cải tạo. Sau hơn 33 năm, thế hệ cũ dần dần không còn tồn tại, thế hệ mới không hiểu vết thương sâu đậm ấy dù được kể lại. Theo ông chúng ta nên vui hay buồn nên quên hay nhớ để giáo dục cho thế hệ sau những điều tốt đẹp về đất nước.*
Nguyễn Tường Thiết: Cuộc đời của chúng ta rồi cũng sẽ đi qua. Thế hệ mới tiếp nối như dòng chảy bất tận của cuộc sống. Tôi nghĩ xưa kia thế hệ ông cha mình chắc cũng có những âu lo như mình bây giờ, không hiểu thế hệ sau có hiểu được những đoạn trường mà họ đã đi qua, chính vì thế mà nẩy sinh những thiên hồi ký để lại cho đời sau. Thế hệ chúng ta là một thế hệ rất đặc biệt. Bước chân qua ngưỡng cửa phân chia hai thiên niên kỷ đã là sự kiện hy hữu, lại hy hữu hơn nữa cho những người sống nơi hải ngoại như chúng ta với hai mảnh đời hoàn toàn khác biệt, kết quả của một biến cố lớn đẩy làm hàng triệu người Việt phải sống tung toé trên hầu như mọi quốc gia của hành tinh này, một chuyện không tiền khoáng hậu xẩy ra trong lịch

sử nước ta.

Những đứa con của chúng tôi được nuôi dưỡng từ bé trong môi trường khác hẳn môi trường chúng ta đã được nuôi dưỡng nay đã bước qua tuổi trưởng thành. Do khuynh hướng tự nhiên càng lớn tuổi chúng càng thích tìm hiểu hơn về nguồn cội. Tùy điều kiện riêng của mỗi người chúng ta có cách thế riêng để giáo dục chúng về quê hương đất nước. Chúng tôi đã thu xếp để chúng có dịp trở về thăm Việt Nam. Riêng tôi khi viết lại hồi ký của đời mình cũng có dụng ý để cho con cái, nếu sau này muốn tìm hiểu thì có sẵn tư liệu. Trong thế hệ sau những đứa sinh trưởng hoặc lớn lên ở hại ngoại, nếu chúng nói và nghe được tiếng Việt đã là đều may, chứ đừng trông chờ chúng đọc và viết được tiếng mẹ đẻ. Vì thế những bài viết của tôi đại loại như truyện "Tuyến đường ga Ấm Thượng", tôi hy vọng sẽ được chuyển qua Anh ngữ để thế hệ sau có thể đọc được.

Lê Quỳnh Mai: "*Sau lưng người đàn ông thành công là người đàn bà tuyệt vời." Phụ nữ trong gia đình Nhất Linh nói riêng và dòng tộc của Nguyễn Tường nói chung, là những người có định mệnh đi liền với lịch sử chính trị và văn học Việt Nam. Họ chia sẻ buồn vui bất trắc của Nhất Linh. Ông có thể cho độc giả biết thêm về hình ảnh của thân mẫu, Thái Vân người bạn đời của Nguyễn Tường Thiết.*
Nguyễn Tường Thiết: Mẹ tôi là hình ảnh của một người đàn bà Việt Nam điển hình: nhẫn nại, tảo tần, hết đời một lòng hy sinh cho chồng con. Xuất thân từ một gia đình họ Phạm quê ở làng Phượng Vũ, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, mẹ tôi lập gia đình với cha tôi năm 1925 khi bà và cha tôi còn rất trẻ, mẹ tôi 18 và cha tôi 19 tuổi. Lập gia đình mẹ tôi theo đuổi nghề cau của bà ngoại tôi. Chính nhờ nghề cau này mà mẹ tôi đã nuôi dưỡng hơn mười người con của bà và giúp chồng rảnh tay theo đuổi lý tưởng và sự nghiệp của ông. Mẹ tôi thường nói cha tôi tuổi con ngựa nên suốt đời đi xa, không mấy khi ở gần gia đình. Bà cũng nói khi lấy chồng, cha tôi đã cam kết ngay từ đầu rằng mỗi người có một bổn phận, ông có bổn phận đối với xã hội, còn bà có bổn phận đối với gia đình. Cha mẹ tôi sống xa nhau thường xuyên mà không ai phiền hà, tôi cho rằng phần lớn vì cả hai có một điểm rất giống nhau, đó là sự say mê làm việc. Nếu cha tôi đam mê viết sách, làm báo và những hoạt động xã hội thì mẹ tôi cũng say mê trong việc làm ăn buôn bán không thua gì cha tôi.

"Sau lưng người đàn ông thành công là người đàn bà tuyệt vời." Câu nói mà chị trích dẫn rất đúng trong trường hợp của song thân tôi. Chẳng thế mà cụ Nguyễn Hải Thần, một nhà cách mệnh lão thành, đã từng có câu khen ngợi mẹ tôi: *"Anh Tam nếu không có chị ấy thì không thể làm nên sự nghiệp này".* Chẳng thế mà nhà phê bình và nghiên cứu văn học Thụy Khuê trong bài "Thế hệ bắc cầu" đã từng viết câu này: *"Mẹ anh (Nguyễn Tường Thiết) là bà Tú Xương của Văn đoàn, nếu không có bà thì Văn đoàn không thể 'Tự lực' được".*

Sự hy sinh của mẹ tôi cho sự nghiệp của cha tôi là một sự hy sinh tự nguyện đến tự một tấm lòng hết mực *Thương chồng* như nhan đề một cuốn sách cha tôi xuất bản năm 1960. Ngoài sự yêu thương, cha mẹ tôi còn có sự tương kính. Không bao giờ tôi nghe thấy bố mẹ tôi to tiếng với nhau.

Để nói lên lòng yêu thương và sự tương kính đó thiết tưởng không gì bằng trích dẫn một đoạn hồi ký sau đây của thi sĩ Huy Cận trong tập *Hồi ký song đôi* của ông - tập 2 - trang 258 do nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành, Hà Nội, năm 2002: "... có lần Nhất Linh tâm sự với tôi: 'Chắc anh sẽ hỏi tôi tại sao tôi có nhiều con. Có gì đâu? Bà vợ tôi thích đẻ con, vì bà ta cho biết mỗi lần mang thai thì sức khỏe của bà tốt lên, thấy yên ổn trong người. Thụ thai và mang thai đối

với vợ tôi là một hạnh phúc. Đó là một hạnh phúc cụ thể, vừa cơ thể vừa tâm hồn, đó là kinh nghiệm của tôi, hay đúng hơn là kinh nghiệm của vợ tôi'. Nhất Linh nói mấy câu đó với một nụ cười không phải là hóm hỉnh, mà như là một nụ cười tình cảm, tỏ lòng biết ơn người vợ đoan trang và đảm đang của mình. Có lần Nhất Linh cũng nói với tôi: 'Làm vợ một nhà văn nhiều khi cũng phiền, và cũng thiệt, phải hy sinh nhiều. Cứ xem vợ ông Tú Xương thì rõ: *Quanh năm buôn bán ở mom sông - Nuôi đủ năm con với một chồng - Lặn lội thân cò khi quãng vắng - Eo sèo mặt nước lúc đò đông'* (thơ Tú Xương mà Nhất Linh đọc thuộc lòng, với một giọng như là mượn lời thơ trên để tỏ lòng biết ơn vợ, mặc dù bà Nhất Linh không đến nỗi vất vả, tần tảo như bà Tú Xương)."

Chỉ vài giờ trước khi lìa đời cha tôi đã để lại những dòng chữ sau đây cho mẹ tôi, người đàn bà "rất thân yêu" như cha tôi đã viết trên trang đầu bản thảo cuốn *Xóm Cầu Mới*: *"Mình, mối tình của đôi ta trong bao năm đẹp đẽ lắm rồi, không mong mong ước gì hơn nữa. Anh, 7-7-1963".*

Chị hỏi tôi về trường hợp Thái Vân và tôi thì tôi cũng xin trả lời như thế này. Chúng tôi thuộc hẳn một thế hệ khác, lại sinh sống ở hải ngoại hầu như gần trọn cuộc đời chung sống, tôi không đi vào nghiệp văn trọn cuộc đời như ông cụ tôi nên nhà tôi không phải đối phó với những "điều phiền", "điều thiệt" của mẹ tôi, như cha tôi đã từng tâm sự như thế với ông Huy Cận.

Tuy nhiên trong cuộc sống lứa đôi, chúng tôi may mắn là có những quan điểm căn bản về đời sống giống nhau, lại học được thêm cái cách cư xử của song thân tôi những bài học quý giá cần thiết cho việc duy trì hạnh phúc gia đình. Đó là ngoài tình yêu thương, vợ chồng cần đối xử với nhau với sự quý trọng.

Lê Quỳnh Mai: *Trong lời tựa của* Mùa hạ năm ấy*, Phạm Phú Minh viết: "... Bây giờ chúng tôi bắt đầu bước vào tuổi già, anh Thiết lại bắt đầu viết hăng, tôi chỉ biết gửi gấm đôi nét của lòng mình vào tác phẩm anh, gọi là đánh dấu một chút tri kỷ muộn màng" (tr. 10). Tình bạn của Nguyễn Tường Thiết và Phạm Phú Minh bắt đầu từ đâu?*
Nguyễn Tường Thiết: Chúng tôi quen biết nhau do một cái duyên. Năm 2002, cả anh ấy và tôi, hai người không quen biết nhau, ở hai nơi cách xa nhau, cùng âm thầm làm một công việc về tác giả Nhất Linh, mà người nọ không biết việc làm của người kia. Ở Cali anh Phạm Phú Minh, hồi đó là chủ bút của tạp chí *Thế Kỷ 21*, sửa soạn ra số báo chủ đề "Tưởng niệm Nhất Linh", dự tính ấn hành vào tháng 7 năm đó nhân ngày giỗ thứ 39 của ông cụ tôi. Ở Seattle, tôi đánh máy bản thảo cuốn trường thiên thiểu thuyết *Xóm Cầu Mới* của ông cụ, và dự tính tái bản cuốn truyện này cũng vào tháng 7. Trước khi khởi công đánh máy tôi đã liên lạc với anh Võ Phiến xin anh ấy viết cho một bài bạt để in trong cuốn *Xóm Cầu Mới* tái bản, và anh ấy đã gửi tôi bài "Đọc bản thảo của Nhất Linh". Một bữa anh Võ Phiến gọi điện cho tôi xin được chuyển bài viết ấy cho *Thế Kỷ 21* để đăng thêm trong số "Tưởng niệm Nhất Linh". Thế là qua anh Võ Phiến tôi mới biết là ở Cali họ đang thực hiện số báo này. Tôi liên lạc với anh Phạm Phú Minh từ đó.

Sau này được gặp anh Minh tôi có cảm tình rất đặc biệt với anh. *"Phạm Xuân Đài là một con người trầm lặng, khiêm cung, ăn nói nhỏ nhẹ. Hình như toàn sức sống của ông đều dồn vào nội tâm…"*Đúng như nhận định của giáo sư Trần Hồng Châu viết về anh ấy trong lời Tựa cho cuốn sách *Hà Nội trong mắt tôi* của Phạm Xuân Đài (Phạm Xuân Đài là bút hiệu của anh Minh). Điều khiến tôi cảm động nhất là trong bài viết của anh đăng trên *Thế Kỷ 21* số "Tưởng niệm Nhất Linh", anh Minh có nhắc đến mối giao tình giữa ông cố của chúng tôi là Nguyễn Tường Tiếp với ông cố của anh là Phạm Phú Thứ từ thời hai cụ cùng làm quan dưới thời vua Tự Đức. Anh viết: *"... sự giao du của các vị trên khiến tôi cảm thấy như có một sự liên hệ tinh thần với họ*

Nguyễn Tường, mặc dù cho đến gần đây tôi chẳng mấy khi được có dịp giao du mật thiết giống như người xưa".

"Cũng chẳng muộn, anh Minh à!". Chuyện anh kể cứ phảng phất như câu truyện cổ tích; phảng phất như đâu đây vẫn còn hồn xưa của các cụ chứng giám cho mối tri kỷ muộn màng này.

Lê Quỳnh Mai: *Trong Hội luận Văn học và buổi ra mắt sách Võ Phiến tại Cali vào tháng 1 năm 2007, với sự góp mặt rất đông của văn thi hữu hải ngoại, ông đã nói "Đây là một cơ hội cho những người đã quen nhau (qua sáng tác, tạp chí, Net) nhận mặt", và đã họp mặt với văn hữu trong nước như Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Đỗ Hoàng Diệu... Ông có nhận xét thế nào về những người cầm bút ở trong và ngoài nước.*

Nguyễn Tường Thiết: Tôi đi vào nghiệp văn khá muộn nên chỉ mới làm quen với các văn thi hữu thời gian gần đây thôi, trong vòng mười năm trở lại. Trong số các nhà văn đã thành danh trước năm 1975 và hiện còn tại thế, không kể những nhà văn tôi có liên hệ họ hàng như Duy Lam, Thế Uyên, có lẽ chỉ có một mình nhà văn Võ Phiến là tôi được hân hạnh quen biết ngay từ hồi còn ở trong nước. Mặc dầu vậy hầu hết những nhà văn đã có tiếng tăm ấy tôi đã đọc tác phẩm của họ ngay từ thập niên 19(60). Vì thế đầu năm ngoái dù ở xa tôi cũng bay xuống Cali trước là để dự buổi ra mắt cuốn sách của anh Võ Phiến, một nhà văn lớn tôi rất ngưỡng mộ và quý trọng, sau là để tham dự Hội luận Văn học, và có cơ hội gặp mặt những người mà trước đó tôi chỉ biết qua chữ nghĩa. Cảm tưởng tiên khởi khi gặp họ là họ còn trẻ trung, không "lụ khụ" tí nào như tôi hình dung. Hôm ấy sau cuộc Hội luận có buổi tiếp tân. Lúc tôi tiến lại quầy rượu tự rót thêm rượu vang vào cốc của mình thì đụng độ nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng. Tôi thốt lên: "Trông anh trẻ nhỉ? Tôi đọc văn anh từ hơn 40 năm trước, từ cái thời báo *Văn* 38 Phạm Ngũ Lão lận, cứ ngỡ bây giờ anh phải... Anh trẻ thật!".

Trường hợp gặp gỡ các nhà văn trong nước thì khác. Khoảng cuối thập niên 19(80) khi ở trong nước bắt đầu có hơi hướm "cởi trói" về văn học, tôi theo dõi và tìm đọc những tác phẩm của các nhà văn ở Việt Nam. Trong số đó có hai nhà văn tôi thích đọc nhất là Nguyễn Huy Thiệp và Bảo Ninh. Tôi định bụng nếu có dịp về Việt Nam sẽ tìm gặp họ. Hai năm trước nhân dịp ghé Hà Nội tôi ngỏ ý với một người tôi quen biết và nhờ anh ta thu xếp một buổi gặp gỡ tại một nhà hàng với hai nhà văn nói trên. Lúc tôi đến quán thì có thêm một số người khác nữa, trong số có cả nhà văn nữ trẻ Đỗ Hoàng Diệu. Tôi có tường thuật cuộc gặp gỡ này trong hồi ký *Một trăm ngọn nến* nói về chuyến đi Hà Nội, trùng vào ngày sinh thứ 100 của ông cụ tôi (25 tháng 7 năm 2006). Hai nhà văn Bảo Ninh và Đỗ Hoàng Diệu tôi chỉ gặp một lần ấy tại quán ăn. Riêng Nguyễn Huy Thiệp thì tôi được anh mời đến nhà anh dùng cơm, và chúng tôi sau này vẫn tiếp tục liên lạc qua email và điện thoại.

Từ khi viết tôi có thêm bạn văn ở cả trong lẫn ngoài nước. Nói chung tôi có cảm tưởng thoải mái khi tiếp xúc với họ. Vì có chung nghiệp cầm bút chúng tôi dễ đồng cảm, dễ nói chuyện. Tôi tin rằng đã là nhà văn, tôi nói nhà văn đích thực, thì tâm hồn họ cũng phóng khoáng và cởi mở. Tôi nhớ câu nói của anh Nguyễn Huy Thiệp trước khi chia tay: "*Văn chương nó bạc lắm anh ạ. Phần thưởng quý nhất có lẽ là qua nó chúng ta có được những người bạn mới ở khắp bốn phương".*

Lê Quỳnh Mai: *Đã từng có tranh luận, ý kiến về sự sống còn của tạp chí văn học in trên giấy và tạp chí trên mạng! Hiện nay tạp chí trên mạng cũng phát triển mạnh hơn và tạp chí in trên giấy vẫn không bị... ngỏm củ tỏi... như tiên đoán! Cảm giác ông thế nào khi đọc sáng tác của mình*

trên hai loại tạp chí trên.
Nguyễn Tường Thiết: Viết xong một tác phẩm, nhìn ngắm nó mãi không chán mắt như nhìn một đứa con cưng, nhưng khi quyết định gửi đứa con đi, tôi luôn luôn ngập ngừng, phân vân. Gửi tạp chí nào nhỉ? Tạp chí... IN hay tạp chí... MẠNG. Trí óc tôi làm việc nhanh lắm. Nhưng trái tim tôi thì rề rà! Nếu gửi tạp chí... mạng thì số người đọc có thể tăng hơn gấp trăm lần, đứa con được bay bổng đi xa đến khắp mọi nơi có người Việt sinh sống trên hành tinh này, lợi thế biết bao nhiêu! Nghĩ thế nhưng sao con tim tôi nó trù trừ. Nó bảo tôi rằng tôi gửi báo mạng e là sẽ mất... mạng đứa con! Đứa con sẽ đi vào "hố đen", mất tăm trong hư vô! Cảm giác này thật lạ, thật vô lý, nhưng nó có, có thật! Tôi không có cảm giác đó khi gửi bài cho tạp chí in. Gửi báo in tôi yên tâm. Trước sau đứa con tinh thần của tôi cũng sẽ xuất hiện trên trang sách, và tôi lại có thể sờ mó được nó. Đành rằng nếu gửi tạp chí mạng thì trước sau gì tôi cũng sẽ thấy lại đứa con của tôi trên màn ảnh máy vi tính. Nhưng tôi vẫn thấy đứa con tôi xa cách quá, tôi không thể ôm nó âu yếm như ôm cuốn sách theo tôi vào trong giấc ngủ. Chẳng lẽ tôi đi ôm cái máy to tổ bố vào lòng!

Ấy là nói cho vui vậy thôi chứ "trước lạ sau quen", cái gì mà chẳng thành thói quen. Trước kia tôi cứng đầu lắm cứ tin một cách chắc nịch rằng gõ gõ trên máy vi tính thì văn nó không tuôn ra, phải viết tay cơ! Bây giờ mới biết mình sai bét!

Tạp chí in ở hải ngoại tôi nghĩ nó sẽ không ngỏm củ tỏi đâu, nó sẽ đi song hành với tạp chí mạng dài dài. Chị nhớ không, khoảng 20 năm trước khi có DVD, VCR người ta rầm rầm mướn phim về nhà xem, ai cũng lo âu rằng kỹ nghệ phim rạp sẽ tiêu tùng, thế mà bây giờ rạp hát vẫn đông đảo người đi xem, còn phát triển mạnh hơn bao giờ hết, vì thiên hạ (trong số có vợ chồng tôi) vẫn còn rất nhiều người thích coi xinê trong rạp hát hơn.

Tuy nhiên những tạp chí IN ở hải ngoại, đặc biệt những tạp chí văn học giá trị không sống nhờ quảng cáo như các tạp chí *Hợp Lưu, Văn Học, Văn*... đang phải đối phó với những khó khăn chồng chất để tồn tại, mà khó khăn lớn nhất là tiền cước phí gửi báo quá nặng. Trong hoàn cảnh đặc biệt này tôi thiết nghĩ là những người cộng tác cần tiếp tay để giúp các tạp chí này đứng vững và sống còn, bằng cách ngoài đóng góp bài vở nên có những trợ giúp khác tùy theo khả năng của mỗi người.

Lê Quỳnh Mai: *Ý kiến ông về vụ án* Nhân văn - Giai phẩm*.*
Nguyễn Tường Thiết: Ở tuổi đôi mươi tôi đã đọc những câu thơ sau đây:

Tôi bước đi,
không thấy phố,
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ...

Lần đầu đọc nó tôi xúc động ngay. Lúc đó tôi không biết tác giả câu thơ là Trần Dần, không biết gì về nhóm *Nhân văn - Giai phẩm*, chỉ biết tác giả là một nhà thơ miền Bắc, thế thôi. Tôi xúc động không vì ý hướng chính trị. Tôi xúc động vì nó tác động trong tôi một hình ảnh sâu đậm. Một kỷ niệm về thời tuổi thơ đã mất. Về một dãy phố của Hà Nội in trong tâm tưởng tôi hồi bé. Dãy phố một ngày mùa đông mưa phùn xám xịt, dãy phố buồn bã, đìu hiu, hoang lạnh, xưa cũ trong tâm tưởng tôi nay đã có điểm thêm màu cờ đỏ ủ rũ.

Hồi đó khoảng cuối thập niên 19(50) tôi có nghe nói đến nhóm *Nhân văn - Giai phẩm*. Tôi

không thể đoan chắc tôi nghe được từ đâu. Rất có thể là tôi nghe lóm được trong câu chuyện văn nghệ giữa cha tôi và các bạn của ông. Hồi đó văn thơ của nhóm *Nhân văn – Giai phẩm* được phổ biến, truyền đọc ở miền Nam, *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* được Hoàng Văn Chí xuất bản năm 1959. Cha tôi chắc hẳn là phải theo dõi nhóm *Nhân văn – Giai phẩm* rất kỹ và nắm vững tình hình văn nghệ miền Bắc. Đoạn viết sau đây trong cuốn biên khảo của Nhất Linh *Viết và đọc tiểu thuyết* xuất bản năm 1960 chứng tỏ điều này tuy rằng ông không đề cập đến nhóm *Nhân văn - Giai phẩm*: "*... để kết thúc, tôi dẫn ra một thí dụ có rất nhiều ý nghĩa: Cuốn* Đồi thông hai mộ *là cuốn truyện hết sức tầm thường; cuốn ấy nếu xuất bản trong Nam có lẽ không ai đọc. Thế mà ở miền Bắc, người ta đã giấu giếm truyền cho nhau xem; không những thế có người thức luôn mấy đêm chép tay để đọc và để đưa các chỗ bạn bè tin cẩn đọc, rồi cứ thế một ngày một lan rộng bởi vì họ đã chán ngấy những tiểu thuyết hết ca tụng cái nọ đến ca tụng cái kia, đều đều một giọng*". (Đời Nay xuất bản, 1960, trang 100).

Sau này tôi được biết nhiều hơn về nhóm *Nhân văn - Giai phẩm* qua những tài liệu tôi đọc rải rác trên các tạp chí. Tuy nhiên chỉ mới gần đây tôi mới hiểu rõ hơn về "vụ án" *Nhân văn – Giai phẩm* qua tiết lộ của những nhân chứng sống như Lê Đạt, Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang trong các buổi phỏng vấn dành cho đài phát thanh RFI Thụy Khuê phụ trách. Tôi cũng được biết là vào tháng 2 năm ngoái có bốn tác giả của nhóm *Nhân văn - Giai phẩm* là Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán và Trần Dần được nhận Giải thưởng Nhà nước. Trong số 4 người này thì hai vị đã nằm xuống là Trần Dần và Phùng Quán.

Cá nhân tôi không có một ngày sống dưới chế độ cộng sản. Ngay từ nhỏ cho đến nay tôi quen sống và hít thở môi trường tự do, trong đó có tự do ngôn luận. Khi viết những bài đăng trên báo chí ở Sài Gòn trước đây hơn 40 năm tôi không hề bao giờ có ý nghĩ là mình phải uốn nắn ngòi bút. Chữ "viết" đối với tôi không bao giờ đi kèm với chữ "lách", như tất cả các nhà văn sống dưới chế độ cộng sản buộc phải làm, để có thể tồn tại và sống còn.

Vì quen hít thở bầu khí tự do, xem tự do ngôn luận như một quyền đương nhiên, tôi rất ngạc nhiên khi biết trong vụ *Nhân văn - Giai phẩm*, những thành viên của nhóm phải chịu những hậu quả hết sức nặng nề chỉ vì những người ấy đã hành xử cái quyền mà tôi xem là "đương nhiên" ấy. Mấy chục năm trước tôi nghe nói là truyện ngắn "Con ngựa già của Chúa Trịnh" đăng trong báo *Nhân văn* số 4, tháng 10 năm 1956, đã đưa tác giả Phùng Cung vào cuộc sống tù đầy hơn 12 năm, phần lớn là biệt giam hoặc lao động khổ sai trong các trại tù khét tiếng độc ác của Việt Nam. Vì chưa bao giờ tôi được đọc nguyên tác truyện ấy, nên trong bao năm tôi cứ đinh ninh "Con ngựa già của Chúa Trịnh" phải là truyện tố cáo nhà nước ghê gớm lắm. Mãi gần đây tình cờ đọc truyện ấy đăng trong quyển*Phùng Cung, truyện và thơ,* Văn Nghệ xuất bản 2003, tôi ngạc nhiên thực sự: truyện ấy "hiền" chết đi được, đâu có gì đáng phải tù tội những 12 năm? Truyện này nếu đăng ở miền Nam vào lúc chế độ kiểm duyệt gắt gao nhất thì chắc đã không bị đục bỏ lấy một dòng chứ đừng nói gì đến chuyện tác giả bị làm khó dễ, tù tội.

Lê Quỳnh Mai: *Tại Hoa Kỳ sẽ có cuộc bầu cử Tổng thống trong tháng 11. Định cư đã lâu hẳn nhiên ông là một phần tử quyết định sự chiến thắng của Đảng Dân chủ hoặc Cộng hòa. Ông sẽ bỏ phiếu cho ai và có tiên đoán Barack Obama sẽ trở thành Tổng thống da màu đầu tiên của Hiệp chúng Quốc Hoa Kỳ không?*
Nguyễn Tường Thiết: Đến giờ tôi chưa biết mình sẽ bỏ phiếu cho ai. Có lẽ phải chờ xem màn "đấu chưởng" giữa hai ứng viên Barack Obama và John McCain mới có quyết định. Sự kiện ông Obama, một người da đen được dân chúng chọn là người đại diện cho Đảng Dân chủ tranh chức Tổng thống Hoa Kỳ làm tôi yêu mến quốc gia này hơn, quốc gia mà từ 33 năm nay

chúng tôi đã chọn làm quê hương thứ hai của mình. Đây đích thực là xứ sở của tự do và cơ hội, trong đó mọi chuyện đều khả thể. Tôi cũng không thể tiên đoán là ông Barack Omaha có đắc cử để trở thành vị Tổng thống da màu đầu tiên của Hiệp chúng Quốc hay không, vì đây cũng là đất của những sự bất ngờ. Chỉ cách đây chưa đầy nửa năm, mấy ai đoán được là ông ta sẽ thắng bà Hillary Clinton? Tuy nhiên tôi nghĩ ông Omaha có nhiều hy vọng. Tôi cho rằng nếu ông ta đắc cử Tổng thống Mỹ thì lý do chính mà ông được chọn là vì hiện tình kinh tế Mỹ quá bết bát khiến dân chúng Mỹ không còn tin tưởng vào Đảng Cộng hòa nữa.

Lê Quỳnh Mai: *Trước khi chấm dứt mạn đàm, ông có điều gì gởi đến quí độc giả?*
Nguyễn Tường Thiết: Trước hết tôi xin cảm ơn chị Lê Quỳnh Mai đã cho tôi cơ hội trả lời cuộc phỏng vấn này, để tôi có dịp giãi bầy một số ý kiến cũng như tâm tình về những vấn đề có liên quan đến ông cụ cũng như cá nhân tôi. Vâng, tôi xin được nói thêm đôi lời với quý độc giả, đôi lời chân tình, về ông cụ tôi, nhà văn Nhất Linh, người mà với tôi không phải chỉ đơn thuần là một người cha.

Ông cụ tôi có lần than thở với một người bạn của ông: "Thân này ví xẻ làm BA được..." – "Ấy, người ta nói xẻ làm đôi, chứ ai nói xẻ làm ba bao giờ?". Người bạn hỏi thế. Cha tôi trả lời: "Ước gì NHẤT biến thành TAM!".

Câu nói đùa đó của cha tôi khiến tôi suy nghĩ. Có thật chăng cha tôi mong ước thế, "Nhất biến thành Tam", hay đó chỉ là một cách nói chơi chữ? Đành rằng nếu con người cách mạng Nguyễn Tường Tam rũ bỏ được con người nghệ sĩ Nhất Linh trong ông, thì hẳn là sự nghiệp chính trị của cha tôi có nhiều cơ may thành công hơn. Nhưng tôi không tin cha tôi thực tâm mong thế. Tôi tin rằng con người ông nặng Nhất hơn Tam. Những gì ông hãnh diện nhất là thành quả mà con người Nhất Linh trong ông đạt được. *"Những lúc ngoảnh về quá khứ, kiểm điểm công việc mình đã làm tôi thấy rõ ràng công việc tốt đẹp, lâu bền và có ích nhất của đời tôi là sự thành lập được Tự lực Văn đoàn và công việc sáng tác"* ("Chúc thư văn học", mồng 1 Tết năm Quý Tỵ 14-2-53).

Vậy thì đối với tôi câu than "Thân này ví xẻ làm ba được" có ý nghĩa hơn. Nhưng con người thứ ba mà ông mong ước, ngoài *"người nghệ sĩ, người chiến sĩ"*, là con người như thế nào? Câu hỏi này tôi thắc mắc trong nhiều năm.

Tôi đã nói ở phần trước cái chết của ông cụ tôi ám ảnh tôi nhiều, để lại trong tôi một sự ân hận nuối tiếc khôn nguôi. Cho mãi đến gần đây, năm 2001, khi chúng tôi đưa tro của song thân về chôn cất trong nghĩa trang riêng của dòng họ Nguyễn Tường ở Hội An, tôi mới thực sự tìm được an bình khi tôi tìm được câu trả lời cho thắc mắc của tôi.

Buổi trưa hôm đó sau khi chôn cất xong, vì trời nắng chói chang, mọi người tản ra tìm bóng cây rợp, riêng tôi còn nán lại gần ngôi mộ mới đắp. Tôi suy nghĩ về toàn thể cuộc đời ông. Từ hồi ông có bài thơ đăng báo *Trung Bắc Tân Văn* năm ông mới 16 tuổi, cho đến ngày ông mất năm ông 57 tuổi. Ông đã sống một đời lỗi lạc, làm được quá nhiều việc trong một đời ngắn ngủi. Một người bận rộn như thế, nổi tiếng như thế, thì làm gì có được một cuộc sống thanh thản, bình dị, như cuộc đời nơi mỗi chúng ta? Rồi tôi ngộ ra rằng chính cái đời bình dị tầm thường đó là đời thứ ba ông mơ ước mà không có được. Và tôi, phải, chính tôi, đã thay ông cụ tôi, sống cuộc đời đó. Ông cụ, ở dưới sâu kia, qua tôi, chắc phải toại nguyện. Ý nghĩ này đã đem an bình cho tôi rất nhiều.

Tôi xin được thay mặt gia đình chuyển lời cảm ơn hết sức chân thành đến tất cả những người cầm bút đã viết về cha tôi cũng như tất cả những độc giả đã yêu mến văn chương ông.

Tôi tin rằng sự nghiệp của cha tôi sẽ trường tồn không phải đơn thuần nhờ vào văn tài của ông mà còn nhờ vào sự ngưỡng mộ và quý trọng về cả con người, cuộc đời và cái chết của ông nữa.

Tháng 7 năm 2008
Nguồn: Tạp chí Hợp Lưu số tháng 7 & 8 năm 2008

Phỏng vấn Cao Xuân Huy và Tháng Ba Gãy Súng

Lê Quỳnh Mai *thực hiện*

Lê Quỳnh Mai: Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt, và văn học Việt Nam hải ngoại vẫn còn xoay quanh chuyện chiến tranh. Theo nhận xét của một số người, đó là một việc làm nhàm chán, gây mâu thuẫn và không lợi ích gì cho người đọc. Ông nghĩ sao về ý kiến này?
Cao Xuân Huy: Tôi không hiểu chữ "mâu thuẫn", mâu thuẫn với cái gì chứ? Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến toàn diện, bị bức tử về mặt quân sự chưa thể coi là chấm dứt. Bị mất đất chưa thể coi là chấm dứt. Bây giờ, nếu có thể gọi là cuộc chiến, thì về văn hóa và chính trị. Cô thấy đấy, mục tiêu tự do dân chủ và nhân quyền vẫn chưa đạt được. Và, tình yêu, cũng như chiến tranh, là hai đề tài muôn thuở của con người. Văn chương ngoại quốc nói về chiến tranh, viết về những trận chiến gần, xa trong lịch sử, chúng ta vẫn thích đọc. Vậy thì tại sao, người Việt Nam viết về chiến tranh Việt Nam lại nhàm chán? Có điều, vấn đề là viết dưới hình thức nào. Nếu viết tiểu thuyết thì tác giả có toàn quyền tưởng tượng, nhưng nếu là viết hồi ký chiến tranh mà tưởng tượng thêm thắt, viết không đúng, bẻ cong sự thật với mục đích tuyên truyền hay chạy tội, thì không những không lợi ích chẳng riêng cho độc giả, mà còn cho lịch sử.

***

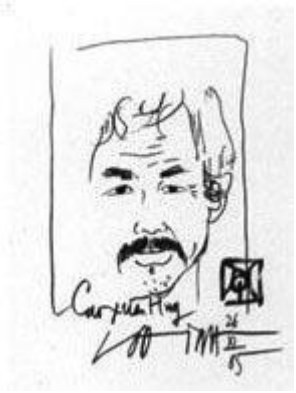

Tiểu sử:

09-1947 quê nội Bắc Ninh, quê ngoại Hà Nam.
10-1954 di cư vào Nam.
02-1968 đi lính.
03-1975 đi tù.
09-1979 ra tù.
12-1982 vượt biên.
10-1983 đến Mỹ.
1984 định cư tại Nam California.

***

Lê Quỳnh Mai: Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt, và văn học Việt Nam hải ngoại vẫn còn xoay quanh chuyện chiến tranh. Theo nhận xét của một số người, đó là một việc làm nhàm chán, gây mâu thuẫn và không lợi ích gì cho người đọc. Ông nghĩ sao về ý kiến này?
Cao Xuân Huy: Tôi không hiểu chữ "mâu thuẫn", mâu thuẫn với cái gì chứ? Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến toàn diện, bị bức tử về mặt quân sự chưa thể coi là chấm dứt. Bị mất đất

chưa thể coi là chấm dứt. Bây giờ, nếu có thể gọi là cuộc chiến, thì về văn hóa và chính trị. Cô thấy đấy, mục tiêu tự do dân chủ và nhân quyền vẫn chưa đạt được.
Và,
Tình yêu, cũng như chiến tranh, là hai đề tài muôn thuở của con người. Văn chương ngoại quốc nói về chiến tranh, viết về những trận chiến gần, xa trong lịch sử, chúng ta vẫn thích đọc. Vậy thì tại sao, người Việt Nam viết về chiến tranh Việt Nam lại nhàm chán? Có điều, vấn đề là viết dưới hình thức nào. Nếu viết tiểu thuyết thì tác giả có toàn quyền tưởng tượng, nhưng nếu là viết hồi ký chiến tranh mà tưởng tượng thêm thắt, viết không đúng, bẻ cong sự thật với mục đích tuyên truyền hay chạy tội, thì không những không lợi ích chẳng riêng cho độc giả, mà còn cho lịch sử.

LQM: Vậy Tháng Ba Gãy Súng *có nói thật không?*
CXH: *Tháng Ba Gãy Súng* là tự viết cho mình để ghi nhớ lại những điều không muốn quên.

LQM: Hồi ký Tháng Ba Gãy Súng *cho thấy tác giả là một người lính. Trong cuốn* Nếu Đi Hết Biển *(Trần Văn Thủy) thì Cao Xuân Huy là một người tù. Ông có thể nói thêm về hai tác phẩm trên và hai vai trò Cao Xuân Huy chăng?*
CXH: Tôi là dân Bắc kỳ, giống như rất nhiều gia đình di cư khác, gia đình tôi cũng bị "cắt đôi" khi hiệp định Genève cắt đôi Việt Nam năm 1954. Bố tôi ở kháng chiến về Hà Nội. Mẹ tôi chạy Cộng Sản vào Sài Gòn. Chị tôi ở lại Hà Nội với bố. Tôi theo mẹ vào Sài Gòn.
Lớn lên trong thời chiến, đi lính là trách nhiệm chung của thanh niên. Có khác chăng, tôi là một trong số ít người đã kể lại trung thực sự thua bại của mình, của một đơn vị thiện chiến nhất nhì của miền Nam, bị bó tay trước kẻ thù vì… hết đạn. Đó là chuyện *Tháng Ba Gãy Súng*.
Còn trong *Nếu Đi Hết Biển*, có hai điều tôi nhắc đến, là chuyện lần đầu gặp gỡ giữa hai bố con từ hai giới tuyến sau chiến tranh: khi tôi bị tù ở Thanh Hóa, bố tôi vào thăm, không được gặp con vì ông dính dáng đến vụ Nhân Văn – Giai Phẩm trong quá khứ. Tôi chỉ được gặp bố mấy năm sau. Cuộc gặp gỡ lần đầu tiên của hai bố con đầy bất ngờ ở trại tù Bình Điền, Huế. Thứ hai, là chuyện đơn vị Thủy Quân Lục Chiến chúng tôi hụt lấy lại đảo Hoàng Sa vì bị bộ đội Cộng Sản cầm chân, ngăn cản bằng những trận đánh vi phạm hiệp định ngưng bắn, khiến chúng tôi phải bận "dẹp giặc" trong lúc đang chuẩn bị xuống tàu tiến quân ra Hoàng Sa, vừa bị Trung Cộng chiếm trước đó vài ngày, vào nửa cuối tháng 1 năm 1974.

LQM: Theo ông cho biết, khi viết Tháng Ba Gãy Súng *được một số trang rồi ông không viết tiếp nữa. Lý do nào sau đó thúc đẩy tác giả của nó viết tiếp hồi ký này?*
CXH: Tôi ở trại tỵ nạn qua Mỹ được đâu khoảng một năm. Ở nhà của nhà văn Hoàng Khởi Phong, chung với cha con nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Tôi đọc được trên báo lời phát biểu của một ông tướng "làm mất nước là tội chung của mọi người, lớn tội lớn bé tội bé", tôi điên tiết lên. Chỉ có những kẻ bỏ đơn vị mà chạy, chỉ những kẻ có quyền hành trong tay đã đánh lừa thuộc cấp để chạy lấy thân, những kẻ chiến đấu "đến giọt máu cuối cùng của người khác", mới là những kẻ có tội. Tôi viết để chứng minh, tôi và những người lính cầm súng chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, không có tội.
Khi viết được khoảng vài chục trang, tự nghĩ là mình chữ nghĩa mình kém nên bỏ ngang, không viết tiếp. Trong bữa nhậu với mấy đồng đội cùng tiểu đoàn, chúng tôi nhắc lại chuyện bị bắt trong cuộc rút quân, kiểm điểm bạn bè đồng đội ai còn ai mất. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác tình cờ ngồi nghe, sau đó hỏi tôi sao không viết lại. Tôi cho biết là đã viết nhưng thấy viết dở nên chưa viết tiếp. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác lấy đọc, rồi tự ý đăng trên một tờ tuần báo mà anh đang làm chủ bút. Thế là sau đó cứ đăng hết từng đoạn, anh Giác lại thúc tôi viết tiếp. Nếu không có anh Nguyễn Mộng Giác tự ý đem đăng và đòi bài như đòi nợ, thì đã không có quyển *Tháng Ba Gãy Súng* và không có "nhà dzăng" Cao Xuân Huy, vì hồi ký viết cho mình thì lai rai viết tà tà bao giờ chả được!

LQM: Một số hồi ký chiến tranh viết từ hải ngoại và trong nước, được nhận định như thiếu trung thực hay có phần xuyên tạc sự thật. Là một nhân chứng và nạn nhân chiến tranh, ông nghĩ sao?
CXH: Cô muốn nói những hồi ký hoặc tác phẩm ở trong nước? Nghề của họ là xuyên tạc sự thật từ xưa đến nay rồi. Lịch sử họ còn viết lại theo ý họ, huống chi chuyện chiến tranh vừa qua. Tôi nhớ là có lần đọc được trên trang web của báo Nhân Dân, cơ quan ngôn luận chính thức của đảng Cộng Sản, có một bài viết lại về trận đánh ở Cửa Việt trước giờ ngưng bắn ngày 28 tháng 1 năm 1973 - trận đánh này tôi tham dự từ đầu đến cuối và đang viết lại - họ bịa đặt mà không cần biết trình độ người đọc bây giờ khác với việc họ có thể tuyên truyền cho những nông dân không biết chữ thời Cải Cách Ruộng Đất năm 1956 nữa. Trong bài này họ viết là đã dùng dây kẽm gai căng làm hàng rào của căn cứ quân sự để thay thế cho dây… điện thoại! Còn những hồi ký hoặc tác phẩm viết sai sự thật của những người ở hải ngoại, họ viết với mục đích là chạy tội hoặc tự đánh bóng. Cả hai loại đó mình để ý làm gì.

LQM: Theo ông, tiểu thuyết lịch sử hay hồi ký lịch sử, có phải chỉ là sự cạnh tranh với tài liệu của sử gia không?
CXH: Không. Lịch sử là sự kiện. Sử gia tìm tòi, nghiên cứu và dựa theo nhận định riêng để đánh giá sự kiện nào thật, sự kiện nào không thật của những tài liệu được viết từ những sử gia trước. Tiểu thuyết lịch sử là dựa vào những sự kiện trần trụi, thô nhám của lịch sử, tô son vẽ phấn theo sự tưởng tượng của tác giả. Còn hồi ký lịch sử hoàn toàn dựa trên hoàn cảnh cá nhân của người viết. Ba lãnh vực tuy cùng mang tính chất lịch sử nhưng hoàn toàn khác nhau, không thể có sự cạnh tranh nào hết.

LQM: Giới truyền thông Hoa Kỳ so sánh chiến tranh Iraq với chiến tranh Việt Nam. Với kinh nghiệm trong đời quân ngũ, ông nhận thấy sự so sánh này thế nào?
CXH: Chiến tranh Việt Nam trước kia và chiến tranh Iraq bây giờ tuy có khác nhau ở địa dư, nào có khác gì nhau, đều phục vụ cho quyền lợi của Hoa Kỳ. Ngày trước, khi Hoa Kỳ và Trung Cộng còn đối nghịch, thì Việt Nam và Đài Loan là hai con chốt ngăn chặn sự bành trướng thế lực của Trung Cộng. Đến khi hai thế lực đối nghịch đó bắt tay nhau, thì Hoa Kỳ đem Việt Nam ra bỏ ngoài chợ và đá đít Đài Loan ra khỏi Liên Hiệp Quốc để lấy chỗ cho Trung Cộng vào. Cũng vậy, bây giờ Hoa Kỳ lấy cớ Iraq có vũ khí giết người hàng loạt, đổ quân ào ạt lật đổ chính quyền Saddam Hussein, vậy mà mấy năm rồi, vẫn không chứng minh được Iraq có cái thứ vũ khí ấy.
Quân sự chỉ là cánh tay của chính trị. Mà đám chính trị gia là một lũ tráo trở, lưỡi không xương, ăn không nói có, nói ngược nói xuôi, nói thế nào cũng được. Thành ra, chiến tranh Việt Nam khi trước hay chiến tranh Iraq bây giờ giống nhau ở chỗ đều với mục đích phục vụ cho Hoa Kỳ. Nhưng nói cho cùng, đánh nhau là để cho mình được, chứ chẳng nhẽ cho thằng khác được à?

LQM: Có vài quân nhân Hoa Kỳ gốc Việt đã tử trận trong cuộc chiến Iraq. Cảm nghĩ của tác giả Tháng Ba Gãy Súng *về việc này? Ông ủng hộ hay chống (cựu) chính phủ Bush trong chiến tranh Iraq?*
CXH: Thế giới không thể không có chiến tranh. Không đang đánh nhau không có nghĩa là đang hòa bình. Giản dị là quyền lợi của các siêu cường đối nghịch, lúc thì có thể hợp tác, lúc thì không. Chiến tranh quân sự hay chiến tranh kinh tế, đều chỉ là những mặt khác nhau của chiến tranh. Chỉ có điều là đánh lớn hay đánh nhỏ, chiến tranh thế giới hay chiến tranh cục bộ. Vấn đề là chiến tranh được chuyển đến vùng đất khốn khổ nào trên quả đất. Như tôi vừa trả lời, đánh nhau ở Iraq hay không ở Iraq, đều nằm trong mục tiêu của cường quốc, khác chăng là chính phủ Bush đẩy chiến tranh ra khỏi đất nước Hoa Kỳ sau vụ 911. Là người Việt Nam, mang quốc tịch Hoa Kỳ, tôi chống lại độc tài và ủng hộ chính phủ Bush trong trận chiến này.

LQM: Là một trong những nhà văn hải ngoại có mặt trong cuốn Nếu Đi Hết Biển*. Tại sao ông quyết định nhận lời mời phỏng vấn của đạo diễn Trần Văn Thủy?*
CXH: Giản dị thôi. Tình trạng sách báo ở hải ngoại không vào được trong nước, đây là dịp để tôi có thể nói cho người trong nước những suy nghĩ của một thằng lính miền Nam về cuộc chiến vừa qua. Rõ rệt là quyển sách này đã được rất nhiều người trong nước đọc. Nhân việc trả lời phỏng vấn này, tôi đã nói được chuyện quân đội miền Nam đang chuẩn bị lấy lại ngay lập tức quần đảo Hoàng Sa, sau khi quần đảo này của Việt Nam bị Trung Cộng chiếm hồi đầu năm 1974. Nhưng cuộc chuyển quân này đã bị quân miền Bắc cố tình ngăn cản, đánh cầm chân để cho Hoàng Sa hoàn toàn lọt vào tay Trung Cộng. Hơn nữa, tôi thích đạo diễn Trần Văn Thủy, dù trước đó chưa gặp mặt, qua hai cuốn phim "tài liệu" *Chuyện Tử Tế* và *Hà Nội Trong Mắt Ai*. Hai cuốn phim này là hai cái tát vào mặt chế độ độc tài. Tôi cũng muốn nhân đó mà tát vào mặt đảng Cộng Sản độc tài Việt Nam một cái chơi.

LQM: Khi Nếu Đi Hết Biển *được xuất bản vào thời điểm ấy, đã có nhiều phản ứng dữ dội từ cả hải ngoại lẫn trong nước. Ông nghĩ sao về việc này?*
CXH: Trong nước, những người không ưa chế độ đọc rất thích. Ngoài nước cũng rất nhiều người thích. Những người không thích họ cũng đặt vấn đề một cách đàng hoàng, tôi rất quý trọng dù họ có cái nhìn giống tôi hay không. Cũng có một vài người chụp mũ rồi chửi rủa kiểu hàng tôm hàng cá, chẳng có gì đáng bận tâm.

LQM: Ông nhắc đến thân phụ trong trả lời phỏng vấn của Trần Văn Thủy. Độc giả chỉ đọc được câu"...Ông già của anh là một tên tuổi quen thuộc, được quí trọng trong giới cầm bút ở miền Bắc..."*. Xin ông cho biết thêm về hoạt động văn học của ông cụ.*
CXH: Bố tôi là một người làm thơ và viết báo. Ông đi kháng chiến từ hồi còn trẻ. Về Hà Nội năm 1954, sau đó vì dính đến vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, ông bị quản thúc và bị cấm sáng tác, chỉ được viết về kịch ảnh. Từ đó, ông chỉ còn làm thơ "chui" cho người thân đọc, và dịch những tác phẩm văn chương ngoại quốc được chỉ định, để kiếm sống.

LQM: Thời gian gần đây xảy ra tranh chấp hải phận trong vùng Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc. Ông có nghĩ rằng đây là ý đồ xâm chiếm lãnh thổ của Trung Quốc đối với các nước láng giềng, đặc biệt là đối với Việt Nam?
CXH: Suốt một nghìn năm Bắc thuộc, Việt Nam đã bị Tàu coi là quận huyện của họ, và Trung Cộng cũng đang dạy cho học sinh của họ là Việt Nam thuộc về nước Tàu, thì lúc nào mà họ chẳng có ý đồ xâm chiếm.

LQM: Theo thống kê cá nhân người thực hiện phỏng vấn, thì trên 80% câu trả lời của người Việt hải ngoại là sẽ ủng hộ Việt Nam (Cộng Sản) trong việc bảo vệ đất nước, chống lại mưu đồ thôn tính của Trung Quốc. Với tư cách là một cựu quân nhân của chế độ Việt Nam Cộng Hòa, và là một tù binh chiến tranh của chế độ Cộng Sản, ông có đồng ý với 80% câu trả lời kia không?
CXH: Việt Nam lâm nguy trước mưu đồ thôn tính của Trung Cộng, thì chuyện bảo vệ đất nước là bổn phận của tất cả những ai mang dòng máu Việt Nam trong người, ở cả trong lẫn ngoài nước, bất kể là cựu quân nhân của Việt Nam Cộng Hòa, hay là bộ đội Cộng Sản bây giờ. Đã là bổn phận thì làm gì có chuyện đồng ý hay không. Những người lính Việt Nam Cộng Hòa đã từng chiến đấu chống Tàu Cộng trước năm 1975 ở Hoàng Sa và những người bộ đội Cộng Sản đã từng chiến đấu chống Tàu Cộng năm 1991 ở biên giới, đều là những người chiến đấu bảo vệ lãnh thổ. Dân tộc ta ở sát cạnh một kẻ thù truyền kiếp khổng lồ thì tinh thần bảo vệ đất nước đã nằm trong máu của từng người.
Ngày nay, ở trong nước, nhà cầm quyền Cộng Sản công khai cõng rắn Trung Cộng vào đầy Tây Nguyên, vào Biên Hòa vào Thanh Hóa và vào đâu đâu nữa. Thẳng tay đàn áp, bắt bớ giam cầm những người dân nào dám tỏ thái độ chống Trung Cộng dưới bất cứ hình thức dù ôn hòa nào. Vạch trần bộ mặt xâm lược của Trung Cộng cũng bị kết tội y như tội đấu tranh đòi dân chủ

cho đất nước. Bộ đội thì đớn hèn, cam tâm nhìn ngư dân bị Trung Cộng sát hại ngay trên phần lãnh hải của mình mà không dám phản ứng. Như vậy thì lời kêu gọi bảo vệ đất nước ở đâu, ai kêu để mà có ủng hộ hay không. Dù vậy, tôi tin rằng với tinh thần bất khuất của dân tộc, người dân không ai cam tâm nhìn đất nước mình biến thành quận huyện của Tàu, sẽ lại có những cuộc kháng chiến giành lại đất nước. Lúc ấy, dù tuổi đời đã ngấp nghé miệng lỗ, tôi cũng sẽ tham gia hết mình.

LQM: Đi một vòng thế giới từ Mỹ qua Iraq đến Trung Quốc cũng chỉ loanh quanh về thời sự chính trị, chắc hẳn ông cũng… ná thở rồi (!), bây giờ chúng ta có thể quay về sân chơi văn chương đi dạo thêm một vòng nữa, có được không, thưa ông?
CXH: Vâng, mời cô.

LQM: Với tư cách chủ biên, ông có thể cho độc giả biết tại sao tạp chí Văn Học đình bản?
CXH: Tạp chí Văn Học sau khi ra số 235 tháng 11 và 12 năm 2007, tôi bị ung thư mắt, nên tạm thời đình bản. Hơn một năm sau, tôi đã cố gắng thực hiện số tiếp theo 236 phát hành vào tháng 3 và 4 năm 2008, sau đó lại bị đình bản thêm một lần nữa cũng vì cái bệnh quái ác ấy.

LQM: Những khó khăn nào gây cho tạp chí Văn Học không thể tồn tại nữa, xin ông cho độc giả biết rõ hơn.
CXH: Các tạp chí văn chương ở hải ngoại đều gặp những khó khăn chung. Người đọc ngày càng ít đi, người viết ngày càng mai một đi. Tiền in và tiền tem ngày một tăng mà quảng cáo thì ít. Riêng trường hợp tạp chí Văn Học, tôi vừa bị bệnh vừa bị thất nghiệp vào ngay thời kỳ kinh tế khủng hoảng, nên không thể tiếp tục cáng đáng tờ báo được nữa.

LQM: Tạp chí Văn Học có một đời sống khá dài, nay phải kết thúc sự góp mặt của nó trong dòng văn học hiện đại. Đó là một điều đáng buồn, cũng là một mất mát không nhỏ cho độc giả nói chung và các tác giả nói riêng. Xin ông phát biểu cảm nghĩ về sự kiện này?
CXH: Tôi ví tạp chí Văn Học như một sân chơi, để các tác giả có chỗ "trình làng" những sáng tác của mình cho độc giả thưởng thức. Bây giờ diễn viên thì lèo tèo, khán giả thì thưa thớt. Sân chơi còn đó nhưng hoang phế. Những người đóng góp công sức nuôi nấng tờ tạp chí này, các tác giả, những độc giả buồn một, thì tôi buồn đến mười, cô ơi.

LQM: Ông có vài lời dành riêng cho độc giả của Văn Học, cũng như những tác giả đã góp công hợp tác với tạp chí trong thời gian qua không?
CXH: Tôi xin gửi đến các tác giả cũng như độc giả và thân hữu, lời xin lỗi vì tạp chí Văn Học đình bản bất ngờ, điều đáng buồn xảy ra ngoài ý muốn của tôi.

LQM: Ông cho biết ý kiến về nội dung và hình thức của tạp chí Hợp Lưu, bộ mới do nhà thơ Đặng Hiền làm chủ biên?
CXH: Về hình thức, tạp chí Hợp Lưu là một tờ tạp chí đẹp ngay từ những số đầu tiên, và từ khi nhà thơ Đặng Hiền làm chủ biên, tờ báo ngày một đẹp thêm. Đây là tờ báo văn chương đẹp nhất của người Việt ở hải ngoại, là một điểm son. Về nội dung, Hợp Lưu thêm khởi sắc nhờ có nhiều bài của những người viết trẻ và rất mới. Tuy người đọc phải chịu khó gạn lọc, cũng là chuyện thông thường, nhưng ngôn ngữ lạ và tư duy mới, cách viết mới mang lại những sinh động trong sáng tác. Còn giá trị văn chương của Hợp Lưu, tôi tin rằng mỗi độc giả sẽ tìm thấy cho mình một giá trị riêng để thưởng thức. Dù không đồng ý với chủ trương của Hợp Lưu ngay từ số ra mắt, nhưng tôi cũng không phản đối vì đó mới thực là trăm hoa đua nở. Và lúc nhà thơ Đặng Hiền làm chủ biên (từ số 83) cũng là khoảng thời gian tôi phụ trách tạp chí Văn Học trở lại, tôi muốn cùng với Đặng Hiền song song điều hành hai tờ tạp chí với hai chủ trương khác nhau, nhưng bất thành vì Văn Học bị đình bản. May mà Hợp Lưu còn đứng vững, giữ được sân chơi cho người viết và người đọc.

LQM: Vẫn là câu hỏi cũ đã dành cho nhiều tác giả, nhà văn Cao Xuân Huy cũng không ngoại lệ: Ông nghĩ sao về sự sống còn của tạp chí in trên giấy, trong khi các báo điện tử, các trang mạng, các blog… ào ào... khoe nhan sắc ngoài (bìa) trong (ruột), chưa kể những nguyệt san, tuần báo, nhật báo đều có ấn bản điện tử riêng, và số lượng độc giả của họ cũng rất đông so với tạp chí in giấy.
CXH: Tôi rất quý những tờ báo in – nói riêng về các tạp chí văn chương – vì nó là một… tờ tạp chí. Những con chữ nằm trong tờ báo được lưu giữ ở tủ sách gia đình, ở thư viện. Còn chữ trên các trang mạng sẽ lần lượt trước sau bị xóa đi hoặc biến mất tùy theo ý thích riêng tư rất cá nhân của người điều hành trang mạng đó. Tuy nhiên, sự ồn ào và đa dạng của các trang mạng hấp dẫn và lôi cuốn người đọc hơn báo in, lại không tốn tiền mua. Theo tôi, báo mạng sẽ giết – tuy không giết chết hẳn – những tờ báo in.

LQM: Hy vọng của ông về văn học hải ngoại?
CXH: Câu hỏi to quá. Nếu nói riêng về văn học viết bằng chữ Việt ở hải ngoại, thì hy vọng khá mong manh. Người viết đang vơi dần và người đọc cũng sắp cạn. Đến một lúc nào đó thì văn chương chữ Việt chỉ còn là một ngọn đèn leo lét tắt dần vào quá khứ...

LQM: Cám ơn ông đã dành thời gian cho cuộc mạn đàm.

Phỏng vấn nhà văn Trùng Dương

LTS. Trùng Dương Nguyễn Thị Thái là một "hiện tượng" của sinh hoạt văn học, nghệ thuật và báo chí miền nam Việt Nam. Ngoài những sáng tác văn học, Trùng Dương tích cực tham gia sinh hoạt điện ảnh, và nhất là báo chí trong giai đoạn hấp hối của Việt Nam Cộng Hòa [VNCH], từ 1970 tới 1974.

Người cựu nữ sinh viên Văn Khoa Sài Gòn nổi danh rất sớm, qua hai sáng tác Vừa Đi Vừa Ngước Nhìn và Mưa Không Ướt Đất. Du học Liên Bang Mỹ trở về, bà đứng tên Chủ Nhiệm báo Sóng Thần mà nhóm chủ biên do nhà văn Chu Tử và nhà báo Uyên Thao trách nhiệm. Sóng Thần–đúng với danh xưng của nó–mang đến những đợt sóng dư luận chấn động miền nam, như việc khai quật những xác nạn nhân chôn vùi tập thể ở Huế và Quảng Trị trong mùa Xuân 1968, phong trào chống tham nhũng của Linh mục Trần Hữu Thanh, phong trào đòi tự do báo chí với những đợt công kích Luật 007, ngày ký giả đi ăn mày, và nhất là những cuộc tịch thu báo mới in xong, không cho phát hành, nhằm bóp tắt sự sống các cơ quan ngôn luận chống chính quyền.

Đó là chưa nói đến việc truy tố chủ nhiệm và các ký giả, nhà văn ra tòa. Nhưng dù bị áp bức, trù dập, Sóng Thần không chịu khuất phục trước thủ đoạn và sự trấn áp của nhà cầm quyền lúc đó. Trùng Dương, Uyên Thao cùng nhóm chủ biên Sóng Thần (nhà văn Chu Tử đã rút lui vì lý do riêng) tiếp tục cuộc tranh đấu cho tự do báo chí. Nếu không có cuộc tổng tấn công Đông Xuân 1975–đưa đến sự sụp đổ của VNCH trong vòng 55 ngày và 55 đêm địa ngục–chẳng hiểu Trùng Dương và Sóng Thần trôi giạt về đâu.

Dù vô cùng khiêm tốn và nhã nhặn sau 35 năm định cư ở Mỹ, nữ sĩ Trùng Dương vẫn cung cấp

cho độc giả Hợp Lưu, qua cuộc phỏng vấn với Lê Quỳnh Mai, những thông tin khả tín về diễn đàn ngôn luận tâm huyết do bà và văn hữu chủ trương đầu thập niên 1970. Đặc biệt, những thông tin của Trùng Dương có thể giúp những thế hệ trẻ thấy một sự thực: Văn nghệ sĩ miền nam cũng có những phần tử can đảm bất chấp mọi hậu quả bi hài đứng lên tranh đấu cho dệ tứ quyền.

Trân trọng giới thiệu nữ sĩ Trùng Dương cùng các văn hữu và độc giả thân quí của Hợp Lưu.

Tạp chí Hợp Lưu

***

Tiểu sử và tác phẩm:

Trùng Dương, tên khai sinh là Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1944 tại Sơn Tây, di cư và lớn lên tại Miền Nam từ 1954. Nguyên là chủ nhiệm-chủ bút nhật báo Sóng Thần (Saigòn, 1971-75), và là tác giả của nhiều truyện ngắn, truyện dài, biên khảo, phóng sự, minh hoạ, và một vở kịch ba màn, *Các Con Tôi Đã Về* (1978). Tị nạn cộng sản tại Hoa Kỳ từ 1975. Trở lại trường học và tốt nghiệp cử nhân và cao học ngành báo chí, công quyền và các vấn đề quốc tế, Đại học Tiểu Bang California, Sacramento. Fulbright Fellow, niên khoá 1990-91 tại Hong Kong, nghiên cứu về các vùng kinh tế đặc biệt (special economic zones) của Trung Cộng trước khi nước này mở tung mọi cửa ngõ đón nhận nền kinh tế thị trường. Từ 1991-93, phóng viên cho tờ *The Mountain Democrat*, Placerville, Calif.; sau đó về cộng tác với nhật báo *The Record*, Stockton, Calif., làm copy editor rồi trưởng thư viện tin tức (chief news librarian, archivist & researcher) từ 1993 tới khi về hưu năm 2006.

Các tác phẩm văn chương đã xuất bản trước 1975: Văn xuôi: *Vừa Đi Vừa Ngước Nhìn*, tập truyện (Khai Trí, 1966); *Mưa Không Ướt Đất*, tập truyện (Văn, 1967); *Cơn Hồng Thủy và Bông Hoa Quỳ*(Trình Bầy, 1968); *Chung Cư*, tập truyện (Tân Văn, 1971); *Một Cuộc Tình*, tập truyện (Tân Văn, 1972); *Lập Đông*, tập truyện (Văn, 1972); *Thành Trì Cuối Cùng*, truyện dài (đăng từng kỳ trên nhật báo *Thần Phong*, Saigòn, khoảng 1970-71, chưa in thành sách); *Những Người Ở Lại*, truyện dài (đăng từng kỳ trên nhật báo Sóng Thần, 1973, chưa in thành sách).
Văn dịch: *The Prophet* (dịch Kahlil Gibran, đăng rải rác trong một số tạp chí, 1968-70); *Ngàn Cánh Hạc* (dịch Kawabata Yasunari, Trình Bầy, 1969); *Đường Về Trùng Khánh* (dịch Han Suyin, chung với Hồ Hải Nguyễn Vũ Thiện, không nhớ tên nhà xuất bản, khoảng 1970); *Người Đàn Bà Trong Cồn Cát* (dịch Kobo Abe, An Tiêm, 1971).
Từ sau 1975, viết nhiều thể loại và đăng báo, nhưng chưa xuất bản thành sách.

***

Lê Quỳnh Mai: *Xin chị giới thiệu về nhà báo và nhà văn Trùng Dương Nguyễn Thị Thái.*

Trùng Dương: Khi viết báo, tôi tôn trọng dữ kiện, sự chính xác. Khi viết văn, tôi để óc tưởng tượng của tôi thở, sống, "theo chân mây", như tựa một cái truyện ngắn viết trước 1975, thay vì nhốt nó ở đâu đó. Ở cả hai bộ môn, văn chương và báo chí, chân thực là điều căn bản, nhất là sự chân thực trí thức.

LQM: *Là chủ nhiệm nhật báo Sóng Thần tại miền Nam Việt Nam trước 1975. Chị có thể cho quí độc giả biết về quá trình thực hiện và hoạt động của cơ quan ngôn luận này không?*

TD:Tình cờ tôi vừa viết xong bài điểm sách cuốn *Báo chí ở Thành Phố Hố Chí Minh – 100 Câu Hỏi Đáp Về Gia Định – Sài Gòn TP. Hồ Chí Minh*, do Trương Ngọc Tường và Nguyễn Ngọc Phan biên soạn và nhà xuất bản Tổng hợp TP-HCM ấn hành năm 2006, về báo chí Miền Nam từ 1865 tới 1995, trong đó có hai trang về tờ Sóng Thần với rất nhiều sai sót. Tôi nhận thấy, vì nhu cầu trong nước và cả ở hải ngoại hiện muốn tìm hiểu về nền văn học Miền Nam 1954-1975, trong đó báo chí là một bộ phận, nên tôi có viết lại về tờ báo Sóng Thần để những ai muốn tham khảo về tờ báo như một phần của báo chí nói riêng và văn học Miền Nam nói chung, có tài liệu và không phải đoán mò, cương ẩu. Rất tiếc là tôi không có phương tiện, nhất là sức lực, để suy khảo về cả 20 năm báo chí Miền Nam, mặc dù một dạo rất muốn và đã thu thập được một số tài liệu. Sau đây là phần viết về tờ Sóng Thần rút ra từ bài điểm sách.
Tờ Sóng Thần ra đời vào tháng 10, năm 1971, và bị rút giấy phép vào tháng 2, năm 1975. Microfilm của những số báo Sóng Thần (trừ những số báo bị tịch thu không ra được tới sạp bán) hiện được lưu trữ tại thư viện Kroch Library Asia thuộc Đại học Cornell, Ithaca, N.Y. Bộ phim gồm bẩy cuộn, mang số 5004, gồm 1971: Oct.-Dec., 1972-1974, 1975: Jan.-Feb.
Khởi thủy Sóng Thần là cơ quan ngôn luận của nhóm chống tham nhũng Hà Thúc Nhơn (tên một đại úy y sĩ đã bị sát hại vào năm 1970 trong khi đơn thương độc mã chống tham nhũng trong chính quyền Nha Trang). Nhóm này gồm Bác sĩ Phạm Văn Lương, Giáo sư Nguyễn Liệu, Hà Thế Ruyệt, Phan Nhự Thức, Uyên Thao, Lý Đại Nguyên và một số người khác tôi không nhớ hết tên, và những người vì lý do riêng, không muốn công khai. Sau vì nhu cầu chuyên nghiệp, tờ báo tách ra đứng riêng, mặc dù vẫn theo chủ trương chống tham nhũng trong chính quyền và quân đội. Hồi ấy, tham nhũng ở Miền Nam chỉ bằng một phần nhỏ, so với bây giờ, và cũng chẳng lãnh đạo nào dám ngang nhiên tặng đảo, đất hay cho ngoại bang thuê mỏ, thuê rừng để bỏ túi riêng, như bây giờ. Và cũng không có lãnh đạo nào dám bênh vực tham nhũng, cho rằng tham nhũng ở Việt Nam còn thua xa vài quốc gia khác, như mới đây, ở Việt Nam.
Sóng Thần được hình thành là do đóng góp tiền bạc dưới hình thức mua cổ phần của các cổ đông và độc giả. Tờ báo có trụ sở đặt tại 133 đường Võ Tánh, Saigòn (không phải ở miền Trung như ghi trong cuốn *Báo chí TP. Hồ Chí Minh*). Tờ báo do tôi dứng tên làm chủ nhiệm, và nhà văn-nhà báo Chu Tử làm chủ biên. Sóng Thần chống tham nhũng ngay từ lúc đầu, chứ không phải mãi tới cuối năm 1974, như ghi trong bài "Xin cho biết về tờ Sóng Thần". Tuy vậy, Sóng Thần chống tham nhũng, không chống chế độ hay chính phủ, như một số báo chí ngoại quốc hồi ấy xếp loại là "anti-government". Ngoài ra là thông tin, bình luận thời cuộc, xã hội, và giải trí (mà việc đăng tải những truyện feuilleton là một).

Báo có anh Nguyễn Đức Nhuận lo trị sự, một người rất tận tụy, không những đối với tờ báo, mà còn với gia đình của anh chị em tòa soạn. Phát hành thì có Sáu Cao (tôi không nhớ trọn tên họ của anh, anh chị em quen gọi anh là Cao vì anh … rất cao và gầy, người miền Nam, năng nổ, bộc trực). Tôi vẫn nhớ hình ảnh anh Sáu ngồi kiểu nước lụt (tức ngồi xổm, theo lối diễn tả của người Bắc), bứt rứt, khốn khổ, buồn so, mỗi khi nghe tin báo bị tịch thu vì một lý do nào đó, và anh không có báo để phát hành.
Phần tòa soạn thì anh Uyên Thao điều hành, với tư cách tổng thư ký, và anh Trương Cam Vĩnh làm phụ tá. Phụ trách về trình bầy và dàn trang, lo in ấn có các hoạ sĩ Đằng Giao, Huy Tường, và Vị Ý. Hồi ấy, chúng tôi đưa báo đi nhà in mướn người ta in, nhưng có riêng một dàn sắp chữ với khoảng một tá thợ, cậu nào cậu nấy lúc nào cũng mình trần vì phòng sắp chữ vốn là một cái gác lửng trần thấp nên rất nóng, và lem luốc vì mực. Phòng sắp chữ nằm phía sau tòa soạn, do xếp typo Tấn, một thanh niên gốc miền Nam, rất tận tụy, trông coi. Giờ nhìn lại tôi không khỏi xấu hổ mà nhìn nhận là trong số thợ sắp chữ đó có một số em chỉ mới trên dưới 10 tuổi, đủ biết đánh vần để có thể sắp chữ, bỏ học đi làm để kiếm sống giúp gia đình. Tôi cũng còn nhớ cảnh Tấn giục bài, "để mấy đứa nhỏ có bài sắp chữ" vào buổi trưa sau khi báo đã in và thợ sắp chữ sắp các bài nằm, có lần đứng bên cạnh bàn làm việc của tôi với cái thước kẻ, hễ thấy viết được khoảng nửa trang, cậu ta kê thước kẻ vào trang giấy xé cái rẹt, đem phần

giấy có chữ xuống nhà sắp chữ, mặc tôi ngẩn ngơ như con gà vừa bị cắt đầu. Sau kinh nghiệm đó, tôi thường viết bài ở nhà, nếu bữa nào chậm bài cho Tấn.

Thành phần biên tập, bình luận và nhiếp ảnh khá đông, nồng cốt gồm có Vũ Ánh, Đỗ Ngọc Yến, Lý Đại Nguyên, Đường Thiên Lý, Lê Thiệp, Dương Phục, Nguyễn Tiến Sơn, Lê thị Bích Vân, Anh Điển, Nguyễn Tân Dân, Chóe Nguyễn Hải Chí, Hùng Phong, Nguyễn Tuyển, Thục Viên, Triều Giang, Chu Vi Thủy, Vũ Ngọc Long, và nhiều người khác nữa. Bên cạnh đó là một hệ thống các văn phòng đại diện ở các tỉnh, đặc biệt là Đà Nẵng, Huế và Quảng Trị, với Nguyễn Kinh Châu, Nguyễn Quý, Ngy Thanh, Đoàn Kế Tường và nhiều anh em khác. Cộng tác viên thì càng đông hơn. Thường xuyên lui tới toà soạn tôi nhớ nhất có các anh Trần Phong Vũ và Vũ Đức Vinh, cả hai hồi ấy làm đài phát thanh Sàigòn, với anh Vinh là tổng giám đốc. Về sau này, sau khi nhật báo Đuốc Nhà Nam của ký giả lão thành Trần Tấn Quốc tự ý đóng cửa để phản đối luật báo chí mới 007/1972 đòi mỗi nhật báo phải ký quỹ 20 triệu đồng, Sóng Thần (tồn tại nhờ vay tiền ký quỹ, và số tiền này còn nằm ở Ngân Hàng Quốc Gia khi biến cố 30 tháng 4, 1975 xảy ra) mời được bỉnh bút Ngọa Long về cho có mầu sắc người Miền Nam vì đa số thành phần biên tập là những người gốc miền Bắc di cư năm 1954. Khác với lời ghi trong cuốn "100 Câu Hỏi Đáp" là cả ba nhà báo kỳ cựu gốc miền Nam Trần Tấn Quốc, Nam Đình và Ngọa Long "cùng sang cộng tác với Sóng Thần", thực tế chỉ có một mình ông Ngọa Long bằng lòng về hợp tác thôi.

Riêng về các nhà văn nhận lời viết feuilleton cho Sóng Thần thì khởi thủy gồm có Nguyên Vũ, Cung Tích Biền, Nguyễn Thuỵ Long, Vũ Ngọc Đĩnh, Hoàng Hải Thuỷ, vv. Sau thêm một số khác nữa trong đó tôi nhớ hơn cả, vì là do chính tôi mời, mà lại mời viết hồi ký chứ không phải tiểu thuyết, để in song song, một phần cũng là nhằm lôi cuốn người đọc, đó là hai nhà văn nữ Túy Hồng và Nguyễn Thị Thụy Vũ. Tôi đã dự tính sau hai nhà văn này thì sẽ mời Nhã Ca và Nguyễn Thị Hoàng viết hồi ký song song như thế, nhưng chưa kịp, không nhớ vì lý do gì. Cả bốn chị đều là những nhà văn có nhiều sách truyện đã xuất bản và được nhiều người biết tới và đọc, khác với tôi, một người viết truyện "xuân thu nhị kỳ", như chủ bút Văn dạo ấy, Trần Phong Giao, đặt cho tôi, có thể vì tôi luôn có những sở thích khác lôi cuốn mình, không chỉ mình văn chương. Những người viết feuilleton cho báo hàng ngày là cộng tác viên, không nằm trong thành phần biên tập.
Ngoài công việc thông tin, nhật báo Sóng Thần còn tham gia vào hoặc tài trợ cho một số những sinh hoạt giáo dục (như hỗ trợ cho chương trình gây quỹ học bổng cho trường Quảng Ngãi Nghĩa Thục dậy học miễn phí cho vài trăm em học sinh trung học nghèo ở Quảng Ngãi, do Nguyễn Liệu và trên 100 giáo sư trung học ở Quảng Ngãi đảm trách); xã hội hoặc nhân đạo (như chương trình xây nhà giúp người nghèo, hoặc gây quỹ và phát động chiến dịch hốt xác và chôn cất gần 2,000 nạn nhân chiến cuộc trên Đại lộ Kinh Hoàng trong trận Mùa Hè Đỏ Lửa 1972); hoặc văn nghệ (như lập nhà xuất bản Nhân Chủ, hỗ trợ gánh hát cải lương Bạch Tuyết-Hùng Cường, thực hiện phim "Yêu", do Đỗ Tiến Đức đạo diễn, dựa vào cuốn tiểu thuyết cùng tên của Chu Tử).

Cái ưu điểm của Sóng Thần, và lý do tờ báo lôi cuốn được nhiều người tham gia, hỗ trợ, đó là, ngoài chủ trương chống tham nhũng làm sạch hậu phương để hỗ trợ tiền tuyến chống Cộng đặng bảo vệ một Miền Nam tự do, còn do chỗ này: đó là tờ báo do nhiều người làm chủ, với tư cách cổ đông góp phần hùn vốn, và niềm tin của họ đặt vào hoài bão của nhóm chủ trương, cũng là ước vọng của họ. Tôi chỉ là người đứng tên trên giấy phép xuất bản và chịu trách nhiệm đối với chính quyền, trong đó có những màn đi hầu tòa mỗi khi báo bị tịch thu. Tôi còn nhớ mỗi lần tôi mặc áo dài đến tòa soạn, thế nào cũng có người hỏi: "Bữa nay bà đi hầu tòa hả?" Vì tôi ít khi mặc ào dài, mà thường mặc âu phục để đi xe đạp cho đỡ vướng. Nói tóm lại, không có các anh chị em khác đã cộng tác với Sóng Thần và sự tin tưởng vào lý tưởng của tờ báo từ các cổ đông và độc giả, chắc chắn đã không có tờ Sóng Thần.

LQM:*Khó khăn lớn nhất mà chị đã gặp khi thực hiện tờ Sóng Thần.*

TD:Có lẽ là sự kiểm duyệt khá khe khắt, đôi khi vô lý và lố bịch, của chính quyền của ông Nguyễn Văn Thiệu, và đặc biệt là luật báo chí 007/72 ban hành sau biến cố Mùa Hè Đỏ Lửa, đòi mỗi nhật báo phải ký quỹ 20 triệu đồng để được phép tiếp tục xuất bản. Nguyên nhân sâu xa, đã hẳn là do tình trạng chiến tranh do cộng sản Hà Nội chủ trương, với sự thâm nhập hàng ngũ quốc gia của các cán bộ nằm vùng, đặc biệt trong giới cầm bút viết văn, đưa tới thái độ "paranoid" của giới lãnh đạo Miền Nam. Khi một tờ báo bị kiểm duyệt và tịch thu hơi thường xuyên, khách hàng quảng cáo sợ và độc giả cũng dần nản, bỏ mình, rồi cái nọ kéo theo cái kia.

LQM:*Mặc dù tạo được tiếng vang lớn, nhưng tuổi thọ của Sóng Thần không được lâu dài như một số nhật báo nổi tiếng của miền Nam Việt Nam trước kia. Chị nghĩ sao về cái tên của nó như điềm báo trước về hiện tượng này?*

TD:Chuyện "tên như một điềm báo" chỉ là để nói đùa với nhau cho vui. Tôi không tin tên Sóng Thần tự nó là một điềm báo. Hồi đó, mặc dù Sóng Thần nghe không có vẻ tên báo, nhưng ông Chu Tử rất thích khi tôi cho biết đã chọn tên báo là Sóng Thần. Ngoài Sóng Thần, còn có vài tờ khác cũng bị rút giấy phép cùng lúc, trong đó có tờ Đại Dân Tộc của ông Võ Long Triều.

LQM:*Sau nhiều biến cố xảy ra, chị có tìm ra nguyên nhân tại sao nhật báo Sóng Thần bị đóng cửa hay không?*

TD:Tôi nghĩ tờ Sóng Thần bị đóng cửa là vì thái độ sợ hãi, không còn tin ở ai của chính quyền của ông Thiệu. Như tôi đã nói ở trên, chính quyền của ông Thiệu khi ở bước đường cùng càng trở nên quẫn trí, phản ứng không còn theo lý trí nữa. Người Mỹ có thành ngữ "shoot yourself in the foot" (tự bắn vào chân mình), nói cách khác là tự đào mồ chôn sống, và đấy là tình trạng của những chế độ ở bước đường cùng và không tin ai nữa, kết quả là hở ra làm cái gì cũng sai, trật, và từ từ tự đào hố chôn mình và chôn theo cả một quốc gia, dân tộc. Ta cũng thấy điều đó hiện đang diễn ra ở Việt Nam.

LQM:*Chị có nhận xét và so sánh thế nào giữa hai nền báo chí ở miền Nam Việt Nam trước 1975 và của cộng đồng người Việt hải ngoại sau 1975 (nói riêng tại Hoa Kỳ).*

TD:Báo chí ở Miền Nam trước 1975 có kiểm duyệt, mặc dù không bị chỉ đạo, như báo chí dưới chế độ cộng sản độc tài ở Miền Bắc và cả 35 năm qua trên toàn Việt Nam. Báo chí Việt ở hải ngoại thì hoàn toàn tự do, chỉ cần xin giấy phép mở một cơ sở thương mại (business). Ngày nay với kỹ thuật Internet phổ biến, nhiều báo điện tử không cần cả giấy phép thương mại, chỉ cần đăng ký với một trong những cơ sở đăng ký trên Internet. Tuy nhiên, nhiều người làm báo ở hải ngoại, tất nhiên không phải tất cả, hiểu nhầm quyền tự do báo chí, cho rằng mình muốn viết gì, công kích hay chụp mũ ai thì đó là quyền của mình. Điều này không đúng. Càng tự do, trách nhiệm của người cầm bút càng cao, do đấy người cầm bút càng phải luôn học hỏi, tự trau giồi, về kiến thức cũng như khả năng nghề nghiệp. Và quan trọng hơn cả, theo tôi, là vun sới đức tính khiêm tốn, đạo đức nghề nghiệp.

LQM:*Chị có so sánh gì về cả hai mặt tốt xấu trong cách làm báo của người bản xứ tại Hoa Kỳ và của người Việt tại hải ngoại.Và ý kiến về sự xuất hiện mạnh mẽ của báo điện tử hiện nay?*

TD:Báo Việt ở hải ngoại, đặc biệt tại Nam Cali, nhiều quá, vì ai cũng muốn làm chủ báo, mà số người viết thì có hạn, độc giả có hạn, cũng vậy là khách hàng quảng cáo. Lượng thì nhiều mà phẩm không có bao nhiêu. Về phát thanh cũng vậy. Đã vậy, báo chí Việt ngữ, vì tính chất chính

trị đặc biệt của cộng đồng Việt tị nạn, ít nhiều, dù không muốn, cũng bị lôi cuốn vào vòng chính trị, khó duy trì được tính khách quan, chuyên nghiệp. Chưa kể ảnh hưởng của khách hàng quảng cáo tới sự độc lập của tờ báo nữa. Báo chí Mỹ không bị chi phối bởi đặc tính chính trị này, mặc dù cũng không tránh được sự chi phối của quảng cáo. Báo chí Mỹ cũng không xuất bản ồ ạt như vậy. Tại một thành phố như Stockton, nơi tôi đã sống và làm việc 12 năm, chẳng hạn, với dân số khoảng 250 ngàn cho thành phố và khoảng nửa triệu cho toàn quận, chỉ có một tờ báo hàng ngày, tờ The Record, với số phát hành khoảng 70 ngàn số. Vậy mà từ nhiều năm trở lại đây tờ báo cũng đang khốn đốn vì sự phổ biến của Internet vì kỹ thuật này đang lấy đi khách hàng quảng cáo, nguồn thu chính của tờ báo. Và đấy là tình trạng chung của báo in tại Mỹ: nguồn thu quảng cáo đang bị thu hẹp lại, trong khi số độc giả mua báo cũng giảm đi.
Kỹ thuật Internet chỉ mới được chính phủ Hoa Kỳ bàn giao cho tư nhân xử dụng vào năm 1995, bốn năm sau khi kết thúc cuộc Chiến Tranh Lạnh. Tuy thế, Internet đã biến đổi sâu xa đời sống của chúng ta ở mọi lãnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn học nghệ thuật và cả những liên hệ và đời sống cá nhân. Cũng chưa có kỹ thuật nào từ cổ chí kim mà lại có khả năng thu nhỏ quả địa cầu, thông tin chớp nhoáng, kể cả "tin" bậy, và dân chủ hoá và trang bị sức mạnh (empower) cho người xử dụng, như kỹ thuật Internet, mà World Wide Web, gọi tắt là Web, là một bộ phận. Do đấy chúng ta không nên lấy làm lạ khi báo điện tử của người Việt trong và ngoài nước bỗng tràn lan, bên cạnh những ấn bản điện tử (online) của những báo giấy, đấy là chưa kể các trang Web của các đoàn thể, hội, nhóm và cá nhân. Không cần chi phí nhiều để mở những trang Web đó, chưa kể nếu chịu khó thì có thể tự làm lấy trang Web của mình với sự hỗ trợ của một vài chương trình computer, rồi thuê post lên Web, tốn vài chục Mỹ kim/tháng. Vấn đề là có người viết và viết như thế nào, có đáng cho chúng ta theo giõi đọc và tin được không. Không ai ở hải ngoại này, kể cả chính quyền, có thể "đóng cửa" những Web sites này, trừ phi họ vi phạm điều lệ của hãng Internet mà họ thuê post và có người khiếu nại. Do đấy, người đọc cần đủ hiểu biết và thông minh để phân biệt thực hư, giữa sự thực và dối trá, đừng bạ cái gì cũng tin, rồi chuyển đi tứ tán, qua phương tiện e-mail, một cách vô trách nhiệm.

LQM:*Là nhà báo và cũng là nhà văn, chị thích lãnh vực nào hơn. Tại sao?*

TD:Không có lãnh vực nào tôi thích hơn lãnh vực nào, mà cả hai bổ sung cho nhau. Càng lớn tuổi, với kinh nghiệm, mình càng thực tiễn hơn, không còn mơ mộng, đam mê như lúc còn trẻ, do đấy óc tưởng tượng cũng mòn mỏi đi. Vì nhu cầu công việc và thói quen nghề nghiệp, tôi nghiêng về báo chí nhiều. Tóm lại, tôi đọc báo, tạp chí, sách non-fiction, xem phim tài liệu nhiều hơn là đọc truyện và xem phim truyện, trừ những tác phẩm thật hay. Viết cũng vậy.

LQM:*Ý kiến của chị thế nào về văn học hải ngoại. Và sự khác biệt giữa hai thời điểm trước 1975 và sau 1975 dưới mắt nhìn của chị?*

(Còn tiếp...Xin đọc Tạp Chí Hợp Lưu 111 số tháng 8 & 9 – 2010)

Phỏng vấn Trương Vũ, con người sau nội chiến

Tốt nghiệp MS về vật lý hạt nhân, toán, kỹ sư điện và Doctor of Science về điện ứng dụng trong kỹ thuật không gian, Trương Vũ là một chuyên gia về kỹ thuật xác định quỹ đạo phi thuyền của trung tâm NASA. Bên cạnh, ông đã làm chủ bút tạp chí Đối Thoại, đồng chủ biên tập san Việt học The Vietnam Review và đồng chủ biên tuyển tập The Other Side of Heaven, nxb Curbstone Press, 1995. “Hướng đên tương lai của tuổi trẻ Việt Nam” là quan tâm chính thường được Trương Vũ trình bày trong

nhiều tiểu luận bàn đến các vấn đề chính trị, văn hoá, cộng đồng và lịch sử đất nước.

Tạp Chí Hợp Lưu

***

Hợp Lưu:*Trong hồi ký Ngày N+, cựu đại úy quân cảnh Hoàng Khởi Phong đã kể về một sĩ quan cấp úy tự nguyện ở lại Nha Trang không đưa gia đình chạy về Sàigòn sau khi Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Tuy Hoà thất thủ. Viên sĩ quan đó chính là Trương Vũ. Vì sao khi ấy, trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi đang thành lập tuyến phòng ngự Sàigòn từ xa ở Phan Rang, các tỉnh lớn Long Khánh, Biên Hoà, Cần Thơ và thủ đô Sàigòn chưa mất mà Trương Vũ chọn ở lại một thành phố đã bỏ ngõ?*
Trương Vũ: Câu hỏi rất hay nhưng đặt ra không đúng với bối cảnh thật và hoàn cảnh cá nhân tôi vào lúc đó. Tôi chỉ phục vụ hai năm trong QLVNCH trong đó có gần một năm ở hai quân trường, và được biệt phái về Bộ Giáo Dục năm 1970 với cấp bực thiếu úy trừ bị. Sĩ quan biệt phái, trên nguyên tắc vẫn là quân nhân nhưng trên thực tế là dân sự, không trực thuộc bất cứ đơn vị quân đội nào. Câu trả lời của tôi trong bài phỏng vấn của Trần Văn Thủy liên quan đến quyết định ở lại có thể không làm hài lòng một số người. Không biết có phải đây là lý do HL đặt lại câu hỏi một cách quyết liệt hơn cho tôi, một sĩ quan biệt phái, thay vì hỏi các cấp tướng hoặc tá trách nhiệm bảo vệ thành phố Nha trang hiện đang còn sống ở hải ngoại? Tôi vẫn thích trả lời câu hỏi vì tin rằng mỗi người trong chúng ta dù ở bất cứ cương vị nào đều phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình. Nhưng để có câu trả lời chính xác tôi phải đưa ra một bối cảnh và hoàn cảnh cá nhân đúng với sự thật. Tôi hy vọng kinh nghiệm và quan điểm cá nhân về quyết định đi, ở của mỗi người trong một hoàn cảnh như vậy, được trình bày ở đây sẽ rõ hơn, sẽ giúp phần nào cho những thế hệ sau nhìn ra tính phức tạp của cuộc chiến, để đừng có những phán xét quá đơn giản thường dẫn đến những nghịch lý và bế tắc trong lý luận.

Nhiệm sở sau cùng của tôi trước 30-04-75 là trường Đại Học Duyên Hải Nha Trang. Tôi dạy toán ở Sư phạm, đồng thời phụ trách Sinh viên vụ của đại học. Vào những ngày cuối tháng 3 năm đó, Sinh viên vụ được chỉ định phối hợp với ban Đại diện Sinh viên phụ trách cứu trợ đồng bào từ các tỉnh cao nguyên và miền Trung đang tạm trú trong khuôn viên đại học. Lúc đó hầu như nhà nào cũng có đồng bào lánh nạn tạm trú. Thời gian đó, dù rất hoang mang, hầu hết giáo chức và viên chức tôi biết đều cố gắng làm nhiệm vụ của mình. Mọi người đều nghe nói đến lệnh tử thủ Nha Trang. Nhưng đến sáng ngày 1 tháng 4 tình hình vụt đổi khác. Ngoài đường, mọi người chạy như điên, từ xa chạy về thành phố, từ thành phố chạy đi, hoặc chạy loanh quanh không biết đi đâu. Trong khi đó, đài phát thanh vẫn còn phát lệnh truyền thanh cho quân nhân và công chức phải ở nguyên tại nhiệm sở. Lúc đó chưa có bóng dáng quân miền Bắc gần thành phố. Dầu vậy, ý định di tản cũng đã đến với chúng tôi, và gia đình tôi (gồm chín nhân mạng) đã chuẩn bị sẵn sàng. Phương tiện duy nhất có thể dùng là chiếc xe jeep dân sự do một đứa cháu gái gọi bằng chú để lại sau khi gia đình cháu đã vào Sàigòn. Tôi nhớ rất rõ đến giờ phút đó tôi vẫn không ở trong tâm trạng có thể bỏ đi một cách dứt khoát. Vài giờ trước đó, vợ của một người phụ tá chạy chân đất sang nhà tôi nói lắp bắp, không ra hơi, xin cùng di tản với chúng tôi. Chồng chị là một người tôi coi như anh, làm việc với tôi rất tận tình. Họ có hai con, rất nghèo, chẳng có phương tiện riêng nào. Rồi, còn những người phụ tá khác và những sinh viên thất lạc gia đình tôi đưa về tạm trú trong nhà. Và, không lẽ cứ giặc sắp đến là chạy, bất kể có lệnh cấp trên hay không? Đang trong tâm trạng rối rắm như vậy thì Hoàng Khởi Phong (HKP) xuất hiện ngay trước nhà.

HKP là bạn thân và từng là sĩ quan chỉ huy của tôi trong một thời gian ngắn. Khác với tôi, HKP là một sĩ quan chuyên nghiệp, sống hết lòng với quân đội dù bản chất rất nghệ sĩ. Với những chức vụ trông coi tù binh miền Bắc tại trại giam Phú Quốc và trưởng đồn quân cảnh Pleiku của

HKP, tôi tin anh không thể nào thoát chết nếu rơi vào tay Cộng Sản. Sau khi cố gắng tìm phương tiện cho HKP một cách vô vọng, tôi nói với HKP tôi đã quyết định ở lại, hãy lấy chiếc xe jeep của tôi đưa vợ con chạy vào Cam Ranh tìm cách xuống tàu hải quân vào Sàigòn. Mọi chi tiết, HKP đã kể rõ trong tập hồi ký Ngày N+, tôi không muốn nhắc lại ở đây. Sau khi chia tay HKP, tôi đi bộ về nhà, thấy mọi người trong gia đình đang chờ tôi để di tản, ruột gan tôi bắt đầu bấn loạn. Lúc đó, đài phát thanh vẫn tiếp tục phát lệnh truyền cho tất cả quân nhân và công chức ở nguyên tại nhiệm sở.

Quá trưa hôm đó, trong một buổi họp bất thường ở đại học, chúng tôi được biết các cơ quan đầu não của thành phố đã âm thầm bỏ ngõ, không một lệnh lạc nào được ban ra. Tối hôm đó, tù quân lao thoát ra, súng nổ tứ phía, cướp bóc tràn lan. Thành phố dẫy chết. Ngày hôm sau, tiếng súng ngưng, những chiến xa T-54 bắt đầu tiến vào thành phố. Nha Trang của vài giờ trước đó đã trở thành lịch sử. Mặt trận Phan Rang với trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi làm tư lệnh được thành lập một tuần sau khi Nha Trang thất thủ không một phát súng chống cự. Phan Rang mới là quê hương của ông Thiệu chớ không phải Nha Trang.

Vào những ngày đầu tháng 4-75, tôi đã ở lại thành phố nơi chôn nhau cắt rún. Nghĩ tới nghĩ lui, tôi vẫn thấy những quyết định đưa đến chuyện ở lại có đúng, có sai. Ngay cả quyết định nhường chiếc xe cho một người bạn vẫn chỉ có thể đúng cho tình bạn, tình đồng đội, tình người nhưng chưa chắc đã đúng trong trách nhiệm đối với gia đình. Tôi tin rằng trong hoàn cảnh vô cùng phức tạp của những ngày cuối cuộc chiến, mỗi người đều phải lấy quyết định cho riêng mình và chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đúng hay Sai là chuyện rất tương đối và chỉ áp dụng cho cá nhân đó thôi. Nhưng, nếu buộc phải chọn một nguyên tắc chung, thì quyết định ở lại phải được xem là quyết định đúng nhất. Đúng nhất với một thuộc cấp khi không có lệnh di tản của cấp trên và đúng nhất với cấp trên khi không bỏ thuộc cấp để chạy, để lo riêng cho thân mình. Cuộc chiến đó khi chấm dứt đã cướp mất không biết bao tinh anh của đất nước và để lại rất nhiều nghịch lý. Riêng miền Nam, bao nhiêu chiến sĩ, đa số là binh sĩ, hạ sĩ quan, và sĩ quan cấp thấp, đã hy sinh. Một số tướng lãnh, như tướng Nguyễn Khoa Nam, đã tự sát, đã cứu vãn phần nào danh dự của một triệu quân tan tành chỉ trong 55 ngày. Nhưng có bao nhiêu người nhớ rằng tướng Nam đã ra lệnh cố thủ vùng 4 chiến thuật và có bao nhiêu người đã tuân lệnh ông? Khi ông bắn phát súng vào miệng, xung quanh ông còn bao nhiêu quân? Bao nhiêu tướng lãnh và sĩ quan thuộc vùng 4 lúc đó đang đứng xếp hàng lãnh đồ ăn ở Guam hay lặng lẽ ngồi trong nhà riêng của mình? Tôi hy vọng không có ai trong số này ngày hôm nay tự cho mình sự trịch thượng hay cái quyền được lên án sự đi, ở của người khác, nhất là những người ở xa tầm cỡ lãnh đạo, vào những ngày bi thảm đó. Bài học rút từ 30-04-75 nên là bài học của san sẻ kinh nghiệm, san sẻ hiểu biết, của thông cảm, lòng trắc ẩn và tính khiêm nhường.

HL:*Trong tập phỏng vấn «Nếu đi hết biển» của Trần Văn Thủy, Trương Vũ 28 năm sau tại Hoa Kỳ phát biểu:"Đến nay, tôi vẫn tin rằng quyết định ở lại của riêng tôi vào 1975 có phần đúng có phần sai nhưng quyết định ra đi vào 1976 thì hoàn toàn đúng." Tại sao lại có mâu thuẫn này khi ông đã quyết định ở lại, chấp nhận số phận của một quân nhân bại trận nhưng rồi không ra trình diện "học tập cải tạo", để cuối cùng bỏ hết gia đình vợ con vượt biển trốn ra nước ngoài? Điều gì đã làm ông nghi ngờ không ra trình diện Ủy Ban Quân Quản Lâm Thời khi ấy? Và điều gì đã khiến ông thất vọng tột cùng với chế độ mới, mà trên danh nghĩa áp dụng chính sách khoan hồng, thống nhất đất nước?*
TV: Như đã trình bày ở trên, dù có đúng có sai trong các quyết định của mình, tôi đã ở lại VN tháng 4 năm 1975. Nhưng nếu bảo rằng tôi hoàn toàn chấp nhận số phận của một quân nhân bại trận thì điều đó không đúng. Tôi cũng không tin có bao nhiêu người hoàn toàn chấp nhận số phận của họ. Nhưng, chống lại với số phận không dễ. Trước đó, suốt 21 năm từ 1954 đến 1975, có cả một miền Nam làm lực cản hùng mạnh và niềm hy vọng cho nhiều đồng bào miền Bắc, có bao nhiêu đồng bào miền Bắc chống lại được với số phận của họ? Thế nhưng, dù mỗi

người mang ý nghĩ gì trong đầu, tôi cũng không tin tất cả đều cho rằng cuộc đời họ đến đây là hết. Bản năng sinh tồn của con người lớn lắm. Riêng với những ước mơ bình thường của con người, đặc biệt của những người còn trẻ, thì quả thật đang chết dần. Nhìn từng đoàn người, trong đó đa số là cựu sĩ quan, viên chức hay binh sĩ của quân lực miền Nam, lũ lượt kéo nhau về làm rẫy ở vùng quê, tôi biết tất cả đều chỉ muốn sống với những công việc rất tầm thường, để lo cho con cái. Ước mơ dành lại cho thế hệ sau. Nhưng, ngay cả một đời sống tầm thường như vậy cũng vẫn còn quá xa xỉ trong chế độ mới và không phải ai cũng được phép. Cố học giả Nguyễn Hiến Lê nói rất đúng. Phải thực sự sống trong chế độ Cộng Sản, nhất là Cộng Sản vào thời gian họ còn tin chắc nịch vào "sự dẫy chết của chế độ Tư Bản" và sau khi họ thắng miền Nam, mới thấy thân phận của con người ở đó mỏng manh như thế nào. Mỗi ngày đi qua, người miền Nam cảm nhận thêm sâu sắc nỗi tuyệt vọng cho tương lai mình và cả cho con cái.

Tôi biết chắc chắn sẽ bị gọi đi cải tạo, và ý thức rất rõ đó sẽ là một gánh nặng kinh hoàng cho gia đình trong một chế độ chủ trương đối xử phân biệt, tinh vi vào hạng thượng thừa của nhân loại. Tôi không thấy một tương lai nào cho các con. Chỉ còn cách trốn thoát ra ngoại quốc, bằng bất cứ giá nào. Lúc đó hầu như chưa ai có kinh nghiệm về vượt đại dương bằng thuyền nhỏ. Một đứa cháu gọi tôi bằng chú cùng với một người bạn của cháu là hai trong số rất ít người đầu tiên ở Nha Trang nghĩ đến lối thoát này. Đầu tiên chúng tôi định dùng chiếc tàu sắt mới được hãng Caric đóng cho khoa Ngư nghiệp của đại học để vượt biển. Dùng phương tiện này có quá nhiều nguy hiểm về an ninh và những hậu quả khó lường nên cuối cùng chúng tôi quyết định mua một chiếc ghe đánh cá nhỏ. Cả toán chỉ có năm người và không ai trong chúng tôi từng có kinh nghiệm sử dụng ghe. Cái chết kể như chiếm 80% nên tất cả quyết định không đem theo bất cứ ai trong gia đình mình. Cuối cùng, ghe chúng tôi là một trong vài chiếc đầu tiên sau 1975 từ Nha Trang đến thẳng vịnh Manila, sau 8 ngày lênh đênh trên biển. Lúc đó là tháng 3 năm 1976. Tôi không muốn nói dài dòng về chuyện này vì sau đó hầu như cả miền Nam đều cố nhào xuống biển mà trốn đi và có nhiều trường hợp anh hùng hay thương tâm ngoài sức tưởng tượng của con người. Nói chung, với tôi, quyết định ra đi sau «Giải Phóng» là hoàn toàn đúng. Tôi không còn chịu một trách nhiệm cộng đồng nào và quả thật đang ở vào tuyệt lộ. Tôi có chịu trách nhiệm với gia đình, dĩ nhiên, và mọi suy tính đã diễn ra và dừng lại trong ngưỡng cửa gia đình. May rủi cũng là những yếu tố lớn chi phối sự thành bại của những quyết định như vậy. Có người đi một mình không thoát nhưng số còn lại đi theo sau lại thoát. Có người mang cả gia đình đi và tất cả chìm sâu dưới biển khơi. Gia đình tôi trốn đi nhiều lần đều thất bại. Gần mười năm sau tất cả đoàn tụ trên đất Mỹ qua chương trình Ra Đi Trong Trật Tự (ODP).

Ngày nay, thế giới thay đổi nhiều lắm rồi và VN dù muốn hay không đã không thể hoàn toàn cưỡng lại với mọi áp lực đổi thay. Nhưng mỗi lần nhớ lại khoảng thời gian đó ở VN, nhất là thời gian từ 1975 đến 1980, khó ai trong chúng ta không khỏi rợn người. Nhà văn Cung Giũ Nguyên, năm nay 96 tuổi, vẫn còn sống tại Nha Trang, lúc đó lặng lẽ ngồi viết tác phẩm Le Boujoum bằng tiếng Pháp, dày 684 trang. Năm 2002, chúng tôi, những học trò cũ của ông, xuất bản cuốn sách này tại Mỹ. Mỗi lần đọc tôi không thể không hồi tưởng lại khoảng thời gian này. Nó giúp chúng ta hiểu rõ trong hoàn cảnh như vậy con người đã sống như thế nào và nhờ đâu mà tồn tại. Tôi xin dùng câu mở đầu và cũng là câu kết thúc của Le Boujoum, do chính tác giả chuyển ngữ, để giúp trả lời rõ hơn câu hỏi của HL: "...một vật lơ lửng trên vực thẳm, được những sợi tơ mành của hy vọng giữ lại. Hy vọng nơi ai? Hy vọng nơi gì? Và có lý do nào để hy vọng? Nhờ biệt lệ nào được nâng đỡ như thế này, trong thời gian có giới hạn nhất định. Hay ta lại muốn cho thời gian còn kéo dài mãi, hay ít ra còn lâu nữa mới chấm dứt. Bởi tánh cách đột ngột của sự việc quá rõ ràng, nhưng một mối đầu luôn luôn phải có đối ứng tất yếu là đầu mối kia. Tuy sự quên lãng những quy luật thường đi đôi với ảo tưởng. Dưới kia là một vực thẳm âm u cuồn cuộn..."

HL: *Nhìn chung, phản ứng của báo chí vùng Cali vô cùng dữ dội, cho thấy vết thương của*

những năm theo sau ngày 30-04-75 còn tươi nguyên. Chỉ cần vài nhà nghiên cứu của Viện Văn Học, Hội Nhà Văn Hà Nội, của Trường Viết Văn Nguyễn Du được học bổng sang Hoa Kỳ đủ khiến cộng đồng tỵ nạn sôi sục căm phẫn. Vì sao Trương Vũ không đặt vấn đề Dân Chủ với chính quyền VN mà lại đòi hỏi cộng đồng tỵ nạn hành xử Dân Chủ? Một cộng đồng gốc gác thuyền nhân đã quá đau thương, đã mất tất cả sau 75 mà lá cờ vàng là căn cước duy nhất, và đặc biệt đã có kinh nghiệm «Dân chủ và phản chiến một chiều» đưa đến thảm kịch 30/04/75.
TV: Hình như mỗi người trong chúng ta đều phẫn nộ khi nghĩ đến vấn đề VN, về những gì đang diễn ra trong nước và cả những gì đang xẩy ra trong cộng đồng. Vết thương của chiến tranh chưa lành chút nào. Mặc dầu, trên thực tế, đa số người sống bên ngoài đã cố gắng hoà giải với quá khứ. Đa số đã về thăm quê hương, đã bỏ nhiều tiền bạc dành dụm cho thân nhân và cho cả những ích lợi chung. Trong khi đó, vẫn trong thực tế, những người cầm quyền ở VN chẳng hề muốn buông bỏ điều gì, không một hành động thật sự mang tính hoà giải để giúp đưa quá khứ vào lịch sử. Họ làm điều đó với người Mỹ, Đại Hàn, Pháp, Úc... nhưng chưa hề làm với đồng bào của họ. Một số tổ chức chống Cộng ở hải ngoại lại luôn cảnh giác là không nên mắc mưu hòa hợp hòa giải của Cộng Sản, rồi tưởng tượng ra những người bị mắc mưu, rồi chửi bới, rồi đánh lẫn nhau.

Chỉ toàn tưởng tượng! Từ 1975 đến nay làm gì có chuyện chủ trương hoà hợp hoà giải thật sự từ phía giới cầm quyền, chỉ có trước 1975 khi họ chưa đủ mạnh để chiếm miền Nam thôi. Kẻ chiến thắng chủ trương Đoàn Kết Dân Tộc trong nghĩa: Phải đầu hàng vô điều kiện, sau quân sự đến tinh thần. Nghị quyết 36 là một nghị quyết vô nghĩa, chẳng nêu ra được một sự nhân nhượng nào cả từ phía chính quyền. Khả năng lớn nhất của NQ36 là giúp cho những người cực đoan chuyên sống bằng ảo giác ở hải ngoại, nhìn xung quanh thấy thêm kẻ thù. Muốn hoà hợp hòa giải thực sự, lãnh đạo VN cần có đủ can đảm, sự công bình và tâm lượng, gọi chế độ Việt Nam Cộng Hòa là Việt Nam Cộng Hoà, gọi những người lính thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hoà là những người lính thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hoà, xem những đóng góp văn hoá của miền Nam cũ và của hải ngoại là những đóng góp vào kho tàng chung của cả dân tộc, và để sự đánh giá mỗi chế độ chính trị và con người trong chế độ đó cho lịch sử, cho các nhà nghiên cứu. Bất cứ người lãnh đạo chính trị VN nào làm được điều đó họ sẽ làm cho họ Lớn lên chứ không Nhỏ đi. Vấn đề ở chỗ: lãnh đạo chính trị VN muốn tầm vóc của họ và tầm vóc của dân tộc họ cao cỡ nào thôi.

Tôi không thể giải quyết hết mọi nghịch lý để lại từ cuộc chiến, dù chỉ để giải quyết cho chính cá nhân mình. Tôi chọn cách sống cho những giá trị mà mình tin, và khi cần, thẳng thắn cổ võ hay bênh vực những giá trị đó. Người khác có tin vào những giá trị đó hay không là quyền của họ. Trong hầu hết những tiểu luận về chính trị, tôi luôn cổ võ dân chủ và tự do cho VN. Không có một bài viết nào của tôi cho rằng chế độ Cộng Sản là một giải pháp tốt hay khả dĩ có thể chấp nhận được cho VN. Tôi cũng không bao giờ tin rằng, và đã viết ra rất rõ, độc tài thích hợp để phát triển kinh tế sau khi chiến tranh lạnh đã chấm dứt. Những trí thức VN ở trong hay ngoài nước, khi tranh đấu cho tự do và dân chủ, họ đều nhắm tới những giá trị này cho VN, chớ không phải cho hải ngoại. Tuy nhiên, sự đòi hỏi những giá trị đó chỉ có thể có hiệu quả nếu cộng đồng VN hải ngoại rõ ràng là một biểu tượng cho chính những giá trị đó. Người ta không thể cổ võ cho dân chủ và tự do, cùng khát vọng sống một đời có phẩm cách trong khi ở chính trên đất nước của tự do người ta dùng khả năng tàn phá nhân cách để buộc người khác im lặng trước những sai quấy của họ hay không dám phát biểu những ý nghĩ trung thực của mình. Thực tế, ở Mỹ chẳng hạn, nhiều người trong chúng ta đang sống một đời sống có hai mặt mâu thuẫn nhau hoàn toàn. Là một người Mỹ nói năng thẳng thắn về bất kỳ một vấn đề gì của nước Mỹ, chỉ trích cả tổng thống Mỹ mà không sợ gì cả, ở chỗ riêng tư hay ở nơi công cộng không khác nhau. Nhưng đồng thời lại là một người Việt, có thể chỉ trích Việt Cộng thả giàn, và thường có thể chỉ trích rất chính xác và sâu sắc các hành động tiêu cực của bất cứ thành phần nào trong cộng đồng... ở chốn riêng tư. Khi phải nói năng nơi công cộng, thường tránh né hoặc

nói năng y chang nhau, rất khẩu hiệu. Đây là một đời sống có tự do và phẩm cách? Cộng đồng VN nếu được như ngày hôm nay đã phải trải qua biết bao đau thương. Chắc chắn chúng ta chỉ muốn những đau thương đó trả giá cho những giá trị cao đẹp thôi. Nếu không nỗ lực bền bỉ, sâu sắc, với lòng can đảm tận cùng gìn giữ những giá trị đó, thì chúng ta đánh đổi mọi hy sinh, mọi đau thương, chỉ để lấy một mức sống cao ở hải ngoại thôi sao?

Về chuyện lá cờ, tôi tin rằng mỗi người Việt ở hải ngoại, xuất phát từ miền Nam, đều có quyền đòi hỏi lá cờ vàng ba sọc đỏ được xem là biểu tượng của cộng đồng mình. Nhiều chính quyền địa phương ở Mỹ và các nơi khác trên thế giới công nhận sự đòi hỏi chính đáng đó. Nhưng đừng bao giờ tự dối mình mà phải nhìn vào sự thật là "lá cờ vàng ba sọc đỏ như một biểu tượng của quốc gia Việt Nam" đã không còn nữa, với chính phủ Mỹ cũng như với bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Tôi kính trọng bất cứ ai tiếp tục tranh đấu để đưa lá cờ vàng trở lại thành một biểu tượng của quốc gia như trước đây. Nhưng đồng thời, tôi càng kính trọng những nhà tranh đấu nhắm đến những giá trị như dân chủ, tự do, và khát vọng sống một đời có phẩm cách như những mục tiêu hàng đầu và dành chuyện lá cờ lại cho quyết định của đa số một khi dân chủ được thiết lập trên một đất nước mà lòng người đã ly tán đến cùng cực.

Còn chuyện phản chiến? Chắc chắn với không ít người miền Nam, "dân chủ và phản chiến một chiều" là nguyên do chính đưa đến chuyện mất miền Nam. Đơn giản quá! Tôi không chia sẻ cách nhìn đó. Chắc chắn không phải vì dân chủ và phản chiến mà Mỹ đã theo đuổi một chính sách kéo dài chiến tranh, thả nhiều bom đạn, đem đến nhiều chết chóc cho cả lính Mỹ, làm chán nản ngay những người khởi đầu là Diều Hâu. Cũng không phải vì có dân chủ và phản chiến mà tổng thống Nixon đã nói dối quốc hội và dân chúng Mỹ trong vụ Watergate, mà ngược lại vì chính ông đã coi thường những nguyên tắc của dân chủ mà ông đã thề bảo vệ. Hậu quả vụ Watergate đã bó tay hành pháp Mỹ vào những ngày cuối của cuộc chiến. Có phải vì dân chủ và phản chiến mà tổng thống Nixon gọi tổng thống Thiệu là "son-of-a-bitch" và dọa dùng biện pháp tàn bạo nếu ông Thiêu không chịu ký hiệp định Paris. {theo Henry Kissinger, «Ending the Vietnam war», Simon & Schuster, 2003, trg 427}. Và cuối cùng ông Thiệu chịu ký. Khi một ông tổng thống Mỹ khinh miệt lãnh tụ đồng minh nhỏ bé của mình như vậy, thì lãnh tụ nhỏ bé này còn uy tín với ai mà lãnh đạo. Mặt khác, tổng thống Thiệu không hề nói thật với dân chúng hay ít ra với quốc hội về tình trạng nguy ngập của đất nước như một lãnh tụ dân chủ mà lại hành xử như một nhà độc tài, không tin dân chúng và chính quân đội mình, ém nhẹm sự thật, tin vào sự ủng hộ của đồng minh một cách mù quáng, tự ban hành những quyết định sai lầm chiến lược. Cái đó là do dân chủ và phản chiến? Theo tôi, nói chung, nước dân chủ nào cũng vậy, khi có chiến tranh, chết chóc nhiều, lãnh đạo không có chính sách thuyết phục được đại đa số quần chúng thì bao giờ cũng có phản chiến. Đó là sức mạnh của dân chủ, nó giúp ngăn chặn sự lạm quyền. Phản chiến không có ở các nước độc tài. Liên Xô không có phản chiến, nhưng Liên Xô cũng phải rút quân ra khỏi Afghanistan. Đại Hàn có phản chiến, Tây Đức có phản chiến. Cả hai đều được Mỹ trợ giúp, như VNCH. Cả hai đều là những phần đất nước bị chia cắt, như VNCH. Nhưng sao họ như thế mà ta lại như thế? Lý do chắc ở chỗ khác.

HL:*Vài năm trở lại đây, khá nhiều nhà văn quốc nội đã công du nước ngoài. Sau tiếp xúc, hầu hết các nhà văn Việt di dân đều rất thất vọng vì một số đông đồng nghiệp thuộc Hội Nhà Văn đã phát biểu bài bản, gần như với lập trường được soạn trước, hoặc linh động làm vui lòng người bên ngoài nhưng không chân thật. Rồi một khi trở về quê nhà vẫn là những nhà văn ấy với những phát biểu hoàn toàn chính thống. Từng cho biết đã gặp tình trạng này, ông có thể giải thích rõ hơn?*
TV : Nói chung, nhận xét này đúng và không mấy ai xem đây là điều đáng hãnh diện cho trí thức hay văn nghệ sĩ VN. Có một điều đến nay vẫn còn đúng hơn nữa là sự hiện hữu một tâm lý phủ nhận những đóng góp về văn học nghệ thuật và trí thức của miền Nam cũ cũng như của hải ngoại hiện nay, không phải chỉ từ phía chính quyền thôi đâu. Kể cả những thảm kịch phát

sinh từ cuộc chiến mà người miền Nam phải gánh chịu dù cả sau khi cuộc chiến đã chấm dứt, chúng hầu như không hiện diện trong văn chương miền Bắc trước đó và cả quốc nội sau này.

Tôi đã nêu lên nhận xét này nhiều lần trong các bài viết của tôi, và mới đây trong trả lời phỏng vấn Trần Văn Thủy tôi cũng đã nhắc lại điều tương tự: "Theo tôi, những hận thù, mâu thuẫn giữa anh em lẽ ra đã phải được chấm dứt ngay sau khi chiến tranh kết thúc vào 30 tháng 4-1975. Thế nhưng, thay vào đó lại là những trại tù, mang tên là trại cải tạo. Rồi đổi tiền, rồi "kinh tế mới", rồi ăn cơm độn trên một đất nước vốn xuất cảng lúa gạo, rồi những đối xử phân biệt, rồi cả triệu người đành phải nhào xuống biển bất kể có phải làm mồi cho cá hay hải tặc. Tôi không thấy có bao nhiêu giọt nước mắt dành cho họ. Tôi chỉ đọc được rất nhiều những trang sách báo kết án "bọn phản quốc", "bọn từ bỏ tổ quốc". Sau bất cứ một cuộc chiến nào, người thắng trận dễ chìa bàn tay để hòa giải hơn người bại trận. Người thắng trận, tôi muốn nói người có quyền và thắng trận, đã không làm chuyện đó mà còn làm điều ngược lại."{NĐHB, trg 140}. Trong những câu chuyện trao đổi với những trí thức, văn nghệ sĩ trong nước, tôi vẫn thường nêu lên nhận xét đó. Mỗi người trong chúng ta, dù sống ở trong hay ngoài nước, không ai nên tự ép mình phải cầm bút, và cũng không ai nên buộc người khác phải cầm bút viết theo ý mình. Nhưng tôi biết chắc một điều, một khi đã cầm bút viết xuống một tiểu luận, một bài thơ, một truyện ngắn, v.v. thì trước sau gì cũng sẽ được hay bị trả giá cho những điều mình viết ra.

Nên cân nhắc trước khi viết hay trước khi quyết định không viết. Chữ nghĩa một khi đã in trên giấy, trên internet rồi, không xóa đi được đâu. Hoặc có những điều đáng viết vào đúng lúc của nó, lại không chịu viết, đến lúc nào đó có muốn viết cũng không được nữa. Ngay sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, có biết bao nhiêu nhà văn ở Đông Âu hối tiếc là đã viết hay đã không viết một điều nào đó. Với một nhà văn, cái Có hay Không này thường quyết định sự nghiệp của cả đời. Nhưng đó là sự lựa chọn của mỗi nhà văn, chúng ta có thể trải lòng mình ra chia sẻ với nhau, nhưng không ai có thể lựa chọn giùm người khác. Dầu sao, với những trí thức hay nhà văn trong nước, có rất nhiều người tôi luôn kính trọng, đặc biệt ở cách nhìn không phân biệt Nam-Bắc, Trong-Ngoài của họ, lớp lớn như Phan Đình Diệu, lớp trẻ sau này như Đỗ Hoằng Diệu, Phương Nam Đỗ Nam Hải, và nhiều người khác nữa. Nhưng phải công nhận, với 80 triệu dân, sau 30 năm tàn cuộc chiến, bao nhiêu biến đổi trên toàn cầu, mà chỉ có bao nhiêu đó thôi cho VN thì quả thật là không nhiều. Riêng với Phương Nam, cách nhìn thẳng thắn, toàn diện, nhân bản, và công bình của ông có hy vọng giúp khởi đầu một khuynh hướng tư duy mới, không mang bất cứ một mặc cảm nào khi suy nghĩ hay phân tích những vấn đề VN, cho cả trong lẫn ngoài.

Dầu sao, cuối cùng rồi mỗi người trong chúng ta cũng phải sống với những giá trị mà mình tin thôi. Chuyện Hợp Lưu chẳng hạn, sau 14 năm hợp lưu ở hải ngoại, chúng ta thay đổi được tinh thần hợp lưu nào ở VN? Nhưng một khi đã tin rằng văn hóa tự bản chất phải giao lưu thì chúng ta khuyến khích cho nó giao lưu, còn người khác không tin như vậy là chuyện của họ. Văn hóa không phải là một hình phạt, đọc sách không phải là một hình phạt mà phải phân trần theo kiểu 'tại sao thằng kia chỉ chịu có một roi (đọc một cuốn sách) mà tui phải chịu đến hai roi (đọc hai cuốn sách)'.

HL:*Từng làm chủ bút tập san Đối Thoại thập niên 90, hôm nay Trương Vũ có gì để nói về cuộc đối thoại chính trị giữa trong và ngoài nước ở thời điểm 30-04-2005 này? Đã có những nỗ lực hàn gắn nào và vì sao thất bại rồi tiếp tục bế tắc? Nguyên nhân nào?*
TV: Đối thoại chính trị giữa người Việt với nhau quả thật là khó. Thói quen phân biệt bạn thù thường chế ngự các thảo luận chính trị trong khi nền tảng cho những đối thoại đứng đắn là vừa thuyết phục vừa lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng nhân cách người đối thoại dù đó là người mà mình cho là kẻ thù. Sự thuyết phục nói đến ở đây là thuyết phục bằng lý luận vững chắc đi kèm với những thông tin chính xác có cơ sở để chứng minh. Sự lắng nghe bao gồm

khả năng chấp nhận bị thuyết phục hay chấp nhận sai lầm. Tuy nhiên, những đức tính này có vẻ như thiếu vắng trong con người Việt nói chung. Người Pháp từng nói trong mỗi người Việt có một ông quan. Đã là quan, đâu dễ chấp nhận sai lầm. Cãi không lại thì cách dễ nhất là chửi, về chính trị thì chụp mũ. Có ai thử đếm hiện nay ở hải ngoại có bao nhiêu nón cối. Mười năm trước đây, tôi nói đùa với bạn bè sở dĩ tạp chí Đối Thoại ngưng hoạt động là vì sau một thời gian nỗ lực đối thoại, kết quả đạt được thường là những độc thoại. Nói đùa nhưng thật sự phần đúng của nó không nhỏ, phần khác là thời giờ, tài chánh, điều hợp, v.v. Ngày nay, đối thoại giữa người Việt ở hải ngoại với nhau đã là khó huống chi là đối thoại giữa trong và ngoài. Anh nào gan cùng mình thử tổ chức công khai một buổi đối thoại như vậy ở hải ngoại xem sao? Đặc biệt thử không nhờ một cơ quan hay trường đại học Mỹ đứng ra tổ chức, không nhờ cảnh sát Mỹ gác, và... nói tiếng Việt.

HL: *Dường như tập san Đối Thoại đã đối thoại với những trí thức ly khai như Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự… như thế có gọi là đối thoại Trong-Ngoài hay không, khi chính những trí thức trên cũng đã không thể cất tiếng nói của họ trong nước?*
TV: Nếu đọc kỹ các bài viết trên Đối Thoại, bạn đọc sẽ thấy có rất nhiều bài vở với khuynh hướng chính trị hoàn toàn khác nhau. Mặt khác, nếu đã chủ trương đối thoại thì với những người không cất được tiếng nói của họ trong nước lại càng phải giúp cho những tiếng nói đó đến càng nhiều người càng tốt chứ, sao lại có vấn đề? Nên nhớ, chính nhờ những hỗ trợ như vậy mà cả thế giới, kể cả trong nước, biết đến sự hiện diện của những tiếng nói tranh đấu cho nhân quyền, tự do, dân chủ cho VN từ những nhà tranh đấu của cả trong và ngoài nước. Cũng nhờ đó mà phong trào văn nghệ phản kháng của cuối thập niên 80 được cả trong-ngoài biết đến. Ngày nay, với phương tiện truyền thông hiện đại, nỗ lực đối thoại tương đối dễ thực hiện hơn. Kết quả của nó chưa nhiều lắm, nhưng tôi tin, đối thoại vẫn là cách hay nhất để giải quyết những bài toán gần như nan giải của VN. Nó đòi hỏi sự tự tin. Trừ phi anh đi một mình vào xã hội đen, anh không nên ngần ngại gặp bất cứ ai, nói ra điều anh tin là đúng nhất, lắng nghe người khác nói, và tự mình làm phán quyết, chỉ dựa trên sự thông minh và hiểu biết của mình thôi. Dĩ nhiên, đối thoại với ai, lúc nào, ở đâu, đó là sự thẩm định và quyết định của chính anh. Và, cũng như bao việc khác trên đời này, anh phải chấp nhận trả giá cho sự sai lầm, nếu có. Đồng thời, anh có thể cao hơn, kinh nghiệm hơn, hiểu biết hơn, có thể hãnh diện về mình hơn, nghĩa là anh sẽ có được những điều mà những kẻ chỉ sống theo người khác, nói theo người khác, 'những kẻ sợ ra đường trúng gió' không thể nào có được.

Dĩ nhiên, khi dính vào những đối thoại như vậy, nhất là những đối thoại tương đối qui mô, có những nguyên tắc phải được tôn trọng và cũng có «những tai nạn» khó tránh khỏi. Tôi muốn chia sẻ một kinh nghiệm ở đây. Tháng 7 năm 2003, đại học Johns Hopkins có mời một số trí thức và chuyên viên VN vùng Hoa Thịnh Đốn tham dự một họp mặt để trình bày và trao đổi quan điểm với phái đoàn liên ngành của VN do thứ trưởng ngoại giao Nguyễn Đình Bin hướng dẫn. Tôi được đề cử điều hợp phần thảo luận. Đại học Johns Hopkins đề nghị không thông báo nội dung thảo luận ra ngoài, cũng không chụp hình và thâu băng. Chúng tôi đồng ý, và nhân viên an ninh của đại học đều khuyến cáo mỗi người để lại máy ảnh hay ghi âm ngoài phòng họp. Có thể có người không được khuyến cáo nên một máy ghi âm nhỏ đã được sử dụng trong phòng họp. Sau đó vài hôm, một biên bản không chính thức và cũng không phản ảnh toàn thể buổi thảo luận, được tung ra trên báo chí và các diễn đàn internet hải ngoại.

Trong đó, khi đọc phần trình bày của tôi, chính tôi cũng không hiểu tôi muốn nói gì. Nó được ghi lại một phần từ câu nói theo văn nói của một điều hợp viên, nhưng người viết biên bản không nói đó là điều hợp viên, người đọc vẫn ngỡ đó là đặt câu hỏi, một câu hỏi chẳng có đầu đuôi gì cả. Bất công nhất là cái cách biên bản đó ghi lại phần trao đổi của một bác sĩ trẻ với phái đoàn. Ông bác sĩ này nói năng nhỏ nhẹ nhưng đặt câu hỏi rất hay, nhưng qua biên bản người đọc có cảm giác ông ta là một thứ gọi dạ bảo vâng, không đúng chút nào hết. Dĩ nhiên phần trình bày

của tác giả biên bản thì hết xẩy. Sau đó, tôi có viết một biên bản chính thức, cố gắng ghi lại đầy đủ và chỉ đặt nặng vào nội dung, gởi đến tất cả các thành viên, nhưng tôi cũng vẫn phải tôn trọng nguyên tắc, không thể gởi biên bản đến ai khác. Một bài học khó quên mặc dầu chưa có gì nặng nề lắm.
Trên đây tôi chỉ nói đến những đối thoại có suy tính, có tính 'nghiêm túc'. Trên thực tế, vài trăm ngàn người Việt từ hải ngoại về thăm quê nhà hằng năm. Đã có biết bao nhiêu cuộc gặp gỡ, bao nhiêu câu chuyện trao đổi, nghĩa là bao nhiêu đối thoại, với bà con bạn bè cũng có, với cán bộ, viên chức cấp cao, cấp thấp cũng có. Chính những đối thoại đó đã làm thay đổi rất nhiều cái thấy, cái biết của mỗi người, trong lẫn ngoài nước về đất nước, về con người, về thế giới. Đó là những thành công lớn của đối thoại từ những người dân thường đem lại, mà những trí thức, những người làm chính trị thích bàn chuyện đối thoại nghiêm chỉnh hầu như chưa đạt được kết quả nào đáng kể.

HL: *Nếu hôm nay, được quyền kiến nghị đòi hỏi dân chủ cho đất nước, ông sẽ đòi hỏi điều gì cụ thể trước nhất?*
TV: Bỏ điều 4 hiến pháp, thiết lập các định chế dân chủ và cho đa nguyên, đa đảng. Nếu không thể thực hiện dân chủ ngày hôm nay, <u>ít nhất chính quyền Việt Nam phải làm được điều mà trước đây nhà độc tài Pinochet của Chí Lợi đã làm. Có nghĩa là, có một lịch trình thực hiện dân chủ, tôn trọng lịch trình đó cùng những kết quả của nó.'</u> (Câu gạch dưới này tôi trích nguyên văn từ một bài viết trên Đối Thoại 10 năm trước và mới được đăng lại trên talawas cuối năm rồi).
Với những người tôi tin không thể bàn chuyện dân chủ, tôi chỉ nêu lên một đề nghị đơn giản: Hãy để cho sách vở hải ngoại tự do lưu hành trong nước, nhà văn và trí thức hải ngoại được xuất bản tác phẩm của mình trong nước, các tạp chí văn học trong nước được tự do và khuyến khích đăng tải bài vở từ hải ngoại cũng giống như tạp chí Hợp Lưu đã làm gần mười lăm năm nay đối với trong nước.
Đòi hỏi 2 tôi đã nêu ra với bất cứ nhân vật, nhà văn, và trí thức từ trong nước mà tôi có dịp gặp. Cho đến nay, câu trả lời luôn luôn là '*xin ghi nhận'.* Thế nhưng, tôi cũng sẽ tiếp tục nêu lên đề nghị đó, tiếp tục viết về quyền tự do phát biểu cho đến khi những chuyện đó không còn là vấn đề nửa ở cả trong lẫn ngoài. Tôi cũng muốn nhấn mạnh ở đây, ý thức về quyền tự do phát biểu ở hải ngoại vẫn đang còn là một vấn đề khá nhức nhối. Thực tế này làm cho những tiếng nói đòi hỏi quyền tự do phát biểu cho người dân trong nước yếu đi nhiều.

HL: *Đã nhiều bài viết lên tiếng báo động tình trạng phá sản văn hoá tại Việt Nam mà nguyên nhân vì nhà nước đã 'thanh lý'văn hoá của các giai cấp phong kiến, tư sản rồi không có gì để thay thế khi chủ nghĩa Marx-Lénine không phải là một văn hoá. Đã trở về quê nhà, đã chứng kiến tận mắt, Trương Vũ nhìn vấn đề này ra sao?*
TV:Tình trạng phá sản văn hóa nhiều người nói đến rồi, và ai cũng biết 'phá' rất dễ nhưng 'xây dựng' khó vô cùng. Tuy nhiên, khi về VN, tôi lại chứng kiến một thực tế khác, rất ấn tượng, đó là sức sống vươn lên ngùn ngụt của giới trẻ VN. Tôi nghĩ đây là sức sống tiềm ẩn từ ngàn năm của dân tộc, chẳng Quốc Gia hay Cộng Sản gì cả. Và đây là niềm hy vọng lớn nhất để đất nước vượt qua những phá sản văn hóa hay tinh thần mà mọi người đang nói đến. Không có chế độ chính trị nào tồn tại mãi và xu thế của thời đại càng không cho phép chế độ Cộng Sản tồn tại, mà trên thực tế chế độ hiện tại có còn bao nhiêu chất Cộng Sản đâu? Tuy nhiên, không phải cứ để tự nhiên rồi mọi thứ sẽ được như mình muốn. Cái đang thiếu trầm trọng là những nỗ lực tích cực cho ba lãnh vực nền tảng cho sức mạnh tinh thần của xã hội, đó là: giáo dục, tôn giáo, và văn học nghệ thuật. VN đang có khủng hoảng trong cả ba lãnh vực này. Khủng hoảng lớn nhất là ở tôn giáo. Sự đập phá lẫn nhau vô trách nhiệm nhất cũng diễn ra trong tôn giáo. Trong hoàn cảnh của VN hiện nay, tìm cái sai ở bất cứ nơi nào, con người nào đều dễ như trở bàn tay. Tìm cái toàn vẹn mới khó, gần như không bao giờ có được. Ai cũng biết vậy cho chính mình nhưng nhiều người chỉ muốn đòi hỏi sự toàn vẹn nơi người khác. Nếu không thấy được

thì đập. Đến nay, gần như không có nhà sư nào, không có ông cha nào dấn thân cho xã hội mà không chịu những chửi bới hay phê bình tàn tệ, nếu không từ chính quyền thì cũng từ chính những tín đồ hay giáo dân. Ngồi yên trong chùa hay trong nhà thờ thì có thể không sao, mà ngồi yên thì làm sao hành đạo được. Tôi chỉ xin đưa ra một đề nghị nhỏ này: hãy tạm ngưng chửi bới những nhà tu hành một thời gian, hãy để tín đồ của họ đánh giá nên hay không nên theo những nhà tu hành của họ. Tín đồ không ngu đâu! Về giáo dục, chúng ta chỉ có thể góp ý kiến, không có khả năng trực tiếp thay đổi nền giáo dục tại VN. Thực tế, những nhà giáo, những nhà nghiên cứu gốc Việt đang làm việc trong hệ thống Mỹ chẳng có mấy ai muốn từ bỏ vị trí của họ ở đây để về dạy học hay nghiên cứu tại VN, không kể chính quyền VN chưa chắc đã thật tâm muốn đón nhận họ. Văn học nghệ thuật là lãnh vực mà trong hoàn cảnh khó khăn vô cùng ở hải ngoại, những đóng góp của nó khó ai có thể phủ nhận được. Nó đang có cơ bị 'lão hóa' như nhận xét của nhà giáo Nguyễn Văn Lục. Nó cần được hồi sinh. Văn học hải ngoại, và cả văn học trong nước, về chất lượng và tầm cỡ còn ở những vị trí rất khiêm nhường so với các nền văn học khác của nhân loại, cũng chỉ giống như vị trí kinh tế của chúng ta thôi. Thế nhưng, nó có tiềm năng để vươn mình tới trước, chỉ với điều kiện là hãy nhìn tới trước, nhìn thiên hạ, nhìn Trung Hoa chẳng hạn, để bỏ bớt chuyện ăn thua đủ với nhau như những kèn cựa thường tình giữa anh em một số gia đình nghèo đói. Trong hoàn cảnh hiện nay, người làm văn học, trong hay ngoài nước, đặc biệt là giới trẻ, đang có cơ hội và khả năng tạo một sinh khí cho xã hội VN, giúp giảm thiểu những phá sản tinh thần đang xảy ra. Muốn vậy, rất cần có sự đam mê, học hỏi, và lòng can đảm nói thật, viết thật. Không có nền văn học có giá trị nào được xây dựng trên sự giả dối và tránh né.

HL: *Xin cám ơn Trương Vũ.*

(Nguồn: Hợp Lưu 82)
Lê Quỳnh Mai
Tháng 9-2009

***

Phụ đính:

Mạn đàm cùng nhà văn Trịnh Y Thư

Lê Quỳnh Mai (LQM): Đây là lần đầu tiên, Lê Quỳnh Mai thực hiện mạn đàm với một tác giả sáng tác thơ, viết văn, mà đặc biệt là một dịch giả của những tác phẩm ngoại quốc nổi tiếng, nên rất vui vì có dịp gặp gỡ không ít tài hoa của văn học Việt Nam. Anh có nghĩ như vậy không? Vậy chúng ta bắt đầu nói chuyện nhé.
Anh làm thơ, viết văn, viết tiểu luận, dịch các tác phẩm ngoại quốc sang tiếng Việt. Vậy phải dùng danh xưng nào để cho thích hợp với Trịnh Y Thư?
Trịnh Y Thư (TYT): Thú thật với chị, tôi có tính "đa mang", cái gì cũng thích mân mó nhúng tay vào, rốt cuộc chẳng làm cái gì đến nơi đến chốn. Nhưng chị hỏi thì phải trả lời, có lẽ tôi thích được gọi là nhà thơ nhất. Nhà thơ "oách" lắm, nghe nói các cô hay đem lòng yêu nhà thơ…

LQM: Và cả nhà văn nữa anh Thư ạ! . . . Xin anh cho biết ý kiến về câu "Traduire c'est trahir" mà chúng ta vẫn thường nghe.
TYT: Traduttore, traditore—tôi thích câu tiếng Ý hơn. Dịch là thực hiện công tác bắc cầu giữa hai nền văn hoá, và lẽ đương nhiên, giữa hai nền văn hoá bao giờ cũng tồn tại những giá trị tương phản gần như nghịch lí. Nhà văn Rudyard Kipling bảo Đông Tây không bao giờ gặp nhau. Nhưng ở thời đại của chúng ta, do sự toàn cầu hoá cộng thêm sự bùng nổ của Internet, càng ngày tính tương phản ấy càng thu nhỏ, gần như triệt tiêu hẳn. Câu hỏi quan trọng hơn có

lẽ là: “Khác với công việc dịch thuật ở các chuyên ngành khoa học tự nhiên hay y học, liệu một tác phẩm văn học, sau khi được chuyển ngữ, có khả năng có một đời sống khác hay không?” Với tôi, câu trả lời là có, bởi dịch thuật văn học là tái tạo, là sáng tác lại một tác phẩm để cho nó một đời sống mới, để xê dịch nó sang một căn nhà, một nơi chốn mới. Bốn thành tố quyết định đời sống của tác phẩm là thời đại, nhà văn, tác phẩm và người đọc. Một dịch phẩm hiển nhiên phải có riêng nó một đời sống mới bởi nếu dịch phẩm thành công thì chí ít năm mươi phần trăm những thành tố trên là mới. Đời sống mới này đôi khi còn rực rỡ, trường tồn hơn đời sống “cũ” của nguyên tác như trường hợp bản dịch Chinh Phụ Ngâm của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm; và, nhìn ở góc độ nào đó, Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du cũng là tác phẩm dịch.

LQM: Đối với anh, thế nào là một bản dịch hay, có giá trị?
TYT: Trên các diễn đàn văn học đã có khá nhiều nhận định sâu sắc và giá trị về dịch thuật văn học. Nhìn chung, có hai xu hướng: hoặc tuyệt đối trung thành với văn bản của nguyên tác; hoặc đặt trọng tâm vào yêu cầu tiếp nhận của ngôn ngữ dịch. Theo tôi, ở thời đại của chúng ta, quan niệm đúng đắn phải là sự kết hợp chặt chẽ giữa hai xu hướng. Người dịch không còn là thợ chữ hay kẻ “tra từ điển chuyên nghiệp” nữa. Có khoảng đất trống tuy không rộng rãi thênh thang lắm nhưng đủ cho hắn vận dụng tài năng riêng để phô diễn nét tài hoa trong sáng tạo của mình. Quan trọng hơn hết, theo tôi, là làm sao duy trì được phong cách nghệ thuật của nguyên tác, bởi chính cái phong cách này định hình cho giá trị và sự trường tồn của tác phẩm. Một bản dịch không duy trì—chí ít ở tầng chữ nghĩa—cái phong cách ấy là một bản dịch thất bại. Chẳng những thất bại mà còn không công bằng với tác giả. Tác phẩm tiểu thuyết Lolita của nhà văn Vladimir Nabokov là một kiệt tác của văn học thế giới thế kỉ XX. Nabokov thuật một câu chuyện vô luân bằng thứ Anh ngữ tuyệt vời, phải nói là linh diệu. Nếu dịch giả không nắm bắt được cái linh diệu trong văn tài của Nabokov và không có một vốn liếng Việt ngữ tuyệt vời, linh diệu tương đương thì bản dịch của hắn sẽ biến thành một cuốn sách tầm thường, thậm chí khiêu dâm tồi bại. Và nếu như thế thì oan uổng cho Nabokov xiết bao. Thí dụ thứ hai tôi muốn nói đến là dịch thơ Hồ Xuân Hương sang ngoại ngữ, một điều gần như bất khả.

LQM: Có phải anh muốn nói đến dịch giả không thể chuyển ngữ những từ nói lái trong thơ Hồ Xuân Hương?
TYT: Vâng, những từ nói lái như “đá đeo”, “lộn lèo”, những từ đặc quánh Việt Nam như “hõm hòm hom”, “vắt ve”, “hoẻn”, v.v... làm sao chuyển ngữ mà vẫn duy trì được cái hay của thơ cho dù dịch giả là người tài hoa và tài tình xuất chúng? Rồi còn phải kể đến cái phong cách vừa thanh vừa tục vẫy vùng trong biển cả của tín ngưỡng phồn thực dân gian Việt Nam, làm sao chuyên chở hết được? Thơ của nữ sĩ Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương, ngoài cái tài tình của chữ nghĩa, luôn luôn bật mở nhiều chiều kích lạ lùng mà mỗi thế hệ lại có một cách cảm thụ khác nhau . . . Nhưng có lẽ chúng ta lạc đề quá xa rồi chăng?

LQM: Kinh nghiệm của anh về dịch thuật là gì? Khó khăn? Tại sao anh chọn lãnh vực này? Lời khuyên cho những dịch giả trẻ?
TYT: Tôi vẫn còn là một dịch giả “trẻ” đấy chứ! Trẻ ở ý nghĩa luôn luôn phải tìm tòi, học hỏi. Đối với tôi, dịch có nghĩa là “dịch vật”. Cái khó khăn cho người dịch là hắn lúc nào cũng phải cẩn trọng tối đa bởi muôn vàn cạm bẫy cùng hầm hố túc trực chờ đón để chôn vùi hắn nếu hắn cẩu thả, không chịu khó tìm hiểu thấu đáo văn bản nguyên tác trước khi hạ bút. Tín-đạt-nhã. Ba tôn chỉ người Trung quốc đặt ra cho công việc dịch thuật, tưởng đơn giản nhưng quả thật không dễ dàng và con đường người dịch chọn lựa cho mình đi không rộng rãi, bằng phẳng chút nào. Tôi chỉ tình cờ lạc vào con đường ấy thôi, chẳng qua chỉ muốn tìm hiểu kĩ thuật làm văn cũng như tư tưởng của các bậc thầy văn chương thế giới, và học hỏi thấu đáo, tường tận nhất là dịch.

LQM: Xin anh giải thích rõ nghĩa hơn về hai chữ “dịch vật”.
TYT: Từ điển Hán-Việt của cụ Đào Duy Anh định nghĩa “dịch vật” là “Sai khiến mọi vật, như

dùng trâu cày dùng ngựa cỡi." Với tôi, dịch là đánh vật với chữ nghĩa. Đôi khi người dịch chẳng qua chỉ là con trâu kéo cày, đổ mồ hôi, sôi nước mắt mà còn bị người đời rẻ rúng, xem thường. Chưa kể lâu lâu đổ đốn một tí, bị vợ mắng là đồ "dzịch dzậc."

LQM: Có không ít những tác phẩm ngoại quốc nổi tiếng và giá trị. Nhưng tại sao anh chú trọng nhiều đến tác phẩm của Milan Kundera?
TYT: Kundera mở ra cho tôi thấy thế nào là tiểu thuyết. Hai câu nói ông lặp đi lặp lại trong các bài luận văn của ông, "Tiểu thuyết gia không phải là kẻ hầu hạ sử gia" và "Có những điều chỉ tiểu thuyết mới nói được", có thể tóm gọn quan điểm của ông về nghệ thuật tiểu thuyết. Đọc Kundera chúng ta thấy Lịch sử trải dài trên trang viết. Tiểu thuyết của ông không thiếu những mạch đoạn viết về chính trị—đúng hơn lịch sử chính trị—và ông không bao giờ che giấu thái độ hằn học, gần như thù hận, với nước Nga bởi quốc gia này đã gây nên không biết bao nhiêu tai hoạ và thống khổ cho quê hương ông, cho chính cá nhân ông. Nhưng thật sai lầm nếu chúng ta bới móc giữa những dòng chữ ông viết để tìm kiếm một thông điệp hay luận đề chính trị nào. Với ông, Lịch sử chỉ là tấm phông trừu tượng mà ông ví tiểu thuyết gia như nhà thiết trí sân khấu kịch dùng nó để kiến dựng một tiết kịch. Nhưng nếu lịch sử chính trị chỉ là bối cảnh, chỉ là cái phông của tiết kịch, thì cái gì chiếm cứ phần trọng đại nhất trong tiểu thuyết Kundera? Câu trả lời giản dị lắm: Đó chính là sự truy tìm bản ngã con người để từ đó rất có thể loé lên luồng sáng mới mẻ cho chúng ta thấy rõ hơn cái ẩn mật của hiện hữu. Và qua tác phẩm, chúng ta thấy ông truy xét cái bản ngã đó đến tận cùng. Bản ngã bị ông lật trái lật phải, lật ngang lật dọc đến chóng mặt. Nhưng không phải vì thế ông chụp bắt được điều ông muốn kiếm tìm, bản ngã vẫn vuột khỏi tầm tay, và ông thú nhận cuộc truy tìm bao giờ cũng chấm dứt trong nghịch lí. Đọc Kundera, chúng ta cũng dễ dàng mắc phải ngộ nhận cho là tiểu thuyết ông chịu ảnh hưởng triết học hiện sinh. Quan điểm phê phán xem nghệ thuật chẳng qua chỉ là sản phẩm phái sinh từ các trào lưu triết học và lí thuyết bị ông đem ra phản bác gay gắt. Dùng tác phẩm văn học của các nhà văn cận/hiện-đại, ông bảo tiểu thuyết đụng đến vô thức trước khi có Freud, giai cấp đấu tranh trước khi có Marx; trước khi các nhà hiện tượng học ra đời tiểu thuyết đã nói đến hiện tượng học . . . Để hiểu Kundera chúng ta phải hiểu cái "hệ toán hiện sinh" mà ông trình bày trong cầu vực các tình huống trong tiểu thuyết của ông mà ông gọi là "tiểu thuyết tư duy". Dĩ nhiên, văn học thế giới có rất nhiều tác phẩm giá trị rất xứng đáng giới thiệu với độc giả Việt, nhưng tôi chọn Kundera bởi văn chương, tâm thức, hoàn cảnh cá nhân (ông cũng lìa bỏ quê hương sống lưu vong từ năm 1975) của ông có cái gì tâm đắc, gần gũi tôi. Tuy nhiên nói như thế không có nghĩa là tôi hiểu ông một cách toàn nguyên và càng không phải tôi tuyệt đối đồng ý, tin theo tất cả những gì trên trang viết của ông.

LQM: Xin anh giới thiệu đến độc giả về tác phẩm chuyển ngữ Căn phòng riêng (A Room of One's Own) của Virginia Woolf (TYT chuyển ngữ, bản dịch 2009, NXB Tri Thức).
TYT: Cuốn Căn phòng riêng nằm dưới hình thức một tập tiểu luận, được tác giả san định từ những bài thuyết trình tại hai đại học cao đẳng dành cho phụ nữ, trường Newham và trường Girton thuộc đại học Cambridge, Anh quốc, với chủ đề "Phụ nữ và sáng tác văn học." Cuốn sách thuộc loại kinh điển của tinh hoa thế giới, và Woolf được xem như người mở đường cho trào lưu tư tưởng nữ quyền. Khởi đi từ những phong trào xã hội tiền phong tranh đấu cho quyền lợi người phụ nữ vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, trào lưu này tiếp diễn mãi suốt thế kỷ XX, thành những làn sóng, hết lớp này đến lớp kia, và ngày nay nó được các học giả đưa lên thành lí thuyết văn học—Nữ quyền luận—nhằm vẽ lại biểu đồ truyền thống của phụ nữ trong văn học và xác định lại mô thức văn học ảnh hưởng bởi giới tính (công trình của nữ học giả Mary Ellmann). Bút pháp giới tính nữ do một số nữ học giả Pháp đề xuất vào những năm 70 cho thấy sự khác biệt giữa hai lối viết nam nữ, ngay cả cách cảm thụ tác phẩm cũng không giống nhau. Nhiều nghiên cứu gần đây còn liên kết Woolf với sự đồng tính nữ. Hiển nhiên, Woolf là một tài năng văn chương đáng chú ý, có ảnh hưởng lâu dài, mặc dù bà sống và viết văn cách đây cả ba phần tư thế kỷ. Cuốn Căn phòng riêng là tác phẩm đầu tiên của bà được

dịch sang Việt ngữ, trong đó bà đưa ra luận điểm người phụ nữ muốn viết văn thì phải có tiền và một căn phòng riêng. Nhìn từ góc độ xã hội, cuốn sách kêu gọi một khí quyển mới cho người phụ nữ trong đó nam nữ phải được bình quyền và, quan trọng hơn, nó cố tẩy xoá những định kiến vốn hằn sâu trong nhận thức xã hội về vai trò, giá trị và khả năng người phụ nữ. Từ luận điểm ấy, bà đi xa hơn trong quan điểm về sáng tác văn học. Theo bà thì một khối óc kì vĩ thực hiện được những công trình văn học to tát phải là một khối óc lưỡng tính, nghĩa là nam-nữ tính hoặc nữ-nam tính. “Phải có sự hợp tác nào đó trong trí tưởng giữa đàn ông và đàn bà trước khi sự sáng tạo nghệ thuật có thể hoàn thành. Phải hoàn tất cuộc hôn phối giữa hai tác thể đối nghịch.” Bà bảo thế, dựa trên luận thuyết lưỡng tính của Samuel Taylor Coleridge, thi sĩ kiêm triết gia Anh cuối thế kỉ đầu XIX. Phải chăng bởi thế mà ngày nay nhiều nhà nghiên cứu văn học mặc nhiên xem Woolf là biểu hiệu của xu hướng đồng tính nữ?

LQM: Anh có đồng ý với đoạn văn của Virginia Woolf trong tác phẩm này của bà: “Một phụ nữ muốn viết văn cần phải có tiền và một căn phòng của riêng mình?” Và ý kiến của anh ra sao về câu này: “Người đàn bà tiết hạnh không bao giờ viết lách” (trang 104).
TYT: Woolf xuất bản cuốn sách này vào năm 1929. Hoàn cảnh xã hội lúc đó khác nay nhiều. Điều đáng nói là ở thời đại chúng ta, không còn ai phân biệt hoặc quan tâm đến giới tính của nhà văn nữa. Càng ngày càng có nhiều phụ nữ cầm bút và không ai nghi ngờ tài năng, phẩm giá con người nhà văn cũng như giá trị văn học trong tác phẩm của họ. Năm 2009 cùng lúc cả hai giải thưởng văn học cao quý là giải Nobel và giải Man Booker đều lọt về tay hai nhà văn nữ, bà Herta Muller và bà Hilary Mantel. Đấy là chuyện văn học thế giới, còn ở Việt Nam ta thì sao? Xét riêng trên bình diện văn học, không biết Nữ quyền luận đã xuất hiện ở Nam Việt Nam vào các năm 50, 60 hay chưa, nhưng sự hiện diện đông đảo của những cây bút nữ là hiện tượng đáng lưu ý. Nó hiện hữu không như một thử thách hay thách đố nào mà như một sự kiện mặc nhiên. Nó chẳng cần ai lớn tiếng bênh vực cho nó. Thế hệ nào cũng có những người viết nữ xuất sắc bước ra hàng đầu. Phong cách sáng tạo của họ không những khiến độc giả giật mình mà các nhà văn, nhà thơ phái nam cũng phải nhìn nhau ngẩn ngơ. Nó có tính công phá, nhất là ở những phạm vi “ta-bu” như tình dục. Và nếu văn học hải ngoại có tương lai sống còn hay không thì tương lai ấy nằm trong tay các nhà văn, nhà thơ phái nữ chứ không phải các nhà thuộc giới “mày râu.”

LQM: Xin đại diện phái nữ viết văn cảm ơn nhà thơ Trịnh Y Thư về ý kiến đẹp trên. Tuy nhiên xin anh cho biết ý kiến thêm về “tính công phá, nhất là ở những phạm vi ta-bu như tình dục” trong các tác phẩm của những nhà văn nữ, như anh vừa nêu trên.
TYT: Rải rác đây đó trên trang viết của những nhà văn, nhà thơ phái nữ, trong nước lẫn hải ngoại, tôi thấy họ can đảm dám nhìn thẳng vào mặt phải và mặt trái của dục tính nơi con người. Dưới mắt họ, dục tính là một phần đời sống, và bởi thế khi muốn miêu tả đời sống cho đến nơi đến chốn thì không thể né tránh hoặc bỏ quên nó được. Họ không sử dụng dục tính như lợi khí văn chương nhằm thu hút sự chú ý của người đọc. Nó thuộc dạng bản năng của con người nhưng đa phần, dù ở những tình huống bình thường, nó đau đớn, ê chề lắm chứ chẳng sung sướng gì đâu. Nhờ thế họ thành công và văn chương của họ không biến thành “dơ dáng.” Đây chẳng phải là lần đầu tiên thơ văn phái nam bị phái kia “qua mặt”. Từ cuối thế kỉ XVIII, trong khi Nguyễn Du chỉ dám “Dày dày đúc sẵn một toà thiên nhiên” thì Hồ Xuân Hương đã “Đôi gò Bồng Đảo sương còn ngậm, Một lạch Đào Nguyên nước chửa thông” rồi.

LQM: Đối với anh, thời cuộc ảnh hưởng gì lên sáng tác văn học?
TYT: Thời cuộc, hoặc cao rộng hơn, thời đại, là một trong bốn thành tố của đời sống văn học: Thời đại + Nhà văn => Tác phẩm + Người đọc, như trong sách vở chúng ta thường đọc. Nhà văn Việt Nam, do truyền thống, bị thời đại thường xuyên đè nặng tâm thức mình. Họ viết bởi những trăn trở của kẻ sĩ đang rạch nát tâm tư họ. Họ viết bởi nhìn thấy xã hội suy đồi nhếch nhác, đất nước nghèo đói đau thương. Truyền thống “văn dĩ tải đạo” cho đến ngày nay vẫn

bám chặt lương tri người cầm bút. Vâng, những trang viết đó cao đẹp lắm và tôi chẳng bao giờ dám có ý tưởng ngông cuồng phủ nhận cái gì đã được xem là tối thiêng liêng. Nhưng trong quan điểm của tôi, văn học là hình thái ý thức nghệ thuật phán ánh hiện hữu—hiện hữu chứ không phải đời sống—một hiện hữu bao gồm những khả thể đời sống khách quan lẫn ý thức đời sống chủ quan. Văn học, như một nghệ thuật, có khả năng cùng lúc phô diễn, pha trộn rất nhiều bình diện khác nhau, gần như nghịch lí, của đời sống con người, từ cái chân lí cho đến cái phi lí. Tuy thế phần đông các nhà văn thường nhường phần đất chân lí cho các triết gia và các nhà thần học khai thác. Ở cực điểm bên kia, khó khăn và trắc trở không kém, một số ít như Samuel Beckett và Eugène Ionescu mon men tìm đến tiếp cận cái phi lí, nhưng chỉ sau nửa thế kỷ, các trào lưu phi lí hình như mất tăm. Còn lại là cái khả lí nằm đâu đó giữa chân lí và phi lí. Chính cái khả lí này đã giúp văn học mở ra nhiều ô cửa sổ, qua đó, chúng ta nhìn vào để thấy cái hiện hữu linh động muôn hình trạng trong một thế giới bao gồm cả thực tại lẫn giấc mơ. Hay nói như Kundera, viết tiểu thuyết là dùng con dao sắc rọc thủng "bức màn" hiện sinh để thấu thị cái khả hữu chưa hề thấy bao giờ. Bởi thế, khi đọc một tác phẩm văn học, tôi không chú trọng đến bối cảnh lịch sử, địa dư; thậm chí, những chi tiết trong đó có hợp tình, hợp lí, có đúng với sự thật ngoài đời hay không, với tôi, cũng chẳng đáng quan tâm. Xin hỏi chị, có chi tiết nào phi lí hơn câu mở đầu tác phẩm Hoá thân của Franz Kafka? Tôi cũng chẳng nghĩ văn học có thể giải quyết những bức xúc xã hội. Nhiều lắm là cảnh báo mà thôi. Quan niệm văn học phản ánh hiện thực dễ đưa đến nguy cơ o ép bắt văn học phải minh hoạ, tô hồng xã hội, điển hình hoá hình tượng anh hùng theo khuôn mẫu sử thi để phục vụ và cổ võ cho hướng đi chính trị. Đấy là thời kì văn học Việt Nam nằm trên đe dưới búa của cái gọi là hiện thực xã hội chủ nghĩa. Sau bao nhiêu tác phẩm viết rặt theo khuôn mẫu này, trong đó có không ít những ngòi bút kiệt xuất, Việt Nam vẫn nghèo đói và chỉ tương đối lớn mạnh từ khi đổi mới, bỏ chính sách bao cấp, nông thôn bỏ hợp tác xã, áp dụng kinh tế thị trường, hội nhập thế giới. Ngày nay Việt Nam có "vươn ra biển lớn" hay không, theo tôi, điều đó chẳng dính dáng gì đến văn học cả. Và bởi quan niệm sai lầm như thế nên có ông Hoàng Trinh nào đó đọc William Faulkner [ông ta gọi là Foóc-ne] rồi nhảy đến kết luận là xã hội Mĩ cực kì bi thảm, dân Mĩ chẳng biết hạnh phúc là gì! Thật là buồn cười. Hơn nữa, tính thời đại, cũng như tính ý thức hệ, càng ngày càng lu mờ trong tiềm thức của nhân loại thời nay. Nhiều tiểu thuyết gia Mĩ, trong đó có cả Douglas Coupeland, người viết cuốn Generation X, còn chủ trương gạt bỏ toàn diện tính thời đại ra khỏi tiểu thuyết.

LQM: Dịch giả Trịnh Y Thư có đồng ý chuyển ngữ tên nhân vật, tác giả ngoại quốc sang tiếng Việt, như Faulkner thành ra Foóc-ne không?
TYT: Dĩ nhiên là không. Nếu có người ngoại quốc viết tên Lê Quỳnh Mai thành "Le Quinne Mai" và đọc là "Lơ Kuyn Me" thì chị nghĩ sao? Tương tự như thế khi dịch Washington ra Oa Sinh Tơn. Nghe buồn cười lắm.

LQM: Trong tập truyện Người đàn bà khác của anh xuất bản năm ngoái trong nước, hình như quá khứ là nỗi ám ảnh lớn cho những nhân vật trong truyện. Anh có thể nói gì thêm về nỗi ám ảnh này?
TYT: Chúng ta ai cũng có quá khứ. Đối với những kẻ lìa bỏ quê hương ra đi khi đã có chút ý thức về đời sống, cái quá khứ ấy trở nên nhọc nhằn, nặng nề gấp bội. Một quá khứ nặng khôn kham. Chúng ta khổ sở suốt đời vác nó trên lưng như con ốc sên vác cái vỏ cứng của nó. Tuy vậy sau một thời gian dài sinh sống nơi nước ngoài, cái đau hoài hương trong lòng chúng ta dần dà phai nhạt để nhường chỗ cho cái đau của sự lạ hoá. Sự việc biến thiên theo chiều nghịch đảo: cái thân quen biến thành cái xa lạ và ngược lại. Trở về thăm viếng nơi mình sinh trưởng sau một thời gian dài xa cách, gần như ai cũng cảm thấy nỗi đau này. Nó lạ lùng một cách tàn bạo. Dù cố gắng cách mấy người ta vẫn không thể tự đánh lừa được cảm giác xa lạ, lạc lõng, tách rời. Mảnh đất nơi mình sinh ra biến thành nơi chốn khác, không còn là của mình nữa. Lịch sử của mảnh đất đó không có chỗ đứng cho mình, nó tàn nhẫn gạt mình ra ngoài lề. Lằn ranh biên giới giữa nhớ và quên như bị xoá sạch, không còn cái gì đáng nhớ, sự lãng quên

như bị sai khiến bởi vô thức. Kí ức vẫn còn đấy trong bộ nhớ nhưng nó như bị ảo hoá, trở nên không thực. Sự lạ hoá này cũng thật là tàn bạo bởi cùng lúc nó để hiển lộ khía cạnh hiện sinh của thế giới con người: con người là sinh vật không có bản nguyên, căn tính của hắn không là cái gì bất di dịch. Hắn bị ném ra ngoài thế gian này mà không hề biết tại sao. Hắn như nhà phi hành đi bộ ngoài không gian bị đứt dây buộc với phi thuyền mẹ và cứ thế dật dờ trôi giạt mãi về khoảng không gian huyền tẫn mịt mù. Cuốn sách hơn 300 trang, chỉ muốn nói có bấy nhiêu.

LQM: Anh có nghĩ rằng nền văn học Việt Nam hải ngoại quá thiếu tiểu thuyết hay không?
TYT: Thiếu trầm trọng. Một nền văn học không có tiểu thuyết mà chỉ có thơ và truyện ngắn giống như bữa ăn tối chỉ có khai vị và tráng miệng mà không có món chính. Nhưng nếu hiểu truyện ngắn là tiểu thuyết thu nhỏ thì bữa ăn của chúng ta lại có quá nhiều những món lẳn tẳn ăn bốc, finger food, ăn mãi vẫn chưa thấy no mà chỉ thấy bụng óc a óc ách. Đây cũng là cảm giác của tôi khi đọc văn chương trên mạng. Thiếu tiểu thuyết mà cũng thiếu cả phê bình, đúng hơn, thiếu những nhà chuyên viết điểm sách. Các nhà phê bình hình như thích làm học giả hơn, họ bỏ hoang căn nhà điểm sách đến nỗi căn nhà này ngày nay trở thành bãi phế thải.

LQM: Anh có đề nghị giải pháp nào để dung hòa sự thiếu hụt trầm trọng này không?
TYT: Thật tình tôi chẳng quan tâm lắm đâu. Có nhiêu, xài nhiêu. Cái chúng ta có hiện nay là một nền văn học nghiệp dư. Làm gì được, thưa chị? Giải pháp thì tôi nghe nhiều, nhưng tất cả đều như nước chảy qua cầu, đánh trống bỏ dùi, nghe qua rồi bỏ.

LQM: Sau này anh có vài tác phẩm được xuất bản trong nước. Lý do nào anh quyết định việc này? Vì số lượng độc giả đông hơn? Và anh có lo tác phẩm của mình bị kiểm duyệt đục bỏ không thông báo, như vài trường hợp của các tác giả hải ngoại có tác phẩm in trong nước?
TYT: Xuất bản sách ở hải ngoại là điều bất khả trong hoàn cảnh hiện tại. Không người đọc. Đúng hơn, không ai chịu đi mua sách về đọc. Khi tôi xuất bản cuốn Đời nhẹ khôn kham năm 2002, giáo sư Nguyễn Văn Trung bảo tôi trong nước các sinh viên chuyền tay nhau đọc bản photocopy. Trong lúc đó ở ngoài này cuốn sách in ra vỏn vẹn 300 cuốn, bán đến giờ, năm 2011, vẫn chưa hết. Xuất bản sách trong nước—phục vụ những độc giả yêu sách và muốn tìm hiểu văn hoá nước ngoài, hoặc tò mò muốn biết về văn chương, tâm tình người Việt sống xa quê hương hoặc chỉ đơn thuần thưởng thức một tác phẩm hay—là bình thường. Nhưng nhức nhối nhất vẫn là vấn đề kiểm duyệt. Cũng như tất cả những người cầm bút khác, tôi tin tưởng vào sự tự do tuyệt đối của ngòi bút. Cho đến nay tôi có hai cuốn xuất bản và phát hành trong nước, một dịch, một sáng tác, và tôi chưa phải đối phó với vấn đề này. Cuốn truyện ngắn sáng tác, tôi vừa là tác giả vừa là người chịu trách nhiệm bản thảo vừa là người chữa bản in, nên không có tình trạng đục bỏ không loan báo. Nhưng có thể đấy là trường hợp riêng lẻ. Tôi không rõ trường hợp các nhà văn, nhà thơ khác thì sao.

LQM: Ví dụ tác phẩm sáng tác của nhà văn Trịnh Y Thư bị cắt đoạn kiểm duyệt khi mang vào trong nước in, thì anh sẽ có phản ứng gì cụ thể hơn?
TYT: Dĩ nhiên tôi phải nghĩ lại. Nếu sự cắt đoạn làm thay đổi nội dung và chủ ý của tác phẩm, chắc chắn tôi sẽ từ chối. Nhưng mặt khác, tôi không phải là người xem chữ nghĩa của mình là cái gì tuyệt đối thiêng liêng, một dấu phết dấu chấm cũng không ai được phép chọc bút vào.

LQM: Theo anh thì yếu tính “lưu vong” còn tồn tại trong nền văn học Việt Nam hải ngoại không?
TYT: Nếu hiểu “lưu vong” là “tan mất” thì chí ít giai đoạn văn học 1975-1990 có thể được gọi là “văn học lưu vong”. Đó là thời kì khi người ta vẫn chưa tan cơn sốc của biến cố lịch sử 30/4 sau một thời gian dài nội chiến. Thuật ngữ “lưu vong” hàm chứa một ý thức chính trị, và nó hiển lộ trong những tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ lúc bấy giờ. Họ viết những điều người đọc háo hức chờ đợi. Sự tan rã của cả một tập thể con người, quê hương đang hấp hối trong nghèo đói và tù đày, thảm trạng thuyền nhân, đời sống mới nơi xứ người thảm thương, nhếch

nhác . . . Toàn những đề tài nóng bỏng mà người viết và người đọc đều có thể chia sẻ dễ dàng. Văn chương ở đây không cần hư cấu, và họ viết thật hiện thực, ngòi bút họ chỉ cần sao sát với thực tại là đã được người đọc nhiệt tình đón nhận. Họ không tìm kiếm "bản ngã", cũng không có những công trình đào xới tư duy siêu hình, họ không chạy theo các trào lưu tư tưởng thế giới. Thi ca Hậu Hiện đại, Giải Cơ cấu luận, với họ, là những gì còn xa lạ. Họ viết những điều người đọc muốn đọc, và sự khởi sắc của thời kì này dựa trên căn bản đó. Nhược điểm đương nhiên của họ là khi viết hết trải nghiệm đời sống rồi thì họ ngưng bút luôn. Cả người viết lẫn người đọc trong giai đoạn đầy hứng khởi này là một thực thể "đóng", người viết trong nước, nếu có tham dự, chỉ là một số rất ít chuyển lén được tác phẩm của mình ra ngoài. Bước sang thiên niên kỉ III, tình trạng này biến đổi sâu sắc. Ý thức "lưu vong" càng lúc càng mờ nhạt dần. Văn học tất yếu biến thiên theo thời thế và có lẽ nó đã can đảm vứt bỏ cái vỏ ốc chính trị cồng kềnh mang trên người để mong tiến đến những miền đất hoa thơm cỏ lạ xa hơn. Đã có những người viết (nhất là bên lĩnh vực thi ca) có thực tài và thực tâm muốn làm mới, muốn khai phá những miền đất lạ, nhưng sự tiếp nhận nơi người đọc có vẻ eo xèo, hờ hững lắm. Thế rồi, đùng một cái, cuộc cách mạng tin học với sự bùng nổ của mạng lưới thông tin toàn cầu khiến nền văn học Việt Nam hải ngoại cũng biến đổi mau chóng và ngày nay nó mang một diện mạo khá lạ lùng. Ngành xuất bản sách, báo văn học gần như chết hẳn. Các nhà sách, vốn trước đây cũng ít ỏi, lèo tèo, thi nhau đóng cửa, dẹp tiệm. Sách báo phải đem đi đổ thùng bán kí lô. Toàn bộ sáng tác được đưa lên mạng. Người viết lẫn người đọc, nhờ thế, gia tăng nhiều vì có sự đóng góp tích cực từ khắp bốn phương trời, kể cả những cây viết "lưu vong" trong nước, những người vì lí do nào đó, đứng bên ngoài luồng chính. Trên nhiều diễn đàn văn học ngày nay ở hải ngoại, số người viết này là đa số, bởi thế nếu gọi nó là nền "văn học hải ngoại" hay "văn học di dân" thì tôi e có người không đồng ý, ngoại trừ nếu chúng ta gộp chung số người đọc, người viết trong nước thành những kẻ "lưu vong" hoặc những "di dân" trong không gian ảo, cyberspace. Nếu chính danh là cái gì quan thiết thì nền văn học của chúng ta ngày nay đang gặp phải một trường hợp "khủng hoảng lai lịch" khá gay go. Riêng tôi, tôi không xem chính danh là cái gì tuyệt đối hệ trọng. Hiện tượng biện biệt không gian trong văn học (hay nghệ thuật nói chung) hoàn toàn tan biến dưới đôi mắt yêu thương và bao dung của Mẹ Việt Nam.

LQM: "Hãy cho tôi biết thế nào là một nhà văn chân chính." Ý kiến của anh về câu trên?
TYT: Một nhà văn chân chính, theo tôi, chỉ giản dị là một nhà văn trước sau tin tưởng và chung thuỷ với nghệ thuật của mình. Chẳng thể nào lượng định được phẩm giá của nhà văn bằng ý nghĩa, giá trị những gì hắn dàn trải trên trang viết. Chân-Thiện-Mĩ là những giá trị tương đối, nhìn từ mỗi góc độ đều chênh lệch, hơn kém khác nhau. Triết lí diệt dục, xa lánh cõi trần ai trong Phật giáo, được nhiều người xem là chân lí, trong nhãn quan của Nguyễn Tuân, xuyên qua cuốn tiểu thuyết Chùa Đàn, là phản khoa học, thậm chí . . . "phản cách mạng". Chắc gì những tác phẩm tưởng là siêu việt đều làm đẹp cho đời? Chắc gì kiếp nhân sinh sẽ đẹp đẽ, hạnh phúc hơn nhờ ngòi bút của nhà văn? Tin tưởng như thế dễ đi đến chỗ hoang tưởng. Nghệ thuật nào cũng thế. Cái tôi cho là hay, chị xem là dở. Và ngược lại. Văn học, như một nghệ thuật, là chỉ dấu của tri thức, văn minh con người, nhưng tôi không xem nó như một lí tưởng sáng đẹp tuyệt đối. Tôi có thể chấp nhận cái "không giống tôi" nhưng tôi nhất quyết không chịu ép mình để cái "đạo đức giả" xâm chiếm tác phẩm tôi. Đấy là định nghĩa "thế nào là một nhà văn chân chính" của riêng tôi.

LQM: Trên website Trịnh Y Thư http://trinhythu.wordpress.com có hai bài thơ anh sáng tác năm 16 tuổi. Anh có thể giới thiệu về hai tác phẩm này và tuổi thơ của tác giả không?
TYT: Tuổi thơ tôi không có nhiều ngày vui, lẽ đương nhiên, bởi tôi lớn lên trong lửa đạn quê hương. Nhưng tôi may mắn nhờ sự hi sinh vô bờ bến của cha mẹ nên tôi không đến nỗi bất hạnh. Tôi biết làm thơ rất sớm, có lẽ từ khi lên Trung học. (Tôi có những bài thơ thiếu nhi làm từ năm 11, 12 tuổi, đăng báo, rồi được cắt dán trong tập lưu bút ngày xanh). Tôi sớm mơ mộng, sớm ý thức được thực tại một đất nước đắm chìm trong lửa đạn tai ương, sớm mơ

bước chân giang hồ. Hai bài thơ trên tôi làm năm 16 tuổi. Lúc đó tôi có người cậu làm Trưởng ti Truyền tin tỉnh Kiến Hoà. Mỗi lần về phép ông hay lấy xe díp chở tôi từ Sài Gòn xuống miền Tây chơi. Nhìn những cô gái xứ dừa trắng trẻo đẹp xinh, ăn nói dịu dàng, ngọt ngào như mía đường, tôi mê tít.

LQM: Theo anh, mỗi tác giả có nên lập website để phổ biến tác phẩm nhiều hơn không?
TYT: Nên chứ! Chúng ta đang sống trong thời đại thông tin toàn cầu, YouTube, Facebook, Twitter, LinkedIn . . . Những quan hệ xã hội ngày nay đa phần xảy ra trong không gian cyber, con người càng lúc càng co rút vào cái tổ kén của mình và chỉ chường khuôn mặt ảo, hoàn toàn không thật, ra ngoài thế gian ảo để múa may quay cuồng những trò thuật ảo. Xu hướng của con người ở thời đại này là thế. Mọi thông tin đều được chuyển đạt bằng tốc độ chóng mặt. Sự kiện văn chương đưa lên mạng ở thời điểm vừa qua là tất yếu, ít ai có chọn lựa nào khác trong hoàn cảnh một cộng đồng ở ngoài nước, rời rạc, thiếu thốn như cộng đồng Việt mình. Mặc dù chưa phải là cái gì tuyệt hảo, vẫn có những nhược điểm không tránh nổi, nhưng nó giải quyết được nhiều vấn nạn và quả tình bật mở ra khá nhiều khía cạnh thú vị, hữu ích khác. Nó đáp ứng được yêu cầu năng động của một thế giới đang bay với tốc độ ánh sáng. Nó kết hợp một tập thể người viết, người đọc mới trên một mặt bằng rộng rãi không tuỳ thuộc vào yếu tố không gian. Nó sẽ ở lại với chúng ta trong thời gian lâu dài sắp tới, nếu không muốn nói là vĩnh viễn, cho dù chúng ta có chấp nhận nó trong ngôi nhà riêng của chúng ta hay không.

LQM: Ý kiến anh về sự phát triển của một số websites văn chương tại hải ngoại hiện nay?
TYT: Lợi ích của Internet là vô hạn trên nhiều bình diện, nhưng mặt khác, nếu nhìn từ góc độ người viết, tôi vẫn thấy không cảm thông trọn vẹn với một nền văn học hoàn toàn dựa vào Internet. Viết trên mạng giống như hành động ném viên sỏi xuống mặt hồ, trong tích tắc viên sỏi biến mất tăm mà mặt hồ chỉ gợn lên dăm ba làn sóng nhỏ rồi lặng im như cũ. Có lẽ đó là bản chất của Internet. Còn đối với người đọc thì trước một liều lượng thông tin quá tải, cái gì cũng trở nên nhanh, ngắn, gọn. Những tác giả thiên về dài dòng phân tích tâm lí, "tiểu thuyết tư duy" chẳng hạn, thường không được mặn mà lắm với người đọc trên mạng. Như một món ăn nhanh. Đọc xong tác phẩm là quên ngay, thậm chí khi đọc cũng chỉ đọc lướt lướt. Và bởi có quá nhiều thông tin, chúng ta trở nên ngại ngùng trong việc đọc. Chúng ta trở nên ngán đọc. Ngán. Phải nói là ngán đến mang tai. Có lẽ bởi thế nước Mĩ, nơi khai sinh ra Internet, vẫn cố gắng duy trì một nền văn học in giấy, các quý san văn học vẫn được in ra đều đặn. Ngành xuất bản tiểu thuyết thuộc văn hoá đại chúng vẫn phát triển mạnh. Các ông lớn bà lớn muốn để tiếng thơm cho đời sau, muốn gây ảnh hưởng chính trị, kinh tế, muốn bào chữa lỗi lầm chiến lược của mình, tất cả đều viết sách. Tối nào trên kênh truyền hình PBS, Charlie Rose và Tavis Smiley cũng giới thiệu dăm ba cuốn sách mới. Sự thật là cầm cuốn sách trên tay vẫn là cái thú của hầu hết chúng ta khi đọc một tác phẩm tầm vóc. Nói như thế nhưng tôi không chủ trương quay về thời kì sách báo in giấy cách đây vài ba thập kỉ. Muốn cũng không được. Tôi chỉ mong ngành xuất bản của Việt Nam mình được tái phục ở mức độ nào đó để hỗ trợ cho sinh hoạt mạng vẫn tiếp diễn mạnh mẽ. Hi vọng hiện nay nằm ở công nghệ eBook. Có lẽ eBook sẽ làm gạch nối kéo sách báo in lại gần Internet hơn, một sự dung hoà, một giải pháp, một lối thoát cho cái bế tắc tưởng không có cơ cứu gỡ kia.

LQM: Anh có mâu thuẫn không giữa lời phát biểu về ý kiến mỗi tác giả nên lập riêng một website, và websites của tạp chí mạng (Internet)?
TYT: Sự mâu thuẫn có lẽ nằm ở chỗ "cái khó bó cái khôn." Nhưng cái khôn cũng chỉ cho chúng ta con đường khác khả dĩ giúp chúng ta vượt qua cái khó. Bạn là cầm thủ vĩ cầm, nhưng bạn không phải là Midori hay Sarah Chang, thêm nữa, càng ngày càng ít người bỏ tiền ra mua vé đi nghe nhạc, chẳng ai mời bạn đi kéo đàn tại các sân khấu hoành tráng trên thế giới, nhưng có YouTube sẵn đấy, bạn cứ việc "thảy" lên những màn trình diễn của bạn, biết đâu nghệ thuật của bạn sẽ có người biết đến. Đương nhiên, trình diễn trên YouTube thì chẳng thể nào bì được

với một buổi tối trên sân khấu của đại thính đường Carnegie đông nghẹt khán giả. Nhưng rất nhiều nghệ sĩ tài danh thời nay sử dụng YouTube một cách vô cùng hữu hiệu như phương tiện giao cảm giữa mình với khán thính giả khắp bốn phương trời. Đấy là lợi ích vô hạn của Internet.

LQM: Ngoài viết văn và chuyển ngữ tác phẩm, Trịnh Y Thư còn làm thơ. Cảm nghĩ của anh về Nàng Thơ, và anh thích nhà thơ cùng tác phẩm nào nhất?
TYT: Thơ lúc nào cũng chiếm phần ưu ái nhất trong tâm hồn tôi. Tôi thấy mình may mắn là kẻ yêu thơ. Tôi không "vịn" vào thơ để sống như nhà thơ nào đó tỏ bày tâm sự. Thơ cũng chẳng phải là cứu cánh trong cuộc đời tôi. Nhưng thơ, qua chữ nghĩa và cảm xúc, quả cho tôi thấy một hiện hữu tâm hồn khác nằm lấp ló đằng sau cái hiện hữu thường ngày. Tôi vẫn tin tưởng vào thơ ngôn ngữ. Tài năng sử dụng ngôn ngữ của nhà thơ là quan hệ, bởi khác với nhà soạn nhạc hoặc hoạ sĩ, nhà thơ có vỏn vẹn hai mươi mấy con chữ trong tay để hắn phổ lên trang viết của mình không biết bao nhiêu cung bậc cảm xúc. Sự thú vị khi đọc thơ vẫn nằm trên bình diện ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ điệu và cả thị giác nữa cùng những biến tấu gần như vô hạn của chúng để từ đó người đọc bắt gặp những thi ảnh tâm đắc khiến hắn cất công trèo lên tầng cảm xúc với tác giả bài thơ. Nhưng bên trên cả tầng cảm xúc là tầng thơ. Chỉ có thơ, biểu hiện trên diện mạo của từng con chữ ăn nằm thân thiết bên nhau, bàng bạc khắp mọi nơi, chan hoà tâm hồn người đọc. Vậy mà từ bài thơ chúng ta vẫn chẳng nắm bắt được điều gì. Có sự nghịch lí ở đây chăng? Tôi nghĩ là không, bởi ý nghĩa ngoại tại của một bài thơ là cái gì không đáng kể, ít quan trọng nhất. Thơ đừng nên nói cái gì cả, hãy để ý thức tự thân nó tung toả, muốn bay lên cao thì bay nếu nó đủ sức, muốn hạ cánh xuống bất kì chỗ nào thì hạ, ngay cả những chỗ không thể hạ. Đừng bắt nó phải chìu theo ý kiến, quan điểm chính trị, luân lí, ý thức hệ, giáo điều, giáo lí, đạo đức của bất cứ ai. Ngoài ra, với tôi, thơ chẳng còn sức mạnh nào khác. Tôi rất sợ khi người ta gán ghép sứ mệnh, chức năng này nọ vào thơ. Làm thơ để thúc đẩy, xúi bẩy kẻ khác đi vào chỗ chết là điều vô luân nhất đối với tôi. Kẻ làm thơ như vậy đừng nên tự nhận là thi sĩ mà nên khoác cái áo chính trị gia. (Khổ nỗi các chính trị gia lại thường thích làm thơ, một nghịch lí không thuốc chữa). Tôi yêu thích thơ của nhiều tác giả, điển hình, hơn tuổi tôi có các anh Hoàng Xuân Sơn, Khế Iêm, Nguyễn Hoà Trước, ngang tuổi tôi có Chân Phương, Lưu Hi Lạc, ít tuổi hơn có nhà thơ nữ Nguyễn Bảo Chân trong nước. Tôi yêu thích ngôn ngữ chín muồi, trữ tình và nhuần nhuỵ trong thơ lục bát của thi sĩ họ Hoàng, cái tinh ròng trong ngôn ngữ thơ xuôi của Nguyễn Hoà Trước. Còn thơ của Nguyễn Bảo Chân thì đi vào tâm hồn tôi bằng thứ ngôn ngữ vi tế, nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau và ngữ điệu buông lơi là lạ. Hiện giờ tôi cũng đặc biệt yêu thơ của hai nhà thơ Mĩ Bill Collins và Dana Gioia. Cả hai đều là những khuôn mặt lớn của thi ca Mĩ đương đại. Sống ở Mĩ từ khi mới trưởng thành, ít nhiều tôi thâm nhiễm văn hoá của họ mặc dù chất Việt Nam trong tôi chẳng bao giờ mất được.

LQM: Sau nhiều năm viết văn, làm thơ, dịch thuật. Anh có cảm nghĩ thế nào về hành trình vô định trong con đường văn chương này?
TYT: Tôi thích cụm từ chị đưa ra, "Văn chương là cuộc hành trình vô định". Trong một bài viết về nghệ thuật tạo hình của hoạ sĩ Nguyên Khai, tôi cũng có quan điểm tương tự. ". . . bởi nghệ thuật là cái xác chết vô hồn nếu sự sáng tạo ngưng đọng trong vũng lầy tù hãm nên người nghệ sĩ, cho đến hơi thở cuối cùng, vẫn phải quên đi nỗi đau để tiếp tục cất bước trong cuộc hành trình vạch ra từ lúc sơ khai của buổi ban đầu, một cuộc hành trình miên viễn, không bao giờ tới đích." Cách đây hơn hai mươi năm, lúc mới tập tễnh bước vào làng văn hải ngoại, tôi và một số bằng hữu văn nghệ lúc đó bạo gan xuất bản một cuốn tuyển tập quy tụ hơn hai mươi người viết ở hải ngoại sau thời điểm 1975. Thỉnh thoảng cầm lại cuốn sách tôi nhận ra một sự kiện là, trong số hơn hai mươi người đó, chí ít ba phần tư, từ lâu lắm đã hoàn toàn vắng bóng. Số còn lại, năm sáu người, trong đó có tôi, vẫn viết lai rai cho đến bây giờ. Tôi không rõ những người khác nghĩ sao nhưng riêng tôi thì có lúc nhìn vào gương tôi thấy cái gã alter-ego của tôi nhìn ra quát thẳng vào mặt tôi, "Thôi chứ! Chú mày bẻ bút là vừa! Nhiêu đó đủ rồi, đủ phiền hà thiên hạ lắm rồi, chú mày biết không?" Thế nhưng, có lẽ bởi nỗi đam mê vẫn âm ỉ cháy trong

tâm hồn tôi và như câu nói của bà nhà văn Mĩ Flannery O'Connor ". . . nhà văn là kẻ vẫn còn hi vọng trên cõi đời, kẻ không còn hi vọng không viết văn", tôi vẫn tiếp tục viết. Viết để làm gì và, quan trọng hơn, hi vọng ở cái gì, thì tôi hoàn toàn mù tịt.

LQM: Anh có hài lòng với hoạt động của mình về lãnh vực văn chương, trong quá khứ cũng như hiện tại? Tại sao có? Tại sao không?
TYT: Nhà văn Mai Thảo, khi còn tại thế, gọi tôi là "thằng chân trong chân ngoài." Công việc kiếm cơm của tôi chẳng dính dáng tí gì đến chữ nghĩa hay nghệ thuật. Suốt đời tôi chỉ là người viết tài tử, nghiệp dư. Tôi chẳng bao giờ hài lòng với hoạt động của mình nhưng cũng không thất vọng bởi tôi không kì vọng gì nhiều vào văn chương. Hơn nữa, tôi có nhiều đam mê. Lúc ở trong văn chương, lúc biến vào âm nhạc. Tôi xem nó như một khuôn mặt của đời sống tôi, một đời sống có nhiều khuôn mặt cho đỡ buồn tẻ. Thế thôi.

LQM: Theo anh, có sự bất lợi nào cho người sáng tác bằng tiếng Việt ở hải ngoại?
TYT: Dĩ nhiên là có. Hằng ngày tôi sử dụng tiếng Anh nhiều hơn tiếng Việt. Nói và viết tiếng Anh mãi, khi phải nghiêm chỉnh sử dụng tiếng Việt, bỗng thấy lúng túng. Sử dụng chữ nghĩa cho nhuần nhuỵ vẫn là điều kiện cơ bản và tối thiểu cho một người cầm bút. Tuy thế, dưới góc độ của một người sáng tác, tôi nhận thấy là sống xa đất mẹ, tuy có những bất lợi, nhưng cũng có nhiều lợi điểm khác mà nếu biết khai thác đúng đắn, ngòi bút của người sáng tác rất có thể trở nên độc đáo, làm giàu cho ngôn ngữ mẹ. Nghệ thuật trong văn chương không nhất thiết phải lệ thuộc vào sự tự nhiên, chuẩn xác hay "thuần chất" như ngoài đời thường. Điều này đã và đang xảy ra trên địa hạt thi ca, nhưng rất tiếc nó chưa được thẩm định đúng mức nên chưa có tiếng vang đi xa. Một trong những cái hay trong thơ Hồ Xuân Hương là sự lệch chuẩn. Ai cũng công nhận như thế. Còn ngôn ngữ trong thơ của các tay phù thuỷ chữ nghĩa như e.e. cummings, William Carlos Williams, Bùi Giáng . . . thì có bao giờ giống đời thường đâu. Họ bỏ xa thứ ngôn ngữ "thuần chất" cả nghìn dặm đường. Học hỏi người xưa là điều cần thiết, tôi luôn luôn chủ trương đường đi của văn học là con đường kế thừa. Nhưng nếu không khai phá trên con đường kế thừa đó thì văn học, như một nghệ thuật, sẽ sa lầy trong vũng lầy tù hãm của sự nhai lại. Hơn nữa, mỗi thời đại đều có tiếng nói riêng của nó. Nhịp đập của nó không cùng tần số với những thế hệ đi trước. Ở hải ngoại, tôi nghĩ lợi điểm của chúng ta là sự khai phá tới hạn của ngôn ngữ mà không phải sợ hãi hay e dè một thế lực nào trì hãm lại. Sự khai phá đôi khi quá tải, nhưng tôi không e ngại chút nào về chuyện đó, bởi nó phải như thế, và sự quá tải sẽ tìm về thế quân bằng với thời gian.

LQM: Và tương lai? Nhà văn Trịnh Y Thư có ý kiến gì cho văn học hải ngoại không?
TYT: Câu hỏi to tát quá! Ý kiến hay đề nghị thì không có, tôi chỉ có hi vọng. Hi vọng ở một nền văn học tuy không to tát ồn ào nhưng vẫn tồn tại với tất cả những tâm tình ấp ủ của một tập thể người sinh sống ở nước ngoài nhưng vẫn dùng tiếng mẹ làm chuẩn cho ngôn ngữ sáng tác và luôn luôn hướng về quê mẹ.

LQM: Anh nghĩ gì về tình trạng sinh hoạt văn chương ở hải ngoại hiện nay?
TYT: Có lần, trong một buổi ngồi quán cà phê nói chuyện gẫu, một anh bạn văn chép miệng thở dài, ". . . Văn chương ở ngoài này bây giờ, nó như cái chợ chiều." Tôi bảo đùa anh đừng làm nhục "chợ chiều" như thế chứ, ít ra "chợ chiều" còn có kẻ bán người mua, còn đằng này bọn mình không có nổi một gian hàng cho ra hồn, người mua thì hoàn toàn vắng bóng, một linh hồn lạc lõng lang thang cũng chẳng thấy tạt qua. Nói đùa vậy thôi chứ kì thực tôi không quá bi quan về cảnh "chợ chiều văn chương" đâu. Ở bất kì thời gian, không gian nào, thông thường văn chương chỉ giới hạn vào thành phần thiểu số cực nhỏ của xã hội. Nó sẽ chẳng bao giờ cạnh tranh nổi với văn hoá đại chúng trên bình diện thương mại, về số lượng người đọc, v.v… Sức thu hút của nó là hạn chế. Nhưng sức mạnh tiềm tàng và sự trường tồn của nó nằm ở chỗ nó không bị chi phối bởi thị hiếu, nó không nói đến cái nhất thời mà cái muôn đời. Giá trị của nó

nằm ở chỗ nó tránh xa chốn xôn xao huyên náo của quần chúng, mặc dù vẫn luôn luôn sao sát với nhân sinh. Vâng, nếu quả thật nó giống cái "chợ chiều" kia thì tôi thấy nó thú vị, đáng yêu hơn cái chợ sớm "ngựa xe như nước áo quần như nêm" đinh tai nhức óc những điều chẳng dính dáng tí gì đến văn chương.

Bên cạnh tôi nhiều người bẻ bút nhưng cũng có người viết mới xuất hiện với bút lực và suy nghĩ tươi trẻ, mạnh mẽ. Họ chính là nguồn cảm hứng cho tôi tiếp tục sáng tác.

LQM: Với tình trạng bi đát như anh vừa nói, thì các tác giả tại hải ngoại có nên chuyển hướng sáng tác bằng Anh hoặc Pháp, thậm chí Tây Ban Nha ngữ không?
TYT: Dĩ nhiên là nên nếu họ có khả năng sử dụng ngôn ngữ ấy như một nhà văn. Riêng tôi thì tôi trót yêu tiếng Việt rồi và cũng tự biết mình chẳng có khả năng này.

LQM: Xin cám ơn nhà văn Trịnh Y Thư đã gởi đến độc giả những câu trả lời thú vị nhất.
TYT: Xin cám ơn chị, quý độc giả chịu khó kiên nhẫn nghe tôi huyên thuyên phát biểu linh tinh về việc làm văn. Thế giới ngày nay có bảy tỉ khối óc thì những điều tôi nói trên đây chỉ là một trong bảy tỉ quan điểm khác nhau về văn chương, nghệ thuật mà thôi, chẳng có gì trọng đại.

Phỏng vấn nhà thơ Hoàng Xuân Sơn

Chân dung nhà thơ Hoàng Xuân Sơn _2011

Tiểu sử:
Hoàng Xuân Sơn: tên thật, bút hiệu Bút hiệu khác: Hoàng Hà Tĩnh, Sử Mặc Nguyên quán: Nhân Thọ-ĐứcThọ - Hà Tĩnh Sinh quán: Vỹ Dạ - Phú Vang - Thừa Thiên (Nhâm Ngọ) Cử nhân giáo khoa triết học tây phương - Đại học Văn Khoa Saigon Cao học chính trị kinh doanh – Saigon/Đà Lạt Trước 75: làm công chức, dạy học Khởi viết từ năm 1963. Thơ xuất hiện trên các tạp chí Văn, Chính Văn, Nghiên Cứu văn Học, Khởi Hành, Thời Tập, Nhà văn . . . Định cư tại Gia Nã Đại (Montreal) từ tháng 11/81 Cộng tác với đa số tạp chí văn học ở hải ngoại và trên liên mạng Góp mặt trong nhiều tuyển tập văn chương

Đã xuất bản :

Viễn Phố (thi tập - Việt Chiến, 1988)
Huế Buồn Chi (thi tập - tự ấn hành, 1993)

Lục Bát Hoàng Xuân Sơn (thơ – Thư Ấn Quán, 2004)

Dự tính trong tương lai :

In ấn và phát hành Thơ Quỳnh (thi tập), song hànhvới CD Quỳnh Hương trình bày ca khúc của 10 nhạc sĩ tiêu biểu Cũng Cần Có Nhau (phóng bút - viết về sinh hoạt thanh niên sinh viên giai đoạn 65/75 và sinh hoạt của Quán văn tại Saigon)

***

1-Tuy sáng tác thơ, nhưng Hoàng Xuân Sơn có một số bài viết sâu sắc tạo chú ý cho độc giả. Xin ông cho biết tại sao không chuyển hướng qua viết văn như một số tác giả khác, mà mãi chung tình với Nàng Thơ?

*C*hào nhà văn Lê Quỳnh Mai! Kính chào quý bạn đọc! Thưa chị Quỳnh Mai! Dù chị dùng cách xưng hô cho ngôi thứ hai là "ông" để giữ tính cách khách quan và đứng đắn của một bài phỏng vấn, tôi vẫn muốn gọi chị là "chị"chỉ với mục đích duy nhất là giữ được sự thân thiện qua trao đổi ý kiến nhẹ nhàng, thoải mái giữa những người bạn văn : một cuộc chuyện trò vui vẻ hơn là những câu hỏi/đáp thông thường. Cứ như vầy nhé!

Xin nói ngay hành trang văn nghệ của HXS đa phần và chủ yếu là làm thơ[mần thơ]. Cho dù có nhấm nháp một số bài viết, đó chỉ là tạm bợ, vì nhu cầu cấp thời. Nói nôm na theo triết lý nhà Phật, trong trùng trùng duyên khởi, cái nghiệp nó chọn mình : Nghiệp Thơ chị ạ! Mình chọn thơ thay vì văn cũng do sự lười biếng cố hữu : làm thơ coi bộ dễ hơn, nhanh hơn viết văn, khỏi nặng đầu nặng óc!. "Cái thuở ban đầu "nó có những suy nghĩ cạn cợt như vậy đó! Nhưng "không phải đâu là không phải đâu"chị Quỳnh Mai ơi [cười- tôi học cách nói của nhân vật Bao Bất Đồng trong Lục Mạch Thần Kiếm của KimDung đấy!] . Mần thơ cũng vất vả lắm, cũng phải đánh vật với mình liên miên nếu như không có tài thơ cỡ các bậc thần thi Luân Hoán, Trần Mộng Tú, Trần Vấn Lệ v.v.làm thơ dễ như lấy đồ trong túi! Bây giờ nói chuyện đứng đắn một chút : tôi xin mạn phép ghi lại một đoạn trong phần Mở của tập thơ đầu tay Viễn Phố như một bày tỏ về quan niệm sáng tác : . . . " Tôi không phải là nhà văn nên dù ao ước bao nhiêu, tôi cũng không thể nào có được cái sức sống mãnh liệt, cái tài năng sáng tạo phi thường và ngòi bút dàn trải phong phú của nhà văn, kẻ đã đem văn chương đến giữa cuộc đời như một tặng phẩm quý giá. Bởi thế tôi chọn thơ như tiếng nói của kẻ lười biếng, một cánh cửa phần đời.. . . . Với tôi, thơ không rao truyền một ngôn ngữ nào to tát: thơ chỉ là tâm sự, là "một chút riêng tư"trao gởi người thân, bạn bè, những kẻ đồng hành biết, và sẽ quen." . . .

*C*hị Quỳnh Mai nói đúng : chuyển hướng ? Nên lắm chứ ! Trong trường văn trận bút có lắm kẻ đa tài, bao gồm thao lược văn- thơ một núi lừng lững, nhìn mà bắt thèm! Nhưng mình bất tài biết mần răng chừ?Phương chi nghề văn coi bộ thực tế hơn, còn kiếm sống được, chứ không như nghề thơ, chỉ có cái vẻ hào nhoáng bên ngoài?![xem ông bạn Song Thao "tà tà biên" đến cuốn Phiếm thứ 8, thứ 9, độc giả đặt mua sách trên trời dưới đất hà rầm rất chi là đắt hàng, tha hồ mà hốt bạc] .Trong đời sống lứa đôi, chung tình là một đức tính tốt. Nhưng trong sáng tạo văn chương, chung tình có phải là một trở lực không nhỉ?

2-Huế ơi! Buồn chi(bx 1983) là tác phẩm nổi bật để lại dấu ấn cho độc giả của nhà thơ Hoàng Xuân Sơn. Xin ông giới thiệu lại tác phẩm này?

Huế Buồn Chi(HBC) , thi tập thứ nhì của HXS ấn hành năm 1993, là một tập thơ về xứ Huế, dành riêng cho Huế; nơi mà tác giả đã trải qua những năm tháng ấu thời cho đến lúc trưởng thành. Viết về Huế là viết về một vùng trời kỷ niệm, có hạnh phúc, mộng mơ,có yêu thương ,

khổ đau và hoan lạc trộn lẫn. Nói như nhà văn Trần Doãn Nho(Huế) : đọc HBC có thể đọc riêng đơn vị từng bài; hay đọc toàn tập như một tổng thế cũng không ra ngoài sợi chỉ xuyên suốt : Tâm -Thức-Đặc- Thù- Huế. Bởi vậy thưa chị Quỳnh Mai, nói HBC để lại nhiều ấn tượng cho độc giả, e rằng chỉ có tầng lớp độc giả đồng hương với người viết [điều này chứng thực khi ra mắt HBC tại Montreal, hết 90% khán thính giả là người Huế lặn lội tuyết giá đi ủng hộ phe ta, "phe mền"] . HBC được hình thành trong vòng 3 tháng sau Một- Cơn -Nhớ- Quê-Bồng- Bột, lúc kẻ này đang đi khuấy hồ dán sách trong một hãng xưởng lao động. Hình tượng, ý và lời trong HBC cũng không thoát ra ngoài phương ngữ Huế mà ngờ rằng chỉ có người địa phương mới thâm hiểu được?Cho dù các bạn văn đã ưu ái nhận xét : "Trong HBC, HXS sử dụng phương ngữ Huế một cách tài tình, khiến cho những độc giả dù không sinh trưởng ở Huế cũng lấy làm tâm đắc."(Phạm Xuân Đài) . Hoặc như Hồ Đình Nghiêm(cũng Huế) viết trong phần bạt của HBC : . . ,"Nhà thơ họ Hoàng là người nặng lòng với Huế . . . . .tôi mong HBC sẽ không chỉ loanh quanh ở sông Hương núi Ngự mà nó còn bước chân qua đèo Hải Vân để xuôi Nam hay sang cầu Hiền Lương mà ngược Bắc. Nó không là 'văn chương miền trung' mà nó phải là một cái gì hơn thế" . Anh Võ Đình(Huế rặc) thì cứ ngâm nga bài thơ Huế Buồn Chi trong tập HBC bất cứ khi nào có dịp.Và nhà văn Túy Hồng (rất Huế): " Theo tôi, HBC là một trong những tập thơ hay nhất ở hải ngoại!" . . . Đó, chị thấy chưa : Toàn "Huế" phe mền không hà (ngoại trừ anh Phạm Xuân Đài- Quảng Nam Đà Nẵng, láng giềng me mé) .

3-Có một giai đoạn, thơ Hoàng Xuân Sơn xuất hiện những từ ngữ địa phương lạ, rất Huế. Tuy nhiên, sự thay đổi này cũng gây trở ngại cho một số độc giả không hiểu được nghĩa những từ ngữ ấy. Ông có giải thích gì về ý kiến này?

Mình mới nói sơ qua về phương ngữ, thuật ngữ Huế. Nhiều người cho tiếng Huế là tiếng khó nghe nhất về âm ngữ hoặc nghĩa ngữ. Nhưng sự thay đổi ngôn ngữ thi ca trong thơ HXS lại đi theo một ngõ khác. Việc dùng từ ngữ địa phương cho tập HBC chỉ mang tính chất cục bộ, giai đoạn. Cái chính là thay đổi quan niệm sáng tác : từ cổ điển lãng mạng sang tượng trưng ẩn dụ lôi kéo theo một số thi ngữ thoát ra ngoài cái vỏ bình thường gây trở ngại cho một số người đọc, không hiểu tác giả muốn nói gì[trường hợp thơ tối nghĩa, hũ nút] như chị đã nhắc nhở. Thiệt ra bất cứ người nào theo đuổi con đường văn nghệ cũng mong muốn tìm tòi những điều mới lạ hơn là dậm chân tại chỗ,nhai lại "nỗi buồn tháng năm" sáo, mòn cũ. Nhưng thành công hay không lại là chuyện khác. Theo tôi, một vài điều kiện cần theo đuổi trong sáng tác ngoài năng khiếu, cần sự dụng công : nghĩa là bền tâm học hỏi , ghi nhận và tiếp tục đào bới, ngoài năng khiếu tạm gọi là "trời cho" . Để ghi lại một vài ý kiến của bạn đọc, bạn văn trong sự chuyển đổi cách làm thơ của HXS xem chơi : Đa số cho rằng những con chữ của HXS nằm trong một sào huyệt của ẩn dụ, tối tăm bí hiểm khôn lường. Một độc giả đã viết : "Đã có một thời tôi rất thích thơ HXS, thơ nhẹ nhàng, dễ đọc, dễ thông cảm và rất lãng mạn. Nhưng sau bao năm qua, giờ đây thơ HXS dần dần mất đi cái lãng mạn đẹp nhẹ nhàng xa xưa . Bây giờ đọc thơ HXS, tôi không còn tìm thấy nỗi uyển chuyển của âm nhạc, và cái bay bướm; mà có cảm tưởng như đọc một bài xếp chữ (sic). . . " Một bạn đọc khác : " . . . anh (HXS) viết những bài thơ mà tôi (Hòa Bình) không hiểu gì hết nhưng âm điệu vẫn hay tuyệt . . ." . Lý giải cách nào đây? Bên cạnh đó là ý kiến của một vài bạn văn (tôi nhấn mạnh:Bạn Văn)về công trình tim óc của người sáng tác : có người cho rằng thơ HXS lúc sau này lạ, nhưng mà khá hay["có nhiều người làm thơ lạ mà không hay" - Trần Thị lai Hồng] . Chị Lê Thị Huệ chủ biên Gió-O thì xếp HXS vào trường phái duy từ[chuyên viên đánh bóng chữ nghĩa], ban phát cho mỹ từ "người thơ đắc chữ " . Có người(ai nhỉ?), một lúc nào đó nhận xét thơ HXS có sự lôi cuốn riêng ở nhịp điệu cầu kỳ bí hiểm(chị QM có phải?)trong những bài thơ tự do hơn là lục bát . Mới đây trên blog V.O.A, Trịnh Y Thư trích dẫn lời của thi sĩ xứ Mễ Octavio Paz : "Chủ yếu của thao tác thi ca là ngôn ngữ. Bất luận sự tin tưởng cũng như xác tín của nhà thơ là gì, điều hắn ta quan tâm đến là ngôn từ, chứ không phải những điều ngôn từ này ám chỉ". Từ đó, nhà văn Trịnh có vài nhận xét về thơ lục bát, trong đó có lục bát HXS : "Sau Phạm Thiên Thư, tôi cũng yêu thích lục

bát của nhà thơ Nguyễn Đức Bạt Ngàn, và nhất *là H*oàng Xuân Sơn. Sự thành công của lục bát HXS cũng nằm ở sự nhuần nhụy (?)của ngôn từ chứ không phải ở ý nghĩa ngoài bài thơ". Các bạn văn khác nhìn thơ 6/8 HXS dưới một góc độ riêng : Cao Vị Khanh: Hơi thở rướn của lục bát HXS- Lương Thư Trung: Lục bát HXS, một chỗ về của bạn bè- Vũ Hoàng Thư: Lục bát HXS ngày càng nhuyễn nhừ- Đoàn Nhã Văn:Lục bát HXS là một thứ Lục-Bát-Biến . . .,nhà thơ như muốn ôm lấy ý tưởng chặt đứt hình hài quen thuộc của lục bát tự ngàn xưa. Tưởng cũng nên nhắc nhỡ một điều khá quan trọng : Tất cả các điều ghi trên chỉ là dẫn chứng cho những hướng thưởng ngoạn thơ ca khác nhau trong sinh hoạt chữ nghĩa, hoàn toàn không có hậu ý khoe khoang thành tích. Riêng kẻ này, dù có vặn vẹo chữ nghĩa đến đâu cũng không ra ngoài cái nghĩa cố gắng thay đối tư duy từ những chiếc vỏ ốc khép kín hoặc đã bị xói mòn theo thời gian . Nếu có ai cắc cớ yêu cầu tác giả giải thích những bài thơ thơ tạm gọi là kỳ bí này, chỉ xin được mạn phép trả lời: chính người viết nhiều khi cũng không hiểu; anh chị cảm như thế nào thì nó như thế ấy!Nếu không cảm được một chút gì thì đó đích thị là sự thảm bại của người viết.

Nói tóm gọn, hành trình ngôn ngữ thi ca (hay con đường sáng tạo)chẳng qua là một câu hỏi bức xúc thường trực cho nhiều người: "Ta vẫn trung thành với ta hay phải nên tự giải thể chính mình để đi tìm một cái tôi khác?"Nên theo phái cuồng nhiệt để bức phá mọi thứ?Hay nên khư khư giữ lấy hồn cũ như một kẻ chung tình?(hình như cả người đọc lẫn người viết đa số vẫn còn mơ về khoảng trời xa xăm mơ mộng cũ ?) . Tôi có thời cũng xâm mình thử nghiệm làm thơ Tân Hình Thức nhưng cũng chẳng ra môn ra khoai gì, đành "ngựa quen đường cũ"! Tôi-ở-đâu-giữa-khoảng-trời-đất-này? Đấy vẫn mãi hoài là một phương trình chưa có lời giải. Chữ nghĩa nhiêu khê quá phải không thưa chị?

4-Nhà thơ Hoàng Xuân Sơn có đồng ý với những dấu chấm(.), phẩy(,), gạch ngang(-) trong một bài thơ không? Ý kiến của ông về thơ (tạo) hình? Cảm nghĩ ông thế nào, khi đọc một bài thơ có những từ ngữ diễn tả trực tiếp về dộng tác, bộ phận sinh dục của con người?(ví dụ thơ Lê Thị Thấm Vân)

Tất cả những lối sử dụng dấu chấm(.);phẩy(,);gạch ngang(-);gạch chéo(/)v.v. đều có dụng ý thay đổi tiết tấu, hình tượng, nghĩa ngữ của câu thơ, tạo cho người đọc một cảm giác khác, hay nói như Du Tử Lê : khiến bạn đọc trở thành đồng tác giả. Tôi cũng có nhiều bài thơ xài dấu chấm(như lối làm thơ của Nguyễn Xuân Thiệp, Nguyễn Thanh Châu,và mới nhất của Đài Sử trên mạng Gió-O v.v.) . Ví dụ :

Ở đây. môi nhón tâm từ nấc trong tiếng nhẹ thừa dư huyệt đời cái nống chiều. nắp đậy hơi thoát. bung một nỗi rụng rời vô vi cởi trao nhau áo vàng quỳ ngón tay thiếu nhẫn làm chi đạng tình bây giờ tôi ở cô minh đỉnh phong. tiếng hú. và rình rập em

(trích Buồn Ở Động tào – HXS)

Theo tôi, việc sử dụng bất cứ hình thức nào mang tính sáng tạo cho thi ca cũng đều đáng xiển dương cho dù là thơ tạo hình, thơ cụ thể, chụp chép v.v.Sự đánh giá là từ phía người thưởng ngoạn. và do thời gian gạn lọc ...

Còn về thơ tả chân hiện thực diễn tả trực tiếp các bộ phận sinh dụng và các động tác tình dục thì xin đánh cho hai chữ "đại xá" – Kính Nhi Viễn Chi. Tôi không mặn lắm với loại văn chương này! Nhưng tôi tôn trọng sự chọn lựa sáng tác thơ văn theo nguồn cảm hứng "Xếch-Xít"của một số tác giả đương đại như Lê Thị Thấm Vân, Dung Nham, Vương Ngọc Minh, Kiệt Tấn (đôi bài tiểu luận), *Đ*ỗ Kh.(một dạo có thơ thông tục như bài thơ Linda Mặt Ngang gây sôi nổi một thời, hoặc thơ văn có kèm hình ảnh chụp, chép về những sự kiện khoái cảm của con người); và

một số tác giả trẻ trong nước v.v. Có lẽ tôi vẫn là một người cổ hủ, còn mang cái tâm thức dè dặt Á Đông trong người, cho nên dù có mong muốn cách tân cách mấy, vẫn chọn đứng về phía văn chương tình dục kín đáo hơn là sỗ sàng.(Mà chắc gì dung tục đem lại cái mới cho sáng tạo?- Tuồng như đã "xưa rồi Diễm" !) Viết bạo, văn chương sa đích diễn tả dục tình cỡ Trần Vũ – không cần nói ngay nói thẳng- đọc lên không thấy rợn cả người sao? Hoặc xếch-xy mơn trớn vuốt ve kiểu Lê Xuyên hồi nẳm, hay Võ Đình, Hồ Trường An, Kiệt Tấn (Đêm Cỏ Tuyết, ví dụ). . .gần đây; đọc lên mà không thấy "hừng hực" cả người sao? Viết về cái sự vụ "đi tìm khoái cảm đơn phương ",thi sĩ Ngu Yên đã có những câu lục bát thật mượt mà :

"giữa tình uốn éo liên miên lần tay tìm kết nhân duyên một mình"

một lối diễn tả nghệ thuật và đầy tính thuyết phục đấy chứ?

Nói lan man thêm về thẩm mỹ quan : về nghệ thuật gợi cảm gợi tình, dường như hiệu ứng của cái đẹp nửa kín nửa hở có tác dụng bền lâu hơn là cái đẹp lồ lộ phơi bày : tà áo dài Việt Nam chẳng hạn ?

5-V*ũ Hoàng Chương viết trong Thơ Say: Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đứa Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh Biển vô tận sá gì phương hướng cũ Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh*

Bao năm sống tại xứ người, đọc lại dòng thơ VHC vào thời điểm có các chuyến bay mang những người Việt(vuợt biển) hải ngọai trở về Việt Nam, Ông có cảm nghĩ gì?

Cái tâm thức lưu vong dần dần trôi tuột khi biên giới địa lý hay tâm lý đã không còn quan san cách trở, xa mặt cách lòng. Mấy câu thơ trên của thi sĩ Vũ có lẽ chỉ thích hợp ở thời điểmcủa bọn người mất quê hương, chân ướt chân ráo đi tìm tự do ở xứ người biểu lộ qua dòng văn chương lưu xứ hoài hương như Cao Tần, Thanh Nam, Hà Thúc Sinh, Hoàng Xuân Sơn (Viễn Phố-một thời) v.v.

6-Tại sao ông không sáng tác thơ tình?(theo đúng nghĩa tình yêu nam nữ).

*T*hơ tình? Thì thi nhân tập sự nào chẳng bắt đầu bằng dăm ba bài tình thơ!(không phải là Tình Thư Của Lính đâu nhé!) .Cái "thuở ban đầu lưu luyến ấy"tôi cũng có mày mò nặn óc mần những bài thơ thuộc loại tình cảm ướt át, nhưng thấy không xong (không có năng khiếu, hoặc giả không trải qua những cuộc tình "vật vã khôn nguôi") nên đành thôi. Nhận định như Võ Phiến : văn học miền nam Việt Nam thiếu những sáng tác về tình yêu năm/nữ đích thực. Nhận định này khá trung thực : nhìn lại chặng đường sáng tác của những tác giả miền nam VN, cho dù có viết về tình yêu, cũng lồng trong khung cảnh thời chiến, thấp thoáng bóng dáng của chiến tranh; của niềm sinh ly tử biệt.Hoặc thơ văn viết về thân phận con người , về triết lý nhân sinh, hoặc viết theo trào lưu hiện sinh v.v. Văn-thi nhân viết về tình yêu thơ mộng nam/nữ đích thực rất hiếm hoi, có thể đếm trên đầu ngón tay : Bên thơ có Hoàng Anh Tuấn, Nguyên Sa, Hoàng Trúc Ly, Phạm Thiên Thư, Du Tử Lê, Nguyễn Tất Nhiên, Mường Mán, Hoàng Lộc (chung tình cho tới giờ phút này), Trần Mộng Tú (cả văn lẫn thơ). . .Bên văn cũng thế, ngoài một Hoàng Ngọc Tuấn viết thuần chất về tình yêu, ta còn có Nguyễn Thanh Trịnh, Nguyễn Đức Nam, Dung Sàigòn&Võ Hà Anh(?), Nguyễn Thị Minh Ngọc, Từ Kế Tường (thỉnh thoảng)...; hoặc viết về tình yêu pha lẫn mùi vị triết lý nhân sinh, hiện sinh như Trùng Dương, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Thị Hoàng, Trần Thị Ngh.; v.v. Đâu có nhiều phải không chị? Lan man thêm một chút về cái sự vụ " vì đâu HXS không làm thơ tình?" . Chẳng qua là bị, là tại, là vì CÁI SỰ CÔ ĐƠN NGÚT NGÀN của đời hắn . Bởi lẽ thế mà hắn được bạn bè gắn cho nhiều danh hiệu khác nhau :

Võ Đình : ". . . nếu tôi phải gán cho thơ Hoàng một chữ thì tôi sẽ nói đó là một tiếng thơ Cùng Cực Cô Đơn. . ."[trích lời bạt, tập Viễn Phố] Vĩnh Hảo: "Thơ ông buồn vời vợi. Buồn từ trong buồn ra. Buồn từ ngoài buồn vào. Ở đâu cũng thấy buồn. Thảng hoặc có vài nơi ông đùa bỡn một chút, cũng vẫn thấy buồn thấm thía thế nào ấy. Đùa cho người ta buồn rơi nước mắt . . . "[trích mạng VinhHao.com, phần Đọc Thơ] Hoặc như Nguyễn Vy Khanh :Vì cô đơn nên nguồn thơ HXS luôn luôn đi tìm sự đồng cảmcủa người khác. Và Lương Thư Trung : Lục Bát HXS là một chỗ về của bạn bè . . . tưởng chừng như thiếu nguồn cảm hứng từ bạn bè, ông không còn làm thơ nổi . . . Một thân hữu khác : nguồn thơ cô tịch của ông giống như một người làm thơ cùng tên - Nguyễn Đức Sơn, người nuôi lửa tịch mịch . . .

Nguyên uỷ vì đâu có sự chọn lựa Cô Đơn ? Trong thao tác văn chương, mỗi người đều muốn đi tìm một phong cách viết riêng cho mình, khởi đầu, như một cây gậy dò đường. Lâu dần, sự chọn lựa được bồi đắp, trở thành chất liệu đặc thù, một loại dấu ấn tự phong. Dấu ấn của hắn, HXS, chính là sự cô đơn cùng tận! Đã cô đơn thì khó nói chuyện Tình Yêu Nam Nữ. Họa chăng, chỉ có sự luyến thương một chiều, đơn phương như ông ca sĩ Tuấn Vũ ông ổng hát ngày nào: ". . . đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng cô đơn . . ." ! Tôi mới được đọc bài phỏng vấn của Lê Quỳnh Mai dành cho nhà văn Trùng Dương có một câu hỏi khá thấm thía: "Người ta nói nhà văn(đích thực)là những người cô đơn nhất theo bản năng tự nhiên. Chính vì thế mà họ có khả năng chìm đắm trong tư duy sáng tạo, và sống với những nhân vật họ tạo ra. Theo chị câu này có đúng không?và chị có cảm thấy cô đơn như thế chăng? Nếu được hỏi tương tự, tôi chỉ xin ca cẩm thế này: "Làm thơ là trở về với thế giới tịch mịch, thu mình trong chiếc vỏ ốc đơn lạnh; mình ta hiểu lấy ta! Nhưng có thể nào như lời của Simone Weil – Cô đơn tuyệt đối ta sẽ nắm được chân lý ở đời (trích dẫn: truyện Ở Một Nơi Ai Cũng Quen Nhau của Hoàng Ngọc Tuấn) – Ôi chân lý! Có thể nào là suốt đời côi cút trên đỉnh cô phong?!

7-Đôi khi nhà thơ nổi tiếng vì tác phẩm được phổ nhạc, trường hợp Nguyễn Tất Nhiên. Được biết Hoàng Xuân Sơn thường tham gia sinh hoạt văn nghệ và hát rất hay. Ông có nhận được đề nghị của nhạc sĩ muốn phổ thơ HXS không? Nếu có, nhà thơ có muốn họ trả tiền bản quyền cho tác phẩm không?

Cám ơn chị Quỳnh Mai, hát hỏng cho đời đỡ tẻ ấy mà! Riêng về việc ThơPhổNhạc(hay nói ngược lại), tôi có đôi ý kiến thế này : Hiện tượng Thơ Phổ Nhạc/Nhạc Phổ Thơ – tôi tạm mượn dấu slash(gạch chéo: /) mà thi sĩ Du Tử Lê hay sử dụng để nói lên ý nghĩa hoán vị và bổ túc giữa hai nhóm chữ này : tiên khởi, cả hai đối tác (Người có thơ được phổ nhạc và người muốn viết những nốt nhạc lên bài thơ) phải mang một tâm hồn đồng điệu mới làm nên một tác phẩm hay đẹp. Như những trường hợp tiêu biểu có được sự tương tác của đôi bên,những cặp đôi có nghệ phẩm đi sâu vào lòng quần chúng, Phạm Duy/Nguyễn Tất Nhiên, Từ Công Phụng/Du Tử Lê, Ngô Thụy Miên/Nguyên Sa v.v.Hay mới đây như Phạm Anh Dũng/Hoàng Ngọc Quỳnh Giao(tiêu biểu là bài Dạ Quỳnh hương) . Còn như làm công việc nói trên một cách tùy tiện, gượng ép kiểu nhắm mắt làm bừa, thù tạc thì không nên. Tự nguyện là một điều kiện cần thiết : Khi một người viết nhạc đọc được một bài thơ đắc ý, cảm thấy "kết" liền, "mặn" liền, thì tự khắc sẽ có một công trình mang hứng khởi văn nghệ đích thực. Còn viết theo đơn đặt hàng thì ô hô ai tai!Tôi cũng có được một đôi bài thơ phổ nhạc cũng không ngoài ý nghĩa có sự đồng cảm và đồng thuận đã nêu. Như thế thì tác quyền không còn là một vấn đề cần đặt ra nữa! Vả lại chuyện dài "bản quyền" ở bên này chắc chị cũng đã thấy rồi chứ gì : có ma nào tôn trọng đâu?! Có người cho rằng thơ là tinh chất của ngôn ngữ. Là những hạt ngọc. Nhưng là những hạt ngọc vương vãi. Ai muốn "lụm"chế biến kiểu gì, thức gì cũng đặng. Hoàn toàn "free"! E rằng sẽ chẳng có sự đôi co nào lớn chuyện.

8-Trong thời gian gần đây, sáng tác của Hoàng Xuân Sơn xuất hiện đều đặn trên những trang mạng văn chương hải ngoại. Hiện tượng này chứng tỏ ông đã mặc nhiên chấp nhận sự thoái hóa, triệt tiêu từ từ của sách báo in giấy phải không?

Không chấp nhận cũng không được chị à! Báo in đúng nghĩa văn học đâu còn mấy tờ!?Tôi rất khâm phục sự can đảm của các chủ biên còn lại : chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn để duy trì một diễn đàn tư tưởng mà tương lai chẳng biết đi về đâu! Tuy nhiên còn nước còn tát phải không? Nếu cần phổ biến bài vở đến bạn đọc thì e rằng báo điện tử chiếm thượng phong : Nhanh và gọn! Vậy mà cái tâm thức có bài trên báo in và được đọc lại bài mình trên báo in vẫn mang lại cho mình cảm giác lâng lâng thống khoái như được uống một cốc rượu ngon! [có nhiều người đã viết về cái nỗi vui nhân tình nhân ngãi này] . Hỏi ngược lại : nhà văn Lê Quỳnh Mai nghĩ thế nào về tình trạng này?

9-Theo ông, áp lực đời sống có đè nặng lên nợ văn chương hay không?

Có và không !

Có: là điều dễ hiểu. Bao nhiêu người đã bỏ bút, ngưng viết vì nợ áo cơm đè nặng. Ngoài tình trạng lão hóa sức viết ngày mỗi cùn nhụt đi, ta còn phải chạy đua với thời gian theo cuộc sống bươn chải, lâu dần không còn hứng thú theo đuổi sự nghiệp văn chương nữa! Kiểm điểm lại trên trường chữ nghĩa, những kẻ đam mê thực thụ dễ còn mấy tay?

Không: theo cái nghĩa hiệu ứng nghịch chiều (effet contraire?) . Cuộc mưu sinh càng gay go chừng nào, càng sản sinh được nhiều tuyệt phẩm. Ý là có gian nan mới mài dũa nên được nhiều lời hay ý đẹp. Lấy một chút kinh nghiệm bản thân: Thời gian làm nhiều công việc nặng nhọc, cực khổ là thời gian kẻ này viết được nhiều nhất. Lúc tà tà ở không, tưởng là dễ múa may, nhưng không dè chính là lúc tắc tị!

1*0- Ông cầm bút cũng đã khá lâu, từ hồi còn ở quê nhà, nay vẫn còn chạy đường trường. Ông có thể nói về giao tình của ông với những người viết khác qua mỗi chặng đường? Và quan niệm kết giao bằng hữu của ông như thế nào?*

Bằng hữu văn nghệ của tôi đông vô số kể chị Quỳnh Mai ơi! Kể tên ra e ngốt người. Đánh bạn được với nhiều người, nhiều thành phần khác biệt, đối với cá nhân tôi là một niềm hãnh diện vô biên. Thiệt ra vì cái bản chất cô đơn thường trực như đã nói ở trên nên hắn rất chi là cần bạn bè. và chấp nhận sự thù tạc trong văn chương (cho dù có nhiều người khích bác)như một hơi ấm, một chỗ dựa cho cuộc nhân sinh buồn bã. Cho dù đời sống quá bận bịu, bạn bè tôi dù ở trong hay ngoài nước, dù chân trời góc bể, lúc nào cũng mong ngóng nhau từng giờ từng phút. Phương chi được gặp nhau phải nói là ta cùng sướng vui “niềm vui tung giời” . Đó là bằng hữu chi giao đích thực! Bạn bè của HXS gồm đủ mọi lứa tuổi: từ lớn hơn, đồng trang lứa, và trẻ hơn. . . qua bao thăng *t*rầm, dù có một vài dị biệt [không đáng kể], tình bạn lúc nào cũng được thắm thiết[và mong được mãi mãi như thế]. Kết bạn vong niên đôi khi cũng sản sinh nhiều mối hảo cảm bất ngờ thú vị. Tôi có nhiều ông anh bà chị văn nghệ cũng như nhiều cô em cậu em “văn gừng” mà đối xử với nhau lúc nào cũng như bát nước đầy : “ gừng cay muối mặn ta ơi!” Tiêu chuẩn đánh bạn của tôi cũng vô cùng đơn giản : hãy đến với nhau bằng chân tình! Bạn bè ăn ở với nhau lâu dài bằng tấm lòng cỡi mở chân thật.Biết lân tài, quý trọng lẫn nhau[không phải là ganh tài] . Và gạt bỏ hết lòng kiêu ngạo, tị hiềm, tinh thần vụ lợi con buôn[đâm sau lưng bạn bè - đạp trên lưng người khác để thăng tiến]. Có khó và nhiều quá không chị?

11- Sự hình thành của Quán Văn (trích: Phóng Bút Cũng Cần Có Nhau), là một thiên phóng bút dưới dạng hồi tưởng về thời điểm sinh hoạt văn nghệ thập niên 60/70 ở miền Nam Việt

Nam nói chung, trong đó có Quán Văn.(tác giả giới thiệu). Trong phóng sự này ông đã viết rất đẹp về Trịnh Công Sơn, và khẳng định sự kết hợp giữa Khánh Ly và TCS, là hiện tượng tạo dấu ấn rõ rệt về các sinh hoạt văn nghệ thời thượng. Ông nghĩ thế nào, khi đọc nhiều bài viết với những dẫn chứng kết án TCS là cộng sản?

Mở lại hồ sơ TCS là trở lại với sự phức tạp tưởng chừng không dứt: bởi vì mọi tranh cãi về vị thế chính trị của ông ấy đối với đất nước Việt Nam cho tới giờ phút này dường như vẫn chưa ngả ngũ TCS là quốc gia hay cộng sản? Chung quanh vấn đề này đã xuất hiện nhiều bài viết từ nhiều phía: phía binh vực TCS(rất hiếm hoi), phía quy kết TCS là cộng sản gộc hay "ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản"(rất đông đảo), phía những người thương và hận TCS(vẫn yêu nhạc Trịnh nhưng hận ông về sự lựa chọn phản bội); và cánh hùa theo đánh hôi TCS để tự đánh bóng mình(cánh này cũng đông đảo không kém) .

Khi tôi viết phóng bút Cũng Cần Có Nhau và viết "tốt đẹp" cho TCS và Khánh Ly là tôi chỉ viết lên một phần nhỏ sự thật lúc bấy giờ - tôi nhấn mạnh THỜI ĐIỂM BẤY GIỜ - Đối với giới trẻ Sài gòn nói riêng và VN nói chung TCS và Khánh Ly quả là thần tượng qua sinh hoạt văn nghệ thanh niên sinh viên cuối thập niên 60. Họ say mê nhạc Trịnh (mà người diễn đạt gần gũi, gây nhiều ấn tượng nhất không ai ngoài Khánh Ly) như một cái "mode" thời thượng, chán ghét chiến tranh, chiêm nghiệm thân phận con người; sự bi đát, huỷ hoại và sau cùng là cái chết của đạn bom mang lại . . . Theo nhận định(rất chủ quan) của tôi, với tư cách một người bạn đã từng sinh hoạt chung với nhau nhiều năm : THỜI ĐIỂM BẤY GIỜ (lại nhấn mạnh) TCS chưa hề là cộng sản! Những ca khúc của anh, cụ thể là Ca Khúc Da Vàng, chỉ mang tính chất phản chiến, cho dù có quy kết những ca khúc này làm lợi cho địch, cũng không thể chối bỏ khuynh hướng nhân bản chống lại cuộc chiến phi nhân tương tàn. Nếu TCS là một cán bộ CS gộc, có bề dày tuổi đảng, thì không thể viết: "Hai mươi năm **nội chiến** từng ngày. . ."(Gia Tài Của Mẹ) . Đối với người cộng sản, cuộc chiến xâm lăng miền nam VN vẫn được họ mệnh danh là "cuộc chiến đấu thần thánh của toàn dân chống Mỹ cứu nước" . "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào"thì diễn từ "nội chiến" là phản động là cái chắc. Hoặc những lời ca khác của TCS như " một ngày mùa đông trên con đường mòn, một chiếc xe tang, trái mìn nổ chậm, người chết hai lần, thịt da nát tan . . ." . Mìn nổ chậm do phía nào gài thì ai cũng biết. Vâng! Có những cái chết phi lý như thế. Như người ta vẫn nhân danh bạo lực để sát hại đồng loại mà có lần TCS đã lên án và binh vực cho bạn Ngô Vương Toại bị ngã gục vì viên đạn thù phía bên kia bằng ca khúc Nhân Danh Ai "nhân danh ai anh đến đây bắn vào người ..."(trích đoạn sự việc này tôi đã gởi đăng ở mạng www.damau.org , xin mời đọc nếu cần kiểm chứng) . Trừ trường hợp(giả thiết) TCS là một điệp viên CS cao cấp, che dấu hết mọi căn cước của mình để ăn dầm ở dề trong lòng địch làm công tác ru ngủ đối phương tạo thành tích lớn cho "cách mạng" . Tôi không tin như thế, vì quả đúng vậy thì TCS về sau sẽ trở thành một anh hùng*d*ân tộc của phía bên kia(?!). Sau 75 TCS không hề được công kênh. Và chỉ là một con chốt trên bàn cờ thí. Dù sao, tôi vẫn trân quý TCS là một thiên tài âm nhạc đích thực.Và qua giao tiếp, tôi nhận thấy anh là người có học, suy nghĩ sâu sắc,tính tình bặt thiệp, cách đối xử với bạn bè và người thân rất bình thường, thân thiện. Tuy nhiên, một điểm cần nhấn mạnh là TCS rất nhút nhát, hay sợ hãi, an phận và nể vì. Đó cũng là những đức tính đưa đến sự chọn lựa sau cùng của anh :hợp tác với chế độ cộng sản. Sự lựa chọn này có thể manh nha từ những tháng năm chịu áp lực ngầm của đám bằng hữu nhảy núi vô bưng hoạt động cho CS. Cụ thể là từ Ca Khúc Da Vàng, lúc TCS sáng tác loạt ca khúc "đấu tranh"Kinh Việt Nam và Ta Phải Thấy Mặt Trời, hơi hướm lời ca từ Vàng đã biến thành Da Cam ["ta sẽ chiếm trăm công trường, ta xây nên nghìn phố hòa bình . . ."hoặc "... ta đi trong cách mạng tự hào ..."- " chính chúng ta phải nói hòa bình, khi đất này địa ngục dựng lên, chính chúng ta dành lấy mọi quyền, đứng lên đòi thống nhất quê hương" v.v. và v.v.]. Sau này, khi gặp lại TCS một lần duy nhất ở Gia Nã Đại, một vài bạn cũ, và chính tôi cũng nhận thấy anh có phần biến chất: một người đã từng được hưởng ơn mưa móc của chế độ mới qua

cách suy nghĩ, diễn đạt và ứng xử. Như thế, từ thời điểm này, bảo TCS là người của CS cũng không ngoa.

12-Ông có khẳng định những chi tiết trong SHTCQV là đúng 100%, sau hơn 35 năm, như trí nhớ của người phóng bút không? Có phải đây mới là tác phẩm để đời của Hoàng Xuân Sơn?

Khi tôi bắt đầu viết phóng bút Cũng Cần Có Nhau, tôi đã cẩn thận ghi lại như thế này: " . . . Tôi không có ý định viết hồi ký. Viết hồi ký đòi hỏi phải có một đầu óc khá minh mẫn để ghi lại sự kiện rõ ràng, minh bạch như đen với trắng. Ví dụ như ngày/tháng, địa điểm v.v; thời gian, không gian cần có sự chính xác. Hỡi ơi! Trí não tôi giờ này đã mụ mị mất rồi! Hơn thế nữa, trong các thể loại văn chương, cầm bút viết một bài văn cho ra hồn, với tôi thật là vạn nan. Tôi là một kẻ làm thơ lưng chừng ở sự lười biếng. Lâu lâu có cảm hứng rị mọ một vài câu vần-vè-vật-vạ. Bởi khó khăn thế nên tôi không hề có ý định viết hồi ký cho đến khi. . .(?) . . . đến khi dăm ba bằng hữu ngồi tán dóc chuyện đời xửa đời xưa; nghe tôi có dính líu ít nhiều đến sinh hoạt thời sinh viên trai trẻ, thời của Quán Văn có đông đảo anh chị em văn nghệ v.v., các bạn đã khuyến dụ tôi ghi lại quãng đời này qua những sự kiện của một thời đại đáng ghi nhớ . Cám ơn các bạn văn Hoàng Chiều Nhân, Trương Vũ, Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Doãn Nho, Triều Hoa Đại, Cao Vị Khanh. . . đã chủ động "khích tuồng" . Và gần đây nhất, thi sĩ Nguyễn Xuân Thiệp, ông chủ Phố Văn, trong một đêm đối ẩm hai chàng ba chai rượu đỏ (đêm tiền đại hội Văn Hóa Phẩm Dallas Fortworth, tháng 11/2005) đã cặp kè bên hông kẻ hèn này thúc viết cho bằng được. Ừ, thì viết. Cái này không gọi là hồi ký thôi thì tạm gọi là "phóng bút" đi. . ."

Chị thấy không ? Như thế thì làm sao khẳng định đúng 100% được . Tuy nhiên qua thăm dò một số thân hữu đã từng sinh hoạt chung thời kỳ Quán Văn, những điều ghi lại (sự kiện chính)cũng đạt được mức độ chính xác khoảng 90% . Như thế là cũng có điểm tốt rồi phải không ? Còn gọi là tác phẩm để đời thì không dám mô . Tất cả mọi thao t ác văn nghệ của HXS đều ở trên đường chập chững, vẫn còn nơi cõi tạm mà thôi ! . *13- Nhà thơ Hoàng Xuân Sơn có lời nào với độc giả của ông?*

Trong tương lai, khi phóng bút Cũng Cần Có Nhau ra đời, chỉ mong nhận được sự ủng hộ nhiệt tình và góp ý xây dựng của bạn đ ọc . Cám ơn nhà văn Lê Quỳnh Mai đã cất công sửa soạn buổi trò chuyện này . Cám ơn quý độc giả đã theo dõi . Xin chúc sức khỏe mọi người . Với lời chào tạm biệt .

Cám ơn nhà thơ Hoàng Xuân Sơn đã nhận lời mời phỏng vấn của Lê Quỳnh Mai

Tháng 8, 2010

Phỏng vấn nhà văn Hồ Đình Nghiêm

Hồ Đình Nghiêm- Canada

Tiểu sử:
(tác giả ghi lại)
Hồ Đình Nghiêm, sinh ở Huế. Làm thuyền nhân trôi giạt qua Hồng-kông năm 1979. Định cư ở Montréal từ 1980. Viết lai rai cho hầu hết các tạp chí xuất bản tại hải ngoại, cộng tác với Hợp Lưu ngày từ số ra mắt. Đã in bốn tập truyện ngắn. Bấy chầy chẳng có dự tính gì. Sống phẳng lặng và tầm thường. Chưa hề trở lại cố quận đìu hiu.

Lê Quỳnh Mai : *Trước khi bắt đầu, xin ông cho biết có… "sợ" một vài câu hỏi bất ngờ trong cuộc phỏng vấn này không ?!*
Hồ Đình Nghiêm: Bản tính nhát gan, sợ là chuyện dễ hiểu. Tôi đọc trên mạng hai câu này của dân Hà Nội đương đại: "Ra đường sợ nhất Honda, về nhà sợ nhất vợ già khỏa thân". Trả lời phỏng vấn, nó có gần với hành động tự khỏa thân? Hay áo xống vẫn giữ nguyên, chỉ phơi ruột phơi gan ra thôi?

LQM: *Vậy ông có thể diễn tả một cách khá… chi tiết (tinh thần lẫn thể xác!) cho độc giả biết về nhà văn Hồ Đình Nghiêm chăng?*
HĐN: Nói về mình đã khó mà còn bảo phải chi tiết nữa cơ! Không dám đâu! Đại khái thì hắn có: Đầu, mình, và tứ chi. Điện nước đầy đủ. Hắn biết đọc, biết viết, biết vẽ, và biết sợ những câu hỏi gay cấn. Có hai câu thơ tuyệt hay của Bùi Giáng, tôi xin mạo muội làm thành cái vỏ ốc để lẩn trốn: "Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu. Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa."

LQM: *Ông sáng tác từ lúc tạm cư ở đảo. Nếu so với đa số đồng nghiệp cùng thời, Hồ Đình Nghiêm là một nhà văn kỳ cựu tại hải ngoại. Ông có…bí kíp gì vậy?*
HĐN: Ở đất tạm trú, buồn nhiều hơn vui. Buồn, nên viết cho khuây. Cũng chưa nguôi, tự gào thét bằng cách gửi đăng báo. Nếu vợ chồng nhà văn Thanh Nam Túy Hồng- lúc đó chăm sóc tờ Đất Mới ở Seattle, năm 1979- bỏ sáng tác đầu đời của tôi vào thùng rác, thì tôi tin, sẽ không hiện hữu cái tên Hồ Đình Nghiêm. Về chuyện bí kíp? Trong truyện võ hiệp kỳ tình của Kim Dung có nhân vật bị kẻ thù đánh rơi xuống vực sâu trăm trượng. Đã không chết, lại còn số hên ăn được nhân sâm ngàn năm, còn học được bí kíp võ công cái thế thiên hạ khắc trên hang động dành cho người hữu duyên. Phi thân lên, hiển hách đi lại trong giang hồ, tìm gặp kẻ cựu thù, thi triển mười hai thành công lực thứ chưởng pháp "hiện thực huyền ảo" vẫn bị đối phương đánh cho từ chết tới bị thương. Gạt lệ thua buồn! Không. Tôi chẳng có bí kíp gì cả. Võ học tôi sơ sài đôi ba miếng bình thường, giản dị. Nếu được hồn nhiên thì càng quý. "Ta chẳng phụ người thì xin người chớ có phụ ta!"

LQM: *Theo ông, tác phẩm nào của Hồ Đình Nghiêm hay nhất ?*
HĐN: Theo tôi, độc giả đừng kỳ vọng với bất kỳ tác giả nào. Họ nổi bật ở thời điểm này, họ chìm khuất ở thời điểm khác. Tựa như cuộc thi hoa hậu vậy, thí sinh mang số 35 mặc áo tắm hai mảnh bốc lửa dường ấy trong mỗi bước đi vặn vẹo, sao khi vận trang phục áo dài, áo dạ hội lại thô kệch quê mùa đến thế kia! Phần tôi, ít khi tôi đọc lại những gì đã in ra, bởi tôi biết chắc mình sẽ thất vọng ít nhiều. Trong gạo vẫn còn trấu và sạn sỏi. Vẫn cố sàng lọc, gạo vẫn chưa trắng ngần. Có thể tôi mang số 36, mặc áo dài ngó tạm được nhưng chớ có bắt tôi mặc bikini đi õng ẹo.

LQM: *Chưa bao giờ trở về quê nhà, nhưng qua truyện Đi hết chuyến tàu Tết (rồi hắn chết), nhà văn Hồ Đình Nghiêm đã vẽ lại bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại thật sống động và trung thực. Xin ông nói về tác phẩm này?*
HĐN: Tôi truy cập vào những trang báo điện tử ở trong nước, rất hãi khi đọc phải những chuyên mục về pháp luật, hình sự. Cái xã hội ấy đã bức hại con người đến đường cùng, biến họ có những hành động rất thú tính, dẫu đối với đấng sinh thành, với người yêu, với vợ hiền con thơ. “Nhân chi sơ tánh bổn ác”. Cái mới ác liệt! Tôi đọc, và tôi mường tượng thêm để vẽ nên một hoạt cảnh có trên chuyến tàu Thống- nhất xuôi Nam. Như có thưa trước, tôi vốn nhát gan, nên tôi không đẩy sự việc đi tới cảnh máu đổ thịt rơi. Ừ, thì họ là đám đông bần cùng tìm đủ mọi cách để kiếm miếng cơm. Qua đối thoại, làm rõ nét từng nhân vật. Không khí thay đổi theo mỗi ga mà tàu dừng. Để tạo tương phản, một đám Việt kiều xuất hiện trên đoàn tàu. Nhố nhăng, kệch cỡm… Có công an, có bắt bớ, có ngược ngạo, có luật rừng… và có tất cả những thứ “đời thường Việt-nam”.

LQM: *Truyện ngắn mới nhất của Hồ Đình Nghiêm- Bán Phần (Tạp chí Hợp Lưu 110) viết rằng: “... Như tất cả những gì hắn bày biện ở trong từng tấm tranh. Một người đàn ông của hai mươi năm về trước chẳng biết gì về hội họa, nhưng những trang viết của anh ta cũng có hấp lực khác thường. Nghệ thuật là gì? Người đàn bà không hiểu ra, nhưng có lẽ, trước tiên nó phải biết chối bỏ thực tại. Nó hoán chuyển cuộc sống đơn điệu của mình, phút chốc làm mình “trẻ dại”. Mình đi trong một khu rừng nhiều kỳ hoa dị thảo mà không cần thắc mắc đâu là lối ra…”. Ông đã khẳng định điều gì về - Nghệ Thuật- Viết và Vẽ?*
HĐN: Tôi không khẳng định. Mọi thứ đều là một dọ hỏi, một thăm dò. Người viết văn, đôi khi họ phải đi bằng những bước chân của con trẻ. Cái thăng bằng, đầu óc nhiều toan tính của người lớn lắm lúc làm hỏng một tác phẩm. Tranh của Chagall, người ta mê mệt bởi cách ông thể hiện, chối bỏ tất cả những định luật cơ bản của hội họa, sự hồn nhiên của con trẻ bày chật giữa khung bố, rất thơ mộng.

LQM: *Với nhận định đơn giản của người phỏng vấn, văn phong Hồ Đình Nghiêm không dẫn dắt độc giả vào chỗ quá tối mù hoặc cao siêu vời vợi(!), nhưng thường tạo được bất ngờ ở kết cục. Có phải đây mới đích thực- văn là người- thể hiện trong tác phẩm của ông không?*
HĐN: Nhận định chính xác. Nhưng… văn là người? Tôi không hiểu hết ý Quỳnh Mai. Có phải bạn nói tôi là kẻ rất mực đơn giản. (Chỉ biết mặc áo dài mà không chịu thay đổi trang phục màu mè). Tôi ghi ra đây hai câu thơ của Hoài Khanh mà tôi nghĩ Quỳnh Mai cũng thích: “Qua sông là một nhịp cầu, qua tôi là một mối sầu vô chung”.

LQM: *Hầu hết nhân vật nam trong truyện của Hồ Đình Ngiêm có tâm trạng ray rứt, trăn trở, nghi ngờ nhưng không thể hiện bằng lời về đối tượng nữ của họ. Có phải ông đồng ý với câu khuyên của nhà văn Lê Minh Hà trong Gió Biếc của chị ấy? ... “Có những điều không bao giờ nên nói thật với đàn bà. Nói thật là chuốc vạ vào thân một đời….”*
HĐN: Tôi vẫn đọc thấy câu đó, hoặc tương tự như vậy trong mấy cuốn tiểu thuyết gián điệp, truyện về Bố già Mafia. Và cho hợp với thời cuộc, có vẻ như do Tiger Woods nói. Người vừa gây scandal ăn nằm với những sáu, bảy người đàn bà. Giờ này, ông vua về môn golf coi bộ

tâm sinh lý đã ổn định, biết đâu ông sẽ tâm sự: Với ai, trong hoàn cảnh nào, sự thật thà vẫn là điều quý giá. Tôi hoàn toàn đồng ý. Tôi mang họ Hồ, nếu được làm Hồ chủ tiệm, tôi sẽ ngôn: Không có gì quý hơn… thật thà như đếm (đếm chứ không phải điếm).

LQM: *Đây là câu hỏi đã đặt ra cho một nhà văn nữ. Chúng tôi muốn biết ý kiến của một nhà văn nam ra sao, khi nghe câu tuyên bố của Somerset Maugham:"Tiểu thuyết gia nào mà cứ nghĩ rằng mỗi chữ của mình viết ra đều có tính cách thiêng liêng, rằng hễ cứ bỏ đi một dấu phết, đổi chỗ một dấu chấm phẩy, thì tác phẩm sẽ hỏng, là nhà ấy điên khùng"(Kiếp Người- Of Human Bondage, bản dịch Nguyễn Hiến Lê, trg 10, Văn Nghệ xb, 1989)*
HĐN: Bây giờ, nhà xuất bản (uy tín) có quyền định đoạt số phận từng con chữ trên trang bản thảo của những tác giả gửi đến. Ở những nước lạc hậu chuyên bịt mồm công dân lương thiện như Việt-nam ngày nay, người ta soi kính lúp, sẵn sàng cắt xẻo, thậm chí biên tập lại, sửa đổi cho phù hợp với chính sách, lập trường. Chúng ta đành chấp nhận cuộc chơi, nhưng sự nhúng tay thô bạo kiểu VN thì… chẳng khác gì bạn nhắm mắt mang thân đi làm vợ một thằng Hàn quốc Đài Loan tật nguyền tâm sinh lý.

LQM: *Theo ông, trong văn chương Việt Nam đương đại hải ngoại, tác giả nào (nam, nữ) đã thật sự diễn tả được Dục Tính qua tác phẩm của họ, và tạo được ấn tượng cho độc giả ?*
HĐN:Rất nhiều người đã sờ mó vào nơi chốn ẩm ướt đó. Họ có gây được tiếng vang, nhưng bạn hiểu cho, sự nhiễu sóng ấy vẫn còn là một tạp âm. Chúng ta chưa nghe ra một cung bậc thánh thót, riêng lẻ. Nhiều người nói với tôi: Đọc xong phải cau mày, nhăn mặt… Sao kỳ vậy? Phải giãn nở thần sắc, phải thừ người, phải ngây dại mới đúng chứ! Rồi đi tới một nhận định (chủ quan): Đã thiệt! Quá tới! Hàng khủng!

LQM: *Tại sao ông chọn sáng tác truyện ngắn?Hồ Đình Nghiêm sẽ có tiểu thuyết dã sử, truyện dài tình cảm, hồ sơ trinh thám, hay truyện liêu trai chí dị không?*
HĐN: Tôi kể cho Quỳnh Mai nghe câu chuyện tiếu lâm sau đây, hy vọng nó còn mới đối với bạn: "Một thanh niên buồn chán cuộc đời có ý định tự tử. Cậu ta đưa súng lên đầu bóp cò, vô phúc viên đạn bay chệch đi, trổ một lỗ ở trần nhà, ghim vào chiếc ghế có cô gái đang ngồi đánh đàn piano ở tầng trên. Kết quả: vị thầy giáo bị thương ở bàn tay trái". Chỉ vài dòng, nó gom đủ sự bạo động: Súng đạn. Hoàn cảnh xã hội: Buồn nản, tự tử. Nghệ thuật: Âm nhạc, dương cầm. Và sex: Bàn tay ưa đi hoang bị chảy máu. Sau rốt là một kết cuộc bất ngờ. Đó là những thứ mà truyện ngắn đòi hỏi phải có, càng nhiều càng tốt. Nó ôm đồm nhưng nó buộc phải cô đọng. Tôi chọn truyện ngắn vì tôi là người lữ hành trong túi không có nhiều tiền. Tôi đi tàu hỏa và xuống ở sân ga gần nhất. Nói rõ ra, thời gian luôn ăn gian với riêng tôi, nó hà tiện với tôi quá, chẳng dư thừa một phút giây. Lúc nào đến tuổi nghỉ hưu, chắc tôi sẽ rộng thời giờ, tôi sẽ viết tiểu thuyết (bấy giờ biết có ma nào thèm đọc?). Tôi đang băn khoăn, chẳng biết sẽ viết chuyện tình hay sẽ lựa đề tài liêu trai chí dị. Bạn nghĩ một đứa nhát gan như tôi viết truyện rùng rợn (con ma vú dài) có thành công không?

LQM: *Là một nhà văn, nhưng qua tản mạn Yêu không ngại ngần, hoặc Thơ Luân Hoán, ông đã trích dẫn những câu thơ nổi bật, phê bình thơ Luân Hoán, kể cả giới thiệu những dòng thơ rất hay đã bị "chìm lỉm" theo thời gian. Vậy ông có thể nói một chút về Nàng Thơ chăng?*
HĐN: Với tôi, Nàng Thơ là một người "kín cổng cao tường", rất sương khói. Nhà nàng như lâu đài, trước cổng có treo bảng "Coi chừng chó dữ". Thế giới nàng ngụ có vẻ cách biệt, xa ngái. Tôi từng lẻn vào sân, dụng tâm ngắt trộm một cánh hồng, và từng bị chó cắn. Nói rõ ra, có khi tôi tập tành làm thơ. Ngắc ngoải. Hấp hối. Trắng con mắt. Tay bắt chuồn chuồn. Lại phải nói rõ, thơ là cái gì đó rất mực khó chơi. Làm cả chục bài, đọc xong muốn độn thổ mười phen. Tâm sự ngoài lề với bạn chuyện này: Có cô bé mang ý định in một tập thơ đã nhờ tôi (nhẫn tâm xưng hô chú cháu rất cách biệt) viết cho cô cái tựa. Tôi thành thật (dù với đàn bà con gái mà Lê Minh Hà bảo: Không nên): Đừng in, uổng tiền lắm. Với chú, hai ba ngàn đô to như cái núi, trong khi

tập thơ thì nhỏ như …con chim sẻ, kêu chiêm chiếp đôi ba tiếng rồi lăn ra chết không kịp ngáp. Nói láo xe cán! Lòng thành được trả công bằng cái lườm cái nguýt. Người đẹp vùng vằng bỏ đi, đứa cháu vắn số ấy cạy mặt tôi ra. Xí, tưởng ngon hả! Cứ in, chẳng cần tựa, có được không? Người gì cà chớn quá… Thú thật với bạn, cho tới giờ này tôi vẫn còn buồn!

LQM: *Ra đời tại Huế. Lớn lên ở Đà Nẵng, Tuy Hòa, Nha Trang, Đà Lạt. Tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế. Tạm cư tại Hồng Kông. Định cư ở Montreal. Cảm nghĩ của Hồ Đình Nghiêm về những thành phố này?. Ông có xử dụng năng khiếu hội họa để vẽ lại một trong những thành phố đã đi qua không? Và kỉ niệm đáng nhớ nhất, cũng như kỉ niệm cần quên nhất của ông về những địa danh này?*
HĐN: Tôi nghĩ, không riêng tôi, ai rồi cũng ôm giữ, chẳng ít thì nhiều, những hình ảnh về những địa danh mà họ từng sống qua. Tùy từng thời điểm, tùy thời gian mà họ lưu trú trong lòng những thành phố, nó sẽ cho tương ứng lại, lung linh, thứ hình ảnh để người ta khắc ghi vào kỉ niệm. Tôi chẳng phải là đứa bội bạc, nhưng tôi dễ đánh rơi trên đường đi, dần dà thứ vốn liếng khiêm nhường kia. Có thể tại đời sống tôi phẳng lặng quá (và một chữ Nghiêm đã vận vào người?). Nếu ai kia sốc nổi, nếu ai đó hoang đàng, nếu người nào có chút máu "bụi đời", tôi nghĩ họ sẽ gặt hái vô vàn kỉ niệm. Dẫu sao, Huế và Đà-lạt, vẫn luôn là chốn chôn cất giùm tôi những mộng tưởng êm đẹp. Bạn hiểu cho, hai nơi ấy đã sinh đẻ và nuôi dưỡng những cô bạn gái thuở đầu đời của tôi. Thời gian sẽ làm bạn khánh kiệt dần, nhưng nó chẳng thể giết đi những mối tình đầu, bạn sẽ mãi ngây dại khi ngồi hồi tưởng lại. Và tôi nghĩ, những thứ tôi vừa trình bày ở trên đã hiện diện gần toàn vẹn trong những truyện ngắn của tôi. Năng khiếu hội họa sẽ giúp cho trang văn có một cái nhìn soi mói, tọc mạch hơn.

LQM: *Ông viết trong truyện- Ao nước lã- như sau: "… Tôi tự hỏi những diễn viên ở trên sân khấu khi chấm dứt vở tuồng, họ bước xuống lại đời thường, họ sẽ đối xử với nhau ra sao? Họ có thật lòng với nhau hay cứ ngỡ đối phương đang đeo mặt nạ và điều đó buộc mình phải phòng thủ...". Giao tình của nhà văn Hồ Đình Nghiêm với những bằng hữu văn nghệ như thế nào?*
HĐN: Tôi chưa đi gặp thầy bói xem chỉ tay, coi tướng số tử vi… nhưng tôi tin, số tôi không có cung bằng hữu. Khi nhà thơ Phan Nhiên Hạo thực hiện cuộc phỏng vấn (đi trên diễn đàn văn chương litviet.com) Phan Nhiên Hạo cũng tỏ vẻ ngạc nhiên khi biết tôi sống khép kín, chẳng giao du nhiều. Người phỏng vấn đã đưa câu hỏi, vậy có thiệt thòi không khi chúng ta sống trong thời đại thông tin đại chúng, bằng cách gì để người đọc biết được sáng tác của mình? Tình thật mà nói, nếu còn ở quê nhà, e hoàn cảnh có khác đi.

La cà tới tiệm hớt tóc thanh nữ, đi uống bia ôm, đi vũ trường, đi cà-phê… thì chắc bạn bè có cả khối, gạt ra không hết. Nhưng chúng ta đang nói tới chữ bằng hữu. Theo tôi, chữ đó là thứ hàng hiệu, giá đắt phỏng tay. Tôi ngờ là đời sống này, thắp đuốc tìm không ra một bằng hữu đúng nghĩa. Một người bạn chân tình, chúng ta không nên lạc quan để tin là "người bạn" ấy còn hiện hữu. Thế vào đó, một vài đối tượng mà khi gặp gỡ sẽ đi vào "lề phải", đại loại: Hello, khỏe không? Lông thai nô xi. Hôm nay trời đẹp quá nhỉ. Bảo trọng. Bai…ai…ai… Khuôn sáo và nhạt như nước ốc của phép ứng xử kiểu lịch sự kia. Ở tuổi tôi, đang có triệu chứng suy. Bây giờ hết sung rồi. Và có kì cục không nếu gửi vài hàng đăng báo: "Trai xứ Huế, buồn nhiều hơn vui, yêu màu tím. Thích nhạc họ Trịnh. Ai hợp, nguyện sẽ làm bằng hữu. Xin đừng đùa giỡn tội nghiệp".

LQM: *Là đại diện tạp chí Hợp Lưu từ lâu nay. Ông có nhận xét thế nào về hình thức và nội dung của nó, qua mỗi thời kỳ chuyển tiếp Chủ Biên?*
HĐN:Tôi thấy Hợp Lưu vẫn là Hợp Lưu. Hình thức cũng như nội dung. Nếu có ai khó tính bảo nó xuống cấp, thì kẻ đó quên đi một sự thật: Chúng ta không còn sống với cái quá khứ "hoành tráng" của thập niên 80. Giờ này người viết đã mỏi mòn, hết hứng thú. Người đọc cũng lười. Và những trang báo điện tử đã chiếm đoạt hết thời gian của họ. Nếu lụn bại, nếu suy tàn thì có

ngàn lẻ một lý do đưa ra. Một lý do (buồn nhiều hơn vui): Tiếng Việt ở hải ngoại dần dà bị quên đi, quên trong ơ hờ. Tôi viết, bạn đọc. Bạn viết, tôi đọc. Hoặc những người lớn tuổi hơn đôi ta. Sau lưng chúng ta là khoảng trống, ngoái đầu lui, chúng ta nghe lớp đàn em rì rào những lớp sóng cuồng nhiệt của thứ ngôn ngữ chúng đang hấp thụ: Anh- Pháp hoặc Đức ngữ, tiếng Tây ban nha, tiếng Nhật…

LQM: *Sau này đa số truyện của ông có bối cảnh, không gian, thời gian của Montreal. Điều này khẳng định tác giả đã nhận thành phố Tây trên đất Bắc Mỹ làm quê hương. Ý kiến của ông về chính sách di dân của tỉnh bang Québec, nhằm bảo vệ Pháp ngữ (mà các di dân có khả năng này đều thuộc khối Ả Rập)*
HĐN: Tôi yêu vùng đất này, mặc dù tôi rất dị ứng khi nghe ai đó nói: Xứ lạnh tình nồng! Nói như cố nhà văn Mai Thảo: Nồng cái đếch gì. Nhà quê bỏ mẹ! Yêu, do bởi một phần họ nhân đạo quá. Québec như một bà chủ khu chung cư lạ thường, thay vì hàng tháng tới đòi tiền nhà, đàng này bà lại dúi vào tay chút bổi: Nè, cầm mà đi shopping. Tôi còn giữ làm kỷ niệm (nhàu nát) tờ giấy màu vàng của Liên hiệp quốc chứng thực thằng này: Vô tổ quốc. Hắn đích thực là boat people. Tờ giấy màu hồng (la vie en rose) của phái đoàn Gia nã đại thu nhận cho định cư. Phiá dưới có ghi số tiền vé máy bay mắc nợ chính phủ và buộc phải hoàn trả sau khi kiếm được việc làm, dĩ nhiên chẳng tính tiền lời vô thời hạn, đôi ba chục năm sau, sáu mươi năm tình cũ, sắp đi gặp Ôn Mệ mà nhớ trả cũng OK. Tùy hoàn cảnh sống của mỗi người, nhưng nói xấu vùng đất này thì chẳng khác gì bạn là một kẻ vong ân. Ăn trái nhớ kẻ trồng cây là thứ phương ngữ đáng bảo tồn, thậm chí lý.

LQM: *Dựa trên kết quả nghiên cứu về một cột đá được xem là hệ thống lịch, có tên Mesoamerica Long Count Calendar của tộc người Maya, ở thời tiền Columbia, họ từng sinh sống tại Mexico, thì giới khoa học giả tưởng Hoa Kỳ dự đoán ngày tận thế(End Day/ Doom Day) sẽ là thời gian khoảng từ ngày 21- 23 tháng 12 năm 2012. Nhà văn Hồ Đình Nghiêm có tin sự xui xẻo sẽ đến với nhân loại trong sắp tới? Ông có .. ớn cái ngày.. trời xập này? Hãy ước ngay ba điều từ bây giờ! Xin cho độc giả và người phỏng vấn biết… ké đó là gì không?*
HĐN: Trùng hợp thay, dòm lịch: Hôm nay thứ 6, ngày 13. Câu hỏi đầu tiên bạn đưa ra: Có sợ không...? Tôi trả lời: Sợ. Một đứa nhát gan, hẳn đứa ấy phải tin chuyện ma quỷ, dị đoan đủ thứ. Bước vào thang máy một tòa cao ốc, tôi an tâm khi nhìn loạt số đỏ đèn… 10, 11, 12, 12b, 14, 15… Chắc chắn là cái thang máy ấy chưa hề xảy ra… "sự cố". Bài vấn đáp này có bị "ùn tắc" không hở Quỳnh Mai khi nó hoàn thành vào ngày "xui xẻo" kia? Nếu có ước ao, chỉ xin một điều: Chúng ta trò chuyện xong thì ngày mai đã là 23 tháng 12 năm 2012.

LQM: *Mới đây, câu tuyên bố của Ngoại trưởng Hoa Kỳ Clinton về việc tranh chấp Biển Đông, trong Hội Nghị ASEAN tại Hà Nội, đã khiến Người Việt hải ngoại hi vọng rằng, sự trở lại của Hoa Kỳ sẽ làm giảm áp lực của Trung Cộng đối với Việt Nam. Ý kiến ông thế nào?*
HĐN:Đây đích thực là câu hỏi mà tôi sợ trả lời. Đại khái như vầy: Tại sao con rồng cháu tiên lại khép nép xanh máu mặt khi ngó lên anh Trung quốc? Lịch sử ngày xưa từng huênh hoang về Thánh Gióng, con nít đỏ hỏn đang khát sữa nghe giặc ngoại xâm tràn qua biên giới "chàng" bèn rùng mình biến thành trai lưng ba tấc rộng thân mười mét cao. Chàng đớp ba tô phở xe lửa, hai dĩa cơm sườn bì, mười cuốn chả giò cùng lần. Lại ăn chè ba màu, cà phê sữa đá mới vừa bụng. Ra bứt một đống tre cầm tay thế vũ khí rồi chạy ra án tuyến đầu. Kết quả là gì? Ai cũng tường mười mươi. Giặc phản động hoảng sợ đạp nhau mà chạy, cút về phương bắc. Hoặc mới hơn, sao ta không tái sử dụng tuyệt chiêu thời chống Mỹ cứu nước: Đưa máy bay Mig-19 lên ẩn mình trong mây, tắt máy để bảo mật, đợi đội hình Con ma F-4 hiểm độc của giặc Mỹ bay qua, ta mới bất thần nhảy chồm ra bắn tên lửa vào đít nó. Hừ, đố mày chạy trời cho khỏi nắng! A, mà cũng lạ chuyện đời, Hoa-kỳ là kẻ cựu thù, hà cớ gì giờ lại đi giúp ta? Chúng có mang âm mưu hiểm độc nào không? Bọn chúng thì hầu như đứa nào mà không là CIA, CIB các thứ?

LQM:*Chắc chắn ông là khán giả của World Cup 2010. Mặc dù giải này đã kết thúc, nhưng nhận xét của nhà văn Hồ Đình Nghiêm ra sao về đội tuyển Pháp?(xứ mà một thời đã hãnh diện là-mẫu quốc- của Việt Nam chúng ta!).Ông có hài lòng về kết quả của lần này không?*
HĐN: Tôi mê môn túc cầu sau 1975. Ngồi khán đài lộ thiên, đưa đầu trần xác xơ đen đúa dưới nắng lửa. Vì sao? Vì xã hội ấy, thời điểm đau thương kinh hoàng ấy chẳng tìm đâu ra một niềm vui. Nghe nực cười nếu chẳng may ngồi gần mấy chú bộ đội: "Mẹ nó, cái thằng số bẩy áo xanh kia có lối kiến thiết bóng rất đẳng cấp. Nó khống chế mọi tình huống và biết giữ cự ly. Nó khẩn trương mà cũng tựa hồ như thong thả. Rất ấn tượng. Xem nào, đôi chân nó đáng yêu y như mẹ cái Hĩm mỗi khi tối lửa tắt đèn!" Thú thật tôi chẳng có cảm tình với đội tuyển Pháp dù họ từng vô địch thế giới. Một đội tuyển mà quy tụ toàn dân tị nạn, cử quốc ca nhiều đứa chẳng biết hát cứ nghệch mặt ra.

Ô hợp quá, chúng như bọn lính đánh thuê, chẳng "đậm đà bản sắc dân tộc" gì cả. Do đó, khi ra sân mười một "niềm hy vọng" kia dường như thi đấu không vì màu cờ sắc áo. Họ chẳng ưỡn ngực với logo con gà trống nằm trên ba chữ FFF. Mùa World Cup này không xảy ra đột biến lý thú, đa số sử dụng thứ đấu pháp thủ nhiều hơn công, mong thủ huề sợ phải thua. Và khi hạ quyết tâm loại đối thủ ra, họ đã đánh mất cái tinh thần cao đẹp của một cầu thủ mà Fifa luôn đề cao. Họ gây thất vọng cho những người hâm mộ. Và chúng ta, tiếc chẳng nhìn thấy những siêu sao thoát y, bởi đội banh họ kỳ vọng chẳng thể đi sâu vào giải.

LQM: *Nếu có một người nào với ông thế này: Chà! lóng rày dân cầm bút xứ mấy anh sáng tác coi bộ mạnh dữ ha. Tui đọc Song Thao, Luân Hoán, Hoàng Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêm tá lả trên mạng. Khởi sắc quá xá, ráng nghe mấy cha! Coi dzậy chớ. Tui chịu nhứt cái truyện Gã Đấu Bò Thành Málaga của… ông đó nghe. (Chú thích: Gã Đấu Bò Thành Málaga: tác giả Lê Quỳnh Mai). Ông sẽ trả lời như thế nào với độc giả này?-người thích đọc sách nhưng lại nhớ nhầm tên tác giả!-*
HĐN: Ai nói câu ấy? Tại sao lại phân chia tên tuổi lãnh vực giới tính tuổi tác. Những ai cầm bút đều đáng được ủng hộ cả. Lại lôi chuyện đá banh ra, Nhật là một đội tuyển so ra hắn còn non yếu với bạn bè năm châu, nhưng Nhật vừa rồi đã có những trận thi đấu không chê vào đâu được. Họ chứng tỏ một điều rõ rệt: Không dễ gì bị khuất phục và những đội đàn anh luôn phải gờm con cháu Thái dương thần nữ.

Mới viết hay kinh nghiệm lão làng, thực ra không sánh được với cái tấm lòng mà kẻ ấy luôn nặng mang với văn chương. Đùa chút chơi: "Ra đường sợ nhất Honda, về nhà hãi nhất ông bà viết văn".

Chào tạm biệt nhé, Lê Quỳnh Mai. Bạn có sợ ….ngày… bị người ta phỏng vấn không?

LQM: *Nếu có ngày… ai (HĐN?) muốn phỏng vấn Lê Quỳnh Mai, xin làm ơn gởi câu hỏi đến mailbox vào đúng…. ngày….23… tháng 12… năm 2012! .*

Cám ơn nhà văn Hồ Đình Nghiêm đã gởi đến quí độc giả những câu trả lời rất thú vị.

Montreal, tháng 8 năm 2010
(Nguồn: Hợp Lưu 112)

Phỏng vấn Trương Vũ, con người sau nội chiến

Trương Vũ

Tốt nghiệp MS về vật lý hạt nhân, toán, kỹ sư điện và Doctor of Science về điện ứng dụng trong kỹ thuật không gian, Trương Vũ là một chuyên gia về kỹ thuật xác định quỹ đạo phi thuyền của trung tâm NASA. Bên cạnh, ông đã làm chủ bút tạp chí Đối Thoại, đồng chủ biên tập san Việt học The Vietnam Review và đồng chủ biên tuyển tập The Other Side of Heaven, nxb Curbstone Press, 1995. “Hướng đến tương lai của tuổi trẻ Việt Nam” là quan tâm chính thường được Trương Vũ trình bày trong nhiều tiểu luận bàn đến các vấn đề chính trị, văn hoá, cộng đồng và lịch sử đất nước.

***

Hợp Lưu:*Trong hồi ký Ngày N+, cựu đại úy quân cảnh Hoàng Khởi Phong đã kể về một sĩ quan cấp úy tự nguyện ở lại Nha Trang không đưa gia đình chạy về Sàigòn sau khi Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Tuy Hoà thất thủ.Viên sĩ quan đó chính là Trương Vũ. Vì sao khi ấy, trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi đang thành lập tuyến phòng ngự Sàigòn từ xa ở Phan Rang, các tỉnh lớn Long Khánh, Biên Hoà, Cần Thơ và thủ đô Sàigòn chưa mất mà Trương Vũ chọn ở lại một thành phố đã bỏ ngõ?*

Trương Vũ: Câu hỏi rất hay nhưng đặt ra không đúng với bối cảnh thật và hoàn cảnh cá nhân tôi vào lúc đó. Tôi chỉ phục vụ hai năm trong QLVNCH trong đó có gần một năm ở hai quân trường, và được biệt phái về Bộ Giáo Dục năm 1970 với cấp bực thiếu úy trừ bị. Sĩ quan biệt phái, trên nguyên tắc vẫn là quân nhân nhưng trên thực tế là dân sự, không trực thuộc bất cứ đơn vị quân đội nào. Câu trả lời của tôi trong bài phỏng vấn của Trần Văn Thủy liên quan đến quyết định ở lại có thể không làm hài lòng một số người. Không biết có phải đây là lý do HL đặt lại câu hỏi một cách quyết liệt hơn cho tôi, một sĩ quan biệt phái, thay vì hỏi các cấp tướng hoặc tá trách nhiệm bảo vệ thành phố Nha trang hiện đang còn sống ở hải ngoại? Tôi vẫn thích trả lời câu hỏi vì tin rằng mỗi người trong chúng ta dù ở bất cứ cương vị nào đều phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình. Nhưng để có câu trả lời chính xác tôi phải đưa ra một bối cảnh và hoàn cảnh cá nhân đúng với sự thật. Tôi hy vọng kinh nghiệm và quan điểm cá nhân về quyết định đi, ở của mỗi người trong một hoàn cảnh như vậy, được trình bày ở đây sẽ rõ hơn, sẽ giúp phần nào cho những thế hệ sau nhìn ra tính phức tạp của cuộc chiến, để đừng có những phán xét quá đơn giản thường dẫn đến những nghịch lý và bế tắc trong lý luận.
Nhiệm sở sau cùng của tôi trước 30-04-75 là trường Đại Học Duyên Hải Nha Trang. Tôi dạy toán ở Sư phạm, đồng thời phụ trách Sinh viên vụ của đại học. Vào những ngày cuối tháng 3 năm đó, Sinh viên vụ được chỉ định phối hợp với ban Đại diện Sinh viên phụ trách cứu trợ đồng bào từ các tỉnh cao nguyên và miền Trung đang tạm trú trong khuôn viên đại học. Lúc đó hầu như nhà nào cũng có đồng bào lánh nạn tạm trú. Thời gian đó, dù rất hoang mang, hầu hết giáo chức và viên chức tôi biết đều cố gắng làm nhiệm vụ của mình. Mọi người đều nghe nói đến lệnh tử thủ Nha Trang. Nhưng đến sáng ngày 1 tháng 4 tình hình vụt đổi khác. Ngoài

đường, mọi người chạy như điên, từ xa chạy về thành phố, từ thành phố chạy đi, hoặc chạy loanh quanh không biết đi đâu. Trong khi đó, đài phát thanh vẫn còn phát lệnh truyền thanh cho quân nhân và công chức phải ở nguyên tại nhiệm sở. Lúc đó chưa có bóng dáng quân miền Bắc gần thành phố. Dầu vậy, ý định di tản cũng đã đến với chúng tôi, và gia đình tôi (gồm chín nhân mạng) đã chuẩn bị sẵn sàng. Phương tiện duy nhất có thể dùng là chiếc xe jeep dân sự do một đứa cháu gái gọi bằng chú để lại sau khi gia đình cháu đã vào Sàigòn. Tôi nhớ rất rõ đến giờ phút đó tôi vẫn không ở trong tâm trạng có thể bỏ đi một cách dứt khoát. Vài giờ trước đó, vợ của một người phụ tá chạy chân đất sang nhà tôi nói lắp bắp, không ra hơi, xin cùng di tản với chúng tôi. Chồng chị là một người tôi coi như anh, làm việc với tôi rất tận tình. Họ có hai con, rất nghèo, chẳng có phương tiện riêng nào. Rồi, còn những người phụ tá khác và những sinh viên thất lạc gia đình tôi đưa về tạm trú trong nhà. Và, không lẽ cứ giặc sắp đến là chạy, bất kể có lệnh cấp trên hay không? Đang trong tâm trạng rối rắm như vậy thì Hoàng Khởi Phong (HKP) xuất hiện ngay trước nhà.

HKP là bạn thân và từng là sĩ quan chỉ huy của tôi trong một thời gian ngắn. Khác với tôi, HKP là một sĩ quan chuyên nghiệp, sống hết lòng với quân đội dù bản chất rất nghệ sĩ. Với những chức vụ trông coi tù binh miền Bắc tại trại giam Phú Quốc và trưởng đồn quân cảnh Pleiku của HKP, tôi tin anh không thể nào thoát chết nếu rơi vào tay Cộng Sản. Sau khi cố gắng tìm phương tiện cho HKP một cách vô vọng, tôi nói với HKP tôi đã quyết định ở lại, hãy lấy chiếc xe jeep của tôi đưa vợ con chạy vào Cam Ranh tìm cách xuống tàu hải quân vào Sàigòn. Mọi chi tiết, HKP đã kể rõ trong tập hồi ký Ngày N+, tôi không muốn nhắc lại ở đây. Sau khi chia tay HKP, tôi đi bộ về nhà, thấy mọi người trong gia đình đang chờ tôi để di tản, ruột gan tôi bắt đầu bấn loạn. Lúc đó, đài phát thanh vẫn tiếp tục phát lệnh truyền cho tất cả quân nhân và công chức ở nguyên tại nhiệm sở. Quá trưa hôm đó, trong một buổi họp bất thường ở đại học, chúng tôi được biết các cơ quan đầu não của thành phố đã âm thầm bỏ ngõ, không một lệnh lạc nào được ban ra. Tối hôm đó, tù quân lao thoát ra, súng nổ tứ phía, cướp bóc tràn lan. Thành phố dẫy chết. Ngày hôm sau, tiếng súng ngưng, những chiến xa T-54 bắt đầu tiến vào thành phố. Nha Trang của vài giờ trước đó đã trở thành lịch sử. Mặt trận Phan Rang với trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi làm tư lệnh được thành lập một tuần sau khi Nha Trang thất thủ không một phát súng chống cự. Phan Rang mới là quê hương của ông Thiệu chớ không phải Nha Trang. Vào những ngày đầu tháng 4-75, tôi đã ở lại thành phố nơi chôn nhau cắt rún. Nghĩ tới nghĩ lui, tôi vẫn thấy những quyết định đưa đến chuyện ở lại có đúng, có sai. Ngay cả quyết định nhường chiếc xe cho một người bạn vẫn chỉ có thể đúng cho tình bạn, tình đồng đội, tình người nhưng chưa chắc đã đúng trong trách nhiệm đối với gia đình. Tôi tin rằng trong hoàn cảnh vô cùng phức tạp của những ngày cuối cuộc chiến, mỗi người đều phải lấy quyết định cho riêng mình và chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đúng hay Sai là chuyện rất tương đối và chỉ áp dụng cho cá nhân đó thôi. Nhưng, nếu buộc phải chọn một nguyên tắc chung, thì quyết định ở lại phải được xem là quyết định đúng nhất. Đúng nhất với một thuộc cấp khi không có lệnh di tản của cấp trên và đúng nhất với cấp trên khi không bỏ thuộc cấp để chạy, để lo riêng cho thân mình. Cuộc chiến đó khi chấm dứt đã cướp mất không biết bao tinh anh của đất nước và để lại rất nhiều nghịch lý. Riêng miền Nam, bao nhiêu chiến sĩ, đa số là binh sĩ, hạ sĩ quan, và sĩ quan cấp thấp, đã hy sinh. Một số tướng lãnh, như tướng Nguyễn Khoa Nam, đã tự sát, đã cứu vãn phần nào danh dự của một triệu quân tan tành chỉ trong 55 ngày. Nhưng có bao nhiêu người nhớ rằng tướng Nam đã ra lệnh cố thủ vùng 4 chiến thuật và có bao nhiêu người đã tuân lệnh ông? Khi ông bắn phát súng vào miệng, xung quanh ông còn bao nhiêu quân? Bao nhiêu tướng lãnh và sĩ quan thuộc vùng 4 lúc đó đang đứng xếp hàng lãnh đồ ăn ở Guam hay lặng lẽ ngồi trong nhà riêng của mình? Tôi hy vọng không có ai trong số này ngày hôm nay tự cho mình sự trịch thượng hay cái quyền được lên án sự đi, ở của người khác, nhất là những người ở xa tầm cỡ lãnh đạo, vào những ngày bi thảm đó. Bài học rút từ 30-04-75 nên là bài học của san sẻ kinh nghiệm, san sẻ hiểu biết, của thông cảm, lòng trắc ẩn và tính khiêm nhường.

HL:*Trong tập phỏng vấn «Nếu đi hết biển» của Trần Văn Thủy, Trương Vũ 28 năm sau tại Hoa Kỳ phát biểu:"Đến nay, tôi vẫn tin rằng quyết định ở lại của riêng tôi vào 1975 có phần đúng có phần sai nhưng quyết định ra đi vào 1976 thì hoàn toàn đúng." Tại sao lại có mâu thuẫn này khi ông đã quyết định ở lại, chấp nhận số phận của một quân nhân bại trận nhưng rồi không ra trình diện "học tập cải tạo", để cuối cùng bỏ hết gia đình vợ con vượt biển trốn ra nước ngoài? Điều gì đã làm ông nghi ngờ không ra trình diện Ủy Ban Quân Quản Lâm Thời khi ấy? Và điều gì đã khiến ông thất vọng tột cùng với chế độ mới, mà trên danh nghĩa áp dụng chính sách khoan hồng, thống nhất đất nước?*
TV: Như đã trình bày ở trên, dù có đúng có sai trong các quyết định của mình, tôi đã ở lại VN tháng 4 năm 1975. Nhưng nếu bảo rằng tôi hoàn toàn chấp nhận số phận của một quân nhân bại trận thì điều đó không đúng. Tôi cũng không tin có bao nhiêu người hoàn toàn chấp nhận số phận của họ. Nhưng, chống lại với số phận không dễ. Trước đó, suốt 21 năm từ 1954 đến 1975, có cả một miền Nam làm lực cản hùng mạnh và niềm hy vọng cho nhiều đồng bào miền Bắc, có bao nhiêu đồng bào miền Bắc chống lại được với số phận của họ? Thế nhưng, dù mỗi người mang ý nghĩ gì trong đầu, tôi cũng không tin tất cả đều cho rằng cuộc đời họ đến đây là hết. Bản năng sinh tồn của con người lớn lắm. Riêng với những ước mơ bình thường của con người, đặc biệt của những người còn trẻ, thì quả thật đang chết dần. Nhìn từng đoàn người, trong đó đa số là cựu sĩ quan, viên chức hay binh sĩ của quân lực miền Nam, lũ lượt kéo nhau về làm rẫy ở vùng quê, tôi biết tất cả đều chỉ muốn sống với những công việc rất tầm thường, để lo cho con cái. Ước mơ dành lại cho thế hệ sau. Nhưng, ngay cả một đời sống tầm thường như vậy cũng vẫn còn quá xa xỉ trong chế độ mới và không phải ai cũng được phép. Cố học giả Nguyễn Hiến Lê nói rất đúng. Phải thực sự sống trong chế độ Cộng Sản, nhất là Cộng Sản vào thời gian họ còn tin chắc nịch vào "sự dẫy chết của chế độ Tư Bản" và sau khi họ thắng miền Nam, mới thấy thân phận của con người ở đó mỏng manh như thế nào. Mỗi ngày đi qua, người miền Nam cảm nhận thêm sâu sắc nỗi tuyệt vọng cho tương lai mình và cả cho con cái. Tôi biết chắc chắn sẽ bị gọi đi cải tạo, và ý thức rất rõ đó sẽ là một gánh nặng kinh hoàng cho gia đình trong một chế độ chủ trương đối xử phân biệt, tinh vi vào hạng thượng thừa của nhân loại. Tôi không thấy một tương lai nào cho các con. Chỉ còn cách trốn thoát ra ngoại quốc, bằng bất cứ giá nào. Lúc đó hầu như chưa ai có kinh nghiệm về vượt đại dương bằng thuyền nhỏ. Một đứa cháu gọi tôi bằng chú cùng với một người bạn của cháu là hai trong số rất ít người đầu tiên ở Nha Trang nghĩ đến lối thoát này. Đầu tiên chúng tôi định dùng chiếc tàu sắt mới được hãng Caric đóng cho khoa Ngư nghiệp của đại học để vượt biển. Dùng phương tiện này có quá nhiều nguy hiểm về an ninh và những hậu quả khó lường nên cuối cùng chúng tôi quyết định mua một chiếc ghe đánh cá nhỏ. Cả toán chỉ có năm người và không ai trong chúng tôi từng có kinh nghiệm sử dụng ghe. Cái chết kể như chiếm 80% nên tất cả quyết định không đem theo bất cứ ai trong gia đình mình. Cuối cùng, ghe chúng tôi là một trong vài chiếc đầu tiên sau 1975 từ Nha Trang đến thẳng vịnh Manila, sau 8 ngày lênh đênh trên biển. Lúc đó là tháng 3 năm 1976. Tôi không muốn nói dài dòng về chuyện này vì sau đó hầu như cả miền Nam đều cố nhào xuống biển mà trốn đi và có nhiều trường hợp anh hùng hay thương tâm ngoài sức tưởng tượng của con người. Nói chung, với tôi, quyết định ra đi sau «Giải Phóng» là hoàn toàn đúng. Tôi không còn chịu một trách nhiệm cộng đồng nào và quả thật đang ở vào tuyệt lộ. Tôi có chịu trách nhiệm với gia đình, dĩ nhiên, và mọi suy tính đã diễn ra và dừng lại trong ngưỡng cửa gia đình. May rủi cũng là những yếu tố lớn chi phối sự thành bại của những quyết định như vậy. Có người đi một mình không thoát nhưng số còn lại đi theo sau lại thoát. Có người mang cả gia đình đi và tất cả chìm sâu dưới biển khơi. Gia đình tôi trốn đi nhiều lần đều thất bại. Gần mười năm sau tất cả đoàn tụ trên đất Mỹ qua chương trình Ra Đi Trong Trật Tự (ODP).
Ngày nay, thế giới thay đổi nhiều lắm rồi và VN dù muốn hay không đã không thể hoàn toàn cưỡng lại với mọi áp lực đổi thay. Nhưng mỗi lần nhớ lại khoảng thời gian đó ở VN, nhất là thời gian từ 1975 đến 1980, khó ai trong chúng ta không khỏi rợn người. Nhà văn Cung Giũ Nguyên, năm nay 96 tuổi, vẫn còn sống tại Nha Trang, lúc đó lặng lẽ ngồi viết tác phẩm Le Boujoum bằng tiếng Pháp, dày 684 trang. Năm 2002, chúng tôi, những học trò cũ của ông, xuất

bản cuốn sách này tại Mỹ. Mỗi lần đọc tôi không thể không hồi tưởng lại khoảng thời gian này. Nó giúp chúng ta hiểu rõ trong hoàn cảnh như vậy con người đã sống như thế nào và nhờ đâu mà tồn tại. Tôi xin dùng câu mở đầu và cũng là câu kết thúc của Le Boujoum, do chính tác giả chuyển ngữ, để giúp trả lời rõ hơn câu hỏi của HL: "...một vật lơ lửng trên vực thẳm, được những sợi tơ mành của hy vọng giữ lại. Hy vọng nơi ai? Hy vọng nơi gì? Và có lý do nào để hy vọng? Nhờ biệt lệ nào được nâng đỡ như thế này, trong thời gian có giới hạn nhất định. Hay ta lại muốn cho thời gian còn kéo dài mãi, hay ít ra còn lâu nữa mới chấm dứt. Bởi tánh cách đột ngột của sự việc quá rõ ràng, nhưng một mối đầu luôn luôn phải có đối ứng tất yếu là đầu mối kia. Tuy sự quên lãng những quy luật thường đi đôi với ảo tưởng. Dưới kia là một vực thẳm âm u cuồn cuộn..."

HL: *Nhìn chung, phản ứng của báo chí vùng Cali vô cùng dữ dội, cho thấy vết thương của những năm theo sau ngày 30-04-75 còn tươi nguyên. Chỉ cần vài nhà nghiên cứu của Viện Văn Học, Hội Nhà Văn Hà Nội, của Trường Viết Văn Nguyễn Du được học bổng sang Hoa Kỳ đủ khiến cộng đồng tỵ nạn sôi sục căm phẫn. Vì sao Trương Vũ không đặt vấn đề Dân Chủ với chính quyền VN mà lại đòi hỏi cộng đồng tỵ nạn hành xử Dân Chủ? Một cộng đồng gốc gác thuyền nhân đã quá đau thương, đã mất tất cả sau 75 mà lá cờ vàng là căn cước duy nhất, và đặc biệt đã có kinh nghiệm «Dân chủ và phản chiến một chiều» đưa đến thảm kịch 30/04/75.*
TV: Hình như mỗi người trong chúng ta đều phẫn nộ khi nghĩ đến vấn đề VN, về những gì đang diễn ra trong nước và cả những gì đang xẩy ra trong cộng đồng. Vết thương của chiến tranh chưa lành chút nào. Mặc dầu, trên thực tế, đa số người sống bên ngoài đã cố gắng hoà giải với quá khứ. Đa số đã về thăm quê hương, đã bỏ nhiều tiền bạc dành dụm cho thân nhân và cho cả những ích lợi chung. Trong khi đó, vẫn trong thực tế, những người cầm quyền ở VN chẳng hề muốn buông bỏ điều gì, không một hành động thật sự mang tính hoà giải để giúp đưa quá khứ vào lịch sử. Họ làm điều đó với người Mỹ, Đại Hàn, Pháp, Úc... nhưng chưa hề làm với đồng bào của họ. Một số tổ chức chống Cộng ở hải ngoại lại luôn cảnh giác là không nên mắc mưu hòa hợp hòa giải của Cộng Sản, rồi tưởng tượng ra những người bị mắc mưu, rồi chửi bới, rồi đánh lẫn nhau. Chỉ toàn tưởng tượng! Từ 1975 đến nay làm gì có chuyện chủ trương hoà hợp hoà giải thật sự từ phía giới cầm quyền, chỉ có trước 1975 khi họ chưa đủ mạnh để chiếm miền Nam thôi. Kẻ chiến thắng chủ trương Đoàn Kết Dân Tộc trong nghĩa: Phải đầu hàng vô điều kiện, sau quân sự đến tinh thần. Nghị quyết 36 là một nghị quyết vô nghĩa, chẳng nêu ra được một sự nhân nhượng nào cả từ phía chính quyền. Khả năng lớn nhất của NQ36 là giúp cho những người cực đoan chuyên sống bằng ảo giác ở hải ngoại, nhìn xung quanh thấy thêm kẻ thù. Muốn hoà hợp hòa giải thực sự, lãnh đạo VN cần có đủ can đảm, sự công bình và tâm lượng, gọi chế độ Việt Nam Cộng Hòa là Việt Nam Cộng Hoà, gọi những người lính thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hoà là những người lính thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hoà, xem những đóng góp văn hoá của miền Nam cũ và của hải ngoại là những đóng góp vào kho tàng chung của cả dân tộc, và để sự đánh giá mỗi chế độ chính trị và con người trong chế độ đó cho lịch sử, cho các nhà nghiên cứu. Bất cứ người lãnh đạo chính trị VN nào làm được điều đó họ sẽ làm cho họ Lớn lên chứ không Nhỏ đi. Vấn đề ở chỗ: lãnh đạo chính trị VN muốn tầm vóc của họ và tầm vóc của dân tộc họ cao cỡ nào thôi.
Tôi không thể giải quyết hết mọi nghịch lý để lại từ cuộc chiến, dù chỉ để giải quyết cho chính cá nhân mình. Tôi chọn cách sống cho những giá trị mà mình tin, và khi cần, thẳng thắn cổ võ hay bênh vực những giá trị đó. Người khác có tin vào những giá trị đó hay không là quyền của họ. Trong hầu hết những tiểu luận về chính trị, tôi luôn cổ võ dân chủ và tự do cho VN. Không có một bài viết nào của tôi cho rằng chế độ Cộng Sản là một giải pháp tốt hay khả dĩ có thể chấp nhận được cho VN. Tôi cũng không bao giờ tin rằng, và đã viết ra rất rõ, độc tài thích hợp để phát triển kinh tế sau khi chiến tranh lạnh đã chấm dứt. Những trí thức VN ở trong hay ngoài nước, khi tranh đấu cho tự do và dân chủ, họ đều nhắm tới những giá trị này cho VN, chớ không phải cho hải ngoại. Tuy nhiên, sự đòi hỏi những giá trị đó chỉ có thể có hiệu quả nếu cộng đồng VN hải ngoại rõ ràng là một biểu tượng cho chính những giá trị đó. Người ta không

thể cổ võ cho dân chủ và tự do, cùng khát vọng sống một đời có phẩm cách trong khi ở chính trên đất nước của tự do người ta dùng khả năng tàn phá nhân cách để buộc người khác im lặng trước những sai quấy của họ hay không dám phát biểu những ý nghĩ trung thực của mình. Thực tế, ở Mỹ chẳng hạn, nhiều người trong chúng ta đang sống một đời sống có hai mặt mâu thuẫn nhau hoàn toàn. Là một người Mỹ nói năng thẳng thắn về bất kỳ một vấn đề gì của nước Mỹ, chỉ trích cả tổng thống Mỹ mà không sợ gì cả, ở chỗ riêng tư hay ở nơi công cộng không khác nhau. Nhưng đồng thời lại là một người Việt, có thể chỉ trích Việt Cộng thả giàn, và thường có thể chỉ trích rất chính xác và sâu sắc các hành động tiêu cực của bất cứ thành phần nào trong cộng đồng... ở chốn riêng tư. Khi phải nói năng nơi công cộng, thường tránh né hoặc nói năng y chang nhau, rất khẩu hiệu. Đây là một đời sống có tự do và phẩm cách? Cộng đồng VN nếu được như ngày hôm nay đã phải trải qua biết bao đau thương. Chắc chắn chúng ta chỉ muốn những đau thương đó trả giá cho những giá trị cao đẹp thôi. Nếu không nỗ lực bền bỉ, sâu sắc, với lòng can đảm tận cùng gìn giữ những giá trị đó, thì chúng ta đánh đổi mọi hy sinh, mọi đau thương, chỉ để lấy một mức sống cao ở hải ngoại thôi sao?

Về chuyện lá cờ, tôi tin rằng mỗi người Việt ở hải ngoại, xuất phát từ miền Nam, đều có quyền đòi hỏi lá cờ vàng ba sọc đỏ được xem là biểu tượng của cộng đồng mình. Nhiều chính quyền địa phương ở Mỹ và các nơi khác trên thế giới công nhận sự đòi hỏi chính đáng đó. Nhưng đừng bao giờ tự dối mình mà phải nhìn vào sự thật là "lá cờ vàng ba sọc đỏ như một biểu tượng của quốc gia Việt Nam" đã không còn nữa, với chính phủ Mỹ cũng như với bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Tôi kính trọng bất cứ ai tiếp tục tranh đấu để đưa lá cờ vàng trở lại thành một biểu tượng của quốc gia như trước đây. Nhưng đồng thời, tôi càng kính trọng những nhà tranh đấu nhắm đến những giá trị như dân chủ, tự do, và khát vọng sống một đời có phẩm cách như những mục tiêu hàng đầu và dành chuyện lá cờ lại cho quyết định của đa số một khi dân chủ được thiết lập trên một đất nước mà lòng người đã ly tán đến cùng cực.
Còn chuyện phản chiến? Chắc chắn với không ít người miền Nam, "dân chủ và phản chiến một chiều" là nguyên do chính đưa đến chuyện mất miền Nam. Đơn giản quá! Tôi không chia sẻ cách nhìn đó. Chắc chắn không phải vì dân chủ và phản chiến mà Mỹ đã theo đuổi một chính sách kéo dài chiến tranh, thả nhiều bom đạn, đem đến nhiều chết chóc cho cả lính Mỹ, làm chán nản ngay những người khởi đầu là Diều Hâu. Cũng không phải vì có dân chủ và phản chiến mà tổng thống Nixon đã nói dối quốc hội và dân chúng Mỹ trong vụ Watergate, mà ngược lại vì chính ông đã coi thường những nguyên tắc của dân chủ mà ông đã thề bảo vệ. Hậu quả vụ Watergate đã bó tay hành pháp Mỹ vào những ngày cuối của cuộc chiến. Có phải vì dân chủ và phản chiến mà tổng thống Nixon gọi tổng thống Thiệu là "son-of-a-bitch" và dọa dùng biện pháp tàn bạo nếu ông Thiêu không chịu ký hiệp định Paris. {theo Henry Kissinger, «Ending the Vietnam war», Simon & Schuster, 2003, trg 427}. Và cuối cùng ông Thiệu chịu ký. Khi một ông tổng thống Mỹ khinh miệt lãnh tụ đồng minh nhỏ bé của mình như vậy, thì lãnh tụ nhỏ bé này còn uy tín với ai mà lãnh đạo. Mặt khác, tổng thống Thiệu không hề nói thật với dân chúng hay ít ra với quốc hội về tình trạng nguy ngập của đất nước như một lãnh tụ dân chủ mà lại hành xử như một nhà độc tài, không tin dân chúng và chính quân đội mình, ém nhẹm sự thật, tin vào sự ủng hộ của đồng minh một cách mù quáng, tự ban hành những quyết định sai lầm chiến lược. Cái đó là do dân chủ và phản chiến? Theo tôi, nói chung, nước dân chủ nào cũng vậy, khi có chiến tranh, chết chóc nhiều, lãnh đạo không có chính sách thuyết phục được đại đa số quần chúng thì bao giờ cũng có phản chiến. Đó là sức mạnh của dân chủ, nó giúp ngăn chận sự lạm quyền. Phản chiến không có ở các nước độc tài. Liên Xô không có phản chiến, nhưng Liên Xô cũng phải rút quân ra khỏi Afghanistan. Đại Hàn có phản chiến, Tây Đức có phản chiến. Cả hai đều được Mỹ trợ giúp, như VNCH. Cả hai đều là những phần đất nước bị chia cắt, như VNCH. Nhưng sao họ như thế mà ta lại như thế? Lý do chắc ở chỗ khác.

HL:*Vài năm trở lại đây, khá nhiều nhà văn quốc nội đã công du nước ngoài. Sau tiếp xúc, hầu hết các nhà văn Việt di dân đều rất thất vọng vì một số đông đồng nghiệp thuộc Hội Nhà Văn đã phát biểu bài bản, gần như với lập trường được soạn trước, hoặc linh động làm vui lòng người bên ngoài nhưng không chân thật. Rồi một khi trở về quê nhà vẫn là những nhà văn ấy với những phát biểu hoàn toàn chính thống. Từng cho biết đã gặp tình trạng này, ông có thể giải thích rõ hơn?*
TV : Nói chung, nhận xét này đúng và không mấy ai xem đây là điều đáng hãnh diện cho trí thức hay văn nghệ sĩ VN. Có một điều đến nay vẫn còn đúng hơn nữa là sự hiện hữu một tâm lý phủ nhận những đóng góp về văn học nghệ thuật và trí thức của miền Nam cũ cũng như của hải ngoại hiện nay, không phải chỉ từ phía chính quyền thôi đâu. Kể cả những thảm kịch phát sinh từ cuộc chiến mà người miền Nam phải gánh chịu dù cả sau khi cuộc chiến đã chấm dứt, chúng hầu như không hiện diện trong văn chương miền Bắc trước đó và cả quốc nội sau này. Tôi đã nêu lên nhận xét này nhiều lần trong các bài viết của tôi, và mới đây trong trả lời phỏng vấn Trần Văn Thủy tôi cũng đã nhắc lại điều tương tự: “Theo tôi, những hận thù, mâu thuẫn giữa anh em lẽ ra đã phải được chấm dứt ngay sau khi chiến tranh kết thúc vào 30 tháng 4-1975. Thế nhưng, thay vào đó lại là những trại tù, mang tên là trại cải tạo. Rồi đổi tiền, rồi “kinh tế mới”, rồi ăn cơm độn trên một đất nước vốn xuất cảng lúa gạo, rồi những đối xử phân biệt, rồi cả triệu người đành phải nhào xuống biển bất kể có phải làm mồi cho cá hay hải tặc. Tôi không thấy có bao nhiêu giọt nước mắt dành cho họ. Tôi chỉ đọc được rất nhiều những trang sách báo kết án “bọn phản quốc”, “bọn từ bỏ tổ quốc”. Sau bất cứ một cuộc chiến nào, người thắng trận dễ chìa bàn tay để hòa giải hơn người bại trận. Người thắng trận, tôi muốn nói người có quyền và thắng trận, đã không làm chuyện đó mà còn làm điều ngược lại.”{NĐHB, trg 140}. Trong những câu chuyện trao đổi với những trí thức, văn nghệ sĩ trong nước, tôi vẫn thường nêu lên nhận xét đó. Mỗi người trong chúng ta, dù sống ở trong hay ngoài nước, không ai nên tự ép mình phải cầm bút, và cũng không ai nên buộc người khác phải cầm bút viết theo ý mình. Nhưng tôi biết chắc một điều, một khi đã cầm bút viết xuống một tiểu luận, một bài thơ, một truyện ngắn, v.v. thì trước sau gì cũng sẽ được hay bị trả giá cho những điều mình viết ra. Nên cân nhắc trước khi viết hay trước khi quyết định không viết. Chữ nghĩa một khi đã in trên giấy, trên internet rồi, không xóa đi được đâu. Hoặc có những điều đáng viết vào đúng lúc của nó, lại không chịu viết, đến lúc nào đó có muốn viết cũng không được nữa. Ngay sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, có biết bao nhiêu nhà văn ở Đông Âu hối tiếc là đã viết hay đã không viết một điều nào đó. Với một nhà văn, cái Có hay Không này thường quyết định sự nghiệp của cả đời. Nhưng đó là sự lựa chọn của mỗi nhà văn, chúng ta có thể trải lòng mình ra chia sẻ với nhau, nhưng không ai có thể lựa chọn giùm người khác. Dầu sao, với những trí thức hay nhà văn trong nước, có rất nhiều người tôi luôn kính trọng, đặc biệt ở cách nhìn không phân biệt Nam-Bắc, Trong-Ngoài của họ, lớp lớn như Phan Đình Diệu, lớp trẻ sau này như Đỗ Hoằng Diệu, Phương Nam Đỗ Nam Hải, và nhiều người khác nữa. Nhưng phải công nhận, với 80 triệu dân, sau 30 năm tàn cuộc chiến, bao nhiêu biến đổi trên toàn cầu, mà chỉ có bao nhiêu đó thôi cho VN thì quả thật là không nhiều. Riêng với Phương Nam, cách nhìn thẳng thắn, toàn diện, nhân bản, và công bình của ông có hy vọng giúp khởi đầu một khuynh hướng tư duy mới, không mang bất cứ một mặc cảm nào khi suy nghĩ hay phân tích những vấn đề VN, cho cả trong lẫn ngoài.

Dầu sao, cuối cùng rồi mỗi người trong chúng ta cũng phải sống với những giá trị mà mình tin thôi. Chuyện Hợp Lưu chẳng hạn, sau 14 năm hợp lưu ở hải ngoại, chúng ta thay đổi được tinh thần hợp lưu nào ở VN? Nhưng một khi đã tin rằng văn hóa tự bản chất phải giao lưu thì chúng ta khuyến khích cho nó giao lưu, còn người khác không tin như vậy là chuyện của họ. Văn hóa không phải là một hình phạt, đọc sách không phải là một hình phạt mà phải phân trần theo kiểu ‘tại sao thằng kia chỉ chịu có một roi (đọc một cuốn sách) mà tui phải chịu đến hai roi (đọc hai cuốn sách)’.

HL: *Từng làm chủ bút tập san Đối Thoại thập niên 90, hôm nay Trương Vũ có gì để nói về cuộc đối thoại chính trị giữa trong và ngoài nước ở thời điểm 30-04-2005 này? Đã có những nỗ lực hàn gắn nào và vì sao thất bại rồi tiếp tục bế tắc? Nguyên nhân nào?*
TV: Đối thoại chính trị giữa người Việt với nhau quả thật là khó. Thói quen phân biệt bạn thù thường chế ngự các thảo luận chính trị trong khi nền tảng cho những đối thoại đứng đắn là vừa thuyết phục vừa lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng nhân cách người đối thoại dù đó là người mà mình cho là kẻ thù. Sự thuyết phục nói đến ở đây là thuyết phục bằng lý luận vững chắc đi kèm với những thông tin chính xác có cơ sở để chứng minh. Sự lắng nghe bao gồm khả năng chấp nhận bị thuyết phục hay chấp nhận sai lầm. Tuy nhiên, những đức tính này có vẻ như thiếu vắng trong con người Việt nói chung. Người Pháp từng nói trong mỗi người Việt có một ông quan. Đã là quan, đâu dễ chấp nhận sai lầm. Cãi không lại thì cách dễ nhất là chửi, về chính trị thì chụp mũ. Có ai thử đếm hiện nay ở hải ngoại có bao nhiêu nón cối. Mười năm trước đây, tôi nói đùa với bạn bè sở dĩ tạp chí Đối Thoại ngưng hoạt động là vì sau một thời gian nỗ lực đối thoại, kết quả đạt được thường là những độc thoại. Nói đùa nhưng thật sự phần đúng của nó không nhỏ, phần khác là thời giờ, tài chánh, điều hợp, v.v. Ngày nay, đối thoại giữa người Việt ở hải ngoại với nhau đã là khó huống chi là đối thoại giữa trong và ngoài. Anh nào gan cùng mình thử tổ chức công khai một buổi đối thoại như vậy ở hải ngoại xem sao? Đặc biệt thử không nhờ một cơ quan hay trường đại học Mỹ đứng ra tổ chức, không nhờ cảnh sát Mỹ gác, và... nói tiếng Việt.

HL: *Dường như tập san Đối Thoại đã đối thoại với những trí thức ly khai như Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự… như thế có gọi là đối thoại Trong-Ngoài hay không, khi chính những trí thức trên cũng đã không thể cất tiếng nói của họ trong nước?*
TV: Nếu đọc kỹ các bài viết trên Đối Thoại, bạn đọc sẽ thấy có rất nhiều bài vở với khuynh hướng chính trị hoàn toàn khác nhau. Mặt khác, nếu đã chủ trương đối thoại thì với những người không cất được tiếng nói của họ trong nước lại càng phải giúp cho những tiếng nói đó đến càng nhiều người càng tốt chứ, sao lại có vấn đề? Nên nhớ, chính nhờ những hỗ trợ như vậy mà cả thế giới, kể cả trong nước, biết đến sự hiện diện của những tiếng nói tranh đấu cho nhân quyền, tự do, dân chủ cho VN từ những nhà tranh đấu của cả trong và ngoài nước. Cũng nhờ đó mà phong trào văn nghệ phản kháng của cuối thập niên 80 được cả trong-ngoài biết đến. Ngày nay, với phương tiện truyền thông hiện đại, nỗ lực đối thoại tương đối dễ thực hiện hơn. Kết quả của nó chưa nhiều lắm, nhưng tôi tin, đối thoại vẫn là cách hay nhất để giải quyết những bài toán gần như nan giải của VN. Nó đòi hỏi sự tự tin. Trừ phi anh đi một mình vào xã hội đen, anh không nên ngần ngại gặp bất cứ ai, nói ra điều anh tin là đúng nhất, lắng nghe người khác nói, và tự mình làm phán quyết, chỉ dựa trên sự thông minh và hiểu biết của mình thôi. Dĩ nhiên, đối thoại với ai, lúc nào, ở đâu, đó là sự thẩm định và quyết định của chính anh. Và, cũng như bao việc khác trên đời này, anh phải chấp nhận trả giá cho sự sai lầm, nếu có. Đồng thời, anh có thể cao hơn, kinh nghiệm hơn, hiểu biết hơn, có thể hãnh diện về mình hơn, nghĩa là anh sẽ có được những điều mà những kẻ chỉ sống theo người khác, nói theo người khác, 'những kẻ sợ ra đường trúng gió' không thể nào có được. Dĩ nhiên, khi dính vào những đối thoại như vậy, nhất là những đối thoại tương đối qui mô, có những nguyên tắc phải được tôn trọng và cũng có «những tai nạn» khó tránh khỏi. Tôi muốn chia sẻ một kinh nghiệm ở đây. Tháng 7 năm 2003, đại học Johns Hopkins có mời một số trí thức và chuyên viên VN vùng Hoa Thịnh Đốn tham dự một họp mặt để trình bày và trao đổi quan điểm với phái đoàn liên ngành của VN do thứ trưởng ngoại giao Nguyễn Đình Bin hướng dẫn. Tôi được đề cử điều hợp phần thảo luận. Đại học Johns Hopkins đề nghị không thông báo nội dung thảo luận ra ngoài, cũng không chụp hình và thâu băng. Chúng tôi đồng ý, và nhân viên an ninh của đại học đều khuyến cáo mỗi người để lại máy ảnh hay ghi âm ngoài phòng họp. Có thể có người không được khuyến cáo nên một máy ghi âm nhỏ đã được sử dụng trong phòng họp. Sau đó vài hôm, một biên bản không chính thức và cũng không phản ảnh toàn thể buổi thảo luận, được tung ra trên báo chí và các diễn đàn internet hải ngoại. Trong đó, khi đọc phần trình bày của tôi, chính tôi

cũng không hiểu tôi muốn nói gì. Nó được ghi lại một phần từ câu nói theo văn nói của một điều hợp viên, nhưng người viết biên bản không nói đó là điều hợp viên, người đọc vẫn ngỡ đó là đặt câu hỏi, một câu hỏi chẳng có đầu đuôi gì cả. Bất công nhất là cái cách biên bản đó ghi lại phần trao đổi của một bác sĩ trẻ với phái đoàn. Ông bác sĩ này nói năng nhỏ nhẹ nhưng đặt câu hỏi rất hay, nhưng qua biên bản người đọc có cảm giác ông ta là một thứ gọi dạ bảo vâng, không đúng chút nào hết. Dĩ nhiên phần trình bày của tác giả biên bản thì hết xẩy. Sau đó, tôi có viết một biên bản chính thức, cố gắng ghi lại đầy đủ và chỉ đặt nặng vào nội dung, gởi đến tất cả các thành viên, nhưng tôi cũng vẫn phải tôn trọng nguyên tắc, không thể gởi biên bản đến ai khác. Một bài học khó quên mặc dầu chưa có gì nặng nề lắm.
Trên đây tôi chỉ nói đến những đối thoại có suy tính, có tính 'nghiêm túc'. Trên thực tế, vài trăm ngàn người Việt từ hải ngoại về thăm quê nhà hằng năm. Đã có biết bao nhiêu cuộc gặp gỡ, bao nhiêu câu chuyện trao đổi, nghĩa là bao nhiêu đối thoại, với bà con bạn bè cũng có, với cán bộ, viên chức cấp cao, cấp thấp cũng có. Chính những đối thoại đó đã làm thay đổi rất nhiều cái thấy, cái biết của mỗi người, trong lẫn ngoài nước về đất nước, về con người, về thế giới. Đó là những thành công lớn của đối thoại từ những người dân thường đem lại, mà những trí thức, những người làm chính trị thích bàn chuyện đối thoại nghiêm chỉnh hầu như chưa đạt được kết quả nào đáng kể.

HL: *Nếu hôm nay, được quyền kiến nghị đòi hỏi dân chủ cho đất nước, ông sẽ đòi hỏi điều gì cụ thể trước nhất?*
TV: Bỏ điều 4 hiến pháp, thiết lập các định chế dân chủ và cho đa nguyên, đa đảng. Nếu không thể thực hiện dân chủ ngày hôm nay, <u>ít nhất chính quyền Việt Nam phải làm được điều mà trước đây nhà độc tài Pinochet của Chí Lợi đã làm. Có nghĩa là, có một lịch trình thực hiện dân chủ, tôn trọng lịch trình đó cùng những kết quả của nó.'</u> (Câu gạch dưới này tôi trích nguyên văn từ một bài viết trên Đối Thoại 10 năm trước và mới được đăng lại trên talawas cuối năm rồi).
Với những người tôi tin không thể bàn chuyện dân chủ, tôi chỉ nêu lên một đề nghị đơn giản: Hãy để cho sách vở hải ngoại tự do lưu hành trong nước, nhà văn và trí thức hải ngoại được xuất bản tác phẩm của mình trong nước, các tạp chí văn học trong nước được tự do và khuyến khích đăng tải bài vở từ hải ngoại cũng giống như tạp chí Hợp Lưu đã làm gần mười lăm năm nay đối với trong nước.
Đòi hỏi 2 tôi đã nêu ra với bất cứ nhân vật, nhà văn, và trí thức từ trong nước mà tôi có dịp gặp. Cho đến nay, câu trả lời luôn luôn là '*xin ghi nhận'.* Thế nhưng, tôi cũng sẽ tiếp tục nêu lên đề nghị đó, tiếp tục viết về quyền tự do phát biểu cho đến khi những chuyện đó không còn là vấn đề nửa ở cả trong lẫn ngoài. Tôi cũng muốn nhấn mạnh ở đây, ý thức về quyền tự do phát biểu ở hải ngoại vẫn đang còn là một vấn đề khá nhức nhối. Thực tế này làm cho những tiếng nói đòi hỏi quyền tự do phát biểu cho người dân trong nước yếu đi nhiều.

HL: *Đã nhiều bài viết lên tiếng báo động tình trạng phá sản văn hoá tại Việt Nam mà nguyên nhân vì nhà nước đã 'thanh lý'văn hoá của các giai cấp phong kiến, tư sản rồi không có gì để thay thế khi chủ nghĩa Marx-Lénine không phải là một văn hoá. Đã trở về quê nhà, đã chứng kiến tận mắt, Trương Vũ nhìn vấn đề này ra sao?*
TV:Tình trạng phá sản văn hóa nhiều người nói đến rồi, và ai cũng biết 'phá' rất dễ nhưng 'xây dựng' khó vô cùng. Tuy nhiên, khi về VN, tôi lại chứng kiến một thực tế khác, rất ấn tượng, đó là sức sống vươn lên ngùn ngụt của giới trẻ VN. Tôi nghĩ đây là sức sống tiềm ẩn từ ngàn năm của dân tộc, chẳng Quốc Gia hay Cộng Sản gì cả. Và đây là niềm hy vọng lớn nhất để đất nước vượt qua những phá sản văn hóa hay tinh thần mà mọi người đang nói đến. Không có chế độ chính trị nào tồn tại mãi và xu thế của thời đại càng không cho phép chế độ Cộng Sản tồn tại, mà trên thực tế chế độ hiện tại có còn bao nhiêu chất Cộng Sản đâu? Tuy nhiên, không phải cứ để tự nhiên rồi mọi thứ sẽ được như mình muốn. Cái đang thiếu trầm trọng là những nỗ lực tích cực cho ba lãnh vực nền tảng cho sức mạnh tinh thần của xã hội, đó là: giáo dục, tôn

giáo, và văn học nghệ thuật. VN đang có khủng hoảng trong cả ba lãnh vực này. Khủng hoảng lớn nhất là ở tôn giáo. Sự đập phá lẫn nhau vô trách nhiệm nhất cũng diễn ra trong tôn giáo. Trong hoàn cảnh của VN hiện nay, tìm cái sai ở bất cứ nơi nào, con người nào đều dễ như trở bàn tay. Tìm cái toàn vẹn mới khó, gần như không bao giờ có được. Ai cũng biết vậy cho chính mình nhưng nhiều người chỉ muốn đòi hỏi sự toàn vẹn nơi người khác. Nếu không thấy được thì đập. Đến nay, gần như không có nhà sư nào, không có ông cha nào dấn thân cho xã hội mà không chịu những chửi bới hay phê bình tàn tệ, nếu không từ chính quyền thì cũng từ chính những tín đồ hay giáo dân. Ngồi yên trong chùa hay trong nhà thờ thì có thể không sao, mà ngồi yên thì làm sao hành đạo được. Tôi chỉ xin đưa ra một đề nghị nhỏ này: hãy tạm ngưng chửi bới những nhà tu hành một thời gian, hãy để tín đồ của họ đánh giá nên hay không nên theo những nhà tu hành của họ. Tín đồ không ngu đâu! Về giáo dục, chúng ta chỉ có thể góp ý kiến, không có khả năng trực tiếp thay đổi nền giáo dục tại VN. Thực tế, những nhà giáo, những nhà nghiên cứu gốc Việt đang làm việc trong hệ thống Mỹ chẳng có mấy ai muốn từ bỏ vị trí của họ ở đây để về dạy học hay nghiên cứu tại VN, không kể chính quyền VN chưa chắc đã thật tâm muốn đón nhận họ. Văn học nghệ thuật là lãnh vực mà trong hoàn cảnh khó khăn vô cùng ở hải ngoại, những đóng góp của nó khó ai có thể phủ nhận được. Nó đang có cơ bị 'lão hóa' như nhận xét của nhà giáo Nguyễn Văn Lục. Nó cần được hồi sinh. Văn học hải ngoại, và cả văn học trong nước, về chất lượng và tầm cỡ còn ở những vị trí rất khiêm nhường so với các nền văn học khác của nhân loại, cũng chỉ giống như vị trí kinh tế của chúng ta thôi. Thế nhưng, nó có tiềm năng để vươn mình tới trước, chỉ với điều kiện là hãy nhìn tới trước, nhìn thiên hạ, nhìn Trung Hoa chẳng hạn, để bỏ bớt chuyện ăn thua đủ với nhau như những kèn cựa thường tình giữa anh em một số gia đình nghèo đói. Trong hoàn cảnh hiện nay, người làm văn học, trong hay ngoài nước, đặc biệt là giới trẻ, đang có cơ hội và khả năng tạo một sinh khí cho xã hội VN, giúp giảm thiểu những phá sản tinh thần đang xẩy ra. Muốn vậy, rất cần có sự đam mê, học hỏi, và lòng can đảm nói thật, viết thật. Không có nền văn học có giá trị nào được xây dựng trên sự giả dối và tránh né.

HL: *Xin cám ơn Trương Vũ.*

(Nguồn: Hợp Lưu 82)